

Xuân Canh Tuất

NGHĨ VỀ NHỮNG NGƯỜI VIỆT
THA HƯƠNG TẠI MIÊN-THÁI-LÀO

* ĐÔNG TÙNG

* LÊ HƯƠNG

* TÙNG VÂN

* HÃN NGUYỄN

* PHẠM TRỌNG NHÂN * VÕ THU TỊNH

* CHÁU LONG * VĂN CHÍ NHÂN

庚戌春恭祝中外
諸讀此者平安如意



SUDIA

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ-TRƯỞNG



អាណត្តិដ៏ធំប្រកបដោយសកម្មភាព ថ្ងៃទី១៧ ខែឧសភា

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ BẢO TRỢ

1969

16



TẬP SAN SỬ TÂM * KHẢO CỨU * GIÁO KHOA

BAN CHỦ BIÊN :

NGUYỄN THẾ ANH — BỬU CẦM — PHAN KHOANG — LÂM THANH
LIÊM — PHẠM VĂN SƠN — THÁI VIỆT ĐIỀU — PHẠM CAO DƯƠNG
— PHÙ LANG — ĐẶNG PHƯƠNG NGHI — QUÁCH THANH TÂM —
TRẦN ĐĂNG ĐẠI — PHẠM ĐÌNH TIỂU — NGUYỄN KHẮC NGŨ —
NGUYỄN HUY — TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG — PHẠM LONG ĐIỀN —
TRẦN ANH TUẤN — NGUYỄN THÁI AN — TRẦN QUỐC GIÁM —
NGUYỄN SAO MAI — MAI CHƯỞNG ĐỨC.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA :

HOÀNG XUÂN HẸN — CHEN CHING HO — THÍCH THIÊN ÂN — LÊ
VAN HẢO — NGUYỄN VĂN HẦU — TẠ TRỌNG HIỆP — NGUYỄN
TRAN HUÂN — PHẠM VĂN ĐIỀU — BỬU KẾ — NGUYỄN KHẮC
KHAM — TRƯƠNG BỬU LÂM — LÊ HỮU MỤC — NGUYỄN
PHƯƠNG — HỒ HỮU TƯỜNG — LÊ THỌ XUÂN — UNG TRÌNH —
NGHIÊM THẨM — TÔ NAM — BÙI QUANG TUNG.

BAN TRỊ SỰ :

nguyễnnhã nguyễnnhựttấn - phạmthịhồngliên - nguyễnngọc
trác trầnđìnhthọ - nguyễnhữuphước - phạmthịkimcúc - trần
ngọcban - phạmvănquảng - phạmđứcliên

LIÊN LẠC *Thư từ, bài vở, ngân chi-phieu, xin đề :* NGUYỄN NHÃ

TRƯỞNG MỤC TẬP SAN SỬ ĐỊA SÀI-gòn T/M 2763

Chánh Trung Khu chi phieu — Sài-gòn

TRÌNH BAY MAI CHƯỞNG-ĐỨC

TÒA SOẠN 221, Cộng Hòa Sài-gòn B.P : 380

Giấy phép xuất bản số 6679 BTLC/BCI ngày 23 - 11 - 1965

lá thư tòa soạn

Gần nửa triệu người Việt hiện đang sinh sống tại các lân bang của chúng ta. Những kiều bào ấy đã âm thầm tạo một thế đứng, một sự « hiện diện » của Việt Nam tại các lân bang khi mà nước ta mất hoàn toàn chủ quyền vào trong tay người Pháp.

Số người Việt trên đã sang lập nghiệp tại các lân bang khi nào, cuộc sống của họ ra sao, được tổ chức như thế nào ? Có lẽ từ trước tới nay, ít ai kể cả chính quyền thật sự quan tâm tới số phận cũng như sứ mạng của các kiều bào ấy. Thật là bất công và thiệt thòi lớn lao cho các kiều bào ấy nói riêng và cho thể lực của quốc gia ta nói chung. Tương lai thế đứng của Việt Nam về mọi phương diện tại các lân bang sẽ một phần lớn trông cậy vào sự đóng góp của các Việt kiều.

Chúng tôi thiết nghĩ Chính quyền cũng như nhân dân Việt Nam cần phải quan tâm đặc biệt và cần phải có một chính sách nâng đỡ, khuyến khích Việt kiều tổ chức các sinh hoạt của họ về mọi phương diện ; hầu sau này có thể đạt tới mục tiêu tạo thể đứng vững vàng của Việt Nam tại các lân bang vốn có nhiều liên lạc và thân tình.

Trong chiều hướng ấy, tập san SỬ ĐỊA THỰC hiện một số đặc khảo về VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG được khảo xét dưới khía cạnh địa lý nhân văn hơn là sử học. Đây chỉ là bước đầu tiên để tìm hiểu một vấn đề lớn của quốc gia.

Chúng tôi ước mong sẽ được sự hưởng ứng của các thức giả và các kiều bào cung cấp các tài liệu giá trị để tiếp tục đào sâu tìm hiểu vấn đề Việt kiều

Những chủ đề kế tiếp hiện đang được chúng tôi chuẩn bị là : Cuộc Nam tiến của Dân Tộc Việt Nam, Các Nhà Nho Miền Nam, Nguyễn Trường Tộ

Hoàn cảnh đất nước hiện tại chưa cho phép chúng tôi thực hiện mở giải thưởng về Nam tiến của Dân tộc Việt Nam.

Nếu vì lý do kỹ thuật bất khả kháng, không thực hiện số Xuân SỬ ĐỊA, số báo kỳ này sẽ là món quà Xuân Canh Tuất gửi đến quý bạn đọc. SỬ ĐỊA xin gửi trước tới quý bạn đọc lời chúc mừng một mùa xuân dân tộc như ý.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

▼ ĐỒNG TÙNG

L. T. S. : Tác giả là cựu Sinh viên Trường Võ bị Hoàng Phố — năm 1928 sang Thái Lan hoạt động cách mạng, bị chính quyền Thái bắt giao cho Pháp năm 1933. Sau 1945 tác giả trở sang Thái một lần nữa, đến năm 1953 quay về Việt Nam.

Những bài của tác giả viết trong Sĩ Địa số này có tính cách hồi ký lịch sử hơn là hình thức biên khảo. Chúng tôi hy vọng những tài liệu này đóng góp phần nào cho nền Sử học nước nhà.

VẤN-ĐỀ NĂM SỐ-LƯỢNG VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN:

Nói đến lực-lượng phải nói đến con số (số-lượng) mà thực ra con số của Việt-kiều ở Thái-lan, là một con số mà người ta rất khó nắm được, ngoại trừ những tổ chức cách-mạng của Việt-kiều ở bên đó.

Vấn-đề số-lượng của Việt-kiều ở Thái-lan, đã làm cho chính quyền nước Thái cũng như chính quyền thống-trị thực-dân Pháp ở Đông-dương trước đây, không làm sao nắm được một con số tạm cho là đúng được.

tập san sử địa 3

Lý-do vì :

1. Việt-kiều ở Thái-lan hầu hết đều có hoạt-động chính-trị nên họ không muốn cho Lãnh-sự Pháp ở Thái cũng như Chính-phủ Thái nắm hoàn-toàn được con số cũng như lý-lịch từng người một của họ, lỡ khi bị thực-dân Pháp giao-thiệp bắt bớ họ.

2. Cái « Việt-nam vong quốc-tịch » Việt-kiều ở Thái không khi nào lại muốn ở trong ấy. Vì những câu : « Xảo Mương Khữn » (1) và « Keo, Duồn, khâu, nậm » (2) mỗi khi phải lọt vào tai là lòng đau như ắt.



ảnh của Đào văn Lám

Phụ nữ Việt kiều đón tiếp dương kim Hoàng Thái hậu

Thái Lan

Vì những lẽ trên, nên khi họ tới Thái-lan, họ cố học cho bằng được tiếng và chữ Thái, họ cố cày cục làm sao, được làm dân Thái-lan, về pháp-lý không phải là người Việ-nam dưới quyền thống-trị Pháp, tiếng Thái gọi là : « Dụ tây bằng khắp, zả-dám, mạy kiêu cặp Phà lạng ».

(1) Xảo Mương Khữn : tiếng Thái gọi là dân vong-quốc.

(2) Keo, Duồn, khâu, nậm : thằng An-nam kiếm ăn ở nhờ.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Tôi nói thế không có nghĩa là bảo : « Việt-kiều ở Thái-lan vong-bản mà có những hành động đó mà thiệt ra họ là những người hoạt động chính-trị, chính-trị cứu quốc, nên đã sẵn có những chủ-trương phòng-gian bảo-mật cho từng cá nhân, cũng như tổ-chức, cơ-sở hội đoàn cách-mạng.

Với việc tìm số lượng Việt-kiều ở Thái-lan, trước đây Lãnh-sự Pháp ở Thái mấy địa-phương như : Bang-kok, Xiêng-may, Oubon đầu đầu cũng đã tốn bao nhiêu công-phu, giấy tờ, tiền bạc, nhưng vẫn không đem lại được một kết-quả nào như họ mong muốn cả.

Cho đến nỗi chính-quyền thống-trị Pháp ở Đông-dương phải đ.ều-định với chính-qu. ở Thái thời bấy giờ đặt ra thề-lệ : « Một Việt-kiều ở Thái có g.ấy chữ g. hạn của Tòa Lãnh sự Pháp ở Thái cấp được coi như một người dân chính-quốc Pháp, được hưởng trị ngoại Pháp quyền, như một người dân Tây, nghĩa là khi phạm-pháp Chính-phủ Thái không có quyền bắt, nếu chưa có sự đồng ý của Lãnh-sự Pháp, ưu đãi hơn nữa là mỗi năm không phải nộp 4 bạt (đồng bạc Thái) tiền sưu cho nhà nước Thái, đó là thề-lệ chung cho cả dân Thái và ngoại-kiều (trừ Âu-kiều).

Thế nhưng, những thủ đoạn phỉnh-phờ ấy, Việt-kiều ở Thái-lan không bao giờ họ mắc, vì họ là những người hoạt-động chính-trị đủ trí khôn để nhận định rằng : Không nên vì quyền lợi nhỏ-nhèn và trước mắt, mà tự đứt đầu vào cái « thông lọng » của kẻ tử thù. Nhận giấy của thực-dân Pháp, khác nào tự đưa chân vào x.ềng-xích của họ, để rồi họ muốn làm gì thì làm, khi mình có những hành-động thương yêu tổ-quốc Việt-nam.

Năm 1945 nhân-dân Việt-nam nổi dậy làm cách-mạng, nhưng vì lòng tham của thực-dân Pháp nên trở lại Đông-dương gây chiến-tranh tái-chiếm thuộc-địa, người Pháp tự đề ra một thứ chính-quyền do Bảo-Đại cầm đ.ầu mang chiêu bài « Quốc-gia Việt-nam ». Thế rồi Bảo-Đại cử Đại-sứ đi qua Thái lan phủ-dụ Việt-kiều ở Thái theo Bảo Đại hay nói đúng hơn theo Pháp.

Nhưng Ông Đại-sứ T. bước chân lên đất Thái, mặc dầu được Pháp giới thiệu tăng-bổc, cũng như Chính-phủ Thái thời bấy giờ là Phi-boun Xongram và tướng Phao chỉ-huy trưởng Công-an Cảnh-sát Thái-Lan hết sức giúp đỡ bằng mọi phương-tiện. Thế nhưng vẫn bị Việt-kiều ở Thái tẩy chay lên án.

Đã mấy lần Ông Đại-sứ T. được nguyên Thủ-tướng Thái Phi-boun Xongram và tướng Phao cũng như chính-quyền địa-phương ở bên Thái

ĐỒNG TÙNG

triệt-đề giúp-đỡ bày ra những trò kinh-lý, ra mắt kiêu-bào của vị «Đại-sứ Chính-phủ Quốc-gia Việt nam» ở những địa-phương có Việt-kiều đông nhất có tên sau đây :

Na-khon (Lạc-khôn)

Nong-khai (Nông-khai)

Ubon (Oubonne)

Mar-keng (Mạc-khêng)

Ou-then (U-thên)

Xiêng-may (X êng mai)

Nhưng ông T. đi tới đâu cũng đều bị **thất-bại**.

Cũng nên nhắc lại ở đây rằng :

Sau tạm-ước Genève ra đời, con đường đấu-tranh giải-phóng dân-tộc của Việt-nam rẽ vào một khúc ngoặt, thì những tổ-chức và hoạt-động cách mạng của Việt-kiều ở Thái-lan cũng phải ngoặt theo, đó là nội-dung của những bài sau mà chúng tôi sẽ lần lượt trình-bày cùng các bạn đọc.

AI LÀ NGƯỜI NẮM ĐƯỢC SỐ LƯỢNG CHÍNH XÁC CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN?

Sự thực số-lượng Việt-kiều ở Thái-lan, thì chỉ có những tổ-chức cách-mạng ở đây, mới hòng nắm được chính-xác rành-mạch :

Căn-cứ danh-sách các hội, đoàn-viên của các đoàn-thể Việt-kiều như : hội Thân-ái, hội Thanh-niên, Phụ-nữ, Thiếu-niên Nhi-đồng, Hợp-tác, Giao-tác, Tương-trợ v.v... Vào khoảng năm 1928 là 52.000 người, con số này được nói trong bài «Nhịp kèn thân ái» đăng tải trên tờ báo «Thân-ái» một cơ-quan tuyên-truyền cổ-động cách-mạng của Việt-kiều ở Thái xuất-bản ở Ban Noong-Bua thuộc tỉnh Ou Donne vào khoảng năm 1928.

“

“

« Hồi gần xa kiêu-bào năm vạn,

« Cánh bèo trôi chiếc nhận lạc đàn.

“

“

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Nhưng từ khi thế-chiến thứ II bộc-phát, ở Đông-dương có những sự đảo lộn, nào là Xiêm-Pháp trại h-chấp biên-giới xảy ra chiến-tranh năm 1940. Nào là cuộc chiến-tranh cứu-quốc tự-vệ của 3 dân-tộc Việt, Miên, Lào, gặp lực-lượng xâm-lăng của thực-dân Pháp năm 1946-1954, qua những sự-kiện biến-động ấy số Việt-kiều ở Thái-lan lại có phần tăng lên, theo một tài-liệu gần đây cho biết, thì con số Việt-kiều ở Thái-lan hiện nay có độ trên 6 vạn người.

NGƯỜI VIỆT-NAM QUA THÁI LAN VÀO NHỮNG THỜI KỲ NÀO ?

Theo những tài-liệu, bắc-chỉ của các tờ-chức cách-mạng ở Thái-lan như báo Đồng-thanh (báo Thân-ái) (1) xuất-bản ở Phi-Chật, báo Tiếng-chuông (2) xuất-bản ở Nakhonphanom, báo Đại-chúng (3) xuất-bản ở Oudonze Thani, báo Lao khô (4) xuất-bản ở Sakhouanakhon. Đại quan chia tầm mấy thời-kỳ sau đây :

● THỜI KỲ THỨ I (1820-1885).

Đây là thời-kỳ người Công-giáo Việt-nam đi theo các Giáo-sĩ Pháp và bôn-đia tỵ-nạn qua Thái-lan, khi Pháp chưa thôn-tính xong Việt-nam, đạo G a-tô bị các vua nhà Nguyễn : Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự-đức ; nhất là Tự-đức : khủng-bố tàn-sát.

Đây là một vấn-đề xưa nay đã có những nhận-xét dị-bệt :

Theo cuốn «Việt-sử cánh» của Hoàng-cao-Khải thì nhận định rằng : «Thệ : là một chủ-trương sai lầm rất tai-hại của các vua quan nhà Nguyễn». Khải đã mô-tả bằng bốn chữ Hán «Vị thất kha ngư» (đuôi cá cho rái) nghĩa là vua quan nhà Nguyễn đã hành-động vô chính-trị ấy đã đuổi đồng-bào Công-giáo Việt-nam chạy theo thực-dân Pháp, khác nào đuổi cá về với rái.

(1) Báo Đồng Thanh sau đổi là Thân Ái, do ông Tú Trinh tức Nhuận tức Tiến đứng chủ biên, xuất bản từ 1927 ở phủ Phi Chật (Bản Đông Thầm), thuộc Trung bộ Thái Lan.

(2) Báo Tiếng Chuông do Hoàng Ngọc Ân tức Thoong đứng chủ biên, xuất bản từ năm 1928 ở phủ Nakhongphanom đối diện với Thakhek (Lào).

(3) Tờ Đại chúng do tác giả chủ trương (lúc đó mang tên Lê Hy Toàn) vào năm 1928.

(4) Tờ Lao khô do anh Long tức Chấn đứng chủ biên vào năm 1930.

ĐÔNG TÙNG

Lại cũng có nhiều kẻ cho rằng: Vì chính-sách cấm đạo Gia-tô của Minh-mạng và Tự-đức cũng như những vị Văn-thân Cần-vương kế tiếp, với phong-trào «bình Tây sát tả» nên đã tạo điều kiện cho thực-dân Pháp đánh chiếm Việt-nam.

Chúng tôi thấy rằng, nhận-định như vậy tuy có đúng phần nào, nhưng chỉ mới là phần «quả» mà chưa tìm tới được phần «nhân», nghĩa là chỉ mới thấy được cái hiện-tại mà chưa tìm tới được cái nguyên-nhân sâu xa của nó.

Nguyên-nhân sâu xa ấy là:

Nước Việt-nam sống với ý-thức-hệ «Tam-giáo» (Khổng, Phật, Lão) đồng nguyên hàng hai chục thế-kỷ, nên khi tiền-nhân chúng ta được đọc bài giảng 8 ngày của Giáo-sĩ A-lêc-dăng-đơ-rốt, làm sao tránh khỏi sự hoang-mang giao-động trong tinh-thần, lòng ái-quốc, cộng thêm lòng ái-giáo cổ-truyền, khó mà tránh khỏi những hành-động điên-cuồng vô chính-trị ấy:

«Nếu đề Tây-dương đặc chí, Ngũ-kinh không khỏi lửa Tàn».

«Bằng cho giặc Pháp hoành-hành, Thập-ác ắt treo cửa Phật» (1).

Lại có kẻ nói rằng: vua quan Việt-nam lúc đó, vì chấp mê thủ-cựu, không biết phân-biệt. Thực-dân cướp nước là một chuyện, mà giáo-sĩ giáo-dân lại là một chuyện khác. Nhưng ác hại thay trên thực-tế hai mươi mấy năm đánh chiếm và bình-định Việt-nam của thực-dân Pháp, cũng như 80 năm cách-mạng và 9 năm kháng-chiến chống Pháp, thì lại không phải là «một chuyện khác» cho.

Và nếu chúng ta biết nhìn xa ra thế-giới hay xét kỹ trong lịch-sử, cuộc Thánh-chiến kéo dài hằng thế-kỷ ở Tây-phương là gì? Nếu không phải là vì ý-thức-hệ hay tôn-giáo!

Cũng như ông Hồ-hữu-Tường vừa nói: «Nhân loại đã, đang và sẽ giết nhau bằng những cái «isne» nhiều hơn là khí-giới, kể cả bom nguyên-tử».

Trở lại vấn-đề, Việt-kiều qua Thái-lan vào thời-kỳ thứ I.

Người Việt qua Thái-lan vào thời-kỳ này hầu hết là những giáo-dân theo giáo-sĩ Pháp và bản-địa.

Khi tới đất Thái-lan họ thiết-lập những giáo-khu rộng lớn sau đây:

(1) Hịch Cần Vương của Tổng-duy-Tàn, lãnh tụ Cần Vương Thanh hóa.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

1. Giáo-khu Ban-Nông-Xéng thuộc tỉnh Nakhonphanom (đối-diện bên kia sông Mékong và tỉnh Thakhek : Lào). Ở đây là một hạt lớn gồm nhiều xứ nhiều họ, đứng đầu là Linh-mục quản-hạt người Pháp.

Thái-lan là một nước lấy đạo Phật làm quốc-giáo, cho nên số Việt-kiều Công-giáo ở đây, người Thái có những kỳ-thị sâu kín, vừa ghét nhưng lại vừa sợ, sợ vì Pháp mạnh Thái yếu, vì họ có quan-niệm cho là giáo-dân ở đó là người của Pháp.

2. Giáo-khu « Ban-Thà-Hệ ». Từ biên-giới Nakhonphanom đi sâu vào nội-địa Thái 97 cây số, tới một địa-phương gọi là Ban Thà-Hệ, thuộc tỉnh Sakhonnakhon. Ở đây người ta cũng thiết-lập một giáo-khu rộng lớn, đứng đầu là một vị Giám-mục người Pháp.

3. Ban-Thà, thuộc tỉnh Oubon, cũng là giáo-khu có độ 500 gia-đình giáo-dân, thành một xứ, cũng một vị Linh-mục người Pháp cai-quản.

4. Ban-Thên ở Xiêng-Mác, cũng có một giáo-khu rộng lớn, giáo-dân ở đây hầu hết là người Bắc-kỳ.

5. Ban Xám-Xến, trong phạm-vi thủ-đô Vọng-các. Đây cũng là một giáo-khu lớn, gồm hàng ngàn giáo-dân.

Nói chung, tất cả các giáo-dân Việt ở trên đất Thái-lan rất được chính-phủ Pháp tin cậy, vì các phong-trào cách-mạng kháng Pháp từ Cần-vương, Đông-du Quang-phục cho tới cận-đại. Những giáo-khu này, chưa từng xảy ra một việc gì đáng tiếc đối với Đại Pháp cả. Thì bảo họ không tin cậy sao được.

● THỜI-KỲ THỨ II (1885-1897).

Ngày 23 tháng 5 năm Ất-Lậu (1885) do Ngự-quân Đê-thống Tôn-thất-Thuyết, tồ-hức cuộc tổng phản-công đánh lại quân Pháp ở Huế, định khôi-phục lại kinh-đô. Không ngờ đại-cuộc ấy thất-bại, vua Hàm-nghị phải chạy ra Quảng-trị Quảng-bình và Hà-tĩnh, hạ chiếu Cần-vương. Từ đó, từ Nam chí Bắc, các nghĩa-quân, nghĩa-dân, xiết chặt hàng ngũ dưới cờ các vị Văn-thần Cần-vương nổi dậy kháng Pháp khắp nơi.

Tất cả cuộc khởi-nghĩa trên đều nhằm một mục-dịch đánh Tàv, giúp vua, cứu nước, bằng tinh-lực nhiều hơn nhựt-lực khí-phách nhều hơn khí-giới. Võ-công đáng kể nhất là Phan-tĩnh-Phùng ở Vũ-quang, Đinh-công-Tráng ở Ba-đình, Nguyễn-thiện-Thuật ở Bãi-sậy, Hoàng-hoà-Thám ở Yên-thế

ĐÔNG TÙNG

Tuy nhiên những cuộc Văn-thần khởi nghĩa nói trên, lần lượt bị Pháp phá vỡ, mỗi một khi chiến-khu bị phá vỡ, ngoài một số tướng lãnh và nghĩa-quân phải hy-sinh, còn một số khác sống sót, cương-quyết không chịu đầu hàng giặc, họ cùng nhau vượt núi băng ngàn xuyên qua Mên, Lào, vượt Cửu-long sang đất Thái, có kẻ tiếp-tục sự-nghiệp cách-mạng đánh giặc cứu nước, trường-hợp Đề-Đạt một tướng lãnh của Phar-đinh-Phùng cùng một số nghĩa-quân lập chiến-khu ở Bạ-Na-Ngua thuộc tỉnh Sakhonnakhonne là một ví-dụ.

Nhưng đa-số thì họ không thể đề cho quân thù hành-hạ khinh khi, thà là làm một người dân lưu ly vong-quốc.

Lớp người này hiện đã có cháu chắt ở bên ấy.

Tuy nhiên đây cũng là một yếu-tố làm cho cơ-sở cách-mạng của Việt-khieu ở Thái-lan có một truyền-thống vững-vàng phong-phú. Chúng có là tướng lãnh kháng-chiến Hoàng-Sâm, Hoàng-Nhân là con Ông Mẹ'-Cặc, là một vệ-i của Lê-Trục, một lãnh-tụ Cần-vương Quảng-bình, sau khi bỏ trốn qua Thái-lan, lập gia-đình Sakhonnakhonne rồi đẻ họ ra đó.

Lại cũng như Trần-chính-Quốc, tức Xền-tức-Coong, con trai Ông Tiễn-chánh-Tuấn, một thủ-hạ của Phan-đinh-Phùng, sau khi Vũ-quang tan-rã, bỏ qua Xiêm lấy vợ và sinh con.

Lại như anh Võ-trọng-Nguyên, con Ông Võ-trọng-Đài, một nhà tiền bối cách-mạng, lập gia-đình ở Xiêm rồi đẻ ra, Nguyên là Trung-đoàn Trưởng của Trung đoàn Cửu-long năm 1946 từ Thái-lan kéo quân về đánh Pháp ở Nam bộ.

● *HỒI KỶ THỨ III VIỆT KIỀU Ở LÀO TỶ NẠN QUATHAI LAN VÌ CUỘC CHIẾN-TRANH BIÊN-GIỚI LÀO-THAI.*

Năm 1939, thế-chiến thứ II bộc-phát, đế-quốc Pháp bị Đức-quốc-xã đánh bại, ngày 15-6-1940 phải ký một thỏa-ước đình-chiến với 25 khoản cực kỳ nhục-nhã. Chính-phủ Vicky do Pétain đứng đầu, chỉ là cái tờ-chức bù-nhìn không hơn, không kém. Ở Đông-dương sau mấy quả bom Nhật thả xuống Hải-phòng và Lạng-sơn, Toàn-quyền Đông-dương Catroux bỏ chạy, Pháp cho Decoux sang thay-thế, vì yếu thế Decoux phải ký nhận cho quân-đội Phù-tang tràn vào, lại một bù-nhìn thứ hai nữa ở Đông-dương.

Nhè vào chỗ eo đó, Thái-lan một nước cũng chẳng nước non gì, nhưng Phi-bun-Xông-khơ-Ram, Thủ-tướng Thái-lan hồi đó là một tay

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

chính-trị đầu-cơ khét tiếng, đã chạy theo phe trục. Năm 1940, cáo dựa hơi hùm, Thái-lan hung-băng đòi lại 2 tỉnh (Bassac và Paklay) mà trước đây Pháp cũng đã dùng cái lý của kẻ mạnh, cái lý của con chó sói của văn-hào Lã-phụng-Tiên cho đứng bên bờ suối với con cừu con, để bắt ép Thái-lan, phải ký nhượng cho mình.

Đầu tiên Toàn-quyền Đông-dương Decoux không chịu, nên Thái-lan đã gây-chiến ở những địa-phương giáp giới Lào-Thái như : Paksé, Tha-Khek, Xa-văn-na-khek, Vientiane v.v... Cuối cùng Pháp phải cúi đầu trả lại 2 tỉnh ấy cho Thái-lan.

Cuộc chiến-tranh Pháp-Thái tuy chỉ mới bằng không-quân, nhưng cũng khá ác-liệt. Vì thế cho nên những địa-phương giáp-giới nói trên, là những nơi có Việt-kiều ở Lào đông nhất phải bỏ chạy tỵ-nạn chiến-tranh của Thái, mà tác-giả gọi là thời-kỳ thứ III.

Đề cho độc-giả dễ nắm vấn đề vào những chương sau, nhân nhắc tới một sự-kiện lịch-sử trên cũng nên nhắc lại ở đây những sự-kiện lịch-sử khác, nó liên-quan tới vấn-đề Việt-kiều ở Thái-lan, cũng như ở Lào.

Những sự-kiện lịch-sử ấy là :

1. Nước Lào về đời thượng-cổ đã bị Thái-lan dùng vũ-lực cắt xén địa-phận như thế nào ?

2. Đế-quốc Pháp đã dùng cách gì để bắt-buộc Thái-lan nhường cho họ 2 tỉnh nói trên để phụ vào bản-đồ Đông-dương vào năm 1940 Thái-lan đã đòi lại như thế nào, và sau thế-chiến thứ II Pháp trở lại tái-chiếm đất Lào đã đổ đầu cho Chính-phủ Hoàng-gia Ai-Lao, một lần nữa đòi lại 2 tỉnh này (lần này nhờ Mỹ điều-định với Chính-phủ Thái) như thế nào ?

Có nắm được 2 vấn-đề trên, mới hiểu được tình-trạng Việt-kiều ở Thái.

Nước Lào về đời thượng-cổ đã bị Thái-lan hiếp-đáp như thế nào ?

Thời thượng-cổ, nước Lào gọi là Lán-xang, là một nước rộng lớn, diện-tích 2/5 : bên kia sông Cửu-long bị Thái-lan chiếm-đoạt gọi là «Laos-Siemois gồm 2 tỉnh Koat và Udon» và 3/5 bên này Cửu-long, hiện là 11 tỉnh của nước Lào hiện-tại.

Đầu thế-kỷ 17 (17-11-1713), nước Lán xang bị quân-đội Thái-lan sang gây-hấn, vì yếu thế, nên vua Lào là Oun-Kham phải cắt địa-phận

ĐỒNG TÙNG

Từ bên kia sông Cửu-long nhượng cho Thái, nay là 2 tỉnh Korat và Udon, diện-tích gần nửa nước Thái.

Chưa thời, năm 1778, nước Lào lại bị một tướng Thái-lan, Chau Mahak-Rassad Souk, kéo quân vượt qua Cửu-long tàn-phá kinh-thành và cướp mất tượng Phật bằng ngọc xanh.

Trước cảnh giang-sơn nguy-biến, tổ quốc trầm-luân, một nhà ái-quốc Lào tên là Chao Auon chiêu-mộ nghĩa-quân, mua sắm binh-khí và cùng toàn-thể nhân-dân Lào nhất tề đứng dậy đánh đuổi quân xâm-lăng. Trận giặc đánh đuổi quân xâm-lăng Thái-lan của Lào vào khoảng năm 1828, Việt-nam có kéo quân sang giúp nước bạn.

Trận này tuy Lào thắng, nhưng cuối cùng chỉ đuổi được quân Thái-lan qua bên kia sông Cửu-long, rồi lại cứ lấy Cửu-long làm ranh-giới Lào-Thái, chứ không lấy lại được vùng rộng lớn là Korat và Udon mà Thái-lan đã cướp đi từ trước.

Cho mãi tới bây giờ Korat và Udon tuy 2 tỉnh thuộc Thái đã lâu đời, nhưng dân-tính phong-tục của 2 tỉnh này vẫn khác xa với dân Thái chính-cống, cho đến tiếng nói và văn-tự ở đây vẫn cứ dùng chữ và tiếng Lào. Người ta bảo rằng : Chữ Thái-lan do chữ Lào biến-thể. Khu-vực này nhân-dân vẫn dùng tiếng Lào, còn tiếng Thái-lan ngoại-trừ trường-hợp công-sở mà công-chức là người Thái chính-cống thì mới dùng.

Ví-dụ : tiếng nói «ăn cơm» ở đây người ta vẫn nói tiếng Lào là «Kin khâu» chứ không nói tiếng Thái «ấp phả thàn à hán». Hay là : hai mươi, Lào gọi là «Xao» trái lại Thái-lan kêu bằng «đi xịp», bố mẹ Thái gọi là «Bít đà, màn đà» mà ở đây người ta vẫn gọi là «phọ, mẹ» như Lào. Ai nói tiếng Thái-lan, bị người bản-xứ cho là người vong-bản, khỗ-ố.

Nói tóm lại, mặc dầu ở dưới quyền thống-trị của Thái-lan hàng mấy thế-kỷ, cũng được xem như là đã hỗn hóa, nhưng nhân-dân Lào ở vùng Laos.Siamois này, họ vẫn giữ được căn-bản nòi-giống Lào của họ.

Vùng này rất rộng lớn, lại ở mé sông Cửu-long, đất-đai rộng-rãi phì-nhiều, lại chưa khai-khẩn, vì số dân-cư thưa-thớt, nên sự sinh-hoạt rất dễ dàng, lại vì điều-kiện địa dư tiếp-giáp với Lào, nên khi cuộc chiến-tranh Pháp-Thái xảy ra, là hầu hết Việt-khêu ở Lào, đều vượt Cửu long tỵ nạn sang Thái-lan đều ở trong khu-vực này.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

● THỜI-KỲ THỨ IV (1946) VIỆT KIỀU Ở LÀO LẠI TỶ-NẠN QUA THAI VÌ CUỘC CHIẾN-TRANH TÁI-CHIẾM ĐÔNG-DƯƠNG CỦA THỰC-DÂN PHÁP.

Sau thế-chiến thứ II kết-liễu, phong-trào giải-phóng dân-tộc ở Đông-dương sôi nổi hơn hết thấy, thì nước Lào cũng cùng chung một hoàn-cảnh lịch-sử ấy. Thế nhưng vì sự ngoan-cổ của thực-dân Pháp quay lại gây chiến-tranh tái-chiếm thuộc-địa ở Đông-dương trong đó có cả Lào. Sau cuộc chiến-tranh Pháp-Lào xảy ra ác-liệt, thì những Việt-kiều ở Lào, về nước không được, vì các đường giao-thông bị Pháp chặn hết, bí thế, lại một lần nữa họ phải bỏ trốn qua Thái-lan, nên ta có thể cho rằng, đây là thời-kỳ thứ IV.

Nhưng để hiểu sự-kiện lịch-sử này một cách thấu-đáo, chúng ta không thể bỏ qua những giòng lịch-sử : Lào và Pháp, Lào và Thái-lan đều có những tương-quan lịch sử mật-thiết với nhau cả.

Trước hết, chúng ta hãy trở ngược lại giòng lịch-sử :

Trong cuốn sách «Neo thang pà-(y) vatt Lào» (Lịch-sử đấu-tranh giải-phóng dân-tộc của Lào) cuốn sách viết bằng chữ Lào, do quân-đội giải-phóng Lào xuất-bản, trong đó tác-giả kể rõ thế này :

«... Sau bao năm rình mò theo dõi. Pháp nhất định cướp Việt, Mên, Lào làm thuộc-địa. Sự có mặt của bọn cướp nước da trắng trên đất Lào là bắt đầu từ 1807, do phái-bộ Auguste Pavie đặt chân lên đất Lào, để khai-mào cho công việc cướp nước.

Cũng như Việt-nam, mà còn yếu hơn nữa, qua những cuộc kháng-chiến có thể nói là let-đệt của quân-đội Hoàng-gia và nghĩa-dân Lào, trước sức sùng đông, hung bạo của bọn thực dân Pháp, nhà vua Lào phải cúi đầu ký một hiệp-ước bóp cò thừa-nhận sự bảo-hộ của Pháp tại Vientiane năm 1893. Nhục-nhã hơn nữa, nước Lào không được Pháp công-nhận ngay là một quốc-gia, mà chỉ được làm một xứ, trong 5 xứ thuộc-địa của Pháp ở Đông-dương. Chính vì chỗ nhục-nhã đó mà trong thi-ca cách-mạng Lào, có những câu:

«Phị nọng thắng lải phuộc Lao hầu

«Xá mắc khi cần luật lêu khầu

«Tọ tạn Phà-lăng hạy tái mất

«Tẹ hầu, hầu mái phưng tua hầu».

Chúng tôi tạm dịch:

Anh em thống-khò nước Lào ta;

ĐỒNG TÙNG

Đoàn-kết cùng nhau lại đề mà
Tung guơm giết sạch loài Tây trắng
Tự ta, ta cứu lấy mình ta.

Hay là:

«Phe xí đeng âu tẹng crachốc
«Khuôn Lào ruôm khôộc, tọng khớp khít căn.

Tạm dị h:

Nh. ều điều phủ lấy giá gương,
Người Lào một họ phải thương nhau cùng.

Tháng 8 năm 1945, sau khi quân-đội Nhật đầu-hàng Đồng-minh không điều-kiện, cũng như ở Việt-nam, nhân-dân Lào xiết chặt hàng ngũ xung-quanh mặt trận «Tự-do Lào» (Neo Lào Issara) với sự g-úp-dỡ của sư-đoàn 93 của quân-đội Trung-hoa Dân-quốc, khi họ đại-d-ện Đồng-minh đồ-độ lên đất Lào đề-tức khí-giới Nhật, một Chính-phủ Lào được thành-lập ở Vientiane do nhà ch-ính-chính ái-quốc—Hoàng-thân Pethsarath lãnh-đạo. Khi công-cuộc nội-bộ chưa được kiện-toàn thì quân-đội Trung-hoa rút khỏi Ai-lao, khiến cho tình-thế Lào trở nên nguy-ngập, vì lòng tham-lam của thực-dân Pháp chúng nhất định trở lại ch-ếm đất Lào lần nữa.

Thoạt kỳ thủy là tháng giêng năm 1945 «Phủ Cao-ủy» Pháp tới đóng ở Paksé (Hạ-Lào) rồi quân-đội thực-dân Pháp cứ lần lượt chiếm các thị-tấn:

- Ngày 17-3-1946 chiếm Savanakhek.
- Ngày 21-3 1946 chiếm Thakhet.
- Ngày 25-4-1946 chiếm Vientiane.
- Ngày 13-5-1946 chiếm Luang Prabang.
- Ngày 4-6-1946 chiếm Sầm-nưa.
- Ngày 21-6-1946 chiếm Phong Saly.

Khi người Pháp tới đánh chiếm nơi nào, thì bộ-đội du-kích của Mặt-trận Giải-phóng Lào cũng đều có kháng-cự, nhưng vì sức quá non yếu, nhân-dân Lào lại chưa thấm-nhuần được đường lối chiến-tranh nhân-dân, nên không tài nào mà đương đầu nổi quân-đội hung-hãn của thực-dân Pháp, nên họ tới đâu là phải bỏ chạy hay đầu hàng tới đó.

Cuối cùng Chính-phủ Pethsarath phải lu-u-von sang Bangkok, kinh-đô Thái-lan.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Trong những cuộc chiến-tranh tàn quét ở Lào, Việt-kiều ở Lào vô cùng nguy khốn, hễ quân-đội thực-dân thấy mặt một người Việt, đều cho là Việt-minh Cộng-sản, họ chém giết không gớm tay. Trước bước đường cùng đó, chỉ có một cách là bỏ trốn sang Thái-lan để tìm cái sống.

VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN CƯ-TRÚ Ở NHỮNG ĐỊA- PHƯƠNG NÀO ?

Nước Thái-lan gồm có 10 tỉnh. Như những chương trên đã nói 2 tỉnh giáp Cửu-long và Kho-rạt (Korat) và Oudonne (Udon) là lớn nhất, diện-tích 2 tỉnh này chiếm 2/5 nước Thái, thuộc khu-vực «Laos-Siamois» vì điều-kiện địa-dư tiếp giáp, sinh-hoạt 2 tỉnh này lại dễ-dàng nên Việt-kiều hầu hết ở trong 2 tỉnh này, thuộc những phủ huyện có tên sau đây :

Phủ Na-khon (La khon), huyện Ủ-hề-nh (Houthène), phủ Sakhon (Sakon), huyện Cum-phu-va-pi (Coum fapit), phủ Nông-khai (Nong khai), Huyện Bạt-hân (Bang hèn), phủ Khôn-kên (Khon khen), huyện Thà-bộ (Ta-bot), phủ Mương-ôi (Loeui), huyện Phăn-ra-na (Fanranat), huyện Phà-nôm (Phanonte), huyện Na-ke (Nakés), huyện Mương-mục (Mouk), huyện Ăm-phơ-phôn (Fol), huyện Nông-hán (Nonhan).

Những phủ huyện trên đây thuộc tỉnh U-don (Ou-donne) mà có Việt-kiều cư-trú nhiều, còn đơn-vị tổ-chức đoàn thể cách-mạng, và :

Phủ U-bôn (Ou-bonne) phủ Roi-ết (Roet), phủ Xa-là-kham (Sarakam) phủ Xí-xá-kết (Sasaket), phủ Ca-la-xin (Kala sin), huyện Khêm-ma-rát (Kemmarat), huyện Ăn-phơ-bùng (Boung), huyện Khô-lủ (Koulus), huyện Phi-mun (Phimoun), huyện Bù-dạy (Bouzaït).

Những phủ huyện trên đây thuộc tỉnh Khô-rạt có Việt-kiều cư-trú nhiều, cũng đều có đơn-vị tổ-chức đoàn-thể cách-mạng.

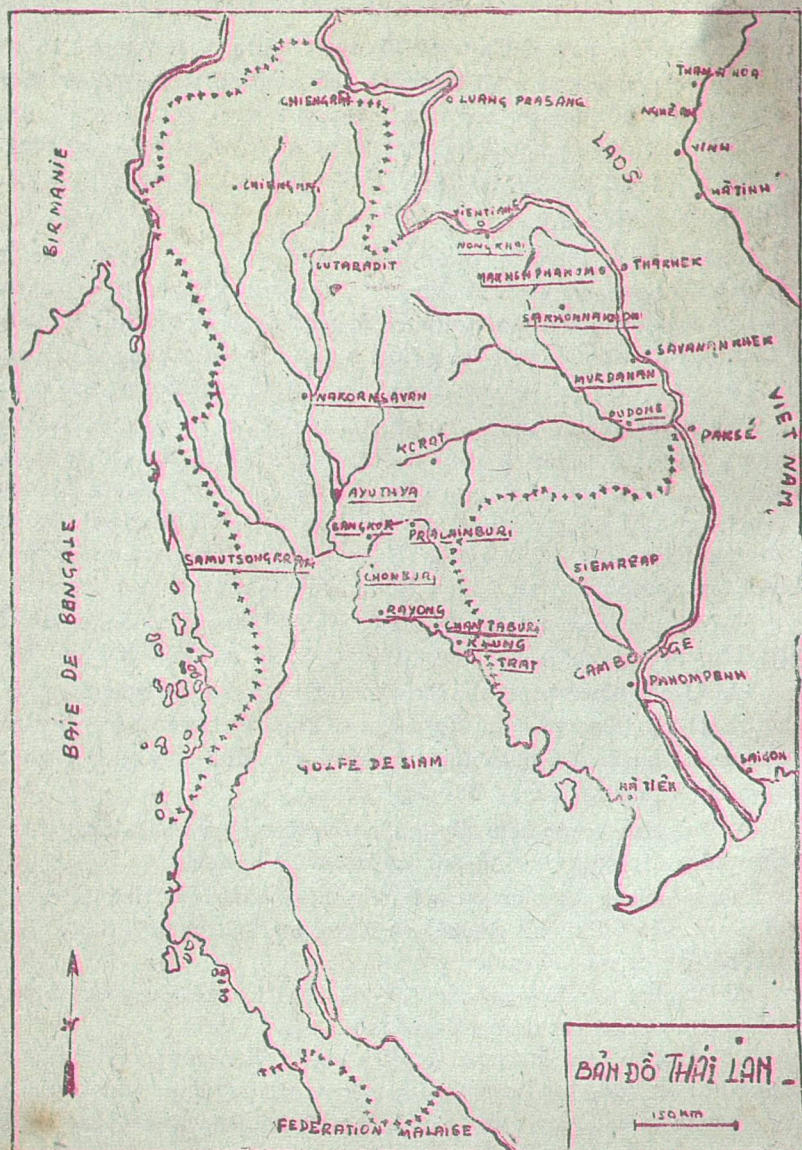
Ngoài những địa-phương nói trên, chỉ rải-rác ở mấy tỉnh Par-nam-phô (Parnamfoi), Phi-chít (Fichit) và Xiêng-mai (Ciengmay) thuộc Tây Bắc Thái-lan có một số ít.

Chính giữa thủ-đô Vọng-các Việt-kiều lại ít hơn, vì Vọng-các là thủ-đô Thái-lan có bốn tầu từ ngoại-quốc tới.

Đề đối-phó với mọi tổ-chức cách-mạng Việt-nam ở Thái-lan và Trung hoa, ở Vọng-các Pháp đặt Lãnh-sự và rải mặt thám như rươi, tên trùm mặt-thám Đỗ-Hùng được Pháp gọi đi học khoá mặt-thám ở Anh những 5 năm, rồi mang về đặt sẵn ở đây.

Những Việt-kiều ở Vọng-các, phải là những kẻ đi theo với thực-dân và phong-kiến, hay ít nhất cũng không hoạt-động cách-mạng, thì

ĐÔNG TÙNG



Những địa phương (dấu gạch dít) có kiều bào Việt Nam trú ngụ trên đất Thái Lan (hình trích trong tạp chí France Asie số 148 phát hành tháng 9 năm 1958 tại Saigon)

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

mới dám ở. Đó là tôi nói tình-trạng khi mà N.K.T. còn làm Đại-sứ cho chính quyền Bảo-Đại trở về trước.

Vì cửa bề Vọng-các là tắt do chi lộ, nên nó đã biến thành nơi chôn bao nhà ái-quốc chí-sĩ Việt-nam.

Cụ Tăng-bạt-Hồ, Mai-lão Bạng, Lưu khai-Hồng, Đặng-thái-Thuyền tức Cảnh-Tân (con ông Ngự-Hải) Lê-Đại, Xin-tức-công tức Ngô-chính-Quốc, Đặng-tử-Mận, Bùi-chính-Lộ, là những chiến-sĩ trong mấy phong-trào Đông-du, Quang-phục, Thanh-niên, đều bị rơi vào cạm bẫy của đế-quốc Pháp ở Vọng-các.

Năm 1911 Phan-sào-Nam cũng suýt nữa bị bắt ở đây.

Trong cuốn «Tự phán» là một cuốn ký-sự chép theo niên-biểu của nhà ái-quốc chí-sĩ Phan-sào-Nam, Cụ viết rằng : « Vọng-các là một hang hùm, ô răn độc của chúng ta.

Vậy những Việt-kiều ở Thái và Tàu, đối với thủ-đô Vọng-các họ có quan-niệm coi như hang hùm vực sâu.

Mỗi khi họ có công việc cần, mà họ phải tới, hay đi qua Vọng-các họ có cảm-tưởng như phải sờ vào lông mũi của sư-tử.

Đã biết cần thận như thế mà người viết bài này, vẫn bị tên Đĩ-Hùng trùm mật-thám Pháp ở Vọng-các « chụp » được vào khoảng năm 1933.

NGHỀ-NGHIỆP, TÓN-GIÁO, VẤN-HÓA, GIÁO-DỤC, XÃ-HỘI CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN.

Đề tiện việc trà-trộn vào nhân-dân bản-xứ, cho mật-thám Pháp khỏi rình mò theo dõi, Việt-kiều ở Thái-lan không mang tính-chất kiều-dân, họ cố làm cho in đức những người bản-xứ, ăn bận, nói phỏ, tập-quán, phong-tục, một người lạ khó biết được họ là Thái hay Việt.

Do đó, sinh-hoạt họ cũng không làm một nghề-nghiệp nào nhất định. Ngoài nghề cày, làm thợ, đi buôn, ngoài việc học chữ quốc-ngữ... Việt-kiều cũng vào học trường Thái, ra làm kỹ-sư chuyên-môn, bác-sĩ các ngành quân-sự, giáo-dục, cảnh-sát.

Bước chân vào công-sở là một công-chức Thái, nói phỏ, viết lách, thường khi người Thái phải thua xa, cái câu : «khôn duôn xã lạt» (1) đã thành câu nói đầu miệng của người Thái.

Thì người ta không thán-phục sao được, vì mỗi một trường học mà có học-sinh người Việt, thì người Thái khó có thể choán được cái danh-dự đầu lớp.

(1) Khôn duôn xã lạt : người Việt thông-minh.

ĐỒNG TÙNG

Đặc-biệt nhất của một người, mà tiếc rằng tôi quên mất tên họ chỉ nhớ được cái tên Thái gọi là : «Khún vi xệt» (luật-sư đặc biệt), ông ta người Thừa-thiên (Trung-Việt) năm 1905 Ông theo Phan-sào-Nam qua Nhật, sau ngày bị Nhật đuổi, Ông trở về Thái, rồi tự học lấy chữ Thái và luật-lệ Thái, thi đậu luật-sư ở Vọng-các.

Ông là một luật-sư nổi tiếng nhất ở Vọng-các, nên Hoàng-gia nước Thái mới tặng cho ông cái tên trên.



Nói về tôn-giáo, trừ một thiểu-số kiều-bào ở hai địa-phương là bạn Nông-Xéng (thuộc phủ La-Khou) và bạn Thà-he thuộc phủ La-Khou là theo Thiên-chúa-giáo, như những sự-kiện lịch-sử ở những bài trên là : Những đồng-bào Công-giáo này, là theo các giáo-sĩ tỵ-nạn «Bình Tây sát tã» của phong-kiến nhà Nguyễn và Cần-Vương Văn-Thân.

Ngoài ra, trừ việc lo khói hương, giỗ chạp cho ông bà cha mẹ Việt-kiều ở Thái-lan không theo một tôn-giáo nào khác.

Thái-lan là một nước độc-nhất về đạo Phật, nhưng Việt-kiều lại cũng không có ai đi tu.



Nói về văn-hóa và xã-hội của Việt-kiều ở Thái-lan, thì phải nói họ là tiến-bộ, vì họ đều là những phần-tử nằm trong các tổ-chức cách-mạng, họ được đoàn-thể giáo-dục sâu-sắc.

Tôi dám cam-đoan rằng, Việt-kiều ở Thái-lan không có một phụ-nữ làm đi, trừ một thiểu-số kỹ-nữ ở Vọng-các mà các nhà chứa nhà xăm ở đây cho người đi Hà-nội, Saigon mang sang.

Việt-kiều ở Thái-lan rất hiếm người mù chữ : chữ Việt cũng như chữ Thái.

Việt-kiều ở đâu đâu cũng có nhà thương, trường học và nghĩa-địa...

Việt-kiều ở Thái có thể đánh đập kiện-cáo nhau với người Thái hay ngoại-kiều khác, chứ không bao giờ họ kiện-cáo nhau trước chính-quyền Thái.

Tôi còn nhớ có một lần ở phủ Sakhon có một Việt-kiều nguyên-quán ở Quảng-binh tên là Mệt-Bài và một người tên là Ba-Điền nguyên-quán ở Nam-dịnh (Bắc-Việt), nhân một việc mất trộm, rồi tự nghi-ngờ nhau, đến chửi bới rồi đi kiện ở huyện quan Thái.

Việt-kiều ở đây hay tin, tất cả nam phụ lão ấu kéo nhau tới cửa

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

huyện, tìm hai người nguyên và bị cáo giải-thích, thậm chí có người cảm-động khóc nữa. Không phải vì cá-nhân hai người kia mà chính vì họ cho là hai người kia làm nhục quốc-thê.

Do đó Việt-kiều ở Thái-lan mỗi khi có sự xích-mịch thì chỉ có dàn xếp với nhau trong nội-bộ đoàn-thê của họ, cái việc cấm kiều-bào kiện-cáo nhau đã thành như một đạo-luật «bất thành văn» nhưng phần sắc bén không kém đạo-luật «thu gươm» trong hiến-pháp Nhật-bản.

Theo lời Cụ Đặng-thúc-Hứa, một lão đồng-chí của Cụ Phan-sào-Nam kể lại, vì khi trước Việt kiều ở Thái cũng có kiện-cáo nhau trước nhà cầm quyền Thái.

Thế nhưng trong bản chương-trình «Quang-phục-hội» mà nhà chí-sĩ Phan-sào-Nam thảo ra ở bạn Đông-thăm (Phi-chật), đề tồ-chức kiều-bào trên toàn nước Thái, ở chương kỷ-luật, về khoản cấm không được chửi bới kiện-cáo nhau làm nhục quốc-thê, phá hoại đoàn-kết giống nòi, nhà chí-sĩ Sào-Nam nhấn mạnh, và có khuyên anh em đồng-chí cố-gắng thực-hiện.

Ngoài việc dùng kỷ-luật để giáo-dục kiều-dân, Cụ Phan còn sáng-tác ra nhiều thi-văn đề phổ-biến vào trong các đoàn-thê Việt-kiều ở Thái, như Ái quốc-ca, Ái-chủng-ca, Ái-đoàn-ca, Hợp-đoàn-ca và những tuồng hát bộ, hát chèo «vong-quốc thăm-trạng» (1).

Nhờ đó mà Việt-kiều hiện nay đã thành thói quen, người sang trước bảo kẻ sang sau, kẻ sang sau noi theo gương người sang trước, họ triệt-đề thực-hiện tinh-thần đại-đoàn-kết dân-tộc đó.



Vấn-đề Giáo-dục của Việt-kiều ở Thái-lan có tính chất đặc biệt hơn bất cứ Kiều dân nào ở trên thế giới; cũng hoàn toàn khác biệt với việc giáo-dục của Việt-kiều ở Pháp, ở Miên hay ở Lào... các trường chỉ có tính cánh văn-hóa phổ thông cho con cái kiều-bào.

Các trường học của Việt-kiều ở THÁI-LAN không như thế, vì trường học của họ là cơ-quan đào-tạo cán-bộ Cách-mạng, huấn-luyện cho lớp trẻ sau này trở thành những cán-bộ Cách mạng, để tiếp tục sự

(1) «Vong-quốc thăm-trạng» là một vở chèo do các Cụ Sào-Nam, Phan-bội-Châu và Ngô-Sinh Đặng-thúc-Hứa sáng-tác ở bạn Đông (Phi Chật), nội-dung kể lại lịch-sử Pháp cướp Việt-nam, dựa theo tài-liệu «Việt-nam vong-quốc sử» của Cụ Phan và những nỗi cực khổ của nhân-dân Việt-nam dưới quyền thống-trị của nước Pháp.

ĐÔNG TÙNG

nghiệp cho lớp người trước vì già nua hay vì bị ngã gục trên đường đấu-tranh cách-mạng.

Trên đây là chủ-trương của Cụ Đặng-Thúc-Hứa, Cụ Hứa tự Ngọ-Sanh người Nghệ-An là một đồng chí của các Cụ Phan-Bội-Châu, Cường-Đề, Nguyễn-Thượng-Hiền trong các phong trào Đông-Du, Duy-Tân và Quang-Phục. Trước hết Cụ qua Nhật, vào học trường «Khô công học hiệu» ở Đông-Kinh. Năm 1908, đám du học sinh ở Nhật bị Ngặt trục xuất, Cụ được phái khiến về lãnh-đạo cách-mạng ở Thái-lan.

Khi về tới Thái, Cụ trông thấy đám con em Việt-kieu ở Thái khá đông, Cụ liền đề ra một chủ-trương mà cụ gọi là «Súc chúng đại thời» nghĩa là : «tích trữ hạt giống để chờ thời tiết dục tria»

Đề thực hiện chủ trương, sách lược đó cho nên những nơi nào có Việt-kieu ở đông, nhưng con cái họ đều vào học trường Thái thì bây giờ Cụ vận-động Việt-kieu xin phép chính phủ Thái lập trường học.

Với chương-trình học một buổi chữ THÁI theo chương-trình giáo-dục của chính-phủ THÁI ; một buổi học chữ Việt theo chương-trình của những cán-bộ cách-mạng bên ấy vậy.

Chương trình Việt-ngữ của các trường bên đó, ngoài tiếng Việt có dạy thêm chữ Hán, chữ Pháp. Người ta lựa chọn những người đủ trình-độ, khả-năng để phụ trách các lớp. Thầy dạy chữ THÁI người ta cũng lựa chọn con em của kiều bào đã tốt-nghiệp các trường sư-phạm bên đó.

Chúng tôi còn nhớ, câu đối liên chữ Hán, Cụ Đặng-thúc-Hứa cho khắc vào 2 cột quyết tại trường học của Việt-kieu ở địa-phương Sakon nakhon như sau :

「 Tại tức sinh huy, thiên hữu sơn xuyên tăng mộng Tống,
在即生輝, 天有山川曾夢宋,
「 Thử duy dự trạch, địa vô Mân, Cảo diệc hưng Chu (1)
此惟豫宅, 地無邠, 蒿亦興周

Bài Hán-văn khuyến-học-văn 勸學文 trích dẫn sau đây, được phổ-biến các lớp bậc tiểu học trường Noong-Ôn tại tỉnh Oudonne, khu đông-bắc Thái-lan :

(1) Câu đối này về trên nói : « Còn có trời, thì có ngày khôi phục núi sông nhà Tống » («Mộng Tống sơn xuyên» của Văn thiên Tường).

Về dưới nói :

« Không cần phải có đất «Mân» đất «Cảo» cũng dấy được nghiệp nhà Chu. Ý nói người Việt Nam kiều cư ở Thái, không có địa phận đất đai như Thái Công, Văn Vương. Nhưng vẫn hy vọng có ngày lấy lại nước.

勸學文

學問乃社會進化文明之要約；國民
隆興富庶之捷徑；省心修身之大
道，處已接物之良方，其有益於社會
人群者，不知凡幾。

況吾輩國破家亡，他鄉寄蹟，
為國民者當盡其責任，歟！盡其責任非學
問不可；非革命學問更不可。

夫以法賊貪殘，野心最富，彼欺吾
民之久困，吾種之速亡，故專用最低程度學育
者授之，使我青年英銳精神，轉作頹柔之積
弱，冲天鵬鳥更為地服之馬牛。

嗚呼！國之興亡視乎青年；青年教育，教育
如此其敵，青年如此其愚，將何以競爭
於世界者乎！將何以負担國民之重
責者乎？

(未完)

Phiên âm : KHUYẾN HỌC VĂN

Học-vấn nãi xã-hội tiến-hóa văn-minh chi yếu ước, quốc-dân long
hưng phú thừ chi thê giai, tinh tâm tu thân chi đại đạo, xử kỷ tiếp vật
chi lương phương, kỳ hữu ích ư xã-hội nhân quần giả bất tri phạm kỷ.

Hưởng ngộ bối quốc phá gia vong, tha hương ký tích, phạm vi quốc
dân giả đương tận kỳ trách-nhiệm ; dục tận kỳ trách-nhiệm, phi học-

ĐÔNG TÙNG

vấn bất khả ; phi cách-mạng học-vấn cánh bất khả.

Phù di ! Pháp tặc tham tàn, giã tâm tối phú, bỉ dục ngô dân chi cửu khổn, ngô chủng chi tởc vong, cố chuyên dụng tối đê trình-độ giáo-dục giả thụ chi, sử ngã thanh-niên, anh nhuệ tinh-thần, chuyển tác đổi nhu chi đặc-tính, xung thiển bằng điều, cánh vi thuần phục chi mã ngư.

Ồ hô ! Quốc chi hưng vong, thị hồ thanh-niên, thanh-niên giáo dục, giáo-dục như thử kỳ tệt, thanh-niên nhữ thử kỳ ngu, tương hà dị cạnh tranh ư thế-giới giả hồ ! Tương hà dị phụ đảm quốc dân chi trọng trách giả hồ ?
(Còn tiếp)

Tạm dịch : KHUYẾN HỌC VĂN

Học-vấn vốn là yếu-tố căn-bản cho sự tiến-hóa văn-minh của xã-hội, là nấc thang cho quốc-dân ngày càng tiến-bộ thịnh-vượng; mà cũng là cái đại đạo tinh tâm tu thân, và là phương-tiện hữu-hiệu trong sự xư kỷ tiếp vật. Nói khác đi, ích lợi của học-vấn đối với nhân-quần xã-hội thật không biết bao nhiêu mà nói.

Đồng-bào chúng ta, nước mất nhà tan, nương nhờ đất khách, ai nấy càng nên làm tròn trách nhiệm của mình đối với quốc-gia dân-tộc. Muốn làm tròn trách-nhiệm, không có học-vấn đã không thể được, mà không biết cách-mạng trong sự học-vấn thì lại càng không được nữa.

Giặc Pháp vốn là bọn tham-tàn thâm-độc, họ muốn cho dân ta mãi-mãi trong tình-trạng khốn-đốn, nòi giống chúng ta càng mau tiêu-diệt. Cho nên họ chỉ thực-thi một trình-độ giáo-dục thấp kém ; mục đích làm cho tinh-thần sắc bén của thanh-niên chúng ta biến thành một thứ đặc-tính yếu mềm, khác nào biến những con chim bằng võ cánh tung trời, thành những thứ ngựa trâu thuần-thục.

Than ôi ! Quốc-gia thịnh hay suy là trông mong ở lớp thanh-niên, và sự giáo-dục thanh-niên. Ấy vậy mà việc giáo-dục thanh-niên tệt bại như vậy, trình-độ thanh-niên non kém như vậy, thử hỏi làm sao có thể cùng thế-giới cạnh tranh, và làm sao đảm đương nổi gánh nặng mà quốc-dân giao phó ?
(Còn tiếp)

ĐÔNG-TÙNG

SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

▽ ĐÔNG TÙNG

VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN ĐÃ HOẠT-ĐỘNG CÁCH-MẠNG NHƯ THẾ NÀO ?

Như các bạn đã biết ở những chương trên : Việt-kiều ở Thái-lan không như Việt-kiều ở Pháp, ở Anh, ở Mỹ và một số nước khác khi xuất-dương được bọn thống-trị thực-dân cho phép ; mà trái lại Việt-kiều ở Thái-lan hầu hết, giáo cũng như lương là trốn phong-kiến và thực-dân, bỏ nước ra đi với lẽ vì tôn-giáo, chính-trị và kinh-tế áp-bức. Vậy ta không lạ khi thấy Việt-kiều ở Thái-lan hầu hết đều có hoạt-động chính-trị, gia-nhập các đoàn-thề cách-mạng cả.

Nhưng đề hiểu Việt-kiều ở Thái-lan đã hoạt động chính-trị qua các thời-kỳ Cần-vương, Đông-du, Quang-phục và cận-đại như thế nào ? Và chính-quyền Thái-lan đã từng đối-xử với họ ra sao ? Thì điều cần-thiết là chúng ta cũng nên biết qua nội-dung về chính-trị, văn-hóa, kinh-tế, xã-hội, nói chung là nội-tình của nước Thái-lan như thế nào ? Thiết thể, khi ta muốn tìm hiểu nội-tình của gia-đình khi họ tới cư-ngụ vào một làng nọ, thì ta tìm-hiểu nội-tình của làng ấy ra sao ?

● NƯỚC THÁI-LAN.

a— XÁC ĐỊNH DANH TỪ : NƯỚC XIÊM VÀ NƯỚC THÁI-LAN.

Nguyên khi xưa, nước Thái-lan có 2 tên gọi : một là Sà-dám, tên này người Tây-phương dịch ra là «Siam» người Tàu dịch là «Tiêm-la» hay «Xiêm-la».

Theo từ-ngữ của Thái-lan, thì Sà-dám nghĩa là «Thiên-quốc» là một nước được thành-lập do một vị Thiên-thần trên cung trăng mà Ngọc-hoàng sai xuống (đó là câu chuyện thần-thoại khi khai-sáng ra nước Thái-lan, cũng như Thái-dương Thần-nữ đã khai-sáng ra nước Nhật-bản, và chuyện tích con rồng cháu tiên của Việt-nam; mà lý-do cũng là một

ĐÔNG TÙNG

hiện-tượng chung cho con người Thái-cỏ dùng để giải-thích nguyên-do của mỗi dân-tộc) ; hai là Thái, có nghĩa là một nước tự-chủ, danh-từ này xuất-hiện sau danh-từ Sả-dám (Siam). Vào thời-kỳ cận-đại, khi ông vua thứ 7 bị hạ-bệ, để biến-cải từ chế-độ quân-chủ chuyên-chế sang chế-độ quân-chủ lập-hiến, có quốc-hội, có hiến-pháp, thì chính-phủ Thái-lan tuyên-bố với thế-giới hủy-bỏ danh từ Sả-dám (Siam) là một danh-từ không khoa-học ấy đi mà chỉ dùng một danh-từ độc-nhất là «Thaïlande» một dân-tộc tự-chủ ; sự-kiện này xuất-hiện vào năm 1932.

b— NGOẠI THẾ CỦA NƯỚC THÁI-LAN.

Nói đến nước Thái-lan, thì người ta thường cho rằng : ở Á-châu đại-lục, ngoại-trừ Nhật-bản thì Thái-lan cũng là một nước hoàn-toàn độc-lập thứ hai ở Á-Đông. Nhưng thiệt ra thì Thái-lan chỉ là một nước nhờ sự thức-thời khôn-khéo của ông vua thứ 5 thuộc giòng họ nhà vua Prajadhipok, trước làn sóng xâm-lãng của bọn đế-quốc Tây-phương, đã biết dùng đường lối ngoại-giao với điều-kiện, địa dư thuận tiện, hoàn cảnh cho phép để tự tạo cho mình cái thế «trái độn» giữa bọn đế-quốc với đế-quốc, không nước nào độc-chiếm được Thái-lan, trái lại nước nào cũng có những quyền-lợi cả. Trong hoàn-cảnh khó-khăn đó, mà nước Thái-lan vẫn giữ được nền độc-lập cũng là một sự tài-tình về phương-diện ngoại-giao.

Và sau đây là những sự thật :

Sau khi đã dùng hết mọi phương-pháp hung-hãn và mềm-dẻo, đế-quốc Anh đã nuốt trôi Miến-điện, Pháp đã nuốt trôi Đông-dương. cả hai cùng dòm ngó vào Thái-lan. Vua Pamo thứ 5 thuộc giòng họ Prajadhipok, biết mình thấp chân phải liệu chạy trước, nên đã tìm cách ký hiệp-ước với Anh ngày 15-4-1855, qua năm 1856 lại ký thêm phụ-ước, trong đó mình-định Thái-lan không còn trọn quyền mua bán với bất cứ một nước nào trên thế-giới, nếu chưa có sự đồng ý của Anh.

- Ngày 29-5-1856 Thái-lan lại cũng ký một hiệp-ước với Hoa-kỳ.

Ngày 15-6-1862 Thái-lan lại cũng ký với Pháp. Lần lượt các nước Âu-châu cùng theo gót nhau tới Thái-lan đòi ký những hiệp-ước tương-tự.

Pháp và Anh cạnh-tranh nhau về Thái-lan, nên cả hai nước đều biết mình không thể độc-chiếm Thái-lan mà ở yên được. Bởi thế, và cũng bởi Thái-lan không có đường sang Tàu, cho nên năm 1893 Pháp và Anh đồng công nhận Thái-lan độc-lập, trong khi cả hai nước cùng nuôi tham vọng. Thế là từ đấy Thái-lan đã thành một nước độn giữa hai vùng ảnh-hưởng Đông-dương (Pháp) và Miến-điện (Anh).

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Đến cuộc thương-thuyết cuối cùng giữa Anh và Pháp đã khai sanh ra hiệp-ước ngày 16-1-1896, hai nước cùng cam-kết sẽ không can-thiệp vào nước Thái-lan.

Như vậy, Thái-lan quả đã nhờ sự tranh giành giữa hai đế-quốc Anh-Pháp và nhờ điều-kiện địa-lý riêng của mình mà Thái-lan được đề yên, và được hưởng độc-lập cho đến ngày hôm nay.

c— NỘI TRỊ CỦA THÁI-LAN DIỄN BIẾN NHƯ THẾ NÀO ?

Trước trận thế-chiến thứ hai, Thái-lan tuy được gọi là một nước độc-lập, nhưng nội-trị vẫn bị ảnh-hưởng ngoại-bang, nhất là Anh-cát-lợi chi-phối vào rất nhiều.

Nhưng tinh-thần quốc-gia nổi lên chống sự kiểm soát kinh-tế của ngoại-quốc. Năm 1937, một nhóm công-chức và võ-quan tân-học tổ-chức một cuộc bạo-động ngày 24-6, đưa ra nguyên-tắc cai-trị theo h'ien-pháp.

Vua Prajadhipok thứ 7 ban-hành hiến-pháp tháng 12 năm ấy. Nhưng người cầm đầu cho cuộc đảo-chính là Luang Pradit, người thành-lập « Dân Đảng » một chính-đảng chính-trị đầu tiên trên đất Thái-lan, có chủ-trương đường lối dân-chủ. Nhưng lần lần đảng lại đi tới lập-trường quá-khích, nên đã phải tan-rã và thất-bại, để nhường chỗ cho Phibul-Songram lên nắm chính-quyền.

Thế-chiến thứ II bộc-phát, Phibul-Songram gia-nhập phe trục. Năm 1942, Thái-lan do Nhật giựt dây tuyên-chiến với Đồng-minh. Nhưng khi Nhật đầu hàng Đồng-minh, Phibul Songram bị bắt cầm tù. Cầm tù Phibul-Songram rồi, Thái-lan lại trở về chính-sách cộng-tác với Đồng-minh và tuyên-bố rằng: Việc Thái-lan khai chiến với Đồng-minh năm 1942 không có giá-trị vì quyết-định không được chấp-thuận đúng theo hiến-pháp Thái lan, và trái nguyện-vọng của dân-tộc Thái-lan. Lời tuyên-bố của Thái-lan được Đồng-minh chấp-thuận.

Cho nên cũng không lấy gì làm lạ khi ta thấy Thái-lan trở lại trường quốc-tế, đứng vào hàng-ngũ nhân-viên của Liên-hiệp-quốc, cái nghề « chính-trị » bao giờ chẳng thế !

d— TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ XÃ HỘI THÁI-LAN.

Thái-lan được 18 (1) triệu dân và diện-tích 531 ngàn cây số vuông Thái-lan độc-chiếm ưu-thế là ai ai cũng có công ăn việc làm, 3/4 số đất do nông-dân làm chủ, mức sống của toàn dân nói chung không quá chênh-lệch, người Thái-lan không có tư-bản địa-chủ kếch-sù, lại cũng không có hạng người quá cùng khổ, đó chính là điểm mà chủ nghĩa cộng-sản không dễ gì mà phát-triển ở đây.

(1) Năm 1965 dân số Thái-lan hơn 30 triệu người (L.T.S.)

ĐÔNG TÙNG

Nhưng hiềm vì ở nước Thái-lan, công-nhân ở các xí-nghiệp phần đông lại là người Hoa-kiều, có tổ chức « Liên-hiệp lao-động » của phái thiên tả sáng-lập, luôn luôn đối-lập với « Trung-trương công-đoàn thợ-thuyền » do chính-quyền Thái-lan sáng-lập và điều-khiển. Có tài-liệu cho rằng đảng Cộng sản Thái-lan, tính đến ngày 1-5-1952 đã có đến 34 ngàn 800 đảng viên (?) nhưng thực ra hầu hết là người Hoa-kiều, chính người bản-xứ rất ít.

e— ĐƯỜNG LỐI NGOẠI GIAO CỦA THÁI-LAN.

Hiện nay Thái-lan hoàn-toàn đứng hẳn về khối thế-giới tự-do là một tiền-đồn chống Cộng, một hội-viên Khối Phòng-thủ Đông-Nam-Á, trước đây Thái-lan đã dự vào trận chiến-tranh Triều-tiên bên cạnh Hoa-kỳ; mặc dầu số quân của Thái-lan hứa sẽ đem sang 3 ngàn, nhưng thiệt ra chưa có một tên lính nào đặt chân lên đất Triều-tiên cả. Thái lan cương-quyết tuyệt-giao với khối Cộng-sản, chỉ trừ Nga-sô. Nguyên lúc đầu Nga-sô chống việc Thái-lan xin vào Liên-hiệp-quốc, nhưng sau Nga-sô lại tán-thành, phải chăng vì điều-kiện Thái-lan thỏa-thuận cho Nga-sô được đặt lãnh-sự-quán ở thủ-đô Vọng-các. Người ta bảo rằng : lãnh-sự-quán của Nga-sô ở Vọng-các có trên 80 nhân-viên làm việc, trong khi Nga-kiều ở Thái-lan không đó đến một chục người (7 người).

Trở lại vấn-đề :

VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN ĐÃ HOẠT-ĐỘNG CHÍNH-TRỊ NHƯ THẾ NÀO ?

Khi nói đến Việt-kiều ở Thái-lan, chúng ta chỉ nên nhận đó là một tổ-chức cách-mạng ở hải-ngoại đông đảo, gồm đủ mọi thành phần xã-hội, giai-cấp, tôn-giáo... Họ đã hoạt-động cách-mạng, tùy theo thời-kỳ, hoàn-cảnh mà thay đổi chiến-lược, chiến-thuật, chủ-trương đường lối, nhiều khi đến cả căn-bản chủ nghĩa nữa.

Vì thế cho nên ngày xưa Việt-kiều ở Thái-lan là những mối nơm nớp lo sợ luôn bên cạnh thống-trị Pháp ở Đông-dương, chính vì chỗ đó mà chúng luôn luôn tìm cách phá hoại bằng đủ thiên hình vạn trạng, bằng vũ-lực khủng-bố tàn-sát, bắt giết tù đầy, bằng chính-trị ngoại-giao xảo-trá quỷ-quyệt. Đối với chính-phủ và nhân-dân Thái-lan, với tình nghĩa lân-bang gặp hồi hoạn-nạn, «môi hở răng lạnh» nên luôn luôn che chở cho Việt-kiều, nhất là những tổ-chức cách-mạng. Nhưng khốn thay ! Thái-lan là một nước nhược-tiểu, làm sao dám kháng-nghị được đế-quốc Pháp, một đế-quốc ketch-sù, khi chúng dùng cái lý của kẻ mạnh để bắt ép Thái-lan trong việc phá-hoại công cuộc cách-mạng Việt-nam ở Thái, mà các bạn sẽ được thấy ở những đoạn sau.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

● NHỮNG CƠ-SỞ CÁCH-MẠNG CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN.

Cơ-sở cách-mạng của Việt-kiều ở Thái-lan thì rất nhiều, nhưng sau đây tôi chỉ nêu lên những nơi quan-trọng là :

Bạn May, Bạn Vatepas, Bạn Banboche, thuộc tỉnh Lakhon.

Bạn Nôông-Bùa, Bạn Nôông-Ồn, thuộc phủ Oudonne.

Bạn Đông-Thầm thuộc Phi Chít (do Cụ Sào-Nam sáng-lập). Nhưng nơi này tôi muốn nói là những mồ chôn bao mật-thảm của đế-quốc Pháp mỗi khi chúng dám liều mạng dò dẫm tới đây. Các Ông Võ-trọng-Đài, Lê-xuân-Ngân ở Lakhon; Nguyễn-trung Chánh tức Thúy ở Ondonne, Nguyễn-Tài tức Vê, Nguyễn-đức Thảo tức Sánh ở Sa-khon, Ông Trạch-Phong, Ngô-đình-Kim, cố Khôn (đồ đệ cũ của Cụ Sào-Nam) ở Phi-Chít vẫn được mang cái tên bất hủ: « Xứ mường Thầy » (cọc ở Thái).

Tuy nhiên, từ năm 1908 trở về trước, Việt-kiều ở Thái chưa có một tổ-chức cách-mạng nào khả dĩ lãnh-đạo họ đấu-tranh một cách khoa-học, có phương-pháp, thế cho nên họ đã hy-sinh bao nhiêu xương máu, bao nhiêu khí-phách tinh-thần mà vẫn không thu được những kết-quả xứng đáng. Chưa nói là thành công hay thất-bại, nhưng chưa thực-hiện được một phần nào kết-quả dù là nhỏ cho đáng với tấm lòng yêu nước thiết-tha của họ.

Nhưng dầu sao, chúng ta cũng phải điếm lại những công cuộc mà họ đã làm qua các thời-kỳ như sau :

1. Những đội nghĩa-quân Cần-vương miền Nam, do những lãnh-tụ: Trương-công Định, Thủ-khoa Huân, Nguyễn-trung-Trực, Thiên-hộ-Dương, Phan-thanh-Tòng, Phan-thanh-Tôn (con Phan-thanh Giản), Đoàn-công-Bửu, Nguyễn-xuân-Phong, Trần-Bình, Lê-tấn-Kế, Đỗ-đình-Thoại lãnh-đạo đánh Pháp khắp các tỉnh miền Nam, bị đế-quốc Pháp đánh vỡ; nghĩa-quân do đường rừng xuyên qua Hạ-Lào, vượt Cửu-long qua Thái, xây-dựng cơ-sở cách mạng ở Oubon, Xi-xã-Kết được Fraonchant thứ 6 (vua Thái) che-chở, đã có lần kéo về đánh Pháp ở Paksé, Attopeu thuộc Hạ-Lào.

2. Những nghĩa-quân Cần-vương ở Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Thừa-thiên, Quảng-trị, Quảng-bình do những nhà lãnh tụ: Trần-Hải, Lê-Sĩ, Lê-Thuần, Lâm-Hoàn, Trần-thú-Nhân, Tôn-thất-Thuyết, Trần-xuân Soạn, Mai-văn-Thường, Bùi-Điền, Nguyễn-đức-Thuận, Trần-văn-Dự, Nguyễn-Hàm, Nguyễn-Hiệu N V... lãnh đạo, khởi-nghĩa kháng Pháp trong mấy năm ở miền Trung với một tinh-thần không hề sống chết.

ĐỒNG TÙNG

Nhưng vì quá chênh-lệch về hỏa-lực không, sao đương nổi với Pháp, nghĩa-quân phải xuyên qua Trung-Lào, vượt Cửu-long qua Thái, lập cơ-sở ở mấy vùng Roi-ệt, Khủ-lủ, Ấm-phờ Bùng, Mường-mục, mua sắm khí-giới thao-luyện võ-ngệ, mưu-đồ khôi-phục nước non. Sau vì sự giao-thiệp của đế-quốc Pháp, chính-phủ Thái không sao che chở nổi, nên phải hạ lệnh giải-tán.

3. Những đội quân Cần-vương do Văn-thân 3 tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an và Hà-tĩnh do những lãnh-tụ Cụ Nguyễn-Xuân-Ôn, Lê-doãn-Nhạ, Phan-đình-Phùng, Lê-Ninh, Đinh-văn-Thất, Thái-minh-Chính, Cao-Đạt, Cao-Thắng, Hà-văn-Mạo, Cầm-bá-Thước, Tống-duy Tân, Đinh-công-Tráng v.v... lãnh-đạo, qua 10 năm kháng-chiến, chiến-khu Vũ-quang (Hà-tĩnh), Bồ-lư (Nghệ-an), Ba-đình (Thanh-hóa) là những nơi chôn bao nhiêu sĩ-quan và binh lính Pháp, nhưng cuối cùng đều bị chúng phá tan, nghĩa-quân rút qua Lào, vượt sông Cửu-long qua Thái, lập cơ-sở ở những khu rừng « Na Ngua » và « Na Vạ » thuộc phủ Sa-Khon, sau bị Pháp giao-thiệp với chính-phủ Thái rồi mang cảnh-binh tới lùng, qua mấy trận xung-đột, rồi đại cuộc cũng tan vỡ, sau nhà lãnh tụ Cao-Đạt (Đề-Đạt một tướng của Phan-đình-Phùng, bị bắt ở đây).

4. Nhưng nghĩa-quân Cần-vương miền Bắc, do những lãnh-tụ : Nguyễn-thiện-Thuật, Lãnh-Giang, Hai-Kế, Đốc-Tích, Đốc-Khoát, Ba-Giang, Tống-Kính, Tuần-Văn, Đốc-Vinh, Tạ-Hiền, Nguyễn-Cao, Đốc-Quế, Đốc-Mỹ, Lãnh-Thừa, Lưu Ký, Đề-Hồng, Bá-Phúc, Đề-Kiều, Hoàng-công-Vinh, Nguyễn-quang-Bình v.v... lãnh-đạo.

Bao năm chiến-đấu với quân thù, người ta đã dám đem chiến-khu Bãi-sậy của nghĩa-quân Bắc-hà sánh với « Đầm Dạ-trạch » của Triệu-quang-Phục ngày xưa. Nhưng vì khí-giới quá chênh-lệch, nên cuối cùng vẫn bị quân thù đánh bại, một đại-đa-số trốn qua Tàu, một số khác trốn qua Thái lập dinh trại ở những nơi Nôông-Ôn, Ban Nôông-Bùa, Mường-Loi, thuộc tỉnh Audon đã nhiều lần nghĩa-quân kéo về đánh Pháp ở Vientiane (Lào). Cuối cùng chúng phải ép buộc chính-phủ phải ra lệnh giải-tán.

Nhưng hoạt-động trên đây của thời bấy giờ hoàn-toàn ở người lãnh-đạo, chưa biết tổ-chức chính đảng, đường lối nhân-dân.

Sau ngày phong-trào Đồng-du ở Nhật-bản bị thất-bại, thì những người lãnh-đạo trong phong-trào này chia đôi : một nửa về Tàu, một nửa về Thái cùng Việt-kiều ở đây tổ-chức cơ-sở cách-mạng.

Những vai quan-trọng, trong một nửa về Thái là :

Phan-bội-Châu, Tăng-bạt-Hồ, Đặng-tứ-Kính, Đinh-doãn-Tế, Đặng-

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

thúc-Hứa, Võ-trọng-Đài, Nguyễn-thức-Đường, Mai-lão-Bạng và có một người quán Thừa-thiên, tôi không nhớ tên họ là gì, chỉ nhớ được cái tên bằng tiếng Thái của Ông là « Khún-vi-Xệt ».

Nguyên Ông là một chiến-sĩ cách-mạng trong phong-trào Đông-du khi ở trường « Chấn-võ học-hiệu » ở Đông-kinh, Ông tỏ ra người có biệt-tài và hiểu-học.

Khi về Thái-lan, Ông tự kiểm lấy thầy học riêng chữ Thái, rồi đi thi đậu Tiến-sĩ Luật, làm Luật-sư nổi tiếng ở Vọng-các.

« Khun-vi-Xệt » nghĩa là đặc-biệt, người Thái cũng cho Ông là một người đặc-biệt, nên mới tặng cho Ông cái tên ngộ-ngĩnh ấy, rồi gọi lâu thành quen, hóa ra tên thiệt.

Thật là đặc-biệt, không ngồi ghế nhà trường một năm nào cả, mà đậu Tiến-sĩ làm Luật-sư, thì thiệt là đặc-biệt.

Về tới Thái-lan các Cụ lập cơ-sở ở Bạng Đông-Thầm, thuộc phủ Phi-Chật do cụ Phan-sào-Nam, Đặng-tử-Kính, Võ-trọng-Đài và Đặng-thúc-Hứa điều-khiển, còn thì mỗi Ông chịu trách-nhiệm tổ-chức Việt-kiều mỗi địa-phương, đề gây cơ-sở cách-mạng.

Đến năm 1911. Sau khi cách-mạng Tàu thành-công, trước sống cách-mạng dân-chủ đang cuộn cuộn lên, thì cách-mạng Việt-nam cũng thay chiều đổi hướng, với tổ-chức Việt-nam Phục-quốc được thành-lập ở Tàu và khắp các nơi Việt-kiều ở Thái.

Nhà chí-sĩ Phan-sào-Nam phải qua điều-khiển bộ-phận bên Tàu, công việc ở Thái-lan giao lại cho ba Ông : Đặng-tử-Kính, Võ-trọng-Đài và Đặng-thúc-Hứa.

Từ ấy Việt-nam Quang-phục-hội ở Tàu và Thái-lan, có một sự quan-hệ rất mật-thiết và song song hoạt-động.

Trong thời-gian này, Việt-kiều ở Thái-lan đã hoạt-động cách-mạng với tổ-chức Việt-nam Quang-phục đã có những thành-tích như thế nào, đối với giang-sơn cổ-quốc.

a) Đã ấn-hành sách vở báo chí, thi ca, phái người mang về nước tuyên-truyền cổ động cách-mạng, như : « Ái-quốc-ca, Ái-chúng-ca, Ái-đoàn-ca, Hoán-tình Quốc dân, Quang-phục-quân phương-lược ».

b) Phái Ông Nguyễn-văn-Ngôn biệt-hiệu Tùng Nham vượt qua Thượng-Lào, xuyên về Việt-Bắc giúp Ông Hoàng-hoa-Thám đầy mạnh phong-trào kháng Pháp ở Thái-nguyên (Yên-thế, Phồn-xương), và phái Ông « Sư Rau » — Ông này người Nam-kỳ, tự quốc nạn qua Thái, mà cụ Phan-sào-Nam đã tìm được trong một động đá, đồng thời là một ngôi chùa ở Húa-Hín, mà nhà cách-mạng « Sư Rau » tạm đi tu để chờ cơ-hội. Ông Sư

ĐÔNG TÙNG

này chỉ độc ăn rau, nên mới gọi là Ông Sư Rau. Nhưng đi tu, ăn rau và sợ sát sinh chỉ là một thủ-đoạn của nhà chính-trị dùng để ăn thân, chứ sau khi đã nhúng tay vào công cuộc cách-mạng rồi, với quân thù cũng như lũ Việt-gian bán nước, thì đến sát-nhân cũng cứ phải làm, chứ không phải là sát sinh. Đồng thời điều-động thêm một số người nữa giúp với Sư Rau về Cao-miên và Nam-kỳ tổ-chức Quang-phục cách-mạng.

c) Về võ-trang : Đại-chiến thứ nhất bùng nổ, Pháp bị Đức đánh thua liểng-xiêng Nhà lãnh-đạo cách-mạng Việt-nam thời bấy giờ là Cụ Phan-sào-Nam, chủ-trương khởi-nghĩa khắp nơi. Do đó, ở trong nước, vụ Hà-Thành đầu độc, khởi-nghĩa Thái-nguyên, ném bom Hà-nội, vua Duy-tân, Trần-cao-Vân khởi-nghĩa ở Trung-bộ đều được phát-hiện trong dịp này.

Đề làm náo-động « nội ngoại tịnh phát », ở Quảng-tây và Vân-nam (Tàu) có 3 đạo-quân Quang-phục do Nguyễn-hải-Thần, Hoàng-trọng-Mậu, Nguyễn-thức-Đường chỉ-huy kéo về đánh Pháp ở biên giới Hoa-Việt.

Trong dịp này, Việt-kiều ở Thái-lan cũng tích-cực hoạt-động, với sự giúp đỡ của viên lãnh-sự Đức ở Vọng-các và dưới quyền chỉ-huy của Việt-nam Quang-phục-quân, nên Việt-kiều cũng tổ-chức được 3 đạo nghĩa-quân, do Đinh-đoãn-Tế và Ngô Quang chỉ-huy, vượt Cửu-long về đánh Pháp ở Hin-Bun, Savannakhek, Paksé, biên-giới Lào-Thái. Đã một lúc làm cho Pháp thất điên bát đảo.

Thời-kỳ này, cách-mạng Việt-nam ở Thái-lan đã biết tổ-chức theo phương-pháp chính đảng, mà nhiệm-vụ không phải vốn vẹn mấy địa-phương ở Thái, mà là nơi dùng để đào-tạo cán-bộ chỉ-huy mọi hoạt-động ở trong nước.

Vì thế cho nên có người đã cho rằng, kiều-bào ở Thái-lan là nơi dự trữ, là lò đúc khí-cụ, là vốn liếng cho cách-mạng Việt-nam tương cũng không phải là lời quá đáng.

Thiệt vậy, ngày 11 tháng 5 năm Ất-sửu (7-1925), do 2 tên mật thám của Pháp là Nguyễn-thượng-Huyền và Trần-đức-Quý điếm chỉ, nên nhà ái-quốc chí-sĩ Phan-sào-Nam từ Hàng-châu tới Thượng-hải định đáp tàu thủy về Quảng-đông để kịp dự lễ kỷ-niệm Phạm liệt-sĩ Hồng-Thái cùng đoàn-thể cách-mạng ở Quảng-đông, không ngờ Cụ Phan vừa tới ga Bắc trạm, thì bị mật thám Pháp đón bắt được Cụ Phan liền dẫn xuống tàu binh chở về Hải-phòng, rồi giải về Hà-nội.

Chúng không ngờ rằng, tiếng bom Sa điện của Phạm liệt-sĩ Hồng-Thái thích khách Toàn-quyền Đông-dương Merlin, như một tiếng

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

chuông cảnh tỉnh đồng-bào quốc-nội và hải-ngoại. Sau mấy năm mơ mộng bùng nổi dậy rầm rầm ; nay lại tiếp đến việc nhà đại cách-mạng Phan-sào-Nam bị bắt, Pháp định mang về hành-hình theo án tử-bình chúng đã kết sẵn. Như đồng lửa đang cháy, chúng đổ thêm dầu, thề là từ Hà-nội đến Sài-gòn toàn thề anh em học-sinh, sinh-viên, công-nhân, nông-dân nhất tề đứng dậy biểu-tình đòi ân-xá cho Cụ Phan.

Đề góp vào một phong-trào cách-mạng đang dâng lên như vũ bão ấy, Việt-kiều ở Thái-lan, dưới sự lãnh-đạo của mấy nhà cách-mạng lão-thành ở Thái-lan như : Đặng-thúc-Hứa, Võ-trọng-Đài, Cổ-khôn, Cụ Thạch-Phong, Lưu-khai-Hồng v.v... cũng hoạt-động bằng đủ mọi hình-thức như : Việt-kiều ở tỉnh Oubon, được chính-phủ Thái-lan cho phép, tổ-chức cuộc biểu-tình không-lò kéo vào lãnh-sự-quán của Pháp ở Oubon, đưa tập nguyện-vọng nhờ lãnh-sự chuyển-đặt về nước yêu-cầu nhà cầm quyền Pháp ở Đông-dương phải thả ngay Cụ Phan.

Việt-kiều ở Vọng-các, với sự chủ-trương của Luật-sư Khún-vi-Xệt (Ông này trước ở Nhật, sau về Thái-lan làm Luật-sư, mà chúng tôi đã nói ở đoạn trên), cũng cử một phái-đoàn đem bản nguyện-vọng tới tòa Đại-sứ Pháp ở Vọng-các, nội-dung nguyện-vọng cũng không ngoài việc đòi ân-xá cho Cụ Phan.

Nào họ viết lên các báo ở Vọng-các, cả tiếng Thái-lan lẫn tiếng Anh, đều chứa đựng một nội-dung vạch trần hành-động tối-tăm đê-hèn của bọn Pháp ở Đông-dương trong việc đối xử với Cụ Phan, và cuối cùng đòi Pháp phải ân-xá cho Cụ Phan.

Nào vận-động với chính-phủ Hoàng-gia Thái-lan lên tiếng phản-đối Pháp, trong việc bắt Cụ Phan, một nhà chân-chính ái-quốc của nước bạn Việt-nam.

Nào những Việt-kiều theo Thiên-Chúa-giáo ở những xứ Tha-Hệ, Oubon, Noóng-Xểng, dưới quyền điều-khiển của mấy Ông Ngô Quảng, Cu-Ba (Ông này người nguyên-quán ở xứ Trang-cảnh, huyện Nghi-lộc, sang Thái-lan ở xứ Noóng-Xểng), Ông Khâm-Phấn (Khâm Phấn là tên Thái, nguyên trước học ở Đại-chủng-viện Xá-đoài, sang Thái-lan ở xứ Tha-Hệ). Nhờ các cha xứ làm trung-gian, yêu-cầu Tòa Thánh La-mã can-thiệp, buộc Pháp phải ra lệnh ân-xá cho Cụ Phan.

Nói tóm lại : Đế-quốc Pháp phải nhượng-bộ nhân-dân Việt-nam mà không dám giết hại Cụ Phan, Việt-kiều ở Thái-lan, cũng đã đóng góp một phần xứng đáng.

Và cũng như ta đã biết, phong-trào đòi ân-xá Cụ Phan-sào-Nam năm 1925 cộng với phong-trào truy-điệu Cụ Phan-tây-Hồ năm 1926, đã

ĐỒNG TÙNG

kích-thích một cao-trào cách-mạng Việt-nam lên cao hơn hết thảy bao giờ. Thế rồi, khắp trong và ngoài nước, các chính đảng cách-mạng, tùy màu sắc chính-trị có khác nhau đôi chút, đồng thời kế tiếp nhau thành-lập :

Tân-việt cách-mạng đảng.

Việt-nam Quốc-dân đảng.

Hội Kín Nguyễn-an-Ninh.

Việt-nam Cách-mạng Thanh-niên Đồng-chí.

Trước cao-trào cách-mạng ấy, Việt kiều ở Thái-lan, dưới sự lãnh-đạo của mấy nhà lão-thành cách-mạng như Đặng-thúc-Hứa, Võ-trọng-Đài, Đặng-tử-Kính, mọi tổ-chức đoàn-thể nhân-dân của Việt-kiều cũng được lần lượt tổ-chức như :

Hội Việt-kiều thanh-niên hợp tác :

- Thân-ái
- Phụ-nữ
- Thiếu-niên
- Giao-tác
- Tương-trợ.

Tổng-số hội-viên của Việt-kiều ở Thái-lan năm 1928 là 52.000 người, như tôi đã trình-bày về số-lượng trên. Nguyên những tổ-chức của Việt-kiều ở Thái-lan nói trên là những chi-bộ thuộc tổng-bộ ở Tàu, mà ở Thái-lan người ta chia ra làm những chi-bộ sau đây :

- Đệ nhất chi-bộ ở Phi-Chật.
- Đệ nhị chi-bộ ở La-khon.
- Đệ tam chi-bộ ở Oudon.
- Đệ tứ chi-bộ ở Sa-khon.

Trong mỗi chi-bộ lại chi ra nhiều phân-bộ theo điều-kiện địa-dư thuận-tiện. Ví-dụ : Đệ nhị chi-bộ ở La-khon, gồm nhiều phân-bộ là : Dụ-thèn, Mưong-mục, Pha-nôm v.v...

Về sách báo tài-liệu : ngoài tờ « Thanh-niên » do tổng-bộ Việt-nam Cách-mạng Thanh-niên Đồng-chí xuất-bản ở Quảng-châu (Tàu) được gửi về cung-cấp cho kiều-bào ở Thái-lan. Riêng kiều-bào ở Thái cũng tự xuất-bản nhiều sách vở, báo chí : ở Bạ Đông-Thăm (Phi-Chật) tờ « Đồng-thanh », ở Oudon tờ « Thân-ái », ở La-khon tờ « Tiếng-chuông », « Cổ-quốc ».

Nhà thương, trường học, nghĩa-địa, công-viên, hội-quán các đoàn-thể được thành-lập khắp những nơi có kiều-bào đông-đảo.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI TÁN

Tất cả những hoạt-động không ngoài mục-đích nung nấu lòng căm-thù cứu nước của kiều-bào.

Họ làm lễ kỷ-niệm « Quốc-sĩ » vào những ngày : 5 tháng 6 năm 1862, ngày đế-quốc Pháp bắt đầu cướp 3 tỉnh Biên-hòa, Gia-định và Định-trường ở Nam-bộ. Ngày 26 tháng 6 năm 1867 chúng chiếm thêm 3 tỉnh Vinh-long, Châu-đốc và Hà-tiên. Thất-thủ kinh-đô Huế ngày 23 tháng 5 năm Ất-đậu (1885).

Những ngày ấy được coi như ngày Quốc-tang, họ tập-trung ở hội-quán làm lễ kỷ-niệm, nhắc lại ngày lịch-sử đau thương của dân-tộc, họ đọc những thi-văn tuy mộc-mạc nhưng rất thống-thiết.

Tới đây, tôi muốn nhắc lại một giai-thoại văn-chương như sau :

Năm ấy, năm 1928, trong khi Việt-kiều ở tỉnh Oudon khai hội đề bàn về việc tổ-chức lễ kỷ-niệm quốc-sĩ thất-thủ kinh-đô. Sau giờ hội-ng nghị bế-mạc, ngồi mạn đàm đông dài về văn thơ. Ông Tín-Thầu người Nghệ-an, được hội-ng nghị cử làm văn khóc bà mẹ tổ-quốc Việt-nam, bị một người Bắc nói ghẹo rằng : « Cũng may mà có tiếng ngoài Bắc chúng tôi thì Việt-nam mới làm được thơ văn, chớ chỉ mà cứ đực như tiếng Nghệ nhà anh cả, thì Việt-nam không có thơ. » Ông Tín-Thầu trả lời : « Với tôi tiếng Nghệ cũng có thể làm được tất cả ! » Thế là người ta đã thách Ông làm bài văn ai khóc bà mẹ tổ-quốc năm ấy, phải làm độc tiếng Nghệ, không được xen vào một tiếng Bắc nào,

Thế rồi bài văn tẻ năm ấy, Ông Thầu đã làm rất dài, tới nay tôi nhớ được mấy câu sau đây :

.
.

Pháp ơi Pháp hỡi !

Choa thử hỏi mi !

Rằng mi độc ác rứa ?

Choa có tội tình chi !

Bắt choa làm tru ngựa :

Đề mi tắc hò ri

Nước vẫn nước ta

Mà dù Tây choán hết

Đất vẫn đất ta

Mà ta phải lưu-ly !

.
.

ĐỒNG TÙNG

Và những ngày tuần-tiết của những vị anh-hùng chí-sĩ Việt-nam, họ đều tới hội-quán làm lễ truy-niệm, đốt hương dâng hoa.

Cũng như những chiến-sĩ cách-mạng đang hoạt-động mà lỡ bị Pháp bắt rồi bắn giết, thì khắp nơi toàn thể Việt-kiều họ đều tổ-chức lễ truy-diệu rất long-trọng. Như Ông Lê-văn-Phan tức Tán-Anh, tức Hồng-Sơn bị Pháp bắt ở Tàu rồi mang về Nghệ-an bắn chết. Ông Nguyễn-sĩ-Sách biệt-hiệu Kim-Phong bị Pháp bắn chết ở Lao-bào, Ông Đặng-thái-Thuyền tức Cảnh-Tân con Ông Ngự-Hải bị Pháp giết ở Komtum.

Ngoài những công việc ấy, họ còn mở nhiều lớp huấn-luyện chính-trị để đào-tạo những cán-bộ đủ đức tài về nước hoạt-động.

Sau vụ khởi-nghĩa ở Yên-thế thất-bại cũng như nông-dân Thanh, Nghệ, Tĩnh biểu-tình bị Pháp khủng bố. Để tiếp-tục cho những phong-trào ấy, Việt-kiều ở Thái-lan còn tổ chức một bộ-phận gọi là « Đồng-dương viện-trợ bộ ».

Việt-kiều ở Thái-lan còn mở rộng những mối liên-hệ với những đảng cách-mạng trong nước. Tôi còn nhớ rõ ngày 19-6-1928 Ông Hồ-văn-Mịch, Nguyễn-ngọc-Sơn và Phạm-Tiêm lãnh-tụ Việt-nam Quốc-dân đảng có tới Oudon (Thái), để thảo-luận về vấn-đề hợp-nhất, nhưng vì màu sắc chính-trị khác nhau, nên cuộc thảo-luận không đem tới một kết-quả nào.

Do bàn tay của Việt-kiều ở Thái-lan đã đào-tạo nên những cán-bộ khá xuất-sắc cho cách-mạng.

Đại-chiến thứ II bùng nổ, Pháp bị mất nước, một dịp tốt có một không hai để nhân-dân Việt-nam nổi dậy khôi-phục lại nước. Vì vậy các đảng cách mạng khắp trong và ngoài nước đều tổ-chức lại và ráo-riết hoạt-động để cung-ứng kịp thời cái cơ-hội tốt có một không hai ấy.

Với cơ-hội tốt ấy, là một đám quần-chúng đông đảo, sẵn tính-chất cách-mạng như Việt-kiều ở Thái-lan. Vậy ta không lấy làm gì làm lạ khi thấy « Việt-kiều Cứu-quốc hội » cũng được thành-lập khắp nơi, và hăng-hái hoạt-động hơn bao giờ hết.

Những cán-bộ, có thể nói là trọng-yếu mà Ông Hồ-chí-Minh mang về thành-lập chiến-khu Việt-bắc hồi đầu tiên (1942) đa-số xuất thân trong đám Việt-Kiều ở Thái-lan như : Hoàng-ngọc-Ân ở Thái-lan gọi là anh Nghĩa tức Nai-Thong (tên bằng tiếng Thái-lan) hiện mang tên Hoàng-văn-Hoan, Hoàng-Sâm (Thiếu-tướng), Quang-Lê, Quang-Bua, Trần-văn-Hóa, Lê-xuân-Tiến.

Lại nữa, sau ngày 23-9-1945, Pháp kéo quân trở lại chiếm Nam-

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

bộ, cuộc kháng-chiến bắt đầu, một bộ-đội hải-ngoại được mang tên là bộ-đội Cửu-long, mua sắm khí-giới từ Thái-lan xuyên qua Hạ-Lào kéo về miền Nam, đánh với thực-dân Pháp ở Nam-bộ; và đã lập nhiều chiến-công kỳ-dệu. Các chiến-sĩ này đa-số là con em của Việt-kiều ở Thái.

TỔ-CHỨC TRỪ-GIAN CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN

Như chúng ta đã biết, đạo-đức cách-mạng là một thứ đạo-đức dựa trên cơ-sở công-bình và đạo-lý, áp-dụng đúng mức và đúng chỗ. Đạo-đức cách-mạng thương yêu hết mọi người đáng được thương yêu, nhưng cũng thẳng tay trừng-trị những đứa tán tận lương-tâm, chuyên môn làm việc phản dân hại nước.

Chẳng hạn như : Dùi Trương-tử-Phòng đánh Tần-Thủy-Hoàng ở bãi Bác-lăng. Dao găm Dur-Nhượng trong hồ xí kẻ thù. Nhà ái-quốc Triều-tiên Yên-trọng-Căn giết Y-Đặng Bác-Văn, tên Toàn-quyền độc-ác của Nhật-bản. Bom Phạm-văn-Tráng một đồ-đệ của nhà cách-mạng Phan-sào-Nam giết tên mật-thám Pháp Nguyễn-duy-Hàn. Tạc-đạn Phạm liệt-sĩ Hồng-Thái nổ ở Sa-điện. Súng sáu Ký-Con chia vào ngực cô Bazin, Đội Dương tên mật-thám khét tiếng của Pháp. Thảy đều là những hành-động đúng đạo-đức cách-mạng.

Vì thế cho nên, cũng chẳng lấy gì làm lạ khi thấy Việt-kiều ở Thái-lan, một tổ-chức cách-mạng đông-đảo, muốn bảo-vệ cán-bộ và cơ-sở của mình, không thể thiếu được một tổ-chức trừ-gian, với kỷ-luật nghiêm-minh sắt đá, tuyển lựa những cán-bộ gan dạ khẩn-tiếp để chấp-hành.

Tổ-chức này được thành-lập khắp nơi trên đất Thái, những vùng có Việt-kiều đông đảo, có cơ-sở và cán-bộ cách-mạng cư-trú.

Những công-tác của tổ-chức này, thì không sao kể hết được. Sau đây tôi xin kể qua mấy việc quan-trọng :

● *BAN TRỪ-GIAN Ở PHỦ SA-KHÔN, HẠ-SAT TÊN BINH-KÍNH MỘT THẨM-TỬ CỦA PHÁP.*

Tên Binh-Kính (tôi không biết rõ họ gì, mà chỉ kể qua tên thường gọi), người Bắc nguyên là một đội khố-xanh hưu-trí, được Pháp tuyển-dụng vào làm ở sở mật-thám ở Vientiane (Lào).

Khi phong-trào cách-mạng của Việt-kiều ở Sa-khôn sôi nổi. Binh-Kính chịu mệnh-lệnh của sở mật-thám Vientiane sang Sa-khôn (Thái), với mục-đích để giao-thiệp hay mượn tay chính-quyền địa-phương Thái để lùng bắt những cán-bộ cách-mạng trong đám Việt-kiều ở Sa-khôn.

ĐỘNG TÙNG

Đi theo Kính có 5 tên thủ-hạ đều là hạng người củ vọ, rậm râu sâu mắt. Những hành-động buồn dân hại nước của họ đã làm tổn-thương đến sự an-ninh của Việt-kiều ở đây rất nhiều.

Đoàn-thề cách-mạng ở Sa-khôn quyết-nghị giao lại ban trừ-gian ở đây, phải tiêu-diệt bọn người phản dân hại nước ấy.

Nguyên tên Bình-Kính, do tiền mật-thám Pháp cấp tới thị-xã Sa-khôn thuê một căn phố ở đảng-hoàng, lại bắt cảnh-bình Thái-lan canh gác.

Vào một hôm Kính đang ngồi đọc báo trong phòng, dưới một ngọn đèn măng-xông (lúc này ở Sa-khôn chưa có đèn điện).

Theo kế-hoạch đã định, 2 hiệp-khách trong ban trừ-gian một vào cửa trước, một leo tường vào cổng sau và, giao người vào cửa trước hạ-thủ, người leo vào cổng sau tiếp ứng hay lỡ ra hấn chạy ra cổng sau thì đón giết.

Tôi còn nhớ rõ, người vào cửa trước là anh Điều, người làng Thái-yên (Hà-tĩnh) làm nghề thợ mộc ở Sa-khôn. Người leo tường vào cổng sau là anh Vĩnh, người Nghệ-an làm nghề cày ruộng ở Sa-khôn.

Những phút im lặng trôi qua...

Đoành, đoành, đoành, tiếp sau mấy tiếng súng lục nổ là những tiếng động huỳnh-huých, anh Vĩnh núp tường sau sốt ruột, xô cửa sau xông vào, cuộc vật lộn giữa hai người đang diễn ra kịch-liệt, anh nóng ruột, xông thẳng vào phòng, anh bình-tĩnh dí súng lục vào mông tai Bình-Kính, ban một phát ân huệ (coup de grâce).

Làm xong nhiệm-vụ thiêng-liêng, cả hai anh cùng ra ngõ sau tàu-thoát.

Tức thì nhà chức-trách Thái-lan tới lập biên-bản, mở cuộc điều-tra, nhưng người ta cũng chỉ điều-tra cho có chuyện, chứ thâm-tâm họ cũng rất phục những hành-động của những người Việt-nam yêu nước. Họ phải diệt trừ những kẻ đang tâm làm chuyện phản dân hại nước của nước họ.

Tôi nói như vậy, quả có thể chẳng ? hay cũng chỉ là lời nói cho đẹp. Nhưng sau đây là một bằng-chứng cụ-thể :

Tôi còn nhớ rõ năm 1929, trong một buổi tiệc của Việt-kiều ở Sa-khôn tổ-chức để khoan-đãi các nhà chính-quyền Thái ở tỉnh Sa-khôn trong dịp Tết Nguyên-đán, Ông Tỉnh-trưởng tỉnh này phát-biểu ý-kiến những câu rất cảm-động.

Sau những lời tỏ tình mật-thiết với một số nhân-dân nước bạn, đã vì vạ vong-quốc mà phải lưu-lạc đất khách quê người, Ông đã kết-luận bằng câu :

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

« ... A nít Cha, may toổng liên thận thắng lại cở khoòng xạp dụ lẹo vạ, xào mường khữn, priệp mướn bụt căn phã, vệt thà nà xốổng xán thưng phiềng rày ... »

Tôi xin dịch nghĩa : « Than ôi ! tôi chẳng cần phải dài lời, thì anh em cũng đã dư biết dân mất nước như bố côì bồ mẹ, sự đau khổ tủi nhục phải luôn luôn chịu đựng đến mức nào ? »

Sau khi tên Bình-Kính bị hạ-sát, 5 tên thủ-hạ của Kính hoảng sợ bỏ tuốt về Vientiane. Và tiếp đó, vì Pháp không sai hay không có tên nào to gan dám tới thay thế, nên kiều-bào ở Sa-khôn được yên cư lạc nghiệp.

● *BAN TRỪ-GIAN Ở SA KHÔN TIÊU-DIỆT TÊN MẬT-THẨM CỦA MARTY Ở KHÚT-XU-MAN.*

Một lần, Việt-kiều ở Sa-khôn (một thị-trấn đối-diện với Thakhek Lào) được tin đích-xác rằng :

Marty tên trùm mật-thẩm của Pháp ở Đông-dương được lệnh sang Thái-lan với mục-đích giao-thiệp với chính-phủ Thái để lũng bắt cán-bộ cách-mạng Việt-nam ở Thái. Hành-trình Marty định đi từ La-khôn, Sa-khôn, Oudon, Khôn-rèn, Khô-rạt rồi Vọng-các. Tiêu-ban trừ-gian ở La-khôn quyết-nghị phải chặn ngay từ bước đầu.

Con đường hãn phái đi qua là một quãng đường rừng từ La-khôn vào Sa-khôn là 100 cây số, không có xe cộ phải đi bằng ngựa. Hãn đi có cảnh-binh Thái-lan yểm-hộ, mà Khút xu-man là đoạn đường rậm cây nhất, mà cũng là tắt do chỉ lộ.

Người chỉ-huy được tin ấy, gọi một người trong ban trừ-gian ở La-khôn tới giao mạng lệnh :

Định rằng : chỉ một cho đến ba cảnh-binh yểm-hộ thì hạ-thủ, nếu nhiều hơn thì phải chờ dịp khác. Nhưng anh Vịnh người được giao mạng lệnh lại là một người nóng như lửa, nên khi cỡi ngựa lặn súng đi theo đến quãng đường rừng đã chỉ định. Thì không phải gặp một hay ba người lính yểm-hộ mà đến những 12 người và một ông đội.

Theo đúng mệnh-lệnh, như vậy là không được làm. Nhưng Vịnh, một người sẵn có cái tính mà chúng tôi thường bảo anh cần phải sửa chữa ngay là « Trương-Phi », nên anh cũng cứ làm bừa, sau một tiếng tụt chắt lưỡi.

Trong khi đoàn lính đang kéo đi ngựa Vịnh diễu qua, tức khắc một người đi giữa năm lần dưng ra! Sau tiếng súng lục của Vịnh nổ, Vịnh liền thúc ngựa chạy vào rừng, viên đội hô lính bắn những phát súng trường đuổi theo, nhưng không trúng vào đâu cả.

Hôm sau, nguồn tin đích-xác cho biết rằng, phát súng của Vịnh đã

ĐỒNG TÙNG

trúng vào đầu người đi giữa, nên chết không kịp ngáp

Dầu sao Vành vẫn bị thi-hành kỷ-luật.

● *BAN TRƯỞNG GIAN Ở SA-KHÔNG THỦY-TIỂU TÊN MAI, MẬT-THẨM CỬ A PHÁP Ở BO-NENG VÀ PHÒNG-CHIU.*

Bo-Neng và Phòng-Chiu (Lào) là hai sở mỏ chì thực lớn nhất của Pháp ở Lào, ở đây công-nhân có hàng vạn, một nơi quần-chúng lao-động đông-đảo. Vì điều-kiện địa-dư tiếp-giếp, nên Việt-kiều ở La-khon phải chịu trách-nhiệm tồ-chức và hướng-dẫn công-nhân ở đây đấu-tranh chống đế-quốc Pháp.

Bo-Neng và Phòng-Chiu như một xã-hội riêng biệt, ở đây Pháp đặt đại-lý (Dégléué) giám-bình, cảnh-sát, nhất là để phá-hoại cách-mạng, vấn-đề mật-thám Pháp lại đặt nặng hơn.

Vào khoảng năm 1922, khi mà cách-mạng ở Bo-Neng và Phòng-Chiu hoạt-động ráo-riết, thì sở mật-thám Hà-nội sai tên Mai một mật thám khá năng-lực tới Bo-Neng và Phòng-Chiu, chỉ mới một thời-gian ngắn, mà cách-mạng ở đây đã bị tổn-thất nhiều.

Cách-mạng ở Thái-lan quyết-nghị thủ-tiêu tên này.

Rồi một hôm, được tin người này mang lính đi hộ-tống tên chủ mỏ người Pháp đi kho bạc tỉnh Thakhek, một tỉnh cách Bo-Neng 73 cây số xuyên qua đường rừng, nhận tiền về phát cho nhân-viên 2 mỏ.

Hải-Đen, người làng Thịnh-quả tỉnh Hà-tĩnh sang Thái đã lâu, nhận lệnh, mang theo 3 đồng đội, vượt qua Cửu-long về Lào. Sau khi khảo-sát địa-hình địa-vật, họ bố-trí mai-phục vào một quặt đường (tournant) chờ đợi... Hồi lâu thì ô-tô ở Thakhek về, khi tới tournant thì xe phải chạy hơi chậm. Hải-Đen bắn một phát súng vào bánh xe trước tức thì xe phải lê sang vệ đường rồi đứng lại, anh hô xung-phong, rồi lanh như chớp cả bốn người xông lên vây chặt xe ô-tô và hô giơ tay lên. Trong xe 1 tài-xế, 1 chủ mỏ người Pháp, tên Mai và 3 lính khổ-xanh.

Tây và Mai bị trói ngay lại, còn tài-xế và 3 lính bị tước súng và bắt sắp hàng.

Công việc trước tiên là đọc một bản án tử-hình do tòa án « Minh-nghĩa Cách-mạng » đã xử sẵn, rồi họ thi-hành bản án ấy bằng cách hành-hình Mai; và vì không thể để lại được, nên cũng phải hóa kiếp cho tên chủ mỏ người Pháp nữa.

Bấy giờ họ mới xoay lại nói với 4 người :

Trước giờ phút này, cũng đã có một vài tia sáng đề anh em nhận

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

thấy rằng : «Chúng tôi không phải là một đảng cướp đường, mà là người của một đoàn-thề cách-mạng ở hải-ngoại về đây với mục-tích rất đơn-giản là giết tên Mai, để trừ tai-họa cho đồng-bào và cách-mạng, cho nhân-dân lao-động ở mỏ.

Các anh em, cũng như muôn ngàn người dân khác, chỉ vì miếng cơm tấm áo mà phải đi làm với chúng.

Vậy đoàn-thề cách-mạng rất sẵn-sàng đón tiếp những người như anh em.»

Vậy chúng tôi xin hỏi : «Nếu cả 4 anh em bằng lòng theo chúng tôi sang Xiêm để hoạt-động cách-mạng, phụng-sự tổ-quốc, thì xin hoan-hô.

Nếu vì một hoàn-cảnh nào, không thể thực-hiện được, nghĩa là phải trở về với gia-đình ở mỏ, thì cũng không sao, nhưng phải làm theo kế-hoạch sau đây, mới bảo-tồn được.» Kế-hoạch như thế này :

Chúng tôi trói các anh vào gốc cây và nhét dẻ vào miệng, sau cả 4 người phải cung-khai đứng như thế này :

«Khi xe tới đây, bị một đám cướp rừng rất đông, đủ khí-giới, ông chủ và ông đội bị chúng bắn chết, chúng tôi bị chúng bắt trói lại và nhét dẻ vào miệng. Phải khai cho mọi người trước sau thống-nhất.

Nếu lỡ chúng có tình-nghĩ tra tấn, thì phải chịu đau cho qua, khai sai nhau thì chúng sẽ cho là đồng-lừa thì oan-gia đấy.

Đi hay ở, hoàn-toàn theo ý nguyện anh em, cách-mạng không bỏ ai, nhưng cũng không ép buộc ai làm.»

Cả 4 người đồng thanh xin theo qua Thái.

Bốn người cũ và 4 người mới, họ thu-thập tiền bạc và 2 khẩu súng lục rồi lần vào đường rừng.

● *BAN TRỪ-GIAN CỦA VIỆT-KIỀU Ở BẠN ĐÔNG-THẨM TỈNH PHAI-CHIT, THỦ-TIÊU HAI TÊN CƯỜNG VÀ LONG—HAI MẮT-THAM LỢI HẠI CỦA PHÁP.*

Bạn Đông-Thẩm, nguyên là một cơ-sở cách-mạng được thành-lập bởi nhà đại cách-mạng Phan-Sào-Nam.

Năm 1908, khi phong-trào Đông-đô qua Nhật, bị Pháp giao-thiệp xúi bầy, chính-phủ Nhật ra lệnh giải-tán học-sinh ở trường Chấn-Võ (Đông-kinh) và trục-xuất những nhà lãnh đạo. Lúc bấy giờ một số lui về Tàu, một số khác lui về Thái-lan để tiếp tục gây lại cơ-sở cách-mạng. Số lui về Thái-lan là các Cụ : Phan-sào-Nam, Đặng-thúc-Hứa, Võ-trọng-Đài, Đặng-tử-Kính, Lê-danh-Nghĩa (Học-Nghĩa), Đinh-doãn-Tế, Cổ-Khôn, Cụ Thạch-Phong v.v...

ĐỒNG TÙNG

Các Cụ ở Nhật về, sau một thời-gian quan-sát kỹ càng, các Cụ chọn Bọn Đồng-Thầm là nơi đất tốt, sinh-hoạt dễ-dàng để lập đồn-điền, với khẩu-hiệu « súc chủng đại thời ». Ở đây các Cụ, chiêu dân lập ấp, thiết lập thành làng-mạc, với mục-đích làm cơ-sở cho cách-mạng. Những tác-phẩm, thi-ca của Cụ Phan như: Ái-quốc ca, Ái-chúng-ca, Ái-đoàn ca, Hợp-đoàn ca, vở tuồng Vọng-quốc thăm-trạng Cụ đã sáng-tác vào thời-gian này. Năm 1912 khi Cụ Phan trở lại Tàu để lãnh-đạo công cuộc Việt-Nam Phục-quốc, thì công việc ở đây giao lại Cụ Đặng-thức-Hứa tức Ngọ-Sanh điều-khiển. Vì vậy, trong hồ sơ của sở mật-thám Pháp được chúng viết là : « Bọn Đồng-Thầm là đồn-điền Tú-Hứa » (« Bọn Đồng-Thầm était une des plantations de Tú-Hứa »).

Vào thời-kỳ cận-đại, Bọn Đồng-Thầm đã trở nên một địa-điểm rất quan-trọng cho công cuộc cách-mạng ở Thái-lan. Những người xuất-dương qua Tàu trước phải trải qua Thái-lan, không một ai là không có ở Bọn Đồng-Thầm, như : Phạm liệt-sĩ Hồng-Thái, khi ở trong nước ra đi rồi qua Tàu cũng có ở Bọn Đồng-Thầm hơn 3 tháng.

Để phá-hoại cách-mạng Việt-nam ở Thái-lan, tên Đỗ-Hùng phó lãnh-sự kiêm chức mật-thám của Pháp ở Vọng-các, vào khoảng năm 1910, sai 2 tên thủ-hạ đắc-lực về nghề mật-thám là Long và Cường, đến thuê phố ở tỉnh-ly Phi-Chật, cách Bọn Đồng-Thầm 10 cây số để làm nhiệm-vụ lượm tin và sẵn đón.

Thoạt kỳ thủy là ngày 12-11-1929 chúng mang cảnh-binh Thái-lan vào Bọn Đồng-Thầm bắt Cụ Thạch-Phong (không nhớ rõ tên họ là gì, chỉ biết rằng Cụ người Thạch-hà, Hà-tĩnh) biệt-hiệu là Thạch-Phong, mà tên thường gọi ở Bọn-Đồng-Thầm là Ông Cu-Sỏi, trước ở Nhật sau về Xiêm.

Rồi đến việc thứ hai, là hai ông Lưu-khai-Hồng, chính tên là Võ-Tùng, quán huyện Mộ-đức Quảng-ngãi, cựu sinh-viên của trường Võ-bị Hoàng-phổ và Ông Đặng-cảnh-Tân tức anh Tý, con Ông Ngự-Hải, quán làng Hải-côn, huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an. Ngày 15-5-1930, hai người từ Bọn Đồng-Thầm xuống Vọng-các định đáp tàu thủy qua Tàu với công-tác cách-mạng, Cường và Long sẵn được tin tức, nên chúng đánh điện cho Đỗ-Hùng ở Vọng-các.

Đã đến lúc, không thể bó tay chịu đê cho hai người này tàn hại cách-mạng mãi, buộc lòng phải giao ban trừ-gian ở Bọn Đồng-Thầm phải thủ-tiêu cho bằng được.

Nhưng vấn-đề đặt ra thì dễ, mà đến thực-hiện mới là khó, vì Cường và Long đâu phải là những tay vừa, gia dĩ lại có quan thầy là Đỗ-Hùng ở Vọng-các giúp đỡ bằng mọi hình-thức, bằng cách dựa vào Pháp để

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

buộc chính-quyền địa-phương tỉnh Phi-Chật giúp đỡ anh ta bằng quyền hành bằng phương-tiện, nhất là sự bảo-vệ tính-mạng.

Cuối cùng ban trừ-gian ở Bạ Đông-Thầm phải dùng đến biện-pháp khổ nhục kể cho anh Võ-văn-Siêu, người xã Lý-trai, huyện Diển-châu (Nghệ-an) sang Thái-lan làm cách-mạng đã lâu. Đầu tiên anh Siêu bị thi-hành kỷ-luật, bị xích trực ra khỏi Bạ Đông-Thầm, đi gánh nước thuê, thiết là lam-lự. Hai tên Cường và Long được tin chúng mở cờ trong bụng, trúng mưu-kế nên sau một thời-gian điều-tra thử-thách, chúng mời anh Siêu về nuôi trong nhà để dạy cho học. Ở trong nhà tên Cường gần một năm, một hôm Cường ta hứng thú mang súng rử thầy học vào rừng bắn hươu, nai. Anh Siêu bí-mật bắn tin về Bạ Đông-Thầm, tức thì tới hôm tên Cường bị thủ-tiêu trong một khu rừng, đồng thời anh Siêu cũng tàu thoát sang Tàu luôn.

Tên Cường bị thủ tiêu bí-mật, tên Long cũng hoảng sợ bỏ chạy về Vọng các, từ ấy Việt-kiều ở Bạ Đông-Thầm được yên-ôn, vì Pháp không dám sai ai tới nữa.

● VIỆT-KIỀU Ở BẠ ĐÔNG-THẦM HẠ-SÁT TÊN TƯỚNG CƯỚP NAI-THÔN, LÀM CHO NHÂN-DÂN THÁI-LAN Ở TỈNH PHI-CHẬT PHẢI THÂN-PHỤC.

Ở tỉnh Phi-Chật có một tên tướng cướp. Hắn rất hung tợn như lũ đế-quốc, hắn xéo lên tất cả không chừa gì hết. Dân chúng và sự sống, hắn coi như những ngọn cỏ.

Mỗi khi đến phá-hoại sự sống ở nơi nào thì hắn sung-sướng. Trong ánh lửa của những ngôi nhà bị cháy, hắn có vẻ oai hùng trên mình ngựa. Oai-phong và hùng-liệt như một vị hung-thần. Trong ánh lửa hắn nhìn những bà mẹ xông vào những cánh cửa đang cháy dở để cứu con và hắn cười.

Những người bị hắn dày xéo trong cảnh khủng-khiếp, họ không thấy mặt hắn mà chỉ nghe tiếng hắn cười, nên cho là hắn biết tàng-hình. Lũ cướp đồng đảng cũng nói như thế.

Thế rồi từ đó không ai dám nghĩ đến việc chống lại tên ấy cả. Thế rồi từ đó mọi con đường đều hoàn-toàn quang-đẳng, bằng-phẳng trước vó ngựa ma quái, phản người của hắn—tên tướng cướp Nai-Thôn.

Có một người đã tin-tưởng rằng có thể lấy sức mạnh của khoa học và chính-nghĩa để trừng-trị hắn. Người đó bền nhận chức Tỉnh-trưởng Phi-Chật và lập tức giăng lưới vây ra...

Ông ta dùng hàng trăm binh lính và cảnh-sát bủa vây khắp nơi,

ĐÔNG TÙNG

Ông ta ra công tìm dấu tích của hắc bằng những cách khoa-học nhất.

Nhưng một hôm, Ông ta bị giết. Ông ta bị tên tướng cướp giết trong lúc Ông ta vừa tìm thấy một đôi dấu vết của tên hung-thủ. Sau khi Ông chết, khắp nước Thái-lan truyền ra câu chuyện này :

«Tên tướng cướp đã từng tàng-hình đi ngang-nhiên vào phòng của Ông Tỉnh-trưởng. Hắc phá đồ-đạc và xé tan giấy tờ trước mắt Ông Tỉnh-trưởng. Ông này tưởng là ma, chấp tay cầu khẩn nhưng hắc cười trong không-khí và nói hắc là Nai-Chôn. Và nói không ai chống được hắc cả vì hắc có phép thần và bây giờ thì giờ chết của Ông Tỉnh-trưởng đã đến: hắc cầm lấy tập kế-hoạch mưu bắt hắc của Ông Tỉnh-trưởng, xé tan ra; Ông Tỉnh-trưởng cau mày rút súng bắn sáu phát vào khoảng không xung-quanh tờ giấy định giết hắc. Nhưng hắc vô-hình thì làm sao bắn cho trúng được, và sau đó Ông Tỉnh-trưởng Nai Luông Prat bị tên cướp bóp cổ chết như người ta đã thấy đó.»

Câu chuyện này lan ra khắp nước Thái, và những người còn có ý-tưởng chống y liền la hét bắt gia-nhân đóng cửa kín mít rồi chui vào chần.

Một hôm, có một người đến gặp Ông Tỉnh-trưởng mới. Y nói rằng ,

— «Thưa Ông, chúng tôi là người đồn-diễn Bạn Đông-Thầm. Tên tướng cướp Nai Chôn đã đến cướp của chúng tôi ngày hôm qua hai mươi bảy con trâu. Hắc cướp của chúng tôi giữa mùa gặt cấy thì làm sao chúng tôi có lúa. Xin Ông tìm cách bắt hắc để chúng tôi có thể lấy lại trâu và những người khác lại tìm được hạnh-phúc».

Nhưng Ông Tỉnh-trưởng mới thờ dài đáp rằng :

—«Chúng tôi không thể bắt hắc được. Hắc có phép tàng-hình, còn chúng tôi chỉ có lính. Lính không thể chống phép tàng-hình được. Tất cả chúng tôi đây đều chịu cúi đầu trước phép tàng-hình của hắc. Thôi thì các Ông cũng đành chịu với chúng tôi vậy chứ biết sao».

Người ta tưởng người van xin này sẽ cúi đầu trước những lý lẽ đó và sẽ kiêu lui; nhưng không, người đó nói rằng :

— «Thế thì các Ông hãy giúp cho tôi khí-giới và tôi xin tìm bắt hắc.»

— «Nhưng Ông không sợ phép tàng-hình của hắc sao ? »

— «Thưa các Ông, không ! Chúng tôi không sợ phép tàng-hình» .

— «Vậy Ông cần bao nhiêu khí-giới ? »

— «Xin Ông cho chúng tôi 3 khẩu súng lục và 5 khẩu súng trường.»

Tên tướng cướp Nai Chôn chính là một Đại-úy của sở cảnh-sát Thái. Y cao lớn giỏi võ Y có thể bắn những cánh chim đang bay trên trời. Y có tài vũ-dũng, nhưng trong khi làm Đại-úy sở cảnh-sát, y đã ham tiền của lũ trộm cướp mà người ta đã trả lương cho y bắt, nên y

VIỆT KIỀU LẠI THÁI LAN

bị thái vờ. Từ đó y thành tên tướng cướp Nai Chôn chúa tướng của tất cả các đảng cướp ở đất này.

Và một hôm, y dẫn binh đến trước cửa đồn-diền Bạ Đông-Thầm. Binh của y gần 30 tên to lớn lực-lượng và võ-trang bằng súng trường và t-êu liên. Chúng dàn thành hình vòng cung trước cửa đồn-diền, những họng súng của chúng chia vào đồn-diền.

Ở trên một cây cột của cổng đồn-diền có dán một miếng giấy lớn. Đó là mảnh giấy của con người hôm qua đã đến Tỉnh-đường xin 3 khẩu súng lục và 5 khẩu súng trường gửi cho Nai-Chôn.

Tên tướng cướp có lẽ cho những người bị hãm cướp trâu được chuộc lại số trâu đó bằng tiền. Mỗi con là 30 đồng, vậy lời lẽ trong mảnh giấy nhắn Nai Chôn là xin chuộc lại số trâu đó.

Dàn binh xong, tên tướng cướp rút súng lục bắn vào mảnh giấy dán trên cột vài phát, có lẽ để báo hiệu cho khố-chủ trong đồn-diền biết y đã tới ! Rồi trong đồn-diền có 3 người bước ra, họ bước ra trước những họng súng của quân cướp. Đó là 3 thanh-niên cao, gầy, 3 thanh-niên đó là Thúy, Tiếp và Kim trong ban trừ-gian của Việt-kiều. Họ đi bộ ra và không đeo súng ống gì cả. Họ từ từ bước ra khỏi ngõ. Hai bên gặp nhau ngay ở cửa ngõ. Thanh-niên đi giữa trong số 3 người từ đồn-diền đi ra chấp tay chào tên tướng cướp râu ria xồm xoàm đang ngồi trên mình ngựa và nói :

— «Thưa chúa tướng, chúng tôi xin chúa tướng cho chuộc lại đàn trâu bị chúa tướng mượn đi ngày hôm qua. Nhưng chúng tôi xin không chuộc bằng tiền : Chúng tôi xin chuộc bằng một vật báu gia-truyền».

— «Các anh có thể chuộc bằng bất cứ món gì, miễn là có giá-trị ngang với số tiền chuộc. Vậy vật gì, các anh hãy đưa ta coi».

— «Thưa chúa tướng, đó là một viên ngọc».

Đôi mắt ốc nhồi của tên tướng cướp sáng lên :

— «Đâu ? Đâu ? ! Đưa ta coi ! »

— «Chúng tôi sợ chúa tướng không vừa ý nên hãy còn để trong nhà. Xin chúa tướng quá bộ vào nhà và chúng tôi sẽ lấy ra trình chúa tướng».

Người đó vừa nói vừa bước vài bước vào phía đồn-diền Chàng đưa tay mời :

— « Xin chúa tướng đừng nghi-ngại gì cả. Chúng tôi không có tà ý nào đâu ».

Tên tướng cướp có vẻ buồn cười. Hẳn cho đó là một câu buồn cười

ĐÔNG TÙNG

rồi hần cười rộ lên nhảy xuống ngựa bước theo thanh-niên và nói :

— « Ta buồn cười khi thấy một con cừu thanh-minh với một con sư tử là nó không có ý mưu hại khi nó muốn con sư-tử vào nhà nó ».

Phía sau, những tên cướp cũng thúc ngựa bước vào. Chúng theo sát chúa tướng của chúng.

Người đi giữa trong đồn-diền cũng cười :

— « Vàng, thừa chúa tướng, chúng tôi chỉ là những con cừu ».

Người đó nói khi tên tướng cướp vừa bước tới sát bên cạnh, thanh-niên như một tia chớp và dẻo như một con trăn, người đó chuyển người sang thế đỉnh tấn và đưa hai tay cứng như thép chụp lấy tên tướng cướp to như bò mộng, khóa chặt nó trong một thế nhu-đạo kỳ-diệu. Tên tướng cướp bị tấn-công bất ngờ nên không chống đỡ được ; nó cố sức vùng-vẫy.

Lũ cướp đi phía sau thấy có biến vội rút súng ra. Trước mặt chúng hai thanh-niên còn lại cũng rút súng ra. Họng súng của họ đưa lên và lũ cướp ngã ngựa bốn đứa. Chúng muốn bắn nhưng ba kẻ địch của chúng đã nhảy đến núp sau lưng tên tướng cướp — đó là một thiêng-liêng che chở họ và lũ cướp còn sống. Thấy không xong chúng liền quay ngựa chạy trốn. Chúng bắn kẻ thù thì sợ vỡ ngực chúa tướng của chúng nên chúng liền quay ngựa chạy trốn. Ngay lúc đó 5 họng súng trường chia từ bụi rậm xung quanh nổ vang lên làm mười tên cướp khác ngã ngựa.

Chúng bị ngã ngựa tất cả mười bốn đứa, còn bao nhiêu thì chạy thoát. Trận thư-hùng xong và người ta dẫn tên tướng cướp vào đồn-diền trói nó như một con lợn giữa sân rộng nơi một cây cột. Lũ cướp bị thương và những xác chết của chúng cũng được khiêng vào đặt gần đó. Người ta đánh mõ gọi dân-chúng trong vùng kéo đến. Con người đã bắt sống tên tướng cướp liền đứng lên giục mọi người đi vây bắt lũ cướp còn sót lại và tất cả đàn ông, đàn bà và người già, trẻ con liền vác dao, mác kéo nhau đi.

Một người đàn bà nói :

— «Hãy đi theo tôi, tôi biết sào-huyệt chúng.»

Dân-chúng trong tỉnh Phi-Chật quanh vùng đồn-diền Bạt Đông-Thầm liền vác gươm, vác dao lên đi theo người đàn bà.

Ngày hôm đó người ta tiêu-diệt hết lũ cướp. Đến tối, dân-chúng trở về đồn-diền lại. Một bà già có con trai và chồng bị tên tướng cướp giết liền rút một mũi dao ra đâm lủng ruột hần, bà đâm lủng ruột hần bằng cánh tay gầy yếu của bà.

Bau trừ-gian ở Bạt Đông-Thầm là 3 anh : Thúy, Tiệp và Kim lập

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

mưu hạ-sát được tên tướng cướp Nai Chôn đồng thời tiêu-diệt được đảng cướp của hắn, đem lại một nền an-ninh trật-tự, hạnh-phúc an vui cho nhân-dân Thái cũng như Việt. Tới nay câu chuyện đã hơn 50 năm, mà người Thái vẫn thường nhắc lại, trong những lúc họ mạn-đàm với nhau, kèm theo những lời thán-phục : «Người Việt-nam dũng-cảm» (Khôn Duôn Cà-bán).

TRẦN-BÁ-GIAO, MỘT CÁN-BỘ CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM Ở THÁI-LAN ĐÃ CHẾT TRONG NGỤC BÀNG-KHOÁNG NHƯ THẾ NÀO? THỰC-DÂN PHÁP ĐÃ BẮT CHÍNH-PHỦ THÁI-LAN BỒI MẠNG ÔNG GIAO CHO PHÁP RA SAO?

Qua những sự-việc mà chúng tôi đã trình-bày trong những bài trên, hẳn độc-giả đã biết, đối với công cuộc cách-mạng của Việt-kiều ở Thái-lan, chẳng những chính-phủ và nhân-dân Thái-lan không có ý cừu thị gì mà trái lại còn hết sức ồm ập che chở nữa.

Nhưng khốn thay! Pháp là một đế-quốc khổng-lồ ở Tây-phương, trái lại Thái-lan chỉ là một nước nhỏ yếu, với cái lý của kẻ mạnh Pháp đã làm khó dễ cho chính-phủ Thái về việc buộc chính-phủ Thái-lan phải bắt bỏ giam cầm hoặc dẫn-độ cho chúng những cán-bộ cách-mạng Việt ở Thái. Vấn-đề này đã nhiều lần làm cho chính-phủ phải khổ tâm.

Ví-dụ có một lần vào khoảng năm 1921, Ông Đặng-thúc-Hứa đang hoạt-động ở Ban Đông-Thăm, thuộc tỉnh Phi-Chít, tỉnh cờ bị cảnh-sát Thái-lan tới vây bắt giải về Vọng-các giam giữ, đó là vì sự giao-thiệp của bọn thống-trị Pháp ở Đông-dương bắt buộc Thái phải làm như thế.

Thế nhưng rồi, ông vua thứ 6 giòng họ Drazathiport đã bố-trí cho Ông Đặng-thúc-Hứa thoát nạn như thế nào?

Số là chính-phủ Thái định một ngày lừa hết cả phạm-nhân trong nhà lao Vọng-các ra rồi cho bọn Pháp vào nhận-diện và bảo:

«Tất cả phạm-nhân đây, người nào là kẻ đã can tội giết người ở Đông-dương trốn qua thì các Ông bắt lấy đem về (vì trong công-văn của Pháp bảo rằng Đặng-thúc-Hứa đã can tội giết người ở Đông-dương bỏ trốn qua Thái).

May thay lúc ấy mật-thám Pháp chưa lấy được ảnh của Ông Đặng-thúc-Hức nên chúng đã nhận lầm phải một phạm-nhân khác mang về Đông-dương, sau khi biết lầm thì việc đã rồi.

Trên đây là một ví-dụ.

ĐÔNG TÙNG

Vào khoảng ba năm : 1932, 1933 và 1934 cách-mạng Việt-nam ở Thái-lan hoạt động mạnh, và những bọn mật-thám do Pháp cho qua sấn bắt cách-mạng ở Thái-lan, phần nhiều bị cách-mạng giết thịt, như các bạn đọc đã thấy ở những đoạn trên.

Tháng 3 năm 1934 với một đồn ngoại-giao xảo-quyệt khổng-lồ của bọn thống-trị Pháp ở Đông-dương, họ phái sang một phái-đoàn mật-thám do tên Đỗ Hùng chỉ-huy mật-thám Pháp ở Vọng-các chỉ dẫn, buộc chính-phủ Thái-lan phải dùng lực-lượng cảnh-sát theo chúng đi bắt tất cả những cán-bộ cách-mạng của Việt-kiều ở các địa-phương, như : La-khôn, Sa-khôn, Oudon, Oubon, Khôn-kèn, Mường-mục, Noóng-Hán, Noóng-Khai, Uthều, Pha-nom, Na-ke v.v... Tất cả gần 100 người, những người hơi tinh-ngiê đều bị chúng bắt hết, chính người viết loạt bài này cũng bị chúng tóm trong dịp này.

Tất cả những người bị bắt đều giải về tạm giam ở nhà ngục Bìng-khoảng một nhà ngục lớn nhất của Thái-lan, cách thủ-đô Vọng-các 6 cây số về phía Đông-Bắc.

Bất rồi mang về đó giam-giữ, lấy danh-nghĩa chính-quyền Thái bắt, về phần thực-dân Pháp chưa tìm ra chứng-cớ để xin chính-phủ Thái-lan dẫn-độ, chỉ ít hôm lại thấy tên Đỗ Hùng tới cho gọi từng người lên hỏi cung tiêu lãng-nhăng rồi lại thả về.

● CUỘC LỘN-XỘN TRONG LAO BÀNG KHOẢNG VÀ ÔNG TRẦN-BÁ GIAO BỊ ĐÁNH CHẾT.

Ông Trần-bá-G'ao, chánh-quán xã Xuân-la, huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an, con Cụ Cử-nhân Trần-bá-Thụy. Là một thanh-niên dũng cảm và yêu nước. Năm 1922, Ông xuất-dương qua Tàu một lần với Phan-thành-Tích tức Phạm-hồng-Thái. Sau khi Phạm-hồng-Thái ném bom giết Toàn-quyền Merlin ở Sa-điện rồi nhảy xuống sông Châu-giang tuần-tiết, Ông vào học trường Võ-bị Hoàng-phổ một lần với Võ-nguyên-Thủy, chánh-quán ở tỉnh Hải-dương (Bắc-Việt) tức là Thiếu-tướng Nguyễn-Sơn. Vào trường Hoàng-phổ, Ông mang tên là Nam-Hồng, sau ngày tốt nghiệp trường Hoàng-phổ, Ông hoạt-động cách-mạng trên đất Tàu 2 năm, sau được biệt-phái về Thái-lan để giúp việc với Cụ Đặng-thúc-Hứa. Về Thái-lan được một năm, Ông đẹp duyên với chị Vinh, con gái Ông Ngoéc-Vinh, chánh-quán người phủ Đức-thọ (Hà tỉnh) một trong đám nghĩa quân Phan-đình-Phùng ở Vũ-quang, bỏ trốn qua Thái-lan sau khi Cụ Phan mất, nghĩa-quân Vũ-quang tan-rã. Sang Thái-lan Ông lập gia-đình ở Ban Vất-dạ, thuộc tỉnh La-khôn và sinh hạ chị Vinh ở đây.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Về Thái-lan, Ông đổi tên là Nai-Ôn, được phụ-trách công-tác cách-mạng ở huyện Noóng-Hán, một huyện thuộc tỉnh Oudon. Năm 1934 Ông mới sinh được một con trai, đặt tên là Hoàng, thì Ông bị cảnh-sát Thái-lan do Pháp yêu-cầu bắt một lần với ngót 100 cán-bộ ở toàn nước Thái.

Tất cả mọi người bị bắt đều bị giải về tạm giam ở nhà lao Bàng-khoảng.

Bắt không lý do, bị giam hơn 2 tháng không được xét hỏi, thường thường tên Đỗ-Hùng tay sai của Pháp ở ở Vọng-các tới gọi ra từng người rồi nói lằng-nhằng, đều bị anh em trả lời : «Chúng tôi hiện nay đã được coi như những người dân Thái, chúng tôi đã nộp mỗi năm 2 bạt (đồng bạc Thái) tiền đảm-phụ quốc-phòng, chúng tôi đã thi-hành quân-dịch của nước Thái, trong giấy căn-cước chúng tôi được minh chú rõ : «thuộc quyền cai-trị của chính-quyền Thái» (dự tập bằng khắp Xã-dám) đối với nước Pháp, chúng tôi không quan-hệ gì nữa, nếu chúng tôi có tội, thì cứ việc mang ra tòa án Thái mà xét xử.

Với những câu trả lời xác-đáng như vậy, tên Đỗ-Hùng cũng chẳng biết làm sao, cũng chỉ nói lằng-nhằng vài câu rồi về Vọng-các.

Bị giam luôn 2 tháng như vậy, không được xét hỏi, cuối cùng Ông Trần-bá-Giao mới tuyên-bố với anh em, quyết-định một ngày, tất cả 100 phạm-nhân người Việt, bữa chiều ra ngoài sân ăn cơm ; không chịu trở vào phòng, đề phản-đối chính-quyền Thái-lan bắt họ không có lý-do. Và đã làm nhục quốc-thê một cách vô ý-thức khi bó tay đành chịu để cho bọn mật-thám Pháp bắt những người dân đã mang quốc-tịch Thái. Khi việc xảy ra, Ông Giám-ngục Bàng-khoảng ra điều-giải, Ông Giao đứng lên đại-diện anh em đứng dậy đề-đặt ý-kiến là anh em cương-quyết không trở lại phòng giam, nếu chính-phủ không cho họ biết vì lý-do gì mà họ bị bắt, và nếu có tội-trạng thì xin đem ra tòa án Thái xét-xử.

Điều-giải mãi không xong, thế là một cuộc ẩu-đả, một bên là cảnh-binh, tù anh chị, nhân-viên nhà lao Bàng-khoảng dưới quyền chỉ-huy của viên Giám-ngục qua sự giật giây ngàm của Đỗ-Hùng mật thám Pháp.

Cuộc loạn-đá xảy ra 30 phút cực-kỳ ác-liệt. Nhưng bạn đọc hãy tưởng-tượng, một bên thì đủ gậy gộc, báng súng búa đóng đinh, phạm nhân thì tay không, 2 chân lại bị xiềng, làm sao mà chống đỡ nổi, cuối cùng gần 100 phạm-nhân đều bị đánh ngã gục hết, chỉ còn lại một mình Ông Trần-bá-Giao còn chống cự. Nguyên Ông Giao, là một cựu sinh-viên ở trường Võ-bị Hoàng-phổ, cùng một khóa thứ 7 với Thiếu-trưởng Nguyễn-Sơn như chúng tôi đã nói trên. Ngoài kỹ-thuật và kiến-thức quân-sự, Ông

ĐÔNG TÙNG

ta lại còn rất giỏi võ Tàu, nên trong trận loạn-đả nói trên, Ông đã dùng tay không giết được một cái gậy của một người cảnh-binh Thái, với cái gậy ấy không những để làm vật tự-vệ, mà Ông còn quật ngã nhiều người khi họ cả gan xông vào đánh Ông.

Cuối cùng, người ta đã cho người xông vào đánh Ông về mặt trước, thì mặt sau lưng một người khác xông vào dùng búa mồi vào đầu. Vì không phòng-bị, Ông Giao bị một búa vỡ sọ ngã đùng ra đấy dựa rồi tắt thở.

Ông Trần-bá Giao chết, cuộc ấu-đả kết-liếu, người ta chở những người bị thương vào bệnh-viện băng-bỏ.

Được tin ấy, viên Đại-sứ Pháp ở Vọng-các liền tới ngay tại chỗ để xem xét tình-hình chứng-kiến cuộc khảm-nghiệm tử-thi Ông Giao. Nực cười nhất y đã tự bỏ tiền túi ra mua hòm Võ Khâm-lượng cho Ông Giao, và tự y và Đỗ-Hùng tổ-chức đám ma rất long-trọng.

Và sau hết chính-quyền thực-dân ở Đông-dương đã bắt vạ chính-phủ Thái-lan đã đề cho tên Giám-ngục Bàng-khoảng đánh chết Ông Trần-bá-Giao, một công-dân Đông-dương dưới quyền cai-trị của Pháp.

Cuối cùng Ông Giám-ngục bị cách-chức, chính-phủ Thái phải đền mạng cho Ông Giao là 30.000 bạc (đồng bạc Xiêm).

Với số tiền trên, Đại-sứ của Pháp ở Vọng-các đã đem phân-phát cho anh em phạm-nhân Việt-kiều trong ngục, đồng thời tổ-chức lễ truy-diệu Ông Giao ngay trong nhà ngục Bàng-khoảng, thật là xảo-quyệt hết chỗ nói!

Nhưng anh em trong ngục Bàng-khoảng đã quật lại như thế nào?

Số là hôm chúng gọi từng người lên văn-phòng để nhận số tiền «đau thương điểm nhục» ấy, không một ai chịu nhận cả trái lại họ còn cho chúng một bài học đích-đáng.

Và trước đàn truy-diệu, anh Tăng tức Thầy Chu, tức Nguyễn-Chấn đã cực-lực lên án những thủ-đoạn dã man, độc-ác, đều-giả của thực-dân Pháp, đồng thời thông-cảm cho chính-phủ Thái-lan, chỉ vì sức yếu mà bị Pháp bắt nạt.

Trước đàn truy-diệu nói trên, một phạm-nhân khác, anh Bùi-trọng-Kiều tức Khoa, tức Nam-Bồi đã làm bài thơ ngụ-ngôn sau đây:

Đường đường đấng anh hào

Nam-Hồng Trần-bá-Giao

Trung-hoa học thao-lược

Hoàng-phổ luyện cung đao

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Chờ ngày về cố quốc
Giết giặc cứu đồng-bào
Pháp xiu Xiêm đánh chết
Uất hận biết chừng bao !

Sau ngày Ông Giao chết, thực-dân Pháp ở Đông-dương yêu-cầu chính-phủ Thái-lan, dẫn-độ cho họ tất cả những phạm-nhân hiện bị giam ở ngục Bàng-khoảng. Nhưng rồi chính-phủ Thái-lan đã vịn vào luật « dẫn-độ phạm-nhân » của quốc-tể công-pháp, mà không trao trả chỉ trực-xuất ra khỏi địa-phận nước Thái.

Trong số này, Thái chia làm hai đề một nửa trực-xuất sang Sơn-đầu (Tàu), một nửa trực-xuất sang Tây-Bắc Cao-miên.

Số trực-xuất sang Sơn-đầu (Tàu) thì hầu hết anh em chạy lọt qua lục-địa được, ví dụ Hoàng-ngọc-Ân tức anh Nghĩa tức Nai-Thoong (hiện nay mang tên Hoàng-văn-Hoan), Ông Tú-Trinh tức anh Tiến, Nguyễn-Chân tức anh Tăng v.v...

Còn số trực-xuất sang Cao-miên, thì Pháp đã cho người dò la biết trước, nên chúng đón bắt hết, đem về kết án tù đầy hoặc Côn-lôn, Ban-mê-thuột, như chúng ta đã được chứng-kiến vào khoảng năm 1935.

GIA-ĐÌNH CỤ ĐẶNG-THAI-CẢNH TRONG CÔNG-CUỘC CÁCH-MẠNG CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN

Cụ Đặng-thai-Cảnh người làng Xuân-Triều, tổng Bích-Triều, huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-an. Đậu Cử-nhân, làm Tri-huyện, nên thường gọi là Cụ Huyện Xuân-Triều.

Trước hết Cụ tham-gia phong-trào cách-mạng Cần-vương, bị Pháp giam chết vào năm 1892.

Cụ có 3 người con trai và một người con gái là : Đặng-thai-Nhận tức Đặng-nguyên-Cần biệt-hiệu Thai-Sơn (bố nhà văn Đặng-thai-Mai), đậu Phó-bảng, làm Đốc-học Nghệ-an. Tham-gia phong-trào Đông-du và Quang-phục bị Pháp bắt đầy ra Côn-lôn một lần với các Cụ Ngô-đức-Kế, Đặng-văn-Bá, Nguyễn-đình-Kiên, Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng, Nguyễn-Thành v.v...

Người thứ hai là Đặng-thúc-Hứa, đậu Tú-tài năm 1905, xuất dương qua Nhật trong phong-trào Đông-du, mang biệt-hiệu là Ngọ-Sanh.

Năm 1908 sau khi bị Nhật trực-xuất Ông được phái khiến về Thái-lan xây-dựng cơ-sở cách-mạng trong đám Việt-kiều. Từ phong-trào Quang-phục cho mãi tới cận-đại, Ông là nguyên lão cố-vấn cho tất cả mọi công-

ĐÔNG TÙNG

cuộc cách-mạng ở Thái-lan. Năm 1932 Ông từ-trần ở tỉnh Oudonne thuộc khu Đông-Bắc Thái-lan.

Ở đây cũng cần nhắc lại một mẩu chuyện lý-thú về đời Ông này.

Dò biết được Ông là một cán-bộ lãnh-đạo cách-mạng ở Xiêm, cho nên năm 1918, Marty tên trùm mật-thám Đông-dương cho người mang thư của Toàn-quyền Đông-dương sang tận bên Thái-'an dụ hàng Ông với điều kiện nếu Ông chịu về «quy-chính» (xin dùng danh-từ thời-đại cho dễ hiểu) thì không những Ông không bị tội lỗi gì mà còn được trọng-dụng, ngoài ra Ông bố sẽ được tha và Ông anh cũng sẽ được trả tự-do rồi Côn-lôn.

Nhưng rồi, trước một thuyết-khách-gia của Phủ Toàn-quyền Đông-dương trong một địa-điểm do cơ-sở cách-mạng ở Thái-lan bố-trí, Ông nói:

— Anh về nói với bọn Pháp, họ cướp nước Việt-nam làm thuộc-địa, tôi là con dân của nước Việt-nam có bổn-phận phải làm cách-mạng đánh đuổi họ để cứu nước, cái trò bắt bố mẹ để dỗ dành con cái là cái trò cò-diễn đã diễn ra từ Vương-Lăng, Từ-Thứ và bao nhiêu người nữa trong lịch-sử, các Ông không nên dở ra nữa, không đánh lừa được ai đâu!

Tôi chỉ nghĩ rằng :

Nước Pháp là một nước có văn-hóa và văn-minh trong tinh-thần «vạn pháp tinh lý» có nên vì việc làm của anh tôi và tôi mà bắt bố mẹ chúng tôi giam cầm không ? và làm như vậy là bôi nhọ lên bộ mặt của nước Pháp.

Sau khi đưa chân tên thuyết-khách về, Ông có làm bài thơ cảm-tác như sau :

Gia tình quốc tự lượng phân như
Thập tải chùy tâm tứ ngạc thư
Bạch phát đường bi thiên vọng cực
Ngạc hoa lâu thẩm địa không dư
Vị năng nhất tử lai thừa tuấn
Không phụ tam sinh vọng ý lư
Phương thốn bất kham Từ-thị loạn
Thương thần vô lự trí Cao-Ngư.

Tạm dịch nghĩa :

1. Việc nhà việc nước cả hai đều như tơ vò.
2. Mười năm bốn lần hay tin nhà là bốn lần bị giùi đấm vào ruột.
3. Bố mẹ bị tù tội rồi cũng đến chết...
4. Anh em bị lao tù đầy đọa.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

5. Chưa tới cho một cái chết để làm tròn phận-sự.
6. Nợ ba sinh của người con chỉ là tựa cửa trông chờ.
7. Tuy nhiên chí-khí vẫn dũng, lý trí vẫn sắt đá, ta không cần như Từ-Thứ là « Mẩu tại Tháo phương thốn loạn hy ».
8. Tinh-thần cũng không cần tổn thương như Ông Cao-Ngư đề rồi khô tâm tàng chí.

Người thứ ba là Đặng-thai-Hối, cũng gọi là Cậu Ba-Hối. Ông này chết sớm, có sinh được 3 đứa con, một trai hai gái là :

Đặng-thai-Đầu

Đặng-thị-Hợp

Đặng-thị-Quỳnh, cả 3 anh em đều xuất-dương làm cách-mạng ở Xiêm cả.

Đặng-thái-Đậu, biệt-hiệu là Thanh-triều, năm 1916 qua Xiêm gặp bác ruột là Đặng-thúc-Hứa, rồi Ông Hứa giới-thiệu qua Tàu hoạt-động cách-mạng bên cạnh Cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu. Được 3 năm, Ông trở lại Thái-lan nói với bác là Đặng-thúc-Hứa và các đồng-chí ở đây :

« Ông Phan-bội-Châu là một người rất nhiệt-tâm, đầy dũng-khí, dám nghĩ dám làm tất cả những việc khi Ông cho là đúng. Nhưng Ông Phan là một người phác thực, thiếu mưu-mô và thủ-đoạn chính-trị, không phải là một chính-trị-gia có thể hoàn-thành sự-nghiệp vĩ-đại ».

Về tới Thái-lan, Ông lại vào trường học của Thái, sau khi tốt-nghiệp lớp trung-học đệ-nhi-cấp (mất thà dùm-pet), Ông dự kỳ thi tuyển lựa sinh-viên du-học Đức, Ông đỗ đầu toàn-quốc, sau ba năm học tại trường Võ bị ở Berlin, Ông trở về Thái-lan mang chức Thiếu-tá Lục-quân của chính-phủ Thái.

Khi cuộc chiến-tranh tái-chiến Đông-dương của Thực-dân Pháp bùng nổ, Ông được phái khiến về Thượng-Lào chỉ-huy quân-đội kháng-chiến chống Pháp, người ta bảo rằng Ông Đậu còn thông-minh hơn Đặng-thai-Mai nhiều lắm.

— Đặng-thị-Hợp, em gái Đặng-thai-Đậu, năm 1922 qua Thái-lan hoạt-động cách-mạng, kết duyên với một thanh-niên tên là Ngô-chính-Quốc con Ông Ngô-chánh-Tuấn ở Nakhonphanom, Quốc là một trong đám lãnh-tụ của tổ-chức Việt-nam Cách-mạng Thanh-niên Đồng-chí trước ở Tàu, sau cũng về Xiêm.

— Đặng-thị-Quỳnh, em gái của Hợp qua Thái-lan cùng một lần với chị, vào học trường Thái-lan, hiện là một nữ Dược-sĩ ở A-du-tha-za thuộc vùng trung-du nước Thái. Quỳnh hiện cũng là một cán-bộ chính-trị ở Thái.

ĐỒNG TÙNG

— Bà Đặng-thị-Tư. Bà Tư là con gái út của Cụ Đặng-thai-Cảnh, em gái 3 Ông Cẩn, Hứa và Hối, cô ruột Đậu, Hợp, Quỳnh.

Năm 1922, bốn cô cháu cùng đi Thái-lan một lần, tên ở Thái gọi là Bà Nho, một cán-bộ lãnh-đạo giới phụ-nữ của Việt-kiểu.

Năm Bà gần 40 tuổi mới lập gia-đình với Ông Võ-Tùng, người huyện Đức-phồ, Quảng-ngãi.

Ông Võ-Tùng trước xuất-dương qua Tàu, vào học trường Võ-bị Hoàng-phổ lớp đầu tiên, sau được phái khiến về xây-dựng cơ-sở cách-mạng ở Thái-lan. Ông là người đầu tiên đứng ra tổ-chức Việt-kiểu ở Thái-lan vào hàng ngũ cách-mạng từ năm 1926.

Năm 1929, Ông cùng với Đặng-cảnh-Tân, tức anh Tý (con Ông Ngư-Hải) đi dự hội-nghị ở Tàu về tới bến tàu Vọng-các, bị tên mật-thám Pháp ở Vọng-các là Đỗ-Hùng bắt giải về nước, cả hai đều bị Pháp kết án 20 năm đày đi Kontum, rồi anh Tý đã chết trong cuộc phá ngục Kontum, còn Ông Tùng thì sau khi Nhật hất chân Pháp ở Đông-dương (9-3-1945) mới được thả về.

Ông Võ-Tùng ở Tàu gọi là Lý-thế-Hanh, ở Xiêm gọi là Lưu-khai-Hồng, cũng gọi là Ông Sáu.

Ông lập gia-đình với Bà Đặng-thị-Tư đã sinh được hai con trai gọi là Thung và Quân, hiện nay còn hoạt-động chính-trị ở bên đó.

ĐỒNG-TÙNG

HĂNG BÔNG
COBOVINA
 BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

148/1 NGUYỄN MINH CHIỂU

TÂN SƠN NHỰT

THƠ VĂN CÁCH MẠNG PHỔ- BIẾN TRONG GIỚI VIỆT KIỀU Ở THÁI LAN

▽ ĐỒNG TÙNG

NHỮNG VĂN, THI, CA CÁCH-MẠNG ĐƯỢC PHÁT- HÀNH TRONG ĐÁM VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN.

Như chúng tôi đã trình-bày ở những chương trên : Việt-kiều ở Thái-lan là một tổ-chức cách-mạng đông-đảo qua nhiều thế-hệ, mang nhiều màu sắc chính-trị khác nhau. Bên những hoạt-động cách-mạng về chính-trị, quân-sự lại cũng có cách-mạng văn-hóa thể-hiện ở các tờ báo, các bài văn, bài thơ, bài ca số lượng không phải là ít.

Nhưng tiếc rằng, ở đây không có tài-liệu để tham-khảo, trích dẫn đầy đủ.

Sau đây chúng tôi xin cố-gắng lục soát trong bộ ký ức sao lục được một số đề cống-hiến độc-giả.

I

ÁI CHỦNG CA (1)

Giống ta ta phải yêu nhau !
Đưa lời ái chủng mấy câu giải lòng
Hai mươi triệu họ đồng tông
Da vàng máu đỏ con giòng Hùng-Vương
Mấy ngàn năm cõi Viêm-bang
Đua khôn hoa Hán, mở đường văn-minh
Tài anh kiệt nổi đời sinh
Đáng Nguyên mấy lớp ; phá Minh mấy lần
Mở-mang Chân-lạp, Chiêm-thành
Miền Nam lừng lẫy giống thần mở mang

(1) Thơ do Việt-nam Quang-Phục-Hội phát-hành. Phan-sào-Nam sáng-tác tại Thái-lan vào năm 1911.

ĐỒNG TÙNG

Tiếc thay giống tốt nòi sang
 Vì sao sa sút cho mang tiếng hèn
 Xưa sao đứng chủ cầm quyền
 Giờ sao nhẩn nhục chịu hèn làm tôi
 Xem Tây như thánh như trời
 Người Nam ta chịu dưới nơi a-tỳ
 Giang-sơn thẹn với tu my
 Đá kia cũng xót, sông kia cũng sầu !
 Nào anh em chị em đâu !
 Kết đoàn ta phải bảo nhau thế nào ?
 Chử rằng đồng chủng đồng bào
 Yêu nhau ta phải tính làm sao đây !
 Muốn cho nội ngoại giao phù
 Sáu mươi lăm tỉnh cũng như một nhà
 Muốn cho Nam Bắc hợp hòa
 Hai mươi lăm triệu cũng như một người
 Đừng cậy thế, đừng khoe tài
 Bỏ điều riêng nhỏ, tính điều lợi chung
 Chớ giành khí, chớ khoe công
 Dứt tình ghen ghét bỏ lòng sai nghi
 Ai ơi xin sửa mình đi
 Công tư đức ấy hai bề vẹn hai
 Những điều hại nước tan nòi
 Rước voi công rắn thì thôi xin chữa
 Một mai thời thế chuyển cơ
 Anh em ta lại như xưa sum vầy
 Họ hàng đông đủ cánh vầy
 Chen vai ; tru trắng ra tay cạnh tồn.

II

ÁI QUỐC CA (1)

Nay ta hát một câu ái quốc
 Yêu gì hơn yêu nước nhà ta

(1) Thơ do Việt-nam Quang-phục Hội phát-hành. Phan-sào-Nam sáng-tác bằng chữ Hán tại Thái-lan năm 1911, nhà chí-sĩ Lê-Đại dịch ra Việt-văn.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Nghiêm-trang bốn mặt sơn-hà
 Ông cha ta để cho ta lọ vàng
 Trái mấy lớp tiền vương dựng mở
 Bốn ngàn năm giải gió dầm mưa
 Biết bao công của người xưa
 Gang sông tắc núi dạ dưa ruột tằm
 Hào Đại-hải ầm ầm trước mắt
 Giải Cửu-long quanh quất miền Tây
 Một tòa san-sát xinh thay
 Bắc kia Vân, Quảng, Nam này Côn-lôn
 Về gấm vóc nước non thêm đẹp
 Chắc những mong cơ-nghiệp dài lâu
 Giống khôn há phải đàn trâu
 Giang-sơn nở để người đây vẫy vùng
 Hăm lăm triệu người cùng của hết
 Sáu mươi năm nước mất quyền không
 Thương ôi công-nghiệp tở-tông
 Nước tanh máu chảy non chồng thịt cao
 Non nước ấy biết bao máu mủ
 Nỡ nào đem nuôi lũ sài-lang
 Cờ ba sắc xứ Đông-dương
 Trông càng thêm nhục nói càng thêm đau
 Nhục vì nước mà đau người trước
 Nông nổi này non nước cũng oan
 Hồn ôi về với giang-san
 Muôn người muôn tiếng hát vang câu này
 Hợp muôn sức ra tay quang-phục
 Quyết phen này rửa nhục báo thù
 Một câu ái quốc reo hò
 Xin người trong nước phải cho một lòng

III

KÍNH DÂNG HƯƠNG-HỒN PHẠM LIỆT-SĨ HỒNG-THÁI (1)

Nước Việt-nam bốn ngàn năm lẻ
 Bảy mươi năm đáo đê lầm than.
 Mịt mù một áng khí oàn

(1) Thơ của Cụ Học-Nghĩa làm khi Phạm-hồng-Thái hy-sinh ở Châu-giang ngày 19-6-1924.

ĐỒNG TÙNG

Sông sôi máu chảy non chan lệ sầu
 Hồn liệt-sĩ ù-ù gió quạt
 Dạ anh-hùng tím ngắt lá gan
 Nhớ xưa người ở Nghệ-an
 Là Phạm-Hồng-Thái cả gan anh-hùng
 Thẹn vì nước mắc vòng tôi tớ
 Giận Mặc-lanh (Merlin) là đũa gian-hùng
 Ra tay một tiếng sấm vang
 Năm châu dậy đất Mặc-lanh đi đòi
 Tám giờ tối tàu binh ghé lại
 Hấn lèn lên Sa-diện rong chơi
 Bảy giờ cơ đã tới nơi
 Lòng người có chí thì thời cũng bẽnh
 Ông khi ấy một mình len lỏi
 Một chiếc thuyền theo dõi bờ sông
 Toàn-quyền Đông-Pháp Mặc-lanh
 Hấn lên xe điện thẳng dòng cửa hàng
 Thành Sa-diện phố phường đón rước
 Mời vào nhà thiết tiệc hoan-nghênh
 Ông vào thám-thính phân-minh
 Lại gần chú lính đang canh nạt đồn
 Tám giờ tối bàn hoàn chưa định
 Việc gấp rồi phải tính mau mau
 Khen người kẻ hoạt mưu cao
 Tốc ngay cửa sổ ném vào một khi
 Người trong tiệc còn chi đâu nữa
 Chúng kinh hoàng hồn rữa phách tan
 Tây kia mới hết khoe-khoang
 Xương tan xác pháo thịt tan bụi hồng
 Chốn Sa-diện một vùng tối mịt
 Thuyền Châu-giang trăm chiếc đón đưa
 Hy-sinh cứu nước bấy giờ
 Hồn thiêng cao phát ngọn cờ tự-do
 « Anh-hùng vị quốc quyền khu »

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Sông Châu-giang ấy nghìn thu lưu-truyền.

IV

SUM VẦY BỞ LÚC LƯU-LY (1)

Người một nước vốn cùng chung một giống
Nỗi nhục vinh sống thác phải cùng nhau
Bốn ngàn năm chung giọt máu đào
Phải nước lã chi đâu mà đành-đoảng
Sao ta lại lìa tan chềnh-mảng
Nghĩ nguồn cơn thêm cay đắng can trường
Vận nước nhà biển-cổ tang-thương
Sao mình lại Sầm-Thương người một ngã

Thơ rằng :

Trường thử bách niên cam thóa mạ
Bất tri hà nhật xuất lao lung (2)
Hỡi ai ôi con Lạc cháu Hồng !
Rời rạc mãi thù chung sao trả được !
Thôi thôi ! thôi kè chi mấy mươi năm về trước
Giải đồng tâm ta liên-lạc lại từ đây !
Sum-vầy bỏ lúc lưu-ly.

V

NHỊP KÈN THÂN-ÁI (3)

Đã là người đứng trong cõi đất
Ai là không tai mắt thông-minh
Có đầu óc biết nhục vinh
Cuộc đời há dễ làm thình sao đành
Việc thế-giới bất bình lắm nỗi

(1) Bài thơ này sáng-tác theo điệu ca-trù đăng tải trên báo Đồng-Thanh, một tờ báo cách-mạng ở Thái-lan xuất-bản năm 1927 của Nguyễn-huy-Trình tức Thuận tức Tiểu.

(2) Hai câu này có nghĩa là :

Dằng-Dặc trăm năm cam nhục nhã,
Biết đến ngày nào thoát ngục gông.

(3) Bài thơ này đăng tải trên tờ báo cách-mạng ở Thái-lan năm 1928. Tên báo là «Thân-ái» xuất-bản ở Ban Đông-Thầm tỉnh Phi-Chật của Ông Sáu tức Võ-Tùng.

ĐỒNG TÙNG

Vận nước nhà chìm nổi đời phen
 Người sang sao chịu ta hèn
 Người đưa ta phải đưa chen với người
 Bước tiến thủ lấy ai chỉ-đạo
 Cờ tiên-phong có báo đưa đường
 « Nhịp kèn thân-ái » kêu vang
 Gọi người đang lúc canh trường chiêm bao
 Hỡi gần xa kiêu-bào năm vạn
 Cánh bèo trôi, chiếc nhận lạc đàn
 Lòng mình tự hỏi mình xem
 Đêm khuya tờ báo ngọn đèn với ta
 Đồng-bào hỡi tỉnh chưa ? chưa tỉnh ?
 Thù non sông ta tính sao đây ?
 Đoàn là bạn, báo là thầy
 Được thua hơn thiệt tính bày dạy nhau
 Khuyên ai nấy mau mau tỉnh dậy
 Nhớ lấy câu máu chảy ruột mềm
 Lòng mình tự hỏi mình xem
 Lắng tai nghe lấy nhịp kèn gọi ta.

VI

BÀI VĂN CỦA VIỆT-KIỀU Ở THÁI-LAN VỌNG
 TRUY-ĐIỆU NHỮNG LIỆT-SĨ NGHĨA-DÂN ĐÃ
 BỎ MÌNH TRONG 2 CUỘC KHỜ-NGHĨA
 YÊN-BÁY VÀ NGHỆ-TĨNH (1)

Than rằng :

Vùng Quế hải gió tanh mưa máu, áng ba đào vì tình thế xui nên !
 Cõi Viêm bang núi thịt còn xương, nỗi bi thảm xưa nay chưa mấy có.
 Ngoài ngàn dặm trông về cố-quốc, non sâu bể thảm, quận ruột gan
 như chín khúc tơ vò.

Cuộc trăm năm tưởng tới đồng-tâm, cỏ úa hoa dầu, dẫu sắt đá cũng
 hai hàng lệ nhỏ.

Anh em chị em ta !

Gặp lúc vận nước suy vi !

Giống nổi cực khổ.

(1) Văn sáng-tác tập-thể năm 1930.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Quân quý trắng, già tay bóc lột, rầy suu mai thuế, bóc tận xương da !
Lũ lằng xanh, bu miếng đỉnh chung, bán nước buôn dân, kẻ chỉ máu mủ.

Tuy cách-mạng đã từng phen bùng-bột, tiếc nổi tâm chí có thừa, mà phương-châm chưa đủ ; sức ve mình chấu đánh chịu khoan tay.

Thôi thì dày bữa hết cách, đàn-áp đủ đường, dầm ngựa ách 'râu, hãy còn trụ cõ.

Tụi tân-học đua nhau Âu-hóa, bình-dẳng tự-do thoa cửa miệng, thực lòng vì nước trăm người chưa có một, ngấm tiền-đồ thêm ngán bọn Tây-do.

Bọn cự-nho toan kế duy-tân, anh-hùng lãnh tụ chất đầy lòng, thực dạ vì nòi, xóc sỏ được bao nhiêu, thôi đại-sự chắc chỉ người Đông-độ.

Nay gặp lúc phong-trào sôi nổi, khắp năm Châu trống dục kèn kêu.

Nay gặp người chỉ lối đưa đường, cùng bốn bề triều dâng sóng vỗ.

Rừng cách-mạng ta góp cây !

Bão cách-mạng ta góp gió !

Màn phẫn-đấu khởi tháng hai năm ngoái, cỡi Yên-báy dậy một phen oanh-liệt, máu quốc-dân phun nhuộm đám sa-trường.

Cuộc biểu-tình liền tháng chín vừa đây, đất Hồng-Lam gầy mấy trận tung-hoành, hồn tổ-quốc kêu vang kèn dục vỗ.

Nhân-dân Việt đã quyết-chí tiêm cứu.

Đế-quốc Pháp phải già tay khủng-bố.

Thương những kẻ gan vàng dạ sắt, lẫn-lóc tuyên-truyền vận-động, bỗng rủi cơ mưu bại lộ, nhẹ lông hồng khi lên mây đoạn đầu.

Xót những người rách áo đói cơm, ước-ao hạnh-phúc dân-quyền, mà đem tính-mạng hy-sinh, phá hang cộp đề tìm đường sinh lộ.

Thương những kẻ trong trường thương-mại, phá gia-nghiệp ngàn vàng tư trợ, án tình-nghi không quản lúc kềm tra.

Xót những người giữa áng binh nhung, rắp ranh thân Hán tâm Hàn, chước đảo qua gầy mấy trận tung-hoành, hồn nghĩa-liệt nhaoáng theo hồn đạn nổ.

Bạn má phẫn phất cờ nương-tử, chí tang-bồng, duyên hò-thĩ, phận liễu-bồ vùi giữa đám binh đao.

Bọn đầu xanh kết đội thiếu-niên, đi diễn-thuyết, phát truyền-đơn, đem sinh tử đề ra ngoài mệnh số.

ĐỒNG TÙNG

Thương những kẻ Hòa-lò, Khâm-lớn, mài mặt chống cùng oai võ,
tiếc nổi gan vàng mà mệnh bạc, hồn lìa theo ngọn búa đầu roi.

Xót những người Lao-bảo, Côn-lôn, bấm gan chịu với phong-trần,
gặp nơi nước biển non xanh, xác đành gởi ngàn cây nội cỏ.

Ôi thương ôi ! tắc dạ trung-trinh, tấm lòng kiên-cổ. Những cái chết
đáng thương đáng tiếc, đáng dạ nhớ lòng ghi !

Những cái chết đáng quý, đáng yêu, đáng bia đồng tượng gỗ.

Người ấy ví còn sống lại, còn hy-vọng cho quốc-gia dân tộc còn nhiều.

Thân kia dầu có chết đi, cũng ảnh-hưởng cho cách-mạng đồng-bào
chẳng nhỏ.

Anh em chị em tôi ! ...

Tử phạm quê người. Chạnh niềm nước cũ. Đọc đến chữ « Tinh-
thần bất tử » dạ đinh-ninh kẻ khuất với người còn. Gẫm đến câu « Khí-
phách trường tồn » lễ truy-diệu biểu tấm lòng ái-mộ !

... Hỡi ôi ! Thương thay ! ! !

VII

TRUY-NIỆM NGUYỄN-THỊ-GIANG (1)

Sau vụ khởi-nghĩa Yên-báy tháng 2-1930 thất-bại, ngày 17-6-1930,
Nguyễn-thái-Học cùng 12 liệt-sĩ bị Pháp giết. Nguyễn-thị Giang, một
nữ đảng viên Việt-nam Quốc-dân đảng cũng là vợ Nguyễn-thái-Học đã
dùng súng lục quyền-sinh theo chồng.

Được tin ấy, nữ-giới ở Thái-lan tổ-chức lễ vọng truy-niệm rất long-
trọng ở Phi-Chật (1930).

Bài văn sau đây được đọc trước lễ truy-niệm ấy.

Chị Giang ơi !

Năm Châu mờ-mịt bụi hồng, một đoàn con chim Việt đang ngại-
ngùng trong cái buổi gió mưa !

Chị em ta sinh gặp lúc bây giờ, cát lăm ngọc trắng, nó có trừ đầu
khách hồng-nhan ?

Gớm ghê thay cho cái lũ giặc hung-tàn, chúng già tay bóc lột,
chúng cả gan ăn sống thịt người.

Chị Giang ơi !

Nợ đời Chị trả thế là xong, tình đoàn-thề, nghĩa tình chung Chị
đã đền bồi.

(1) Bài của Bà Đặng-thị-Tư tức Bà Nho vợ Ông Võ-Tùng viết năm
1930.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Nắm xương thơm, chín tuổi ngậm-ngùi ! Bận quăn thoa ta đó, ai
là người nổi gót ngàn thu.

* *

Trước buổi lễ truy-niệm Nguyễn-thị-Giang, anh Bùi- trọng Kiên,
tức Nam một thanh-niên cách-mạng ở Thái, cảm-tác bài thơ sau đây :

Tình chồng, nghĩa đảng gánh giang-san.

Thác xuống tuyền-đài hận chữa tan.

Xương trắng nêu cao gương tiết-nghĩa.

Máu hồng im thắm chữ trung can.

Ngàn năm tở-quốc ơn ghi mãi.

Một thác phu quân nợ trả tròn.

Thành bại mặc ai đời nghị-luận.

Muôn ngàn năm đề tiếng cô Giang.

VIII

NỖI LÒNG CỔ-QUỐC THA-HƯƠNG (1)

Tựa ... quê người !

Đất lạ đường xa !

Làn mây tia ! Che kín non sông ...

Chứ ... bao là mù mịt.

Mòn con mắt !

Trông trời Nam bóng nhận về thừa.

Luống chạnh lòng thương người trong mộng.

Người trong hội.

Sao nữ xa-xăm.

Quặn ruột con tằm.

Dạ sâu trăm đoạn !

Nỗi sầu ngâm sâu ngẫm.

Nỗi tan-tác.

Lần khuất núi rừng.

Góc bề bên bưng

Nghĩ mà thương mà thương !

Thấy giống nòi bơ-vơ mà hương.

(1) Thơ ca Huế điệu Hành-vân của Ông Ba Sốt, người Quảng-bình,
một cán-bộ cách-mạng ở Thái (năm 1928).

ĐỒNG TÙNG

Tâm tình lai láng.

Bâng-khuâng càng nghĩ càng thương.

IX

HÀNH QUÂN CA

Đây là một bài quân-nhạc của trường Võ-bị Hoàng-phổ (Tàu), sau Ông Lý-thế-Hạnh tức Võ-Tùng về Thái-lan, dịch ra lời Việt như sau :

中華民國 黃埔陸軍軍官學校校歌

| 5.1 | 3 3 1.3 2 | 5 - 3.2 1.2 | 2.1 2 - 1.3 | 5 5 3 3.4 |
 怒潮澎湃黨旗飛舞 這是革命的黃埔.主義須貫徹.紀律
 | 6 6 2 2.3 | 4 5 1 3.4 | 5 - 0 5.1 | 3 3 3.2 1.3 | 5 3.2 1 7.1 |
 莫放鬆預備做奮鬥的先鋒 打條血路引導被壓迫民衆携着
 | 2 - 0 1.2 | 3 - 0 2.3 | 4 - 0 3.4 | 5 - 0 5.2 | 3 2.3 1 7.6 |
 手 向前進 路不遠 莫要驚 親 愛精誠繼
 | 5 2.3 1 0.5 | 5 - 5.3 2.3 | 1 - . 0.5 | 5 - 5.3 2.3 | 1 - . |
 續永守發揚 吾校精神, 發揚 吾校精神

1. « Anh em ơi ! Sắp lại cho đều, hát một lúc mà nghe, vì nước vì nòi, tâm-sự ấy phải cùng nhau bọc bạch.

2. « Nhà nước ta, khai-thác tới giờ, cũng đã bốn ngàn năm, kẻ lại công-trình, giang-sơn ấy từ xưa ai gây dựng.

3. « Chả ông ta lấp bễ phá rừng, mới có giống nòi ta, nuôi nấng vun trồng, nhân-dân ấy vẫn là con một họ.

4. « Từ xưa kia, dẹp Bắc bình Hồ, tiếng còn đề ngàn thu, một áng cơ-đồ, con cháu ấy giữ lấy làm thế-nghiệp.

5. « Bây giờ nay, tan chủ thất quyền, làm tôi tớ người ta, thân ngựa mình trâu, sĩ nhục ấy sao mà không biết nghĩ.

6. « Thử xem kia, Lâm-ấp Chiêm-thành, nòi giống có còn đâu ? Mất nước mất nòi, thế sự ấy ta cũng không có khác.

7. « Đồng-bào ơi ! Chớ ngủ mơ màng, phải tỉnh dậy lại mà trông, từ Á qua Âu trong thế giới đâu mà không cách-mạng.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

8. « Bây giờ nay đồng một tấm lòng, đề ra sức cạnh-tranh, đập đổ quân thù cứu nòi giống thoát gông cùm nô-lệ.

9. « Một mai ra, tuyết sĩ triêm thù, khôi-phục nước nhà ta, độc-lập tự-do trách-nhiệm ấy mới là không có phụ.

ĐÔNG TÙNG

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐÔNG-NAI

(Société de Papeterie et de Produits Chimique du Donnai)

COGIDO

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 213.180.000.\$00

Trụ sở 17, Bến Chương-Dương, SAIGON

Nhà máy An Hảo — BIÊN-HÒA

Văn phòng Thương-Mại 3, Võ-Di-Nguy, SAIGON

Điện thoại: 25.659

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy in

Giấy viết

Giấy bìa

Giấy gói

Giấy Duplicateur

Giấy Bristol

Carto DUPLEX

Carton gris

Carton paille

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

Văn HỌC

TẠP CHÍ ĐỆ BÁT CHU NIÊN

THÁNG MƯỜI MỘT TÌM ĐỌC QUA CÁC CHỦ ĐỀ SÁNG TÁC CHỌN LỌC

TRUYỆN NGẮN: *VỠ PHIẾN • DOÃN QUỐC SỸ • NGUYỄN ĐÌNH TOÀN • LÝ HOÀNG PHONG • TÚY HỒNG • DƯƠNG KIỀN • CUNG TÍCH BIÊN...*

THƠ : *NGUYỄN SA • LUÁN HOÀN • LÊ VĨNH THỌ TRẦN TUẤN KIẾT • PHÙNG KIM CHỮ • HÀ NGUYỄN THẠCH...*

TRUYỆN DỊCH : *BUÔN BÁN CÁCH MẠNG TẬN TRUYỆN của ALBERT COSSERY*

BIÊN KHẢO : *THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT CHÍNH SÁCH KIỂM DUYỆT SÁCH BÁO XUẤT BẢN của PHAN KIM THỊNH.*

CƠ SỞ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ĐÃ PHÁT HÀNH

▽ *CON ĐƯỜNG KHỎ NHỌC*

của

DƯƠNG – KIỀN

cuốn BẠCH THƯ CỦA THANH NIÊN

▽ *TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC*

của

NAM – CAO

▽ *TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC*

của

VŨ TRỌNG PHỤNG

ĐỜI SỐNG VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

▽ LÊ HƯƠNG

L. T. S : Tác giả Lê Hương nguyên là giáo chức tại tỉnh Svay-Riêng, sinh sống ở Cao Miên từ năm 1942.

Năm 1953—1957 Lê Hương trợ bút qua các báo Việt kiều như : Dân Việt, Việt kiều, Hồn Việt tại Phnom-penh. Cuối năm 1957 tác giả trở về Việt nam, qua tập tài liệu hồi ký này, ghi lại dòng lịch sử tương quan Việt Miên trong thực trạng sống.

1 NGUỒN GỐC CUỘC DI CƯ.

So sánh với số Việt Kiều sống trên các quốc gia bạn ở khắp thế giới, Việt kiều ở Cao Miên có nhiều điểm đặc biệt và quan trọng về mọi phương diện hơn hết. Từ vấn đề Xã hội, Kinh tế, Tôn giáo, Văn hóa đến Chính trị, tổng số người Việt tha hương này là một gánh nặng cho Chính phủ, nếu không, cũng là một mối ưu tư cho những kẻ bất thương giống nòi.

Ngược lại thời gian, ta có thể cho rằng người Việt đầu tiên đề chân lên đất bạn là đoàn quân nhà Nguyễn sang bảo hộ Cao Miên chống nạn xâm lăng của nước Xiêm. Đó là căn cứ theo tài liệu chính thức, còn trước đây đã có một số người Việt sang định cư nhưng không được chứng minh rõ ràng. Bấy giờ Vương quốc Cao Miên còn gọi là Chân Lạp (1), vào năm 1808, vị Quốc Vương tên Ông-Chân (ANG CHAN II) xin thần phục nhà Nguyễn. Người em của Nhà Vua theo nước Xiêm đem binh về đánh phá. Năm 1810, nhà Nguyễn dẹp yên, sai ông Lê-văn-Duyệt đưa Vua Ông-Chân về nước. Vua Gia Long cử ông Nguyễn-văn-Thụy đem 1000 quân sang Cao Miên đóng giữ và đặt nền bảo hộ nước này. Nhiều người thường dân di cư ở rải rác khắp vùng giáp giới. Dưới thời Pháp thuộc Việt-kiều có cất một ngôi đền « Thượng đẳng thần đình » thờ ông Nguyễn-văn-Thụy trên đại lộ Pierre Pasquier, sau đổi lại là Monivong, gần Chợ

(1) Xem Sử Cao Miên của Lê Hương do Khai Trí xuất bản.

LÊ HƯƠNG

mới Nam Vang, hằng năm đều có cúng tế long trọng. Năm 1957, Chính phủ Cao Miên bảo dời ngôi đền để chỉnh trang thành phố. Vì không đủ phương tiện, Ban Quản trị Liên đoàn Việt Kiều rước bài vị vào một ngôi chùa Phật tạm thời mãi đến ngày nay (1969) vẫn chưa cất được ngôi đền khác.

Dấu vết của người Việt tiền phong thuở ấy là những cây cột cầu bằng gỗ trai, một loại gỗ quý màu đen, rắn chắc như kim khí chôn dưới đất mấy trăm năm không mục. Người sau này còn thấy ở những lòng suối cạn trên đường tiến quân từ kinh đô Oudong (1) lên Siem Reap, biên thủy Miên-Thái. Di tích thứ nhì là miếu thờ ông Nguyễn Kinh, tục gọi là Miếu Cậu Kinh ở trong một khu rừng thuộc tỉnh Kratié, gần bộ lạc người Thượng Chlong. Nguyên sau khi thống nhất đất nước, Vua Gia long sai ông Nguyễn Kinh lên thủ đô Phnom-Penh xin Vua Cao Miên một cây trai để làm cột cờ ở Huế. Vua Miên chấp thuận cho người đưa ông Kinh vào rừng nơi có một cây trai gốc to bằng bốn người ôm. Người trong vùng nói rằng cô-thụ này có Thần nhập nên thợ rừng và thổ dân không ai dám động tới. Theo lời Việt kiều truyền tụng thì ông Kinh phải tự sát, những người thợ mới đốn được cây đưa về Triều. Vua Gia long cảm thương một viên chức hy sinh cho sự mạng, phong Nguyễn-Kinh làm Thần và lập miếu thờ ngay gốc cây trai. Trải qua hơn một thế kỷ ngôi miếu vẫn còn linh thiêng. Việt kiều, người Miên và người Thượng Chlong rất kính nể.

Năm 1845, người Miên nổi dậy chống chế độ cai trị của ông Trương-minh-Giảng, quân ta rút về. Người Pháp được Cao Miên mời đến bảo hộ. Trong số 1.000 quân lính có người bị thất lạc hàng ngũ, hoặc muốn ở lại tìm cách sinh nhai nên gia nhập vào số đồng bào định cư từ trước hợp thành một nhóm Việt Kiều đáng kể. Chính họ làm cái mốc cho những kẻ đến sau.

Nhóm người thứ nhì là nạn nhân của cuộc tàn sát tín đồ Thiên Chúa giáo theo lệnh Vua Tự đức vào khoảng 1855-1856. Thuở ấy, đạo Gia-tô bị Triều đình coi là một quái tượng và gọi là Hoa lang đạo. Người Việt nào tin theo thì bị bắt xăm trên trán bốn chữ « Học Hoa lang đạo ». Nhiều trận chém giết nổi lên khiến một số con chiên phải bỏ xứ chạy lên Cao-Miên quy tụ thành một xóm Việt kiều gần bên Cầu lều (Pont des Dollars) ở Phnom Penh gọi là Xóm Hoa Lang. Dần dần nhiều người nói sai tiếng Hoa là Hoà thành ra xóm Hòa Lan và quen miệng gọi đến bây giờ.

(1) Oudong kinh đô cũ của Cao Miên trước Phnom-Penh thuộc tỉnh Kompong Luông. Hiện thời nơi ấy là vùng mộ Vua.

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

Những tín đồ Thiên Chúa giáo này định cư hơn một thế kỷ truyền đến nay được năm, sáu đời. Đám con, cháu hiện giờ có người không biết quê hương của Tồ-tiên mình ở tỉnh nào trong nước Việt nam. Tổng số Việt kiều theo đạo Gia-tô gọi là « đạo giòng » rất quan trọng so với toàn thể Kiều bào ở Cao Miên. Đó là một điều oái oăm trên một quốc gia lấy đạo Phật làm quốc giáo và tất cả dân chúng đều theo đạo Phật.

Việt nam và Cao Miên bị người Pháp thống trị rồi, người Việt ở ạt sang đất bạn tìm mưu sống. Thành phần Kiều bào gồm đủ hạng trong xã hội : nông dân, buôn bán, tiểu công nghệ, đặc biệt nhất là nhóm « bạn biển » (những người làm nghề đánh cá ở nước Biển hồ), học sinh, sinh viên lỡ vận ở nước nhà và công chức. Người làm ruộng được phép khai khẩn đất hoang, nộp thuế cho nhà nước Bảo hộ rồi làm chủ như ở quê hương. Đất Miên rộng, người Miên ít, tha hồ cho kẻ siêng năng khai thác. Người nào không đủ sức thì cày thuê, gặt mướn dành dụm ít lâu cũng mua được mảnh ruộng con, dư sống suốt đời.

Giới buôn bán thì phát đạt vô cùng. Lợi dụng tánh thật thà chất phác của ông bạn láng giềng, Việt kiều làm giàu rất nhanh trong nghề đổi chác.

Về ngành tiểu công nghệ, Việt kiều đứng số một ở Cao Miên vì hầu hết những nghề của họ đều là nghề đặc biệt, không ai bắt chước được.

Vượt lên cao hơn hết là giới trí thức. Người Miên chậm tiến hơn ta, lại giữ gìn quá kỹ lưỡng phong tục, tập quán của họ nên ít chịu tiếp xúc với người Pháp, do đó bộ máy hành chánh không đủ người điều khiển; Chánh phủ Pháp phải đưa một số đông công chức Việt nam và thâu nhận Việt kiều vào các công sở. Có thể nói nước Cao Miên nhờ người Việt một phần lớn trong vấn đề khai hóa dân tộc và mở mang xứ sở. Trong tất cả các cơ quan từ thủ-đô đến các tỉnh, công chức Việt kiều giữ hầu hết địa vị quan trọng. Các cấp chỉ huy người bản xứ có chăng cũng đề cho có vị thôi.

Đáng kể nhất là trong ngành Giáo dục, Việt kiều cũng chiếm một phần quan trọng, chuyên dạy trẻ em Việt và trẻ... Miên. Và chính những cậu học trò Miên học với giáo viên Việt sau này trở thành Giáo, thay thế các thầy của mình.

Nhờ vấn đề cần dùng thiết yếu ấy mà sinh viên Việt nam thích lên Cao Miên học hơn là ở nước nhà. Thuở ấy, có mảnh bằng Tiểu học đã có việc làm ngay ở công sở nào tùy ý muốn.

Tổng số Việt kiều tính đến năm 1945 lối 300.000 người, theo con

LỄ HƯƠNG

số kiểm tra của người Pháp năm 1969 vượt lên 400.000 (1) sau khi có một số hồi hương bị trục xuất và một số mới trốn sang !

● ĐỊNH CƯ Ở ĐẤU ?

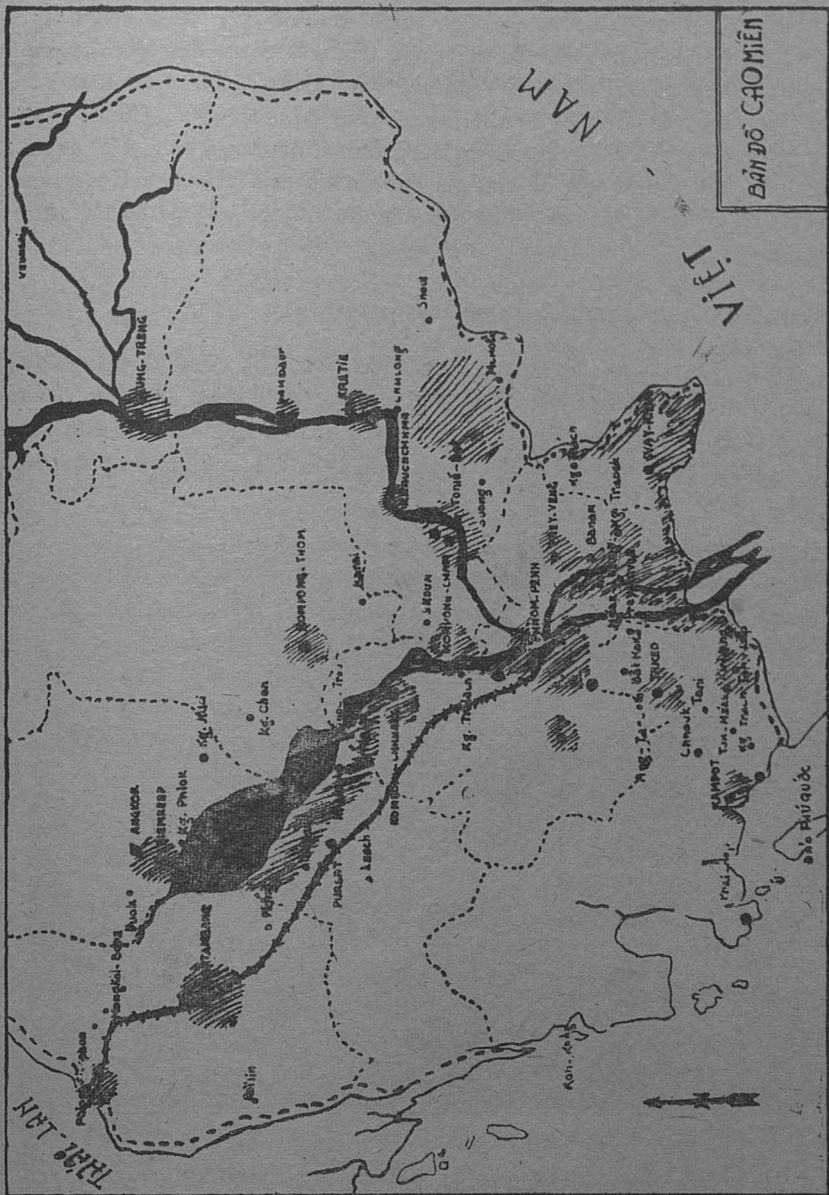
Việt kiều ở khắp lãnh thổ Cao Miên. Du khách đi đến tỉnh nào, quận nào cũng gặp người Việt, cũng có người biết tiếng Việt. Nhưng tổng số ở nhiều hay ít tùy theo nghề nghiệp và địa thế của địa phương.

Tại thủ-đô Phnom Penh, Việt kiều ở nhiều nhất, sống với hầu hết các nghề trong xã hội : công chức, tư chức, buôn bán, tiểu công nghệ. Người Việt ở đông cho đến nỗi người Miên, Hoa kiều đều biết tiếng Việt để giao thiệp hằng ngày. Đó là cái rún của lãnh thổ Miên, là nơi tiếp nhận đầu tiên của người có máu giang hồ. Khăn gói gió đưa, đến Phnom Penh rồi sẽ tỉnh, ở được thì đóng đô luôn, không thì lại lên đường sang tỉnh khác.

Ở các tỉnh sát biên giới Việt, như Svay Riêng, Kandal, Prey Veng, Takeo, đồng bào ta sang thuê đất làm ruộng, hoặc khai khẩn đất hoang, lần lần trở thành chủ nhân ông, điền chủ như ở nước nhà. Nguyên do vì người Miên ít lại ưa nhàn, không chịu khó nên đại đa số đất đai bỏ hoang hàng mấy thế-kỷ, nên người Việt tha hồ trò tài. Tổng số Việt kiều ở gần biên giới trong 3 tỉnh Svay Riêng, Kandal, Prey Veng đông đến Chánh phủ Bảo hộ Pháp phải lập thành làng như Kim Tấn (Svay Riêng), Vĩnh Lợi Tường (Prey Veng), Mỹ Quý (Kandal) và đặt vị Xã Trưởng (Mékhum) và vị Cai Tổng (Chauvay Khand) người Việt. Để chứng tỏ lập luận trên, chúng tôi xin nhắc lời của Quốc trưởng Siharouk trong một cuộc họp báo hằng tuần ở Nam Vang vào năm 1956 Đề cập đến tình trạng kinh tế, Quốc trưởng Cao Miên than phiền dân Miên không có ý muốn sống với nghề nông, chỉ muốn ở thành phố để làm... công chức. Ông nhắc lại rằng trong cuộc hành quân Samakki vào năm 1954 ở vùng Battambang, Siem Reap, ông thấy nhiều thửa đất màu mỡ, chỉ cần bỏ hột giống xuống là nảy mầm, lên cây ; nhưng hàng trăm năm rồi không ai khai khẩn. Ông kêu gọi dân Miên đến các vùng đó, Chánh phủ sẽ giúp nhà ở, dụng cụ, hột giống, mà không một người nào hưởng ứng. Xét ra thì tại Bộ Lao động có 500 lá đơn của nhóm thanh niên thất nghiệp xin chỗ làm mà chỉ muốn giữ chân thư-ký ! Tuy vậy mấy trăm người ấy vẫn kiên nhẫn ở thủ-đô, ăn gửi nằm nhờ để chờ một cơ hội chứ không chịu về đồng ruộng sống với nghề nông.

Ở những tỉnh khác, trong nội địa, gần biên giới Lào, Thái, Việt kiều

(1) Công văn của Bộ Ngoại Giao gửi viện Thống kê số 400-BNG-VHPL-KV ngày 27-1-1969.



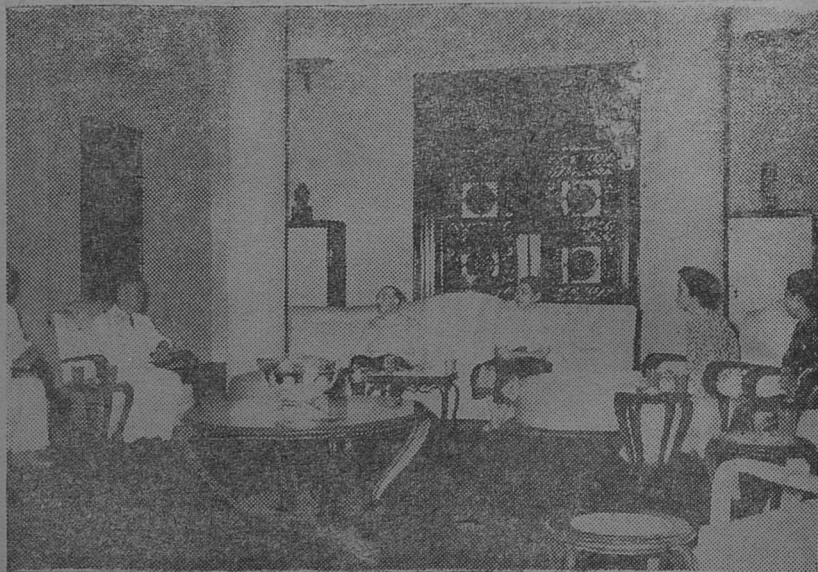
 : vùng Việt kiều.

Những địa phương có kiều bào Việt Nam cư ngụ trên đất Cao Miên.

ở ít hơn. Đó là một số công chức và người buôn bán ở tại chợ tỉnh lỵ. Ngoài ra có hai nhóm Việt kiều thật quan trọng là dân « *Bạn biển* » nghĩa là người đánh cá ở Biển hồ (Tonlésap) và « *Dân Công tra* » (Contrat) là phu Cao su ở các đồn điền Snoul tỉnh Kratié, Mimot, Kret, Chup, Prek Kák, Chamear, An đông, Peam Cheléang tỉnh Kompong Cham. Hai nhóm Việt kiều này là một vấn đề nan giải cho Chánh phủ Việt nam Cộng hòa trước tình cảnh bi đát của đồng bào sống dưới một chế độ lạt đời nhất thế giới.

2 VẤN ĐỀ NHẬP MIỀN TỊCH.

Năm 1945, chánh phủ Hoàng gia Cao Miên ban bố sắc lệnh thu nhận ngoại kiều nhập quốc tịch Miên với những điều kiện dễ dàng. Hoa kiều và Việt kiều cư ngụ lâu năm, có cơ sở, nhà cửa, công việc làm ăn, công chức, tư chức đều có thể « vào dân Miên » để hưởng những quyền lợi như người Miên.



ảnh Lê Hương

Đức vua Norodom Suramarit và Hoàng hậu tiếp kiến quý vị trong Liên đoàn Việt kiều nhân ngày Tết Cao Miên (1955).

Thoạt tiên, những người đổi quốc tịch hoàn toàn vì lợi. Hoa Kiều muốn được nhiều quyền lợi trên thương trường liên gia nhập làm người

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

Miên, trong khi vẫn giữ giấy thuế thân là người Tàu do Tòa Lãnh sự Trung hoa cấp ! Chính Quốc trưởng Sihanouk đã phát giác ra điều đó trong cuộc họp báo vào năm 1956 ! Việt kiều cũng vậy, một số thương gia và công chức rầm rộ nạp đơn. Thương gia được lãnh môn bài xuất nhập cảng, công chức được vào ngạch khỏi thi chữ Miên ! Những người này phần nhiều là Việt kiều cổ cựu, tổ tiên di cư hàng trăm năm, không còn dính dáng gì đến quê cha, đất Tò nữa. Kỳ dư vì ý nghĩ tự cao mặc cảm mà không muốn thành người Miên.

Về thể thức không có gì khó khăn, đương sự chỉ hội đủ điều kiện, hồ sơ nộp vào cơ quan phụ trách, rồi trong một thời gian ngắn thì có Nghị định ngay. Điều đáng ghi nhận là không tốn kém một món tiền chánh thức hay bí mật nào cả. Chánh phủ Cao Miên mở rộng cửa mời đón ngoại kiều gia nhập dân mình.

Nhưng qua năm 1946, vấn đề này trở thành quan trọng đối với Việt kiều. Vì người Pháp, sau khi tái chiếm Cao Miên, đã « trù » Việt kiều thẳng tay, họ cho rằng người Việt chống họ như ở Việt nam ! Cuộc kháng chiến càng gắng, Việt kiều càng bị dòm ngó, « săn sóc » kỹ lưỡng. Vì thế, người nào mang quốc tịch Miên thì yên thân, được trọng đãi (!) và có thể lên mặt với... kiều bào ! Phong trào nhập dân Miên trở nên sôi động, và lẽ cố nhiên nạn hối lộ liền đi đôi với phong trào như bóng với hình !

Ngoài ra, vấn đề buôn bán với nước ngoài được dành cho người Miên nên số Hoa thương vội vã đổi quốc tịch để xin môn bài xuất nhập cảng. Trên giấy tờ thì là dân Miên nhưng cách sống ngoài đời vẫn là Hoa hay Việt kiều ! Có người còn giữ thẻ căn cước cũ của mình để xài khi về nước ! Chính Thái tử Sihanouk, trong buổi họp báo vào tháng 4 năm 1956 đã tiết lộ điều ấy. Thái tử nói ở Cao Miên thì họ là người Miên sang Thái lan họ là người Tàu ! Vì lẽ đó, Chánh phủ Cao Miên mới ra lệnh bỏ buộc nhiều khoản trong Nghị định :

1. Đương sự phải đóng 10.000 riels gọi là tiền gia nhập quốc tịch Miên.

2. Sau hai năm, đương sự phải biết nói, đọc và viết chữ Miên, ít nhất là đọc những bảng cáo thị ngoài góc đường hè phố. Những cuộc khảo sát như lối dạy truyền bá quốc ngữ của ta thường diễn ra ở các nẻo đường. Người nào không chịu khó học thì có thể bị trả lại quốc tịch cũ.

3. Trong năm năm, đương sự phải biết và sống theo tập quán, phong tục của người Miên và không phạm một điều lỗi nào đối với xã hội, đối,

LÊ HƯƠNG

với người Miên chính cống, như : trộm cắp, ăn cướp, làm chánh trị hiếp đáp kẻ khác; nghĩa là không tỏ ra mình lợi dụng việc thay đổi quốc tịch để trục lợi cho mình. Đó là cái án treo cho những người ấy !

Càng bó buộc, càng khó khăn thì số tiền hối lộ càng cao. Tiếp đến lệnh cấm 18 nghề cho ngoại kiều và lệnh buộc các tư sở, xí nghiệp phải nhận 75% người Miên đã khiến một số Việt kiều cay cú đòi quốc tịch. Riêng đối với các công chức Việt kiều thì Chánh phủ Cao Miên dành nhiều điều kiện để dãi khi nhận đơn xin. Có thể nói mấy ông ấy được mời đòi quốc tịch mới đúng.

Tình trạng này kéo dài thì trong vài mươi năm sau, nước ta sẽ mất một số công dân đáng kể.

3 VAI TRÒ CỦA LIÊN ĐOÀN VIỆT KIỀU.

Việt kiều ở Cao Miên sống quây quần và đoàn kết với nhau thật chặt chẽ. Càng xa quê hương họ càng thấy cần phải sát cánh với nhau trong cuộc mưu sinh nơi xứ lạ. Trên phương diện tình cảm, mọi người đều bộc lộ sự thân mật và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, dúi dất những kẻ mới «gia nhập vào làng». Nhưng trên phương diện pháp lý, thì có lẽ đây là lần đầu tiên cư ngụ trên lãnh thổ bạn, nên trải qua một thời gian khá lâu : khoảng 80 năm, không có ai nghĩ đến việc thành lập một Đoàn thể, Hiệp hội của Việt kiều để thay mặt toàn thể kiều bào liên lạc với Chánh quyền. Ta phải nhìn nhận kém người Tàu ở điểm này. Chế độ Bang Trưởng của Hoa kiều đã biến tổ chức này thành một Chánh phủ không quân đội trong một Chánh phủ.

Mãi đến năm 1938, mới có người nghĩ ra vấn đề này và ngày 13-6-1938, một Hội Ái hữu đầu tiên ra đời lấy tên là NAM KỶ ÁI HỮU (Amicale Cochinchinoise du Cambodge), viết tắt là A.M.I.C. (1) Đạo ấy, nạn chia rẽ Bắc, Nam được người Pháp đào sâu triệt để nên kiều bào không tránh khỏi ảnh hưởng xấu xa ấy. Hội Nam kỳ Ái hữu chỉ nhận Việt kiều quê ở miền Nam gia nhập mà thôi. Người có Pháp tịch cũng được nhận.

Trong khi ấy, một Hội khác được thành lập lấy tên là VIỆT KIỀU TƯƠNG TẾ (Mutuelle des Annamites du Cambodge), viết tắt là M.A.C Hội lập cùng năm 1938 và nhận tất cả Việt kiều không phân biệt Bắc, Trung, Nam. Cả hai Hội chỉ hoạt động trong phạm vi nhỏ hẹp : phúng điếu Hội viên, vợ hay tứ thân phụ mẫu từ trần.

(1) Tài liệu của ông Lê-Minh-Đa.

Mặc dầu có những hai Hội tại thủ đô Nam Vang nhưng hội viên phần đông là giới trí thức, lại không ai đặt kế hoạch giúp đỡ kiều bào nghèo đúng với ý nghĩa tương tế, ái hữu, nên lần lần cả hai Hội chỉ còn là cái hư danh.

Năm 1950, Việt nam thống nhứt, người Pháp muốn xóa bỏ những tàn tích cũ hàu mua chuộc người Việt. Ông De Raymond, Khâm Sứ ở Cao Miên gọi công văn cho hai Hội Nam kỳ Ái hữu và Việt kiều Tương tế khuyên nên sáp nhập vào một và đổi tên khác vì chữ Cochinchinoise và Annamites không hợp thời. Các Hội viên nhóm họp, thảo luận mấy tháng trường mà không quyết định ổn thỏa. Hội Nam kỳ Ái hữu muốn giữ chữ « Ái hữu » trong tên mới, hội Việt kiều Tương tế cũng không chịu bỏ chữ Tương tế » Khi trình lên Tòa Khâm, ông De Raymond bỏ cả hai chữ đó, đặt là « Liên đoàn ». Ngày 31-8-1950, Liên đoàn Việt kiều ở Cao Miên (Association des Vietnamiens du Cambodge) chào đời, ông Đào trọng Sót, công chức Tòa Khâm làm Chủ tịch, Bác sĩ Thái đoãn Thạc làm Tổng Thư ký. Liên đoàn hoạt động với hai mục tiêu : (1)

1 — Giúp đỡ kiều bào thiếu thốn.

2 — Tắt chặt tình thân thiện, đoàn kết giữa các Hội viên và toàn thể Việt kiều, chia xẻ niềm vui sướng cũng như nỗi khổ đau.



ảnh Lê Hương

Phụ nữ Việt kiều trong Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế ở Cao Miên.

(1) Tài liệu của Bác sĩ Thái đoãn Thạc.

LÊ HƯƠNG

Trong khoảng thời gian ngắn 7 năm, Liên đoàn được kiều bào nhắc nhở qua những thành tích :

- trợ giúp kiều bào trong các vụ hỏa hoạn.
- giúp học bổng cho trẻ em nghèo ở các Tư thực.
- mở một phòng khám bệnh miễn phí cho mọi người tại trụ sở Liên đoàn (không phân biệt quốc tịch).
- tổ chức Cây mùa Xuân mỗi năm phát vãi, quà bánh cho trẻ em nghèo Việt, Miên, Hoa.
- trợ cấp tiền tu bổ trường dạy chữ Việt ở các tỉnh và ở trong chùa của Việt kiều.
- trả lương hàng tháng cho các giáo viên dạy trẻ miễn phí.
- tham gia việc tổ chức gian hàng Việt nam ở Hội chợ Quốc tế Nam Vang (15-11-56).

— tham gia các cuộc quốc lễ của Chánh phủ Hoàng gia Cao Miên, Hơn sáu năm, từ ngày thành lập (1950) đến khi Chánh phủ Việt nam Cộng hòa đặt Tòa Đại diện ở Nam Vang (2-6-1956), Liên đoàn Việt kiều có thể nói là một cơ quan thay mặt cho kiều bào đối với Chánh quyền Pháp. Số tiền chi phí hàng tháng do các nhà hảo tâm giúp đỡ, các hội viên đóng góp và Chánh phủ Việt nam Cộng hòa trợ cấp trong những năm 1954, 1955 và đầu năm 1956. Với ý định nắm giữ số kiều bào, Chánh phủ Việt nam thường liên lạc với Liên đoàn Việt kiều và nhờ tổ chức này để làm môi giới tiếp xúc với Chánh phủ Cao Miên trong việc đặt Đại diện Ngoại giao. Vai trò của Liên đoàn nổi bật lên trong khoảng thời gian ấy.

Ngày 2-6-1956, Tòa Đại diện được đặt xong, Liên đoàn Việt kiều trở thành một cơ quan bán chánh thức giúp đỡ Chánh phủ Việt nam Cộng hòa ở Nam Vang rất đặc lực. Tòa Đại diện nhờ Liên đoàn trên mọi phương diện : chánh trị, kinh tế, xã hội, văn hóa v.v..

Song song với Liên đoàn Việt kiều, một nhóm phụ nữ cũng hoạt động về xã hội đặc lực không kém. Nhiều bà, nhiều cô trong giới công chức, thương mại gia nhập trong Ban trị sự của Hội Hồng thập tự Cao Miên và Hội Phụ nữ tương tế do bà Hoàng Pasmi Sobhana (1) làm Chủ tịch, thường tổ chức những cuộc trợ giúp người nghèo không phân biệt sắc dân. Trí thông minh và đức tính cần cù, chịu khó của quý bà đã làm hài lòng Chánh quyền và kiều bào qua những công tác của Hội.

Ngày kỷ niệm quốc tế, các ngày lễ của Cao Miên, ngày Tết Việt nam

(1) Em một của cố Miên hoàng Suramarit và cô ruột của Thái Tử Sihanouk.

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

là những dịp tốt cho quý bà trở tài cũng như cho một số Việt kiều nghèo thấy rằng mình không bị bỏ quên.

Việc làm của quý bà không vì sự đổi thay của thời cuộc mà bị thay đổi. Sau khi Liên đoàn Việt kiều giải tán, quý bà vẫn tiếp tục phận sự như thường.

4 HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CỦA VIỆT KIỀU.

Ngành báo chí của Việt kiều ở Cao Mên bắt đầu «đi vào lịch sử» năm 1933. Đó là tờ CAO MIÊN HƯỚNG TRUYỀN, xuất bản hàng tuần do một người Pháp tên ALLIÈS làm chủ nhiệm. Báo này sống được sáu tháng phải nghỉ vì độc giả không ủng hộ. Có thể nói vào năm ấy, Việt kiều chưa tha thiết gì đến báo chí cho lắm dù các ký giả, văn sĩ, thi sĩ đều là tay cừ. Người chủ trương xin đổi tên lại là ÉCHO DU CAMBODGE và ấn hành bằng Pháp văn. Được hơn một năm, lại đổi tên LA DÉPÊCHE và cứ cưa đến năm 1952 lại đổi là LALIBERTÉ đến ngày nay (1969). Dù không sống được lâu, nhưng người chủ trương tờ «Cao Miên hướng truyền» có thể hãnh diện là bậc khai lộ tiền phong trong ngành báo chí của Việt kiều.

Băng đi một thời gian, năm 1938 ông Trần-văn-Sơn Mục sư Tin lành, xuất bản tờ bán tuần san PHỤNG SỰ rồi ra luôn hằng ngày sau vài tháng được kiều bào khuyến khích. Tờ Phụng Sự sống được hơn 2 năm, đến 1941 bị đóng cửa vì đụng chạm nhà chức trách. Ông Sơn liền xin phép ra tờ nhật báo PHỤC HƯNG trong năm 1941 và sống được 4 năm, đến 1945 bị đóng cửa! Ông Sơn lại hùn với Bác sĩ Đoàn-văn-Lượng xuất bản nhật báo MIÊN-VIỆT, phát hành trong 3 năm 1945, 1946, và 1947. Trong khoảng thời gian này, tờ Miên Việt có tự ý đình bản ít lâu vì có tờ bán tuần san THỜI BÁO xuất hiện. Sau đó, trong năm 1947, vì loạt bài TÔI VÀO CHIẾN KHU, tả lại cảnh sinh hoạt của một Việt kiều theo Việt Minh, mà tờ báo bị đóng cửa, Ông Trần-văn-Sơn giải nghệ từ ngày ấy.

Cuối năm 1945, lúc Cao Miên độc lập sau khi Nhật bỏn đầu hàng, Bác sĩ Vũ-kim-Vinh, được sư Hoàng Xuân Hồ cùng ông Dương-Minh-Châu và Vũ Xuân Đào, hai công chức Việt kiều chủ trương tờ bán tuần san THỜI BÁO. Đường lối của tờ báo là ủng hộ cuộc cách mạng đánh đuổi Thực dân ở quê hương. Báo xuất bản mỗi tuần 3 lần, bán rất chạy. Qua năm 1946, quân Pháp trở lại Cao Miên, Chánh phủ Hoàng gia mời Pháp cai trị như cũ. Báo Thời báo hô hào Việt kiều đóng góp vào TUẦN LỄ VÀNG vừa chấm dứt thì bị Thực dân đóng cửa. Mấy ông chủ nhiệm,

LÊ HƯƠNG

chủ bút, ký giả trốn về Việt nam. Rất may, không ai bị chúng bắt.

Ngưng hẳn ba năm, từ 1947 đến 1950, Chánh phủ Pháp và Cao Miên mới cho phép ông Cao-văn-Kiểm xuất bản tờ tuần báo TÂN-THẾ-KỶ. Đặc biệt nhất là báo in 3 thứ chữ : Việt-Pháp-Miên. Tiếc thay báo ra được 3 số thì đình bản vì lý do kỹ thuật. Sau đó, ông Kiểm bỏ hẳn nghề báo.

Năm 1950, giáo sư Lê-văn-Bông xuất bản tờ bán tuần san TIẾNG VIỆT chuyên về chánh trị, văn hoá, xã hội. Sau vài tháng, ông Bông phát hành hằng ngày được một thời gian, vì lý do kỹ thuật và tiền bạc phải đổi sang tuần báo. Ít lâu sau, ông Chủ nhiệm lại ấn hành thành nhật báo và giữ luôn đến ngày đình bản. Tờ Tiếng Việt sống được 17 tháng đến đầu năm 1952 thì chết vì không đủ tiền chi phí. Nguyên do có thể nói là tờ báo thiếu người chuyên nghiệp phụ trách nên không thể cạnh tranh nổi với các báo Saigon, lúc ấy được phép lưu hành ở Cao Miên. Ngoài ra vì vấn đề Việt kiều có nhiều điều không dám khai thác nên kiều bào ít đề ý đến báo chí và vai trò quan trọng của nó. Một yếu tố khác đáng buồn hơn là phần nhiều Việt kiều ở xa đô thị không thông Việt ngữ hoặc chỉ biết sơ sài làm sao hiểu nổi các danh từ mới !

Tờ Tiếng Việt chết, nhưng tiếng tăm của nó vẫn còn được nhắc nhở. Ông chủ nhiệm buồn tình về Saigon sống với nghề chánh thức của mình.

Sau khi báo tiếng Việt đình bản vài tháng, ông Phan-Văn-Thông, một thương gia xuất bản tờ tuần báo DÂN VIỆT vào cuối năm 1952. Báo này ấn hành theo khuôn khổ nhỏ như loại Phụ nữ ngày mai, Văn nghệ tiền phong ở Saigon, nhưng nội dung hết sức nghèo nàn vì không có người viết ! Ông chủ nhiệm định dùng tờ báo để làm tiền Chánh phủ Nguyễn-văn-Tám ở Saigon, chứ không phải vì quyền lợi của Việt kiều. Tờ báo sống vất vưởng độ một năm, đến cuối năm 1953 thì tự động chết. Ông Thông cũng hồi hương xoay nghề làm nhà in ở một tỉnh vùng Cao Nguyên.

Ngày 10-1-1954, ông Phan-Vinh-Tòng, Giám đốc một ấn quán, xuất bản tờ nhật báo VIỆT KIỀU, ấn hành 4 trang lớn như các báo ở Saigon. Tuy không thể so sánh nổi với các báo ở Việt nam, nhưng nhờ ở "hải ngoại" tha hồ xiên xỏ Thực dân Pháp nên báo Việt kiều được đồng bào ở quê nhà mua với giá chợ đen ! Thế nhưng, dù có nói mạnh, nói bạo đến đâu, báo Việt kiều vẫn không bán chạy bằng báo ở Saigon gởi lên ! Do đó, ông Tòng không chịu nổi sự lỗ lã phải ngưng lại vào giữa năm 1954.

Bằng đi một thời gian khá dài, hai năm sau, ông Tòng xuất bản tờ nhật báo HỒN VIỆT vào ngày 1-6-1956.

Qua ngày 2-6, ông Đại diện Chánh phủ Việt nam Cộng hòa lên

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

Nam vang nhậm Chức. Ông Tổng giao tờ Hồn Việt cho Tòa Đại diện làm cơ quan ngôn luận của Việt kiều quốc gia. Bấy giờ ông Tổng dùng tờ báo làm chánh trị hẳn và được Chánh phủ Cao Miên liệt kê tên tuổi vào «bảng Phong thần» của những nhân vật thân Saigon. Với chủ trương và đường lối này, tờ Hồn Việt bán cho Việt kiều giống như tờ Cách mạng quốc gia ở Saigon.

Giữa lúc ấy, tình hình chánh trị thay đổi và xoay chiều khác. Cao Miên độc lập, chọn chánh sách Trung lập và có vẻ ngã về phía Cộng sản nhiều hơn. Chánh phủ ngoài Bắc theo chân Chu ân Lai vào Cao Miên hồi tháng 10 năm 1956 và vận động ngầm xin xuất bản tờ nhật báo SỐNG CHUNG do ông Lý Hữu Dư một thương gia Việt kiều kỳ cựu làm chủ nhiệm. Tờ Sống Chung ấn hành 4 trang khổ nhỏ hơn tờ Hồn Việt, chuyên về chánh trị và thiên hẳn theo Cộng sản. Đó là tiếng nói của Hà nội, được Chánh phủ Cao Miên ngầm giúp đỡ về mọi mặt. Báo này bán chạy hơn báo Hồn Việt, mặc dầu trên phương diện văn chương, nghệ thuật còn kém xa. Điều này chứng tỏ Việt kiều bắt đầu thích xem báo và thích làm chính trị miệng.

Cùng trong năm 1956, một ông chủ nhà in tên Phạm văn Bảo xuất bản tờ nhật báo TRUNG LẬP, khuôn khổ bằng tờ Sống Chung, tôn chỉ cũng in như thế, nhưng nội dung bài vở, văn chương cú pháp thì hạ cấp hơn, thấp kém hơn. Báo này bán không ai mua, nên tự động rút lại hằng tuần mà cũng không thấy có vẻ gì khả quan.

Giữa lúc ấy tình hình chánh trị giữa miền Nam và miền Bắc bắt đầu gay go, hai bên dùng báo chí «đánh nhau» mỗi ngày. Tờ Hồn Việt đương đầu với hai tờ Sống Chung và Trung lập ngày thêm quyết liệt. Chánh phủ Cao Miên phải làm trọng tài xử kiện cả hai phe luôn luôn. Trên mặt pháp lý và đối với quốc tế, Chánh phủ nước bạn phải chấp thuận cho cả hai phe hoạt động trên lãnh thổ mình, nhưng ngầm ngầm bên trong thì họ binh phía Cộng sản nhiều hơn. Vì thế, để diệt hẳn bên quốc gia và tỏ rằng ta nâng đỡ khối Cộng, Bộ Thông tin Cao Miên đóng cửa một lúc tờ Hồn Việt và tờ Sống Chung vào cuối năm 1957. Thế là chỉ còn tờ Trung lập một mình múa gậy vườn hoang. Bộ biên tập Sống Chung nhào qua cải thiện tờ lá cải này, biến thành tờ Sống Chung thứ nhì. Độc giả ào qua mua tờ Trung lập. Số xuất bản mỗi ngày lên 4000 tờ. Ông Phan-vĩnh-Tòng giải nghệ, trở lại nhà in.

§ VIỆT KIỀU SỐNG THẾ NÀO?

Việt kiều ở Cao Miên sống với đủ mọi nghề trong xã hội. Không có

LÊ HƯƠNG

giới nào, nghề nào mà không có người Việt xen vào.

Đặt biệt nhất là có những nghề riêng chỉ có người Việt làm được, người Miên hoặc Hoa kiều không thể bắt chước hoặc chỉ nhái theo mà thôi.

● CÔNG CHỨC.

Dưới thời Pháp thuộc, quốc gia Cao Miên cũng như Ai-lao nhờ một số đông công chức Việt kiều phụ trách trong các ngành Hành chánh và Quân sự. Từ thủ-đô đến các tỉnh công sở nào cũng có người Việt. Cả đến ngành Hỏa xa từ trung ương đến các nhà ga cũng do Việt kiều đảm nhận. Công chức Việt kiều được ưu đãi không khác người Miên về mọi phương diện. Đó là thời kỳ vàng son của giới trí thức Việt ở Cao Miên. Nhiều vị lớn tuổi có thành tích tốt, phục vụ trung thành được Nhà Vua phong tước hàm và mời vào Triều dự các buổi lễ. Đạo ấy các cô gái ở miền Nam rất thích được người chồng « công chức Nam Vang » cũng như gái Hà nội ngâm câu « Phi Cao đẳng bắt thành phu phụ ». Nhờ địa vị và quyền thế, một số đông công chức tạo nên nhà cửa, sự nghiệp vững vàng ở đất bạn và dính chân, dính cẳng luôn trên ấy quên mất quê hương ! Đám con, cháu hiện thời đã thành người Miên hoặc phân nửa Việt, phân nửa ngoại quốc. Một ít người dựa hơi Thực dân trở lại ăn hối lộ, hiếp đáp người Miên, Hoa kiều và Việt kiều gây nên một tiếng xấu cho toàn thể công chức.

Dưới sự cưỡng bách trẻ con phải đi học và cố gắng đào tạo nhân tài, Chánh phủ Cao Miên có được một số công chức khả dĩ thay thế người Việt. Từ đó việc thu nhận công chức Việt bắt đầu khó khăn nếu không nói là Chánh phủ Miên không nhận nữa hoặc chỉ nhận trong những trường hợp đặc biệt, trong những phận sự mà người Miên không cán đáng nổi. Công chức mới vào chỉ hưởng lương công nhật chứ không được nhập ngạch. Muốn nhập ngạch phải biết chữ Miên và qua một kỳ thi sát hạch hằng năm, trình độ cỡ trung học.

Đến năm 1945, phong trào kháng Pháp nổi dậy, một số đông công chức Việt kiều xin trở về quê hương giúp Tổ quốc. Các chỗ trống ấy được người Miên thay thế. Những người còn ở lại vẫn tiếp tục làm việc. Có người xin nhập quốc tịch Miên để được vào ngạch như người bản xứ, khỏi phải thi và hưởng những quyền lợi như người Miên.

Năm 1946, Chánh phủ Cao Miên không nhận công chức Việt trừ một vài trường hợp hết sức đặc biệt như Phiên dịch viên, chuyên viên. Những người còn ở lại « truyền nghề » cho mấy người mới vào và chờ đến ngày hưu trí. Có người xin đổi về Việt nam được hai Chánh phủ

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

thỏa thuận và nhìn nhận cùng một ngạch. Đôi khi vì nhu cầu công vụ bắt buộc, Chánh phủ Miên lưu dụng một vài công chức kỳ cựu như trong ngành Ngân sách, Quan thuế, kỹ dư thì nơi nào cũng có người Miên đảm nhận. Một số công chức không được nhập ngạch bị bạc đãi ra mặt, lương ít mà phận sự nhiều, một mình gá h ba bốn công tác của mấy quan Miên !

● GIÁO VIÊN

Dưới chế độ Bảo hộ, người Pháp chủ trương phổ biến chữ Pháp cho tất cả các sắc dân trong lãnh thổ, nên ở Cao Miên, ngoài các lớp Miên-Pháp còn có nhiều lớp Việt-Pháp, Chăm, Thái, Lào, Lolo, Khnong (Thượng) ở vùng nào có nhiều kiều dân các quốc gia láng giềng cư ngụ. Người Việt được thầu nhận làm giáo viên để dạy các lớp Việt Pháp. Ngoài ra người Miên giữ gìn phong tục rất kỹ, thích cho trẻ con vào chùa học chữ với quý vị sư sãi hơn là vào trường công. Do đó số sinh viên Trung học rất ít ; chánh phủ Bảo hộ phải thầu sinh viên Việt nam vào. Người nào học ban phổ thông thì khi ra trường vào các công sở, người học ban Sư phạm thì làm Giáo viên. Số giáo viên thiếu cho đến nỗi, vào những năm 1930, 1932, Bộ Giáo dục nhận những sinh viên thi rớt bằng Sư phạm, hoặc chỉ cần học đủ bốn năm. Tuy nhiên, về ngạch trật thì người có cấp bằng vẫn được cao hơn. Những Giáo viên Việt mới ra trường này bị bắt buộc phải học chữ Miên, trình độ Trung học, để dạy trẻ Miên. Bộ Giáo dục ấn định thời hạn một năm, nếu thầy nào thi rớt thì bị sa thải. Mỗi buổi chiều sau giờ làm việc, các thầy vào một lớp riêng học Miên ngữ một giờ. Về nhà các thầy mượn giáo viên Miên dạy thêm. Đến ngày thi đầu tiên, chỉ có một thầy đậu còn bao nhiêu đều trượt vô chuối ráo. Vị giáo viên duy nhất ấy tên Lê-hoàng-Đại ở trường xã Sùng Trông thuộc tỉnh Kompong Cham. Trước số giáo viên bị đánh rớt quá nhiều, Bộ Giáo dục không thể áp dụng đúng theo Nghị định vì nếu sa thải hết thì lấy ai điền vào ? Bộ cho thêm một năm nữa và kết quả gần hết tổng số giáo viên Việt kiều đều trúng tuyển, chỉ có vài thầy không may mà thôi. Mấy thầy này vẫn được tiếp tục làm việc nhưng hưởng lương công nhật, và mỗi năm được thi một lần. Đậu thì vào ngạch ngay.

Song song với sự kiện này, Bộ Giáo dục không nhận sinh viên Việt ở miền Nam vào trường Trung học, chỉ nhận Việt kiều có cấp bằng Tiểu học ở Cao Miên. Đạo ấy sinh viên Miên đã già tăng nhiều khả dĩ đảm nhận trách nhiệm giúp quốc gia được. Người Việt không còn được nhận làm giáo viên chánh ngạch nữa, chỉ thỉnh thoảng Bộ Giáo dục cần

LÊ HƯƠNG

một vài thầy dạy lớp Việt-Pháp với lương công nhật. Thầy nào thông Miên ngữ cũng có thể thi đề vào ngạch hoặc nhập Miên tịch để được đối xử và hưởng quyền lợi như người Miên.

Đến tháng 7 năm 1945, Chánh phủ Hoàng gia Miên ra lệnh đóng cửa các lớp ngoại kiều, gom vào một chương trình thống nhất Miên-Pháp. Kiêu dân không muốn học chữ Miên thì tìm các trường tư. Các giáo viên công nhật được lệnh nghỉ việc và hưởng 3 tháng lương.

Qua tháng 9 năm 1945, một số đồng giáo viên Việt kiều xin trở về quê phụng sự Tổ quốc được hai Chánh phủ chấp thuận và nhìn nhận theo ngạch cũ. Còn lại một số ít thì một phần phải nhập Miên tịch, một phần xin biệt phái qua ngành Hành chánh, và một phần làm Giám thị trong các trường Trung học ở thủ-đô gọi là đề dư-ong già chờ ngày hưu trí. Trong các trường học ở Nam Vang và các tỉnh không còn một giáo Việt nào dạy trẻ Miên nữa.

● MỞ TRƯỜNG TƯ.

Trước khi Chánh phủ Cao M ên thống nhất chương trình dạy học, ở Nam Vang có vài trường tư bậc Tiểu và Trung học để đón trẻ em quá tuổi không vào được trường công và các cậu thi rớt không được ngồi lại.

Việc làm có ích cho kiêu bào như thế mà không thu lợi bao nhiêu vì trẻ con được vào trường công dễ dàng. Đến lúc bãi bỏ các lớp Việt-Pháp thì các ông Giám đốc tư thực mở bao hốt bạc Bao nhiêu học sinh không theo lớp Miên ngữ đều vào trường riêng học tiếng mẹ. Người Việt nào lại không muốn cho con học quốc ngữ ? Bấy giờ trường tư đua nhau mọc như nấm mùa mưa. Giáo viên Việt bị sa thải được mời vào điều khiển các lớp Tiểu học. Có trường nhờ Giáo sư Pháp dạy Pháp văn để cạnh tranh với nhau. Trường nào cũng sốt sắng lo cho học sinh mau khá, thi đậu nhiều. Đó là một điều đáng mừng cho giới Việt kiều. Tuy nhiên có điều cần mở đầu ngoặc là mấy ông Giám đốc tỉnh học phí quá nặng. Năm 1946 mà « ăn » 100 đồng lớp A B thì quá quắt lắm. Nhiều trẻ nghèo chịu thất học cũng vì cha mẹ chúng không đóng nổi số bạc hàng tháng. Mỗi lần mãn niên học, các ông « lừa » hết học trò cho lên lớp trên, bắt kẻ dứa nào học kém. Như thế, các ông có lời thêm với số học phí tăng thêm và có nhiều chỗ để thu đám trẻ mới.

Ở Svay Riêng tỉnh lỵ gần biên giới, nơi có nhiều Việt kiều, một cô giáo trường công vừa nghỉ việc liền mở ba lớp Đồng ấu, Dự bị, Sơ đẳng trong căn nhà đề xe. Một mình cô «quây» ba lớp không chuyên nên học trò có vẻ «ngáo» nhiều hơn là thông minh. Kiêu bào tốn tiền toi,

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

than phiền hoài hoài mà đầu cũng vẫn vậy. Dù sao, có còn hơn không, nếu cô ấy đóng cửa trường thì trẻ học ở đâu ? Ở các tỉnh khác không có người nào nghĩ đến vấn đề này, có lẽ vì thiếu phương tiện, hoặc thiếu người đủ điều kiện đảm nhận. Một số đông trẻ Việt phải vào trường công học chữ Miên.

Năm 1950, Chánh phủ Cao Miên bắt buộc các tư thực phải dạy chữ Miên mỗi tuần 10 giờ, rồi lần lần số giờ gia tăng cho đến năm 1962 thì chữ Việt bị bỏ hẳn. Trẻ Việt kiều bơ vơ không nơi học hành. Nhiều người lo ngại cho tương lai con mình phải tự dạy ở nhà, chứ không được phép dạy quá số 5 trẻ! Chánh phủ Việt nam Cộng hòa không có quyền can thiệp để giúp đỡ Việt kiều về phương diện này!

● TƯ CHỨC

Giới tư chức được ưu đãi không thua công chức. Các hãng buôn ở Nam Vang đều do người Pháp và Hoa kiều làm chủ, giấy tờ, sổ sách dùng toàn chữ Pháp nên họ rất cần Việt kiều giúp đỡ. Người Pháp, người Tàu không chịu thuê người Miên vì họ làm việc chậm chạp, ít sáng kiến. Nhiều người suốt đời chỉ giúp cho một hãng buôn mà sung sướng không thua công chức.

Năm 1957, Chánh phủ Cao Miên cấm ngoại kiều làm 18 nghề và buộc các hãng buôn phải nhận 75% nhân viên Miên, nhiều tư chức Việt kiều bị sa thải phải về Saigon hoặc sống vất vưởng ở đất bạn.



Ngoài ra còn rất nhiều nghề khác do Việt kiều đảm nhiệm như: Bác sĩ, thầu khoán, làm nước mắm, đập mía làm đường, nhuộm mặc nưa, nện hàng, làm lu, làm bàn ghế trang hoàng, thợ may, thợ giày, làm ruộng, thợ máy, thợ điện, thợ hồ, thợ hót tóc, buôn bán nữ trang, bi bún, bánh hời, bán sách báo, sắm tàu thủy, trồng dâu nuôi tằm, nhiếp ảnh, dạy khiêu vũ, phù thủy, hát cải lương, buôn lậu, đổi tiền, buôn bạc ... nghề nào cũng đem lại nhiều lợi tức và nhiều nổi tiếng.

6 GIAI THOẠI VỀ TƯỞNG CƯỚP ĐƠN-HÙNG-TÍN.

Trong giới Việt kiều, Hoa kiều và người Miên không ai không nghe danh tướng cướp Đơn-hùng-Tín ở vùng Biển Hồ đã làm điên đầu Sở Mật

LÊ HƯƠNG

thám Pháp một đạo. Đó là người có lòng nghĩa hiệp thường giúp đỡ Việt kều và người Miên nghèo rất nhiều tiền bạc, bình vực kẻ cô thế bị hà hiếp đến nỗi dân Miên tôn sùng là Vua và gọi « LUÔNG TÍN » chứ không dám gọi là ông ! Người ta đã thần thánh hóa những phương pháp của Tín đối đầu với nhà cầm quyền và cho rằng Tín có « phép », có bùa ngải rất linh thiêng. Do đó, chuyện Đon-hùng-Tín biến thành một giai thoại gần như huyền thoại của giới Việt kiều.

Tướng cướp Đon-hùng-Tín tên thật là Lê-văn-Tín, thứ ba, nên gọi là Ba Tín gốc ở rạch Cái Sao, làng Nhị Mỹ, tỉnh Kiến Phong ngày nay, lúc thiếu thời làm tá điền cho một địa chủ. Dưới thời ấy, các ông chủ điền thường cậy thế bắt nạt người mướn ruộng khiến Ba Tín bất bình, thù người giàu độc ác nên có ý bỏ nhà đi tìm thầy học nghề... ầu cướp đề làm một Đon-hùng-Tín ở Việt nam, đóng đại bản dinh trên một chiếc ghe lườn, thả xuôi ngược trong Biển Hồ. Mục đích chính của Tín là mấy tên trọc phú Hoa kiều chuyên môn mua rẻ bán mắc, cạo vét mồ hôi nước mắt của dân Miên và Việt. Tín « mướn » của nhà giàu phân phát cho kẻ nghèo mà Tín gặp. Có lần, Tín gọi một ngư phủ kéo lưới ở Biển hồ mua vài con cá. Ông già Miên chất phác, thấy Tín đi ghe có vẻ sang trọng nên không lấy tiền. Cảm động trước nghĩa cử ấy, Tín lấy ô xúc bạc đồng (loại bạc 27 gam) đồ qua xuống ông lão. Tín đồ nhiều đến nỗi, ông già phải la lên : « Thôi ông ơi ! Chìm xuống tôi bây giờ ! »

Ba Tín hoạt động ba năm ở Cao Miên rồi bắt tin một thời gian. Sau đó đồng bào ở miền Nam lại nghe nói Tín xuất hiện ở miệt Mỹ Tho và bị Mật thám Pháp bao vây bắn chết giữa giòng Cửu long. Nhưng theo lời vài bà lão Việt kiều biết mặt Tín thì người xưng là Ba Tín chết ở Mỹ Tho không phải là Ba Tín thật ! Người ta nói rằng Ba Tín đã g'ải nghệ vào núi, sang Thái lan, hay lên rừng đi tu. Năm 1945, khói lửa nổi lên, có người tản cư vào vùng Cá Côn thuộc tỉnh Kompong Cham gặp một ông đạo Việt tu theo phái Ta bà ngồi dưới cội cây. Ông đạo xưng là Ba Tín và thuật chuyện mình đã lánh đời từ ngày ấy đến nay. Ông hỏi thăm việc thay đổi dưới Phnom Penh và cuộc cách mạng ở quê nhà. Người gặp nhìn biết Tín khi nhớ lại những bức hình tập nả treo khắp các nẻo đường hơn 30 năm về trước. Nhà Sư cho biết mấy mươi năm nay ông chuyên tụng kinh sám hối để chuộc những lỗi lầm đã bắt ngờ gây nên trong những năm « hành nghề ». Hai năm sau (1947), một người khác gặp Tín trong một khu rừng thuộc tỉnh Kompong Speu. Tín cho biết mình tu theo phái Ta bà, nay đây mai đó, đi khắp các nơi hành đạo, và không bao giờ ra thành phố. Từ đó, không nghe ai nói đến nhà Sư này nữa.

7 SO SÁNH VIỆT KIỀU VÀ HOA KIỀU TRÊN VÀI PHƯƠNG DIỆN.

Cùng sống nhờ trên đất Miên. Việt kiều và Hoa kiều có nhiều điểm trái ngược với nhau, nhất là trên phương diện xã hội và kinh tế.

Về cách tổ chức của một số kiều dân ở xứ người, Việt kiều cần phải học hỏi và bắt chước Hoa kiều rất nhiều để củng cố và thắt chặt tình đoàn kết, tương trợ lẫn nhau.

Về mặt kinh tế thì Việt kiều chịu thua Hoa kiều hoàn toàn. Có thể nói Hoa kiều nắm hết mọi ngành thương mại ở Á châu chứ không phải chỉ riêng ở Cao Miên. Tuy nhiên, người Việt vẫn có những nghề riêng biệt và những cá tính đặc sắc của mình.

Cư ngụ trên đất Miên, Việt kiều rất ít khi, có thể nói là không bao giờ cưới vợ Miên. Người Miên cho đó là tánh tự tôn mặc cảm, cho rằng người Việt chê họ thấp kém, xấu xí. Và cũng vì lẽ đó mà họ ngầm có ý bất hòa với Việt kiều và mỗi khi có chuyện xích mích thì họ thẳng tay « cư xử » !

Trái lại, người Tàu không chọn lựa kỹ lưỡng như ta, vừa chân ướt, chân ráo vào lãnh thổ Miên là vợ ngay một cô vợ đề nhờ vả. Người Miên giao dịch với người Tàu gần 1000 năm trước nên rất thích tánh siêng năng, cần cù và tin chắc rằng dù một Hoa kiều bán cà rem hay mua ve chai cũng có ngày thành xi thầu, ông chủ. Họ không bao giờ nghĩ đến vấn đề người Tàu đồng hóa họ trong nếp sống và biến lần lần họ thành thiểu số. Những đứa con lai, gọi là « con cháu khách » hay « đầu gà đít vịt » hoàn toàn sống theo cha, mất hẳn gốc của mẹ. Đó là chưa kể đến việc ông Tàu đó đã có vợ sẵn ở quê hương trước khi vác cái đòn gánh lên đường ! Khi có đứa con trai đầu lòng, người Hoa kiều đem về xứ cho học chữ Tàu và cưới vợ Tàu. Rất ít người cho con cưới vợ Miên như mình vì lẽ chúng nó không cần nhờ bên vợ như bố chúng lúc mới di cư. Lẽ dĩ nhiên, đám con của chúng sau này không có một vẻ gì của người Miên cả !

Những đứa con gái « đầu gà đít vịt » rất đẹp, Việt kiều có người thèm rõ dãi, nhưng khó mà rờ tới vì Hoa kiều luôn luôn gả con cho đồng bào họ để giữ giống ! Thấy hoặc họ có cần gả cho người Miên thì ít nhất cũng là hàng quan lớn, nếu không là Hoàng thân trong Triều.

Về mặt giao thương với người Miên, Hoa kiều nắm hết mọi ngành sản xuất trong nước. Có thể nói người Miên làm đề Tàu hưởng. Từ

LÊ HƯƠNG

thủ-đô Nam Vang đến các tỉnh lỵ chỗ nào cũng có Hoa kiều nắm giữ các giềng mối buôn bán từ lớn đến nhỏ, từ cửa hàng đồ sộ đến gánh hàng tiểu, thùng đậu phộng rang. Tiếng là xứ Miên mà việc buôn bán của người Miên chỉ loay hoay ở mấy sạp bán chần dẹt tay, sarong, khăn tắm, gối dòn gòn, trái cây bốn xứ v.v... Chính người Miên có chút ít ưu tư về dân tộc họ cũng chán nản lắc đầu. Nhưng thổ sản, lâm sản người Miên làm được bao nhiêu đều đem hết cho Hoa kiều bán với giá rất rẻ, rồi khi cần dùng mua lại với giá đắt gấp hai, gấp ba. Cái sự cân thiếu, đo lường là việc rất thường đối bọn con buôn. Người Miên cày cấy làm được hột thóc chở bằng xe bò ra chợ cho họ. Lập tức họ reo mừng dọn cơm cho ăn, đãi rượu cho uống thẳng tay, kỳ cho mắt mờ, đầu óc quay cuồng họ mới đóng thóc đem cân và trả tiền. Liệu một nông dân chất phác Cao Miên sau khi uống hàng nửa lít rượu để rồi có còn đủ trớ sáng suốt để phân biệt cái cân nào già, cân nào non và xem rõ mặt cân có đúng hay không? Đã bán rẻ cho họ lại còn bị ăn gian theo lối « khoa học » như thế, trách nào dân Miên quanh năm vẫn sống cuộc đời nghèo khổ!

Những con buôn Hoa kiều đặt «cạm bẫy» khắp hang cũng ngờ hèm, từ trong rừng sâu đến đồng ruộng, nơi nào có vật gì bán được là có họ. Chỉ có họ mới mua được của dân Miên và đem ra tỉnh lỵ, thủ đô bán lại cho đồng bào họ mà thôi. Việt kiều hay ngay cả người Miên đừng mong tranh giành được nguồn lợi ấy. Ví như có một người nào có một sổ vốn khá khá mở cửa hiệu mua sản phẩm như họ tức thì họ họp nhau lại chịu mất một số lời mua với giá thật đắt và bán lại thật rẻ, để cho cửa hiệu kia phải lỗ vốn và tự động rút lui, nhường lại cả cho họ. Một việc nhỏ đã xảy ra ở Nam Vang đủ thấy điều lợi hại của họ. Năm 1950, một Việt kiều ở tỉnh Kompong Speu mua được một số da gấu, da cạp, sừng nai, mật gấu, ngà voi của những tay thợ săn Miên. Đây là lần đầu tiên, gặp món bở, người ấy hí hửng đem đến Nam Vang bán cho người... Tàu!

Đối với những vật hiếm có này, người Hoa kiều rất thích mua, nhưng vì nguồn lợi đáng lẽ phải qua tay một đồng bào Hoa kiều ở tỉnh đó, tại sao lại lọt vào một Việt kiều, nên họ nhất định không mua. Người bán đi khắp thủ-đô, hỏi khắp cửa hiệu, họ một mực lắc đầu. Ngày này qua ngày khác, người ấy ăn lần hết tiền túi, túng thế phải năn nỉ họ bán đồ, bán tháo để về nhà! Chừng ấy họ mới mua với giá ve chai kèm theo một bài học, khuyên đương sự đừng dại dột đi buôn kiểu đó nữa. Dù họ không nói, nạn nhân cũng không ngóng gì tái phạm lần thứ hai!

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIỀN

Tuy nhiên trong những món lợi nhỏ nhỏ, Việt kiều giao thiệp với người Miên một cách hóm hỉnh đáng nhắc nhở làm quà bạn đọc.

Hàng năm đến mùa g'ó Bắc, nông dân Miên ra thủ đô Nam Vang mua cá làm mắm bồ-hóc (prahoc), món quốc hồn của họ. Mỗi gia đình ngồi trong một chiếc xe bò, hai bên cột hũ, lu, thùng đựng mắm, trong xe đựng gạo xay tày, giã bằng chày vọt. Họ nằm ngủ trên gạo dưới một lớp đệm, y như ngủ trên niệm bông. Đám trẻ con đáï trên đó là sự thường Họ đậu xe thành từng xóm như dân du mục, nấu nướng ở ngoài trời. Nơi tập hợp là mảnh sân rộng ở xóm Cầu lầu, gần bờ sông Tonlésap.

Việt kiều làm nghề hạ bạc, đánh cá được đem lại đổi gạo. Người Miên thích nhàn không chịu mất công làm cá, mượn người Việt chặt đầu đánh vảy luôn. Công mượn trả bằng gạo. Việt kiều chặt đầu cá nấu dầu thấp đèn, đổi gạo của người Miên. Người nào không có cá thì mua muối đổi gạo, rồi đem gạo xuống chợ bán lại cho người Miên.

Người làm mắm chỉ cần có cá và muối là đủ. Cái vòng lẩn quẩn ấy cứ loanh quanh hằng năm, thêm vào ngân sách gia đình của một nhóm Việt kiều số tiền đáng kể.

8 BẠN BIỂN. (1)

Nói đến Việt kiều ở Cao Miên phải nghĩ ngay đến cả trăm ngàn người « bạn biển » là dân đánh cá ở Biển hồ, và hàng ngàn dân « công-tra » (contrat) ở các đồn điền Cao su Kratié và Kompong Cham.

Câu ca-dao của người Việt tiền phong lên Cao Miên vang mãi trong tai kiều bào như một lời sấm :

Nam Vang đi dễ khó về,

Trai theo bạn biển, gái về Tào-Kê.

Đánh dấu ngày bước chân lên đất Miên của một nhóm thanh niên với lời nguyện tìm một số tiền rồi áo gấm về làng. Nhưng thực-tế giết mộng đẹp, vùng nước bao la của Biển hồ Tonlésap đã khóa chân « anh hùng » hơn một thế kỷ, đến nỗi đám con, cháu hiện thời không biết chốn chôn nhau của Tồ tiên là đâu. Đó là tình cảnh của phái nam, còn phái nữ thì các cô gái Việt mỹ miều vì sinh kế phải rời nhà phiêu bạt đã biến thành mồi ngon cho các ông Tào-kê, hạng xị thầu Hoa kiều giàu sụ, đề rồi lần lượt cho ra những đứa con Tàu lai Việt sống trên đất Miên, mất đứt giống nòi.

(1) Theo tài liệu của ông ĐẶNG-VĂN-GUƠNG.

LỄ HƯƠNG

Biển hồ ở Cao Miên là một hồ nước rộng mênh mông giống hình con số 8, nằm giữa lãnh thổ, bề dài hơn 160 cây số, bề ngang nơi rộng nhất 34 cây số; đầu ở tỉnh Siem Reap, cuối ở tỉnh Kompong-Chehnan, bên phải là tỉnh Pursat bên trái là tỉnh Kompong Thom. Người Miên gọi Biển hồ là « BUNG TON LÊ SÁP » nghĩa là hồ nước ngọt. Danh từ Bền hồ là của người Việt đặt ra, lâu ngày thành quen cũng như thủ-đô Phnom-Penh ta gọi là Nam Vang vậy. Người Tàu dịch chữ Tonlê là *Thôn lôi*, nên gọi là *Thôn lôi hồ*. Mỗi năm nước sông Cửu long dâng lên ngập đầy hồ trong 6 tháng rồi lần lần rút sạch, bày lòng hồ cạn khô như bãi cát hoang. Dưới thời Chánh phủ bảo hộ, người Pháp chia mặt hồ ra từng ô cho đấu giá. Người bỏ tiền cao hơn được quyền đánh cá suốt mùa. Thẻ thức này vẫn được người Miên dùng đến ngày nay. Chủ nhân ông cất nhà sàn ven bờ và nhà bè trên mặt hồ, ngoài ra còn sắm nhiều chiếc ghe lớn để rộng cá, chứa dụng cụ Cắn nhà bè luôn luôn xê dịch theo đoàn ghe. Đám nhân công gọi là bạn biển thì mỗi gia đình sống trên một chiếc ghe nhỏ, cột theo ghe của chủ. Rất ít người sắm nổi một căn nhà bè mặc dầu ai cũng muốn có một mái lá che nắng, che mưa. Một năm, người bạn biển bù đầu làm việc suốt sáu tháng nước đầy còn sáu tháng sửa chữa đồ nghề sắp đặt cho mùa sau và nghỉ ngơi, chơi bời.

Trong cuộc phiêu lưu tìm đất sống, kiêu bào ta khám phá một khu mầu mỡ, một kho tàng vô tận khả dĩ bảo đảm một đời sống sung túc. Gia chi dĩ những chủ nhân ông lại niềm nở, ân cần tiếp đón họ như bậc minh chúa cầu hiền tài thì có ai từ chối được. Nhận lời, nhận tiền, lãnh phận sự, người bạn biển vô tình ghép cả đời mình vào nghề mới, quanh năm lưới cá xê khô đến ngày xuôi tay nhường cho bày con tiếp tục. Từng đợt, từng đợt, ông rồi cha, rồi con, rồi cháu, nhiều gia đình nối nhau hàng bốn đời làm, năm đời « bạn biển » cho đến bây giờ và không biết còn đến bao giờ.

Để giữ người giúp việc năm này qua năm khác, người chủ trả lương hàng năm và đặc biệt là cho mượn trước từ 6 tháng, 8 tháng hoặc 10 tháng. Người bạn biển bị bó chân vì loại giao kèo ấy nên không thể nghỉ nửa chừng và cứ hết năm này thì mượn sang năm khác, thành thử suốt đời không thoát khỏi kiếp làm công ! Giá tiền mượn tùy theo sức lao động: trai tráng, người lớn tuổi có kinh nghiệm thì giá cao, đàn bà, trẻ con thì giá thấp. Ai cũng làm được vì công việc rất dễ dàng chỉ có quá khổ cực mà thôi. Vì thế, trong một gia đình từ đứa bé 9, 10 tuổi đến người già không ai ở không, từ sáng đến tối và từ tối đến sáng, từ ngày nước mới lên đến ngày nước rút cạn. Người bạn biển chỉ có lưới cá và xê khô. Cá đánh được một phần rộng trong ghe,

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIỀN

trong bè chở đi Nam Vang bán tươi, số còn lại thì xẻ, muối phơi chứ không thể làm mắm hay món gì khác vì cá nhiều quá họ không có đủ thời giờ làm. Cá đánh bằng lưới bỏ tròn lại một khoảng bằng cái sân rồi xúc lên ghe chặt đầu, mổ bụng, bỏ ruột, ướp muối đem phơi ngay. Cá nhiều đến nỗi có khi người bạn bèn lén chủ dỡ lưới cho cá ra bớt để đỡ mệt. Đem cá lên ghe, cả gia đình người bạn bèn ráp lại chặt đầu, mổ bụng. Người nào cũng làm như cái máy, làm suốt ngày đêm đến nỗi mỗi mệt thái quá, mắt mờ trao tráo mà ngủ hồi nào không hay.

Biển hồ cực lắm em ơi !

Ban đêm xẻ cá, ban ngày phơi khô.

Cò nhân đã than hai câu này đề phác họa thực cảnh muôn đời của nghề bạn bèn. Hơn một thế kỷ rồi hàng trăm ngàn kiều bào đã kéo dài kiếp sống bấp bênh trên sóng nước, quây quần thành một xã hội. Một năm họ làm việc 6 tháng nước ngập, còn sáu tháng lo sắp đặt dụng cụ cho mùa s u và nghỉ ngơi cò bạc. Nhiều người lao đầu vào sông đen đỏ để núng sạch túi tiền mồ hôi, nước mắt và đầu lại hoàn đấy, cảnh vay tiền trước để gửi tấm thân cho chủ lại tái diễn cũng như những năm đã qua.

Có lẽ vì thấy số Việt kiều sống trên Biển hồ với nghề đánh cá quá đông nên Chánh phủ Cao Miên ra lệnh cấm hành nghề này trong số 18 nghề cấm ngoại kiều. Lệnh trên đã làm điêu đứng nhiều chủ nhân cũng như bạn bèn. Người làm chủ phải áp dụng lối qua mắt nhà cầm quyền là thuê thêm nhân công người Miên để làm bình phong cho những tay chuyện môn Việt-kiều đã có kinh nghiệm từ... thuở bé đến lớn. Tuy vậy, một số đông Việt kiều phải thất nghiệp, đánh rơi bỏ một mặt hồ rộng xuôi về Nam, hoặc sống núp lén trong những con rạch nhỏ để tiếp tục với nghề cò truyền tìm cái sống qua ngày.

● CHÀI, LƯỚI.

Ngoài vùng Biển hồ, ở dọc theo bờ sông Cửu Long có nhiều nơi quy tụ kiều bào sống với nghề hạ bạc. Đại khái như vùng Péam Chor (Vinh Lợi Tường), Banam thuộc tỉnh Prey Veng, vùng Chlong tỉnh Kratié, vùng sông lớn thuộc tỉnh Kompong Cham, xóm Biền ở phía Bắc Nam Vang 7 cây số. Trong những con sông, rạch cũng có một số Việt kiều quây quần thành xóm ở trên nhà bè hay trên ghe như trước tỉnh lỵ Kompong Thom, Pursat. Người ta dùng đủ mọi khí cụ để bắt cá, phần nhiều là đồ nghề cò lỏ từ ngàn xưa và bắt vô số cá, đến nỗi loài thủy tộc sanh sản không kịp, số sản xuất sụt bớt lần hồi. Người Miên

LÊ HƯƠNG

lo ngại cho tương lai đã ra 5 điều cấm để giữ cá:

1 — Cấm tuyệt dùng đồ nghề bắt được nhiều cá nhất mà luật lệ đã ngăn cấm.

2.— Phá hết những đồng chà chắt ở cửa Biển hồ để tránh lối bắt quá nhiều cá ngoài sông cho chúng vào biển sanh sản thêm.

3.— Trừng phạt thật nặng nề kẻ nào đánh cá trong 3 tháng cấm để cá sanh.

4.— Cấm phá rừng ở ven Biển hồ để cá vào đẻ.

5.— Truyền dạy cho dân chài không nên giết hại cá con hoặc cá còn nhỏ quá và khuyến khích họ nuôi cá ấy đến lớn.

● BẮT CÁ THEO CÁC NGỌN RẠCH.

Mỗi năm một lần, nước sông dâng lên cao, tràn ngập đồng ruộng, Chánh phủ Miên đấu giá bán các ngọn rạch dọc theo bờ sông. Người trả cao nhất được quyền bắt cá trong rạch năm ấy. Lối hạ tuần tháng 9 d. l. người ta chặn các đầu rạch bằng đặng. Khi nước rút ra sông, bao nhiêu cá đều dồn vào đấy. Nơi mỗi miệng rạch có cái rọ lớn gọi là « xạp » để phía ngoài và có cửa đường cho cá chạy vào. Mỗi lần cá « chạy » nghĩa là cá dồn về rạch thì hàng chục người cầm ki xúc chuyền nhau đổ vào ghe bán liền cho người Miên đổi lấy lúa. Số cá còn dư họ bán cho các xưởng làm nước mắm. Cứ nửa tháng, hai mươi ngày thì cá chạy một lần, chủ và nhân công làm trời chết bất kể ngày, đêm. Có khi cá nhiều quá, làm không kịp, họ phải kêu lối xóm đến xức bột để khỏi sập đặng.

● LÀM NƯỚC MẮM.

Hơn hai mươi năm nay, nghề làm nước mắm bằng cá linh đã thành một nghề chánh thức của Việt kiều. Hằng năm cá linh sanh sản quán hiều đến nỗi Việt kiều nấu dầu thấp đèn chớ không biết làm sao tiêu thụ cho kịp. Vào cuối năm 1945, việc giao thương giữa Việt và Miên gián đoạn, văn Việt kiều lập xưởng làm nước mắm bằng loại cá thặng dư này. Người ta phải nhờ những ông thợ làm nước mắm cá biển ở Phan Thiết, Phan Rí và áp dụng giống như phương pháp làm bằng cá biển. Người ta đổ cá vào thùng lều, cứ một lớp muối, một lớp cá, rồi gài ém lại chờ thịt cá chín nát mới rút nước đổ vào thùng lại. Đổ nhiều lần như thế cho chất cá ra thật hết, bấy giờ mới lọc lấy nước trong, bắt đầu từ nước nhĩ, nước nhứt, nước ngang và nước xác. Thùng lều là một thứ thùng gỗ thật dày hình ống, cao lối 3 thước, đường kính lối 2 thước. Dưới chân thùng có một cái lù đóng nút bằng cây để rút nước mắm ra. Tuy nước mắm cá linh không có nhiều chất đạm (azo:e) và không ngon bằng nước mắm cá biển, nhưng

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIỀN

nhờ sự cần dùng bắt buộc lại rẻ hơn nước cá biển nhiều nên số sản xuất gia tăng vùn vụt. Nhiều người bắt chước làm theo, trong số ấy có một vài ông Hoa kiều lớn vốn, mở xưởng to rộng với lối tổ chức đại quy mô.

9 PHU CAO SU.

Nhắc đến số Việt kiều làm phu cho Sở Cao su là khơi lại một tình cảnh vô cùng bi đát của một nhóm đồng bào xấu số, giữa thế-kỷ 20 mà phải sống dưới một chế độ gần như nô lệ hơn 40 năm rồi, và đang kéo dài chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt.

Kỳ thủy vào năm 1920, người Pháp lập Công ty Đất đỏ (Société des Plantations des Terres rouges) ở Saigon và Cao Miên khai khẩn rừng hoang tạo thành vườn cao su. Ở Cao Miên, trụ sở Công ty đặt tại xã Mimot thuộc tỉnh Kompong Cham, coi sóc các vườn ở xã Krek, Chup, Brek Kâk, Chamcar An đông, Péamchchang và Snoul thuộc tỉnh Kratié. Năm 1921, công ty bắt đầu trồng cao su. Vì lẽ những vườn này ở giữa nơi rừng sâu, nước độc nên người Việt miền Nam ít dám vào làm. Ở thành phố vẫn có nhiều việc sống dễ dãi hơn. Vì thế, những người điều khiển công ty đặt kế hoạch mộ phu ngoài Bắc Việt là nơi đồng bào đang đói kém. Đám lao công đáng thương này bị bọn Thực dân lường gạt bằng chiêu bài ca tụng sự sung sướng ở « thiên đàng đất đỏ », nào là làm việc có lương đầy đủ, ai có nghề nào làm nghề ấy, từ dân thầy, dân thợ đến hạng lao công, nào là khi đau có nhà thương, có Bác sĩ săn sóc, nào là tự do chơi bời, cờ bạc vân vân. Những người dốt nát lãnh ngay số tiền năm mươi đồng (50\$) và ký chữ thập hoặc điền chỉ vào tờ giao kèo mà họ không biết đã viết sẵn gì trong ấy. Tờ giao kèo tiếng Pháp gọi là contrat danh từ ấy được ghép vào đám phu mới tuyển thành ra « dân công-tra ». Sở dĩ họ phải gọi riêng như vậy vì trong xã hội Cao su có hai hạng người giúp việc : một nhóm dân miền Nam làm thầy, thợ được thuê nhận một cách tự do, nghĩa là không muốn tiếp tục thì xin nghỉ ngay, và một nhóm tuyển bằng tờ giao kèo có những điều kiện vô cùng quái ác.

Chuyến tàu đầu tiên chở phu Cao su ngoài Bắc vào Cao Miên năm 1924 đánh dấu một bước đi không hẹn ngày về của 5 000 công dân Việt nam chịu làm nô lệ cho Thực dân Pháp mãi đời mình và truyền lại cho con, cho cháu đến ngày nay. Người ta đã mệnh danh buổi biệt ly ấy là « ra đi để bỏ xác ở Nam kỳ ».

Có người biết chữ cũng không được xem quyền sở ghi quyền lợi

(1) Tài liệu của VÕ-HỮU-HUNG tự THẾ.

LÊ HƯƠNG

của người giúp việc trong sở, nghĩa là kẻ nào đã lãnh tiền rồi thì biến thành con vật cho chủ nhân ông toàn quyền sai khiến theo ý muốn. Một chuyện xảy ra có thể làm bằng chứng cho sự kiện trên: Một sinh viên lớp Công chánh ở Hà nội thiếu hụt tiền bạc và uất ức việc gì không hiểu, nhận thấy được lãnh trước 50\$ và sẽ được làm việc theo ngành chuyên môn liền ký giao kèo. Khi vào Sở, thầy Su (Surveillant: Cai cu li) đem danh, cho số và phát cây cuốc, cậu học trò òa lên khóc. Người chủ Pháp hỏi nguyên do bằng lòng cho cậu đem tiền chuộc giao kèo. Nhờ có người chủ ở Saigon giúp bạc, nếu không, cậu phải làm cu-li đến mãn đời.

Số bạc lãnh trước bị trừ lần mỗi tháng một ít đến hết hạn 3 năm hay 5 năm tùy theo sự thỏa thuận của người lãnh việc. Đàn ông lãnh mỗi ngày 0\$45, đàn bà 0\$30. Nửa tháng phát tiền một lần. Chúa nhật nghỉ không có lương, cũng như rủi ro bị đau ốm nằm nhà hay nằm bệnh viện ngày nào thì trừ ngày ấy. Thỉnh thoảng có lẽ được nghỉ, phải làm lại ngày chúa nhật để trừ! Chủ sở phát gạo mỗi người 24 ký 800 một tháng và cho căn nhà ở. Nước máy và củi thì xài tha hồ. Gọi rằng cho gạo chứ sự thật là chủ đã trừ trong số lương, ví dụ phải trả 0\$55 mà chỉ trả 0\$45

4 giờ sáng, thầy Su đánh tầm (miếng sắt bằng 3 bàn tay, gõ bằng khúc sắt nhỏ) gọi dân thức dậy nấu cơm, sửa soạn ra điểm số.

5 giờ ra sở làm cho kịp giờ múc cây chảy ra, nếu trễ trễ thì không hứng được. Mỗi tên dân có bồn phen phải cạo bao nhiêu gốc cây tùy theo sự cắt đặt của người Cai coi sóc một vùng. Họ dùng chiếc đục cạo vỏ cây theo đường quanh khu ốc có sẵn. Hết cạo quá sâu, phạm vào hư gỗ thì bị đòn, bị bớt tiền lương, còn cạo cạn không có múc cũng phải ăn roi. Nghề này dân phu miền Bắc học tập rất kỹ và làm thành thuộc. Công phu mất mấy năm trời chứ không ít vì từ ngày vào Sở (năm 1924) đến năm 1927 mới bắt đầu lấy giọt mú Cao su đầu tiên. Cao su trồng 7 năm mới có mú. Trong 3 năm đầu, dân phu dọn rừng, trồng thêm cây mới và học nghề.

Đi khắp một vòng hết số cây họ trở lại cây đầu thì mú đã nhều ra đầy chén. Họ trút từng chén mú vào thùng khi trút hết phần của họ thì vừa đúng 12 giờ. Họ gánh những thùng mú về trại cho xe hơi chở về nhà máy rồi về nhà nghỉ trưa.

1 giờ 30, họ tựu lại điểm số như buổi sáng. Đúng 2 giờ thì ra vườn sửa chén lại cho ngay ngắn và lượm thứ mú rơi rớt quanh gốc cây gọi là mú gãy, mú đất cuốn tròn lại đưa về sở làm cờ-lếp (crêpe). Công việc nhẹ nhàn này kéo dài đến 5 giờ 30 mới xong.

Phận sự của người phu cao su xét ra thì nhẹ nhàng, nhưng đó là thời kỳ hưởng thụ nghĩa là sau mấy năm khai phá rừng, trồng cây nhỏ

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIỀN

và chăm sóc đến ngày có mủ. Cái khổ của họ là sơn lâm chướng khí, bệnh rét rừng, bệnh lớn bụng, thuốc men thiếu kém hoặc trị không dứt và trội hơn hết là họ bị ép mình vào những điều kiện độc ác của tờ giao kèo, vô hình chung họ hóa thành tên nô lệ cho người chủ từ ngày ký tên nhận 50\$ đến mãn đời. Đền chân vào Sở, lãnh một số hiệu rồi, dân phu được chủ cấp cho mảnh giấy chứng nhận là nhân công của Sở, suốt đời phải ở trong phạm vi của vườn Cao su không được đi đâu. Họ là Việt kiều ngụ trên đất Cao Miên nhưng Chánh phủ Miên không biết đến họ, không cấp một thẻ căn cước, thuế thân, bài chỉ gì cả. Trên tờ giao kèo, họ là dân của Sở Cao su của người Pháp, sống chết trong tay người chủ Sở. Thành thạo có việc gì phải ra khỏi Sở, họ được phép đi ba ngày mà thôi. Chủ Sở cấp cho mảnh giấy phép trình Công An Cao Miên kiểm nhận rồi hết hạn phải trở về Sở. Đúng là tên tù giam lỏng như ở Côn đảo. Họ không được quyền đi khỏi Sở 5 cây số vì ra ngoài phạm vi vườn Cao su thì Công An Miên sẽ bắt ngay! Bất vì không có giấy tờ cư ngụ hợp pháp trong lãnh thổ Miên.

Mắc chân vào cái vòng xiềng xích ấy, người phu Cao su là một miếng mồi ngon cho bọn Thực dân khai thác đến tận cùng. Làm việc nặng nhọc phải thức từ 4 giờ sáng, đồng lương ít ỏi, thuốc men thiếu kém, bị hiếp đáp, chà đạp như con vật, đôi khi bị giết chết mà không được bồi thường. Bị chà đạp thái quá, bị mất hẳn tự do, hoàn toàn tuyệt vọng vì không thể nào thoát khỏi « địa ngục đất đỏ », người phu Cao su lao đầu vào chỗ chết: cò bạc, hút thuốc phiện, giết Cai phu để bị giết, tự vận. Nhiều người đi đẵn gỗ xong, ngồi dưới gốc chờ cây ngã xuống cho chết chứ không buồn tránh.

Tuy nhiên, cũng có một số người an phận, nhẫn nhục sống chờ một ngày mai. Họ lập gia đình, sanh con đẻ cháu cho nối nghề của họ, rồi bỏ xác ở Nam kỳ, để lại cho bầy trẻ một di sản bất di bất dịch của họ đã thụ hưởng.

Năm 1945, phong trào kháng chiến bùng dậy, Việt kiều ở các tỉnh khác cho rằng đây là một dịp may để đồng bào phu Cao su thanh toán món nợ máu Nhưng Thực dân, được Chánh phủ Cao Miên rước về như ông cha đi vắng mấy tháng, lại dùng bàn tay sắt bóp chặt ý định của nhóm người đáng thương kia, lấy cớ họ là người Bắc Việt; Thực dân giam hãm họ trong Sở với sự đồng ý của Cao Miên. Không người nào được phép ra khỏi Sở nếu không có giấy phép của chủ và sự đồng ý của Ty Công an Miên. Và tình trạng nô lệ lại tiếp tục dưới sự kiểm soát có phần gắt gao hơn.

Năm 1953, Cao Miên độc lập, người Pháp vẫn được tự do khai

LÊ HƯƠNG

thác tài nguyên trên đất Miên, nên tình trạng của dân phu Cao su không có gì thay đổi, 5000 dân tuyền mộ từ năm 1924 đến năm 1953 đã mất giao kèo từ 15 đến 20 năm rồi mà vẫn phải kéo dài kiếp sống nô lệ trong phạm vi của Thực dân Pháp. Không một ai có mảnh giấy của Chánh phủ Cao Miên chấp nhận là Việt kiều sống trên đất Miên hàng 30 năm rồi!

Năm 1958, Chánh phủ Cao Miên bắt buộc các xí nghiệp tư phải nhận 75 phần trăm người Miên, chủ vườn Cao su sa thải thầy, thợ, lao công Việt kiều nhóm Nam kỳ, cho họ hồi hương hay đi tỉnh khác, còn nhóm phu Bắc Việt thì vẫn phải ở trong phạm vi Cao su mà không có việc làm! Thực dân không buồn can thiệp với chánh quyền Miên cấp giấy tờ cho họ cư ngụ tỉnh khác hoặc về xứ, cứ bỏ mặc họ tự xoay sở lấy!

LÊ HƯƠNG

MARUKA MACHINERY CO. LTD.

Đại diện

Vỏ và ruột xe máy,
Đồ phụ tùng xe máy,
Đồ phụ tùng xe hơi
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc
Kỹ nghệ, đồ Bì và
bạc đạn, vật dụng
và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi »
Máy điều hòa không
khí « Hi-tachi »
đồ điện « Hi-tachi »
máy móc kỹ nghệ

HÀNG NGUYÊN XỨ

NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN

Saigon Office :

13, Trần Hưng Đạo
P. O. Box No. 121, Sài Gòn
Cable address : « Maruka »
Tel : No 23A8988

Head Office :

No 41 Bungo-Wachi
Higashi — Ku
Saka — Japan
P. O. Box No Higashi : 350
Osaka
Cable Add : «Maruka Osaka»
Tel : No 940271 — 9

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CHỨC SẮC CAO ĐÀI VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

▽ LÊ HƯƠNG

Đạo Cao Đài khai sáng ở Việt nam trong năm 1925, Tòa Thánh đặt ở tỉnh Tây ninh là nơi phát xuất mỗi đạo.

Giữa năm 1927, Tòa Thánh mở một hội thánh ở Cao Miên gọi là Hội thánh Ngoại giao dưới chính quyền hiện thế của Đức Hộ Pháp Phạm-công-Tắc. Hội thánh tạm thời đặt tại đường Lalande Callan. Trong hệ thống tổ chức, Hội thánh Phnom Penh là một trấn đạo, cũng như ở Việt nam nhiều tỉnh hợp thành một vùng dưới sự điều khiển của Trấn đạo. Những vị Chức sắc đầu tiên ở Cao Miên được Đức Ngọc Hoàng Thượng đế hay là Cao Đài chọn lựa và chỉ định ngày 27-7-1927 tại Phnom Penh trong buổi xuống cơ bút.

Hội thánh Phnom Penh là một trung tâm hoạt động rất đặc lực. Trong một năm đầu (1927-1928) đã có hơn 10 000 tín đồ Việt kiều.

Các chức sắc được thăng bậc lần hồi như Giáo hữu Lê-văn-Bảy thăng Giáo sư 3 năm sau. Ông Đặng trung Chử thăng Phối sư trong năm 1939. Ông Trần quang Vinh thăng Phối sư năm 1946.

Ông Lê văn Bảy được cử làm Trưởng đoàn Hội thánh Ngoại giao từ năm 1927 đến năm 1937. Trong năm này, ông được cử đi công cán bên Trung hoa. Ông đến Vân nam, ngụ ở Vân nam phủ. Vì không biết tiếng Tàu ông phải nhờ một người thông ngôn. Ông không thu được kết quả nào khi truyền bá mỗi đạo. Năm 1938, ông trở về Phnom-Penh và thuyền chuyển về Tòa Thánh Tây ninh.

Sau khi ông Lê-văn-Bảy về Tây ninh, ông Cao-đức-Trọng thay thế trong chức vụ Trưởng đoàn.

Từ năm 1937 đến 1942, các chức sắc dưới đây được chỉ định giữ chức Trưởng Đoàn, theo thứ tự.

- 1— Ông CAO-ĐỨC-TRỌNG, chức Tiếp đạo,
- 2— Bà TRẦN-KIM-PHỤNG lên chức Giáo sư,
- 3— Ông ĐẶNG-TRUNG-CHỬ lên chức Giáo sư,

LỄ HƯƠNG

4—Ông TRẦN-QUANG-VINH lên chức Giáo sư,

5—Ông THÁI-VĂN-GẮM, tên thành THÁI-GẮM-THANH, chức Giáo sư.

6—Ông TRẦN-VĂN-PHẤN, tên thánh THÁI PHẤN-THANH, chức Giáo sư.

Hai ị sau này do Tòa Thánh chuyển lên. Giáo sư Thái-Gắm Thanh bị đày sang đảo Madagascar và mất ở đấy vào năm 1943.

Giáo sư Thái-Phấn-Thanh cũng bị đày sang đảo Madagascar, được ân xá và hồi hương năm 1946. Ông ở Vũng Tàu rồi về Gò Vấp và từ trần năm 1965.

Vào đầu năm 1931, ông Trần-quang-Vinh được cử đi công cán ở Paris do Chánh phủ Bảo hộ Pháp ở Cao Miên nhân dịp Hội chợ quốc tế ở Vincennes. Ông Vinh nhân cơ hội ấy thành lập một nhóm nhân vật có cảm tình với mối đạo. Trong nhóm này có nhiều chánh khách tiếng tăm như :

- 1/— Ông Albert Sarraut, Tổng Trưởng,
- 2/— Ông Alescis Métois, Đại tá,
- 3/— Ông Charles Bellan, nguyên Tỉnh trưởng ở các thuộc địa,
- 4/— Ông Edouard Daladier, Tổng Trưởng và nguyên Thủ Tướng,
- 5/— Ông Henri Guernut, Nghị sĩ, Tổng Thư ký Hội Nhân quyền nguyên Tổng Trưởng,
- 6/— Ông Emile Kahn, Tổng thư ký Hội Bảo vệ Nhân quyền,
- 7/— Ông Ernest Outrey, Nghị sĩ ở Nam Kỳ,
- 8/— Ông Eugène Tojja, Luật sư Tòa Thượng Thẩm Paris,
- 9/— 10/— Bà và Ông Félicien Challaye, Giáo sư ở trường Sorbonne,
- 11/— Ông Gabriel Abadie de Lestrac, Trưởng Tòa,
- 12/— 13 — Bà và ông Gabriel Gobron, Giáo sư,
- 14/— Ông Marius Montet, Nghị sĩ và Tổng Trưởng,
- 15/— Cô Marthe Williams Hội viên Hội Bảo vệ Nhân quyền trung ương.

Đề tỏ lòng biết ơn các nhân vật trên đây, Hội thánh có khắc tên bằng chữ vàng trên mảnh đá cẩm thạch dựng trước Thánh thất ở Phnom Penh năm 1937.

Nhờ nhóm cảm tình viên này tin đồ Cao Đài được một đặc ân đại xá trong buổi bỏ thăm tại Nghị viện Pháp vào tháng 2 năm 1932 và sau đó sự tự do tín ngưỡng được tuyên bố ở Đông dương, ít ra cũng được vài năm.

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

Ảnh hưởng của đạo Cao Đài đối với người Miên mạnh hơn người Việt miền Nam. Vào cuối năm 1926, một số đông người Miên từ bỏ ngành Tôn giáo cổ truyền của họ, kéo nhau về Tòa thánh Tây ninh thọ giáo. Quý vị chức sắc tiếp đón nồng hậu và hết lòng truyền đạo, những mong họ sẽ biến thành kẻ môi giới của đồng bào họ trên lãnh thổ láng giềng.

Trước Tòa thánh có tượng Thái tử Sĩ-đạt-ta cỡi ngựa lúc trốn khỏi Hoàng thành tầm đạo. Người Miên cho rằng có theo đạo Cao Đài vẫn thờ Phật như thường mà còn được nhiều điều cải cách mới, lạ hơn. Có người lại thấy bức tượng giống hình một ông Hoàng Cao Miên và ông ấy là Phật đầu thai, sau này sẽ trở về Cao Miên thay đổi chánh sách cai trị thành một quốc gia phú cường, thanh trị. Quý vị chức sắc Cao Đài không bao giờ nghĩ ra điều ấy, chỉ lo truyền bá mỗi đạo mới cho các tín đồ. Nhưng không ngờ lời đồn đãi lan tràn khắp giới người Miên rồi sang Cao Miên, đến nỗi Chánh phủ Hoàng gia Cao Miên ban hành biện pháp bắt bỏ các tín đồ Miên.

Trên núi Bà Đen gần Tòa thánh có vài ngọn suối nước trong, tương truyền là nước Thánh. Quý vị chức sắc hứng đem về Tòa thánh phân phát cho các tín đồ đem về nhà để trên bàn thờ Thầy. Mỗi ngày, tín đồ đọc một thời kinh trong một quyển kinh do Tòa thánh phân phát và uống nước Thánh để tiêu trừ bá bệnh. Đạo ấy, thiên hạ đồn Tòa thánh bán nước suối với giá 30 xu một ve. (Theo báo Pháp ngữ ÉCHO D'OUTRE-MER ngày 25-11-1930).

Người Miên tiếp tục đến Tây ninh thọ giáo, nhận nước Thánh càng ngày càng nhiều. Đầu năm 1927, số người gia tăng, mỗi ngày có hàng trăm, thường thường do những ông có chức vị trong làng hoặc những vị Sư Sãi hướng dẫn. Họ che lều ở xung quanh Thánh đường, dự lễ, làm công quả rồi sung sướng trở về. Nhiều nhóm khác tiếp tục đến. Trong ngày lễ họ tham dự hàng ngàn. Một bản báo cáo của Ty Công An ngày 2-6-1927 ghi rằng : « 5.000 người Cao Miên quy giữa sân chính, trước tượng Đức-Sĩ-đạt-ta cỡi ngựa, nhưng một vị Sãi ước lượng là 30.000. Họ chỉ trở về khi tiền lưng khô cạn. »

Trước số người quá đông như thế, chánh quyền địa phương lo sợ sẽ có những chuyện lôi thôi. Giới Sư Sãi Cao Miên không bằng lòng khi thấy nhiều nhà Sư theo đạo Cao Đài, liền áp dụng phương pháp ngăn chặn lại. Ngày 23-5-1927, ông Tổng Trưởng Bộ Lễ ban hành một thông tư nói về Đạo Cao Đài như sau :

« Nghiên cứu thật kỹ, ta thấy rằng mục đích thành lập mỗi Đạo này đáng chế trách vì họ chỉ dùng những phương tiện lường gạt và khai thác tánh tình ngu xuẩn của các tín đồ để làm lợi cho họ. »

LÊ HƯƠNG

Trái lại, đạo Phật mà dân tộc Cao Miên đã chịu ảnh hưởng rất sâu đậm, dắt dẫn chúng ta đến chốn Thiện, Mỹ không có một giới luật nào khác có thể bành trướng trong các giới đồng bào ta.»

Thông tư còn khuyên dân chúng tu hành theo Phật giáo cổ truyền và đề phòng những điều nguy hại của một tôn giáo mới đang âm mưu lật đổ những phong tục đã có từ xưa trong lãnh thổ. Rồi, qua tháng sau, nhiều chỉ thị rõ rệt gởi đến giới Sư Sãi, và nhắc đi nhắc lại luôn luôn rằng bốn phần toàn thể Sư Sãi phải bài trừ thuyết Cao Đài giáo là thuyết trái ngược với luật lệ Nhà nước và giới luật của Đức Thích Ca.

Nhưng dù có lệnh cấm đoán thế nào đi nữa, người Miên vẫn tiếp tục đến Tây ninh càng ngày càng nhiều thêm. Tức thì, nhiều biện pháp cứng rắn được thi hành hầu cắt đứt sự kiện mà chánh quyền gọi là làm xáo trộn trật tự công cộng. Xứ Cao Miên thời ấy là một quốc gia bị bảo-hộ, còn miền Nam Việt nam là thuộc địa của Pháp cùng chung một số phận như nhau. Lệnh của Toàn quyền Pháp đưa ra, Nhà Vua Cao Miên ký ngay một sắc lệnh ngày 26-12-1927 và sau đó một sắc lệnh ngày 8-2-1928 ấn định hình phạt nặng cho người Cao Miên nào tham dự vào việc cổ động, tuyên truyền hay dự lễ của một Tôn giáo không được Vương quốc nhìn nhận. Người ta biết rằng:

Theo điều 15 của Hiệp ước Bảo hộ ngày 11-8-1863.

Theo các sắc lệnh của Nhà Vua Cao Miên ngày 21-11-1903, ngày 6-8-1919 31-12-1925, 1-4 1930.

Theo các điều 149, 213 và 214 Bộ Hình luật Cao Miên, chỉ có Phật giáo và Thiên Chúa giáo được phép trú ngụ ở đất Miên. Đạo Tin Lành chỉ được phép hoạt động với điều kiện quý vị Mục Sư có quốc tịch Pháp.

Suốt khoảng thời gian—lỗi một năm, Tòa Thánh Tây ninh không tiếp được một người Cao Miên nào, nhưng việc phổ biến mỗi đạo vẫn ngầm ngầm mở rộng ở đất Miên. Giữa năm 1927, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc lên Nam Vang tổ chức nhiều buổi cầu cơ. Theo các phương pháp Tiểu ngọc Cơ và Đại ngọc Cơ một đấng thiêng liêng luôn luôn giáng bút: «nhà Đại văn hào VICTOR HUGO». Do đó, Hội thánh Ngoại giao ở Cao Miên được đặt dưới quyền chỉ huy linh thiêng của vị Thánh người Pháp. Vì sự bó buộc của Chánh quyền, việc phổ biến mỗi đạo chỉ tiến hành trong các giới Việt kiều. Và lại, lúc ấy Việt kiều còn được gọi theo quốc tịch đại đa số là dân miền Nam ở đất thuộc địa, gọi là «dân thuộc Pháp ở Nam kỳ» (sujet français de la Cochinchine), hoặc có người nhập quốc tịch Pháp (citoyen français) nên về mặt pháp lý thì thuộc luật lệ của Chánh phủ Pháp. Sắc lệnh của Vua Cao Miên chỉ có hiệu lực đối với dân Miên.

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

Mặc dầu có sự ngăn chặn chánh thức ấy, đến năm 1928, đạo Cao Đài đã truyền bá sâu rộng ở Cao Miên, ban đầu trong các tỉnh giáp ranh với Tây ninh như Prey Veng, Svay Rieng là nơi có nhiều Việt kiều nhất. (1) Để tránh sự động chạm với chánh quyền, quý vị chức sắc: Cao Đài không tiếp xúc với người Miên, chỉ liên lạc với Hoa kiều. Toàn thể tín đồ cũ và mới đồng ký vào một bản tuyên thệ có thể làm yên lòng các nhà cầm quyền :

« Chúng tôi : Chức sắc và Tín đồ Cao Đài ở Cao Miên đồng thỏa thuận cam kết với Chánh phủ Bảo hộ Pháp và Chánh phủ Hoàng gia Cao Miên sẽ hoàn toàn thừa hành Giáo pháp đúng theo Tín điều của Đạo, sẽ thực hiện sự thống nhất tất cả Tôn giáo hầu toàn thể Nhân loại sống trong cảnh Hòa bình. Chúng tôi xin hứa với Chánh phủ không bao giờ gây rối có tánh cách chánh trị. Nếu chúng tôi làm sai lời cam kết, xin chịu tội tử hình. »

Những buổi lễ hường được tổ chức tại nhà tín đồ và nhân những dịp cưới, hỏi, cúng kiếng, giỗ chạp thì tăng thêm phần long trọng vì quan khách đến dự đông đảo hơn. Dần dà Việt kiều ở tỉnh Takeo và thủ đô Nam Vang theo đạo rất đông. Nhà cầm quyền dù có cho người theo dõi hành vi của quý vị Chức sắc và tín đồ nhưng không có bằng cứ gì buộc tội đề cấm đoán được.

Đầu năm 1929, người Cao Miên lại đến Tòa Thánh ở Tây ninh, ít hơn số người vào cuối năm 1926 và trong rằm 1927. Nhiều lời đồn đãi có tánh cách chánh trị nổi lên. Các nhân viên Mật thám báo cáo rằng trong những bài thuyết pháp có lời hứa hẹn một cuộc sống tự do, huy hoàng cho người dân bị lệ thuộc. Người ta lại nhắc đến ông Hoàng giống tượng Đức Sĩ-đạt-ta sẽ xuất thế cứu dân Miên thoát khỏi cảnh gông cùm !

Chánh quyền địa phương huy động lực lượng cảnh sát ngăn cản những người sùng đạo đến Tòa thánh. Tuy nhiên nhiều giảng đường khắp các xã, các quận vẫn hoạt động đều đặn. Tại thủ đô Nam Vang, Giáo sư LÊ-VĂN-BÁY có định xây cất một Hội thánh thật lộng lẫy.

Bấy giờ, Nhà Vua Cao Miên có ý lo ngại vì lời đồn về ông Hoàng sẽ xuất thế. Ngày 10-4-1929, Nhà Vua gửi một Văn thư cho ông Khâm sứ (người Pháp) yêu cầu áp dụng những biện pháp cần thiết để giữ gìn an ninh trong Vương quốc, trước những hoạt động của ngành Tôn giáo mới của người Việt.

Ông Khâm sứ hội ý với vị Thống đốc Nam Kỳ ở Saigon về diềm

(1) Năm 1928, tổng số Việt kiều ở Cao Miên là 200.000 người, riêng 2 tỉnh này có đến 80.000.

LÊ HƯƠNG

khó khăn trên mặt pháp lý. Người Việt ở Cao Miên vẫn là dân thuộc Pháp ở Nam kỳ, tất nhiên được hưởng mọi quy chế như người Việt ở miền Nam, làm sao ép buộc phải thay đổi được? Ông Khâm sứ trình bày điều thắc mắc này với Nhà Vua và sau cùng hai vị lãnh đạo đồng ý cho đạo Cao Đài tiếp tục truyền bá ở Cao Miên với điều kiện phải ngưng hết mọi hoạt động tuyên truyền và số giảng đường không được gia tăng.

Ngày 5-6 1928, tờ báo Pháp ngữ «Les Annales Coloniales» đăng một bài của ông Nghị Edouard Néron của hạt Haute Loire nói về những biến chuyển trên đây như sau :

« ... gần đây, các chức sắc của ngành Tôn giáo mới loan tin rằng sẽ có một ông Vua mới cho người Cao Miên, xuất hiện ở Tây ninh. Tin theo lời, người Miên kéo đến rất đông, gần 10.000 tên, vũ trang đao, kiếm. Ông De la Brosse, Thống đốc Nam Kỳ đến tận nơi với vị Đại diện Nhà Vua Cao Miên Monivong cùng các viên chức chỉ huy ngành An ninh Nam kỳ và Cao Miên. Ông Thống đốc mời vị chức sắc cao cấp nhất là ông Lê-văn-Trung, buộc ông phải đính chánh tín đồn một nhà Vua mới sẽ xuất hiện và buộc ông phải chịu trách nhiệm về những vụ lộn xộn có thể xảy ra. Lệnh truyền được thi hành và không có việc gì đáng tiếc làm rối trật tự. »

Nhân cơ hội này, Đức Giáo Tông Lê-văn-Trung và vị Đại diện ở Cao Miên, Giáo sư Lê-văn-Bảy thông báo cho tất cả tín đồ Việt kiều phải triệt để tuân hành lệnh của Nhà nước và theo lời Hội Thánh đã cam kết với Chánh phủ. Suốt năm 1929, không có việc gì rắc rối xảy ra. Quý vị chức sắc vẫn tiếp tục thi hành sứ mạng mở mang mỗi đạo trong khắp các giới Việt kiều. Những buổi lễ gia đình là những dịp tốt cho công tác. Tín đồ xin phép nhà chức trách tổ chức rằm rộ mà Chánh quyền không thể từ chối, chiếu theo lệnh của ông Khâm sứ và Nhà Vua Cao Miên. Quý vị chức sắc cử hành một thánh lễ trước một số đông tín đồ. Các chức sắc này đều ở Tòa Thánh được thỉnh đến truyền bá mỗi đạo. Lòng trong các nghi thức, tín đồ đốt pháo, đồng ca đề qui tụ kẻ tò mò, biến thành một cuộc lễ công cộng hân hoan ! Nếu nhà cầm quyền có phản đối, thì tín đồ có đủ yếu tố để chống lại. Giáo sư Lê-văn-Bảy bắt tay vào việc xây cất Hội Thánh ở Phnom Penh. Ông tổ chức đêm hát làm nghĩa và đi quyên tiền để gây ngân quỹ. Ông khởi công trên một mảnh đất rộng của sở Thú y, cạnh đường Pierre Pasquier. Đồng thời, những giảng đường nhỏ cũng được thiết lập ở các xóm Việt kiều, phần nhiều xa công sở và thường lên dựng ban đêm.

Chánh phủ Bảo hộ không thể làm ngại trước sự bành trướng của mỗi đạo, nên ngày 4-7-1930, Ông Khâm sứ ở Phnom Penh thông sức cho

VIỆT KIỀU TẠI CAO MIÊN

các Tỉnh trưởng trên lãnh thổ Miên đại khái như sau :

« Vì gần đây có những chuyện lộn xộn xảy ra, và để ngăn chặn tất cả những cuộc hội họp bất kể dưới hình thức nào có thể làm rối loạn trật tự, tôi nhất định xóa bỏ từ ngày nay đến khi có lệnh mới, những đặc ân mà Chánh phủ Hoàng gia Cao Miên và tôi đã dành cho Đạo Cao Đài. Không những thế, từ đây, tôi cấm Đạo này tổ chức các cuộc lễ nào cũng mặc, nhỏ hay lớn cũng vậy. Nếu ở địa phương, có kẻ nào bất tuân vẫn cử hành lễ bái thì bổn phận của quý ông Tỉnh trưởng phải ngăn cấm không cho cuộc lễ thành hình, nhưng đừng bắt bớ họ ngoại trừ trường hợp cuộc lễ tổ chức công khai ngoài đường phố thì quý ông không thể tha thứ họ. Mỗi lần có chuyện xảy ra, tôi yêu cầu quý ông ghi rõ căn cước của kẻ nào tổ chức và kẻ chỉ huy rồi điện cho tôi hay. Tôi sẽ áp dụng biện pháp theo luật định để trục xuất họ khỏi lãnh thổ Cao Miên. Tôi yêu cầu quý ông thông báo chỉ thị này cho dân chúng biết. »

Lệnh này được triệt để thi hành mấy tháng liền tiếp gây ra một loạt biến cố quan trọng, nhiều vụ bắt bớ đưa ra Tòa án, nhiều chiến dịch báo chí sôi nổi và sau cùng nhiều vụ can thiệp nồng nhiệt của các đoàn thể và nhân vật chánh trị cạnh Chánh phủ Pháp. Người ta công khai bàn tán « vụ ngược đãi Tôn giáo », « làm khổ nhục kẻ theo một đức tin mới ».

Trong lúc ấy, ở Tòa thánh Tây ninh có việc tranh chấp giữa vài vị chức sắc mà dư âm dội đến Hội Thánh Phnom-Penh. Ông Chương pháp LÊ-BÁ-TRANG kiện Giáo sư Lê-văn-Bảy về tội tiêu lạm công quỹ. Giáo sư bị bắt trong tháng 8-1933. Tòa Thánh cử ông Trần-quang-Vinh thay chức « Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại giao ». Ông Vinh đã khéo léo giữ vững tinh thần tín đồ Việt kiều.

Cuối năm 1934, vị Toàn quyền Đông Dương René Robin chấp thuận cho Đạo Cao Đài được tự do hành đạo trong toàn quốc. Sóng gió đã qua, Việt kiều thở một hơi dài ! Ngày 21, 22 và 23-5-1937, Hội Thánh tại đường Pierre Pasquier, nay đổi là Monivong được khánh thành rất trọng thể. Chính ông Trần-quang-Vinh đọc bài diễn văn khai mạc, được báo chí Pháp, Việt và các văn sĩ nhắc nhở nhiều lần.

Tính đến năm ấy (1937), tổng số tín đồ Việt kiều có lối 30.000 người. Mười lăm năm sau, năm 1951, Tòa thánh Tây ninh lập bảng thống kê chánh thức có hơn 70.000 tín đồ ở Cao Miên. Đứng ra là 73.167 tín đồ chia ra : 64.954 Việt kiều và 8.213 người Miên.

Năm 1952, Chánh phủ Cao Miên lấy sở đất nơi cất Hội Thánh lại. Quý vị chức sắc phải dời Hội Thánh dời về đường Norodom, gần cầu Monivong, Việt kiều quen gọi là cầu Saigon. Hội Thánh được xây cất tạm thời, không lộng lẫy đồ sộ như trước.

LÊ-HƯƠNG

Năm 1956, Chánh phủ Cao Miên không cho Tòa thánh Tây ninh bổ nhiệm quý vị chức sắc ở Việt nam lên Phnom-Penh, nên chức Chủ trưởng Hội thánh Ngoại giao do ông Trần-quang-Vinh giữ được Giáo sư Thượng-Hoàng-Thanh thay thế. Từ ngày được Pháp trao trả quyền hành, Chánh phủ Cao Miên không muốn cho Đạo Cao Đài bành trướng hơn nữa. Lệnh cấm người Miên vô đạo vẫn còn áp dụng, nhưng không vì thế mà những tín đồ Miên từ bỏ đạo Cao Đài để trở về với Phật giáo. Trong số tín đồ Miên có 6 vị Lê sanh và 1 vị Giáo sư ở Tòa thánh.

Trong năm 1956, Đức Hộ Pháp Phạm-công-Tắc lưu vong sang Cao Miên, đánh dấu một giai đoạn tranh đấu về chánh trị. Cuối năm ấy, Hội Thánh khởi công cất đền Phật mẫu ở ngoại ô Phnom Penh, thuộc xóm Stung Meang Chey đề ghi ngày Đức Hộ Pháp lìa quê hương. Đền Phật mẫu là nơi thờ Đức Mẹ, do một số đông thợ hồ, thợ mộc ở Tây ninh lên vượt biên giới sang Cao Miên làm công quả. Lối kiến trúc ngôi đền thật nguy nga, long lẫy, nhưng chỉ được 2 phần 3 vào cuối năm 1957. Số thợ nhập cảnh bất hợp pháp bị Chánh phủ Cao Miên bắt trục xuất về Saigon. Trong giới tín đồ Việt kiều có người cho rằng đó là một âm mưu của Chánh phủ Ngô Đình Diệm. Những người thợ ấy bị giam ở Saigon một năm mới được tự do. Đồng thời ở Phnom Penh có lệnh chính quyền bắt Hội Thánh phải đập phá ngôi đền. Quý vị chức sắc kêu nài tại Tòa án không xong, lên Tòa Thượng Thẩm cũng không xong, phải vào Hoàng thành xin với Bà Vua mới yên. Ngôi đền không được cất thêm và cũng không cho cất lại!

LÊ HƯƠNG

CƠ SỞ XUẤT BẢN SỬ ĐỊA
ĐÃ PHÁT HÀNH:

ĐỊA LÝ VIỆT NAM

- NGUYỄN KHẮC NGŨ
- PHẠM ĐÌNH TIỂU

▽ DÙNG CHO LỚP ĐỆ NHỊ VÀ THI VÀO CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG
Giá 250\$

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO QUA CÁC THỜI ĐẠI

▽ TÙNG VÂN

L. T. S. : Tác giả TÙNG VÂN Phạm Bá-Công vốn sinh trưởng tại Vientiane, thuộc một gia đình sang lập nghiệp tại Ai-Lao từ thế kỷ 19. Tác giả đã theo học tại Hà-nội và làm công chức tại Ai-Lao từ 1937—1953.

Năm 1956, trở sang Ai-Lao làm việc tại tòa Đại sứ và là cựu Đại sứ Việt-nam tại Vientiane (1964-1965).

Ai đã từng sống tại AI-LAO, hoặc có dịp qua viếng thăm quốc-gia láng-giềng này đều công-nhận rằng tại đây có rất đông kiều-bào đã lấy mồ-hôi, nước mắt để tạo lập một đời sống vững-chãi, phong-phú tương-đối cao hơn đồng-bào ở quốc-nội.

Dù rằng kiều-bào qua AI-LAO với tư-cách đi «tha-phương cầu-thực», sống cuộc đời «ăn-tạm ở nhờ», tuy nhiên kiều-bào ta vẫn được người bản-xứ mến-chuộng và chính-quyền địa-phương lại dành cho một quy-chế đặc-biệt, ưu-đãi hơn tất cả các kiều-dân khác cùng cư-ngụ trên xứ này. Hơn nữa, người bản-xứ còn tặng cho dân-tộc Việt một danh-từ cao-quí chứng-tỏ lòng trọng-vọng, ưu ái của họ như : «Khôn Kẹo», theo nghĩa tiếng bản-xứ là : « người ngọc ». Sở-dĩ dân ta được trọng-vọng cũng nhờ công-đức của các vị tiền-bối do các trào vua xưa cử qua AI-LAO giúp các vị vua LÃO-QUA đánh đuổi giặc Hồ, đẩy lui quân xâm-lăng Miến-điện cũng như đã từng làm tan-vỡ mộng chiếm-đoạt đất nước và nô-lệ hoá dân tộc Lào của trào-đình X êm-La.

Hiện nay, trong văn-khố AI-LAO không còn lưu-giữ những sử-sách ghi chép các giai-đoạn này, tuy-nhiên trong dân-chúng vẫn còn truyền-tung, các vị bô-lão thường kể lại cho con cháu nghe :

« Vào thế-kỷ thứ 17, sau khi thống-nhất sơn-hà, mở rộng bờ-cõi, phía bắc giáp Trung-Hoa, nam giáp Cao-Mên và đông giáp Việt-Nam. Quốc-Vương SOULIGNA VONGSA liền cử sứ-giả qua cầu-thân cùng

TÙNG VÂN

Vua Lê-Thần-Tôn ưng-thuận gả Công Chúa Ngọc-Nữ (1) cho quốc-vương Lão-Qua (Ai-Lao). Để làm lễ đính-hôn, Quốc-Vương SOULIGNA VONGSA đã cống-hiến cho Việt-Nam hai tỉnh Sầm-Nứa và Xiêng-Khoang. Trào-dình Thăng Long sát-nhập thành một Trấn lấy tên là TRẤN NINH. Khi qua Ai-Lao theo chồng, Công-Chúa Ngọc-Nữ đem theo một nhóm tùy-tướng và cung-ngia thị-nữ đề hầu-cận. Những gia-nhân này được dân chúng địa-phương rất nể-vì và tặng cho danh hiệu là : « Người của Công-Chúa Ngọc-Nữ » (Khôn Khơng Nàng-Kẹo). Dần-dần danh-từ này được gọi tắt là « Khôn Kẹo ». Trải qua bao thế-kỷ danh-từ này được truyền-khẩu từ địa-phương này qua địa-phương khác, được thay đổi theo giọng nói từng vùng nên danh-từ « Khôn-Kẹo » đã bị đọc trệo ra là « Khôn Keo ».

Từ đó hai quốc-gia láng-diềng muốn duy-trì tình thân-hữu nên đã cử những phái-bộ hôn-hợp có phận-sự phân-định một cách rành-rẽ ranh giới giữa hai quốc-gia hầu tránh việc tranh-chấp đất-đai về sau. Phái-bộ hôn-hợp đã dựa trên các nguyên-tắc căn-bản sau đây :

— *Thuộc về lãnh-thổ Việt-Nam* : những vùng mà dân cư dựng nhà trên nền đất, nhà trệt, không chái, người dân dùng chén đĩa để ăn cơm gạo tẻ.

— *Thuộc về lãnh-thổ Ai-Lao* : những vùng mà dân cư cất nhà sàn cao chân, có chái ngoài và dân chúng ăn cơm gạo nếp bằng tay không dùng chén và đĩa.

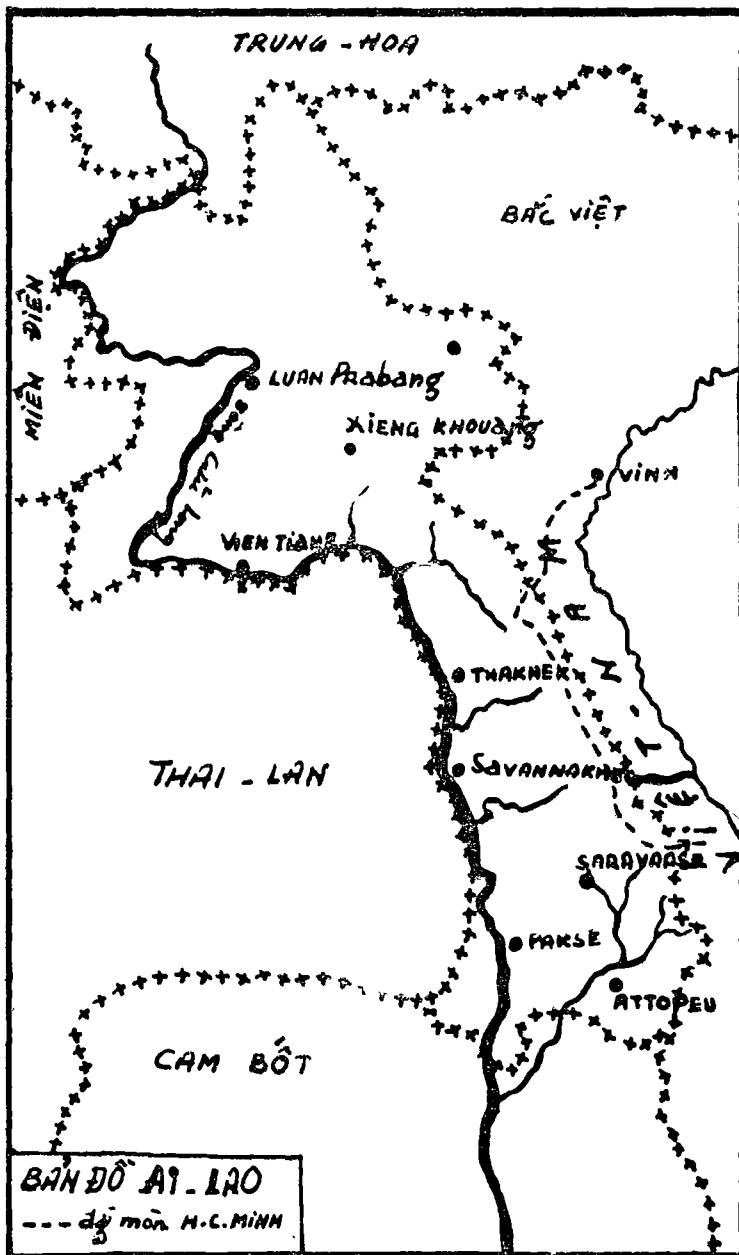
Nguyên-tắc căn-bản trên vẫn được tôn-trọng đến ngày nay và dân chúng ở vùng biên-cương Việt-Nam thường ví đất Ai-Lao như sau :

« Bò gõ mõ, chó leo thang, người có đuôi ».

Thật ra dân-tộc Ai-Lao thấm-nhuần đạo-lý nhà Phật nên trong xứ ít xảy ra trộm-cướp. Đất đai lại phì-nhiều, đồng cỏ xanh-um vô-tận. Họ nuôi bò không phải nhốt vào chuồng mà chỉ thả đi ăn rong trên những cánh đồng bao-la bát ngát. Để xua đuổi thú dữ rình bắt bò, người bản xứ chỉ cần buộc vào cổ mỗi con một cái mõ làm bằng ống tre bọng. Bò đi tới đâu, khua mõ kêu inh-ỏi, thú dữ nghe tiếng sợ-hãi tưởng chừng thợ săn đang theo dõi nên lánh xa. Mõ này cũng còn tác-dụng là chỉ dẫn cho chủ nhân đi kiếm bò mình khi đàn bò mãi-mê ăn cỏ đi lạc vào rừng sâu.

(1) Theo thổ-ngữ, tên Công-Chúa Ngọc-Nữ dịch ra là « Nàng Kẹo » riêng sử Việt không ghi chép tên húy của Công-Chúa, tuy nhiên ngày nay tại một ngôi đền ở Xiêng-Khoang còn lưu-giữ gia-phả nhà Vua và còn cả ấn và dụ Sắc-phong của Vua Lê. Vì thời cuộc, chúng tôi chưa sao lục được các tài liệu này.

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO



Những địa phương có kiều bào Việt-nam cư ngụ trên đất Ai-lao.

TÙNG VÂN

Nhà ở của người Lào thường cất ven rừng nên có tục lệ xây cất nhà sàn, cao-chân. Trước nhà có đặt thang tre để người nhà lên-xuống, khi tối trời chỉ cần rút thang tre lên là để phòng được trộm-cướp hoặc thú dữ xâm-nhập vào nhà. Lẽ cố nhiên là loài chó nuôi trong nhà phải biết leo thang để vào nhà.

Về y-phục, người Ai-Lao không mặc quần, đàn bà mặc váy do họ dệt lấy với màu-sắc rất lòe-loẹt. Đàn ông lấy một tấm vải rộng chừng một thước và dài lối bốn thước quấn ngang bụng, hai mối chập lại đằng trước xong xoắn tròn thành cái đuôi vắt dưới chân rồi vắt vào sau lưng quần. Đứng sau nhìn lại có cảm tưởng như cái đuôi.



Sau khi Vua SOULIGNA VONGSA chết, đất nước lại bị lâm vào cảnh nội-loạn, các Hoàng-thân quốc-thích nổi lên tranh-giành ngôi báu. Thái-Tử SAI ÔNG-LÔ chạy qua Thăng-Long tỵ nạn. Tại Triều Vua Lê, Chúa TRỊNH hậu-đãi Thái-tử và gả con gái cho rồi cử một đạo binh tinh-nhuệ hộ-giá đưa Thái-Tử hồi-loan dẹp loạn và tôn SAI ÔNG-LÔ lên làm Vua Ai Lao. Để tránh hậu-họa Chúa Trịnh cử một viên Lãnh binh qua trấn đóng tại kinh-đô Vientiane. Nhờ đó, mối giao-bảo giữa Việt-Nam và Ai-Lao càng ngày càng thắt-chặt. Vương-Quốc AI-LAO hằng năm đem cống-hiến Vua Lê một thớt voi trắng, vàng-bạc và gấm-vóc.

Đến cuối thế-kỷ thứ 19 qua đầu thế-kỷ thứ 20, người Pháp đã thôn-tính Nam-kỳ, đặt vòng đô-hộ tại Trung và Bắc-kỳ cùng Cao-Mên, liền phái một phái-bộ dưới quyền lãnh-đạo của ông Auguste PAVIE đi ngược sông Cửu-Long lên AI-LAO. Đến đế-đô LUANG-PRABANG ngày 15 tháng 2 năm 1887 ông PAVIE được Quốc-Vương OUN-KHAM tiếp-kiến, khéo dùng tài hùng-biến để thuyết-phục Quốc-Vương Ai-Lao noi theo gương Việt-Nam và Cao-Mên để tự đặt dưới quyền bảo-hộ của Pháp. Cùng đi theo ông PAVIE có nhiều vị tiền-bối người Việt đã cùng ông PAVIE giúp Vua OUN-KHAM đánh tan giặc Đèo-văn-Trí (tháng 4-1890) khôi-phục lại cơ-đồ LUANG-PRABANG. Ngày nay, dù rằng các vị tiền-bối ấy đã qua đời nhưng công-trạng của các vị ấy còn được sử-sách Ai-Lao ghi nhớ. Cũng nhờ các vị ấy mà ông PAVIE đã hoàn-thành sứ-mạng cảm-hóa dân-tộc Ai-Lao mà không tốn một viên đạn (2).

Trải qua bao nhiêu thế-kỷ, ưu-thế của người Việt ở Ai-Lao đã đạt tới mức-độ rất quan trọng. Đến những năm 1930 trở đi các vị chánh-

(2) Ô. A. Pavie đã lược thuật cuộc tranh đấu trong quyền : « La Conquête des cœurs », nhà xuất-bản BOSSARD Paris 1921.

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

khách nhận thấy rằng nhiều gia-đình Việt-kiều qua lập-nghiep trên hai hoặc ba đời, đã tạo lập tại Ai-Lao những cơ-sở vững-chắc và giữ những địa-vị then-chốt trong ngành quan-lại địa-phương. Những kẻ thức-thời đã lấy làm lo-ngại cho tương-lai của Ai-Lao trước sự « xâm-lãng trầm-lặng của người Việt ».

Năm 1936, một vị quan cai-trị của Bảo-hộ Pháp, ông Khâm-Sứ R. MARTY đã đăng trên một tờ báo Pháp-ngữ những bài báo ngụ-ý đề cao cảnh giác chính-quyền bảo-hộ và các nhân-vật Ai Lao về cái họa Việt-Nam hóa Ai-Lao. Bài báo đã làm thức-tỉnh tinh thần quốc-gia của một nhóm trí-thức Ai-Lao nên vị Phó-Vương Vientiane, Hoàng-Thân TIAO PHET-SARATH, lúc bấy giờ giữ chức TIAO MAHA OUPAHAT (3) đã lên tiếng yêu cầu chính-phủ bảo-hộ ký ngay một nghị-định hạn-chế việc di-dân qua Ai-Lao, có ý ám chỉ người Việt.

Quyết-định này đã làm sôi động dư luận của những nhà lãnh-đạo ở Việt-Nam. Nhà văn Nguyễn-văn-Vĩnh đã lên tiếng trên tờ ANNAM NOUVEAU đề phản-đối chính sách kỳ-thị bài Việt của chính-phủ bảo-hộ, cho rằng đã đi ngược quyền lợi của người dân trong Liên-bang Đông Dương. Chính-phủ Bảo-Hộ liền cử ông NGUYỄN-TIẾN-LĂNG, Chánh văn-phòng của Toàn-Quyền René ROBIN và Nam-triều cử ông Tổng-Đốc HOÀNG-TRỌNG-PHU, nguyên Kinh-lược Bắc-kỳ sang tận thủ-đô VIENTIANE để quan-sát và về làm báo-cáo lên hai chính-phủ (1938).

Đó là một cơ-hội chưa từng có trong lịch-sử và cũng là một cử chỉ sáng-suốt của Triều-đình Huế tỏ ra lưu-tâm đến đời sống của người công-dân ở nơi hải-ngoại. Để tỏ lòng tri-ân của chính-phủ, Việt-kiều tại Vientiane đã tổ-chức những cuộc tiếp-đón phái-đoàn sứ-giã rất trọng thể.

Lúc bấy giờ theo bản thống-kê của tòa Khâm-sứ AI-LAO thì dân-số thủ-đô VIENTIANE lên tới 80 000 người mà người Việt đã chiếm tới 23.000 người gồm nhiều thành-phần như trí-thức, thương-gia và lao-động. (4) Để dễ bề kiểm-soát và theo dõi hoạt động của Việt kiều, chính-quyền bảo-hộ địa-phương cử một vị đại-diện lấy tên là Bang-tà có nhiệm vụ cấp-pháp giấy-tờ hộ-tịch, chứng-nhận cư-trú và đứng làm trung-gian giữa Việt-kiều và chính-quyền trong công-cuộc thu-góp thuế-

(3) Tiao Phetsarath là bào huynh của Hoàng-Thân SOUVANNA PHOUMA.

(4) Theo cuốn Statistique du Laos do Tòa Khâm-sứ Ai-lao ấn-hành năm 1936 (Statistique du Laos—Résidence Supérieure du Laos 1936.)

TÙNG VÂN

thân hay đi làm xâu (5). Chính quyền dành cho Việt-kiều nhiều quyền-lợi như tự-do di chuyển, xê-dịch vì sanh kế, được thụ-đắc tài-sản lập xí-nghiệp công-kỹ-nghệ. Toàn thể dân chúng được chính quyền dành cho phần tây-bắc Đô-thành để tập-trung lại thành một làng lấy tên là « Lũng An-Nam ». Đến ngày nay, dân chúng tại làng này đã tản-lạc sau khi trải qua các cuộc chính-biến, tuy nhiên du-khách đi ngang qua còn nhận thấy nhiều vết-tích cũ như các coa đường trong khu này vẫn còn mang những tên thuần-túy Việt-Nam như: đường Saigon, đường Tourane, đường Hải Phòng, đường Hà-Nội, v.v...

Ngoài ra Việt-Kiểu còn xây những cảnh chùa, dựng những ngôi đền thờ-phượng Phật, Thánh như chùa Bàng Long, đền Đức Thánh Trần-hưng-Đạo, đền Quan-Lãnh. Các nhóm tư-nhân còn lập các hiệp hội thân-hữu như :

«An-Nam Tương-Tế Thề-Thao hội—Association Mutuelle et Sportive des Annamites au Laos viết tắt là : AMUSPORTA »

« Việt-kiểu Ái-Hữu Công-Chức—Amicale des Fonctionnaires Annamites au Laos. »

Hai vị sứ-giã của chính-phủ bảo-hộ và Triều-đình Huế cử qua AL-LAO rất thán-phục tinh-thần đoàn-kết và sáng-kiến tổ-chức của kiều-bào tại đây lập thành những hiệp-hội tương-trợ để bảo-vệ lấy quyền-lợi mà tuyệt-nhiên không có sự yểm-trợ của chính-phủ. Chính trong buổi tiếp-tân tổ-chức tại Hội Ái-Hữu Công-Chức Việt-kiểu tại Vientiane, ông Hoàng-Trọng-Phu đã tuyên-bố :

« Chúng tôi rất lấy làm hãnh-diện ý-chí cần-cù và tinh-thần đoàn-kết của đồng-bào dù đã lìa-bỏ quê-hương vì sinh kế nhưng tâm-hồn lúc nào cũng hướng về cố-hương. Ngay như lúc này, đứng trước qui-vị, trong một khung cảnh được sắc-thái của đất nước, trước bàn thờ Tổ-Quốc nghi-ngút khói trầm-nhang, chung quanh cờ phất, lọng phủ, chúng tôi có cảm-giác như đang đứng trên đất nhà. Thật vậy, sáng nay, chúng tôi được chính-quyền ân-cần tổ-chức cho chúng tôi đi quan-sát tại nhiều nơi trong Đô-thành. Ra ngoài chợ, chúng tôi nhận thấy từ kẻ tiểu-thương buôn thúng, bán mẹt cho chí nhà đại thương, chủ nhân những cửa hiệu đồ-sộ, ngoài đường lộ, từ anh phu quét đường cho

(5) Dưới thời Bảo-hộ Pháp, người ta phải đóng thuế-thân (Impôt personnel) và mỗi năm phải làm công-sưu cho chính-phủ (corvée hay prestation en nature hay prestation corporelle) dù không phạm một trọng tội nào. Cũng vì những khoản thuế này mà những nhà ái-quốc như Cụ Phan-Chu-Trinh và Phan-Bội-Châu đã đứng lên đòi chính-phủ Pháp bỏ các loại thuế này.

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

Chỉ ông Tham lục-lộ, trong các trường học, từ cậu bé học-sinh cho đến vị giáo-sư trung-học, trong các Công-sở từ chân tùy-phái cho đến ông phán đầu tòa, tất cả hoặc hầu hết là người Việt. Chúng tôi rất lấy làm vui mừng mà nhận thấy kiều-bào ta tại đây đã do sự làm ăn cần cù lấy mồ-hôi nước mắt tự tạo tập cho một uy-thế vững chắc. Chúng tôi không biết nói gì hơn là tỏ lòng tri ân cùng chính-quyền địa phương đã dành cho dân-tộc ta một qui-chế đặc biệt. Một khi về nước, quý vị nên tin chắc rằng chúng tôi sẽ dành hết năng-lực để tranh-đấu cho quyền-lợi của kiều-bào ta được bảo-đảm hơn.»

Những lời vàng-ngọc trên đã làm cho nhiều vị bồ-lão có mặt cảm-động đến rơi lệ và trong thâm tâm mọi người đều thâm-nguyện chính-quyền ta sẽ đặt hết trọng tâm trong công cuộc bảo-vệ quyền lợi của Việt kiều tại đó vậy.



Sau ngày 9 tháng 03 năm 1945 dưới chiêu-bì « giải-phóng các quốc-gia nhược-tiểu bị áp-bức », quân-đội Nhật-Bản đã lật đổ chính quyền bảo-hộ của Pháp. Phong-trào Thanh-Niên Tiền-Phong nổi lên lôi-cuốn hầu-hết kiều-bào để liên-kết cùng chính đảng LAO ISSARA (Ai-Lao Độc-Lập) dưới quyền lãnh-đạo của Hoàng-Thân Tiao Phetsarath (1).

Ngày 14 tháng 9 năm 1945, phong-trào Thanh-Niên Tiền-Phong liên-kết với LAO-ISSARA đã truất-phế Quốc-Vương Sisavang Vong và tấn-phong Thái-Tử Savang Vatthana lên ngôi tại Vientiane để tuyên bố Ai-Lao Độc-lập Tự-do và chống thực-dân Pháp. Sau một thời gian kháng-chiến chống lại với quân viễn-chinh Pháp, quân của ISSARA bị đánh bại tại mặt trận Thathek (2). Quân kháng-chiến tan-rã, tàn quân kéo sang tị-nạn tại các tỉnh ở Đông-bắc Thái-Lan. Tại mặt trận Thakhek, có hơn 2.000 Việt-kiều vừa là quân kháng-chiến vừa thường dân đi thuyền vượt qua sông Cửu long bị máy bay Morane của Pháp oanh-kích chết, thân trôi đặc sông. Cũng nhờ lúc bấy giờ chính-phủ Thái-Lan dưới quyền lãnh-đạo của Thủ-Tướng Luang Pradit đang chủ-trương chống-Pháp nên dành nhiều sự dễ dãi cho Việt-kiều di-cư qua tị-nạn.

Đến ngày thâu hồi nền độc-lập (1946) các công-sở và xí-nghiệp tại Ai-Lao đều bị đình-trệ vì thiếu nhân-công, không thể trở lại hoạt-động như mức xưa. Nhờ phong-trào di-cư phát động trong những năm 1954-1955. Một số nhân-công và chuyên-viên Việt-nam từ các vùng Bắc-Việt

(1) Sisouk Na Champassak, Tempête sur le Laos, Edition de la Table Ronde, Paris, trang 14.

(2) Theo cuốn Tempête sur le Laos sđd. Tỉnh Thakhek ở Trung-Lào.

và bắc Trung-Việt chạy qua Ai-Lao lánh nạn cộng-sản nên nền kinh-tế của Ai-Lao trở nên phồn- thịnh.

Ngày nay, Chính-Phủ V.ệt-Nam Cộng-Hòa nhận thấy hơn 40.000 Việt-kiều đã qua cư-ngụ tại quốc-gia láng-diềng này nên chính-thức thiết-lập mỗi bang-giao đặt một Tòa Đại-Sứ tại Đô-thành Vientiane và một Tòa Lãnh-Sự tại Pakse (Ha-Lao) hầu bình-vực quyền-lợi của kiều-bào tại đó (tháng 8 năm 1956) Hơn nữa, nhờ sự ngoại-giao khéc-léo, nên Chính phủ Hoàng-gia Ai-Lao đã ký-kết với Việt-nam những thoả-ước dành cho kiều-bào ta những quyền-lợi ngang với quyền-lợi của người công-dân bản-xứ (1).

Tháng 6 năm 1959, Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hoà đã cử một phái-đoàn gồm 4 vị Tổng-trưởng dưới quyền hướng-dẫn của Ngoại-trưởng Vũ-Văn Mẫu, đến thủ-đô Vientiane để ký-kết cùng Chính-phủ Hoàng Gia AI-LAO :

Bốn (4) Thoả ước và bốn (4) Hiệp-định giải-quyết các vấn đề liên quan đến hai quốc-gia láng-diềng sau ngày thâu-hồi nền độc-lập (2) :

1.— Thoả-ước ấn-định quyền lưu thông, cư-ngụ và hoạt-động của người công-dân thuộc hai quốc-gia liên-kết trên lãnh-thổ bạn gồm có mười hai (12) điều. Đại-cương người công-dân của hai quốc-gia được hưởng mọi quyền-lợi dành cho công-dân của một đệ-tam quốc-gia và công nhận những quyền sau đây :

- Tự-do nhập cảnh, lưu-thông và cư-ngụ,
- Mở trường giáo-huấn cho trẻ em,
- Tự do hội-hợp và thành-lập các hiệp-hội tư-nhân,
- Tự-do tín ngưỡng, ngôn luận,
- Được quyền thủ-đắc tài-sản, lập các xí-nghiệp công kỹ-nghệ,
- Được chính-quyền bảo-vệ an-ninh và tài-sản. (Convention d'Etat-
blissement từ trang 7 tới trang 9)

11.— Thoả-ước về dẫn độ, hồ tương về Tư-pháp gồm có Bốn

(1) Những thỏa hiệp ký-kết giữa Ai-Lao và Việt-nam ngày 11 tháng 6 năm 1959. (Theo bài thuyết trình của L.S Hoàng Cơ Thụy, Đại sứ V.N.C.H. tại Ai-Lao, trình tại Bộ Ngoại giao Saigon chiều ngày .-10-69).

(2) Theo cuốn «ACCORS et CONVENTIONS entre la République du Việt-nam et le Royaume du Laos signés à VIENTIANE le 11 Juin 1959.» In tại Kim-Lai ấn-quán Saigon năm 1959 ký kết giữa Ngoại-trưởng Vũ-văn Mẫu, đại-diện cho Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa và Ngoại-trưởng Khamphan Panya đại-diện cho Chính-Phủ Hoàng-Gia Ai-Lao...

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

Chương và Bốn điều qui-định thề-thức điều-tra tư-pháp, truy-nã và dẫn-độ các tội-phạm, ngoại-trừ các Chính-trị phạm. (Convention en matière d'Extradition, d'aide mutuelle judiciaire et d'exequatur en matière civile et commerciale, từ trang 11 đến trang 24).

III.— Hiệp-định áp-dụng chế-độ biên-cương gồm có Chín (9) điều hạn-định một vùng tự do lưu-thông đi sâu vào 10 cây số trong địa-phận của mỗi quốc-gia liên-bang hầu giúp cho người dân cư-ngụ vùng biên-cương tự-do đi lại trao-đổi sản-phẩm hoặc lo về sanh-kế (Accord relatif au régime frontalier, từ trang 25 đến trang 34)

IV.— Thỏa-ước về Thông-qua dựa trên căn bản Thỏa-ước BARCELONE ngày 14-4-1921, gồm có Mười Hai điều và Hai phụ-ước ấn-định thề-tức di chuyển các hàng xuất-nhập cảng thông qua địa-phận của hai quốc-gia. (Convention sur le Transit, từ trang 35 đến trang 64)

V.— Hiệp-Định Thương-Mãi gồm có Bảy điều và Hai phụ-bản ấn-định vấn-đề trao-đổi, mua bán các sản-phẩm của hai quốc-gia và dành cho nhau quyền ưu-tiên (Accord commercial, từ trang 65 đến trang 70)

VI.— Hiệp-định về tiền-tệ gồm có Bảy điều ấn-định thủ-tục trang-trái các món nợ giữa hai quốc-gia. (Accord de Paiement, từ trang 71 đến trang 72)

VII.— Thỏa-ước tương-trợ truy-thu các sắc-thuế gồm có Ba mục và Tám điều ấn-định thề-thức thu giúp các khoản thuế do các tư-nhân hay xí-nghiệp còn thiếu của Chính-phủ. (Convention d'Assistance Mutuelle pour le recouvrement des Impôts từ trang 73 đến trang 76)

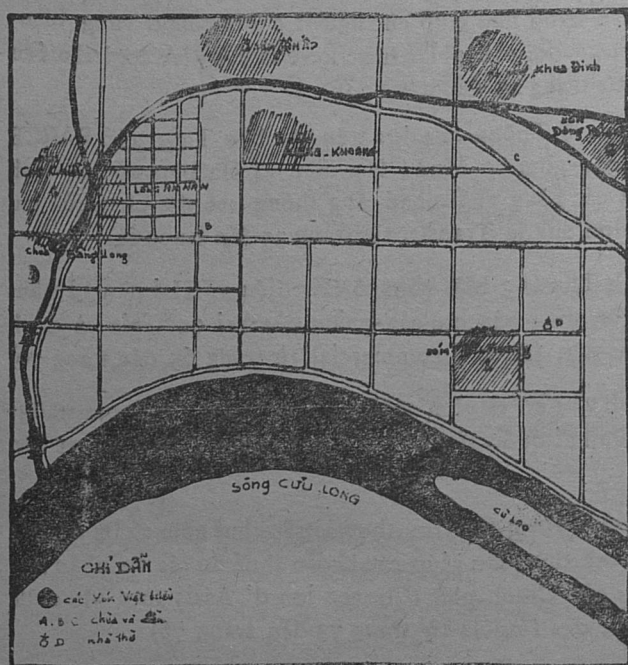
VIII.— Thỏa-ước quan-thuế gồm có Mười Hai điều qui-định các biện-pháp gắt-gao để chặn-đứng các vụ buôn lậu của gian-thương và thề-thức xuất-nhập-cảng các hàng hóa xuất-xứ từ hai quốc-gia láng-diềng. (Accord sur la Répression des Fraudes Douanières, từ trang 77 đến trang 79).

Nhờ thỏa-ước ký-kết giữa A'-Lao và Việt Nam Cộng-Hòa nên tình trạng lưu-trú của Việt-kiều cư-ngụ đã nhiều năm trên đất bạn được giải-quyết một cách-mỹ-mẫn. Đặt hết niềm tin-tưởng nơi sự bảo-vệ hữu-hiệu của quốc-gia, kiều-bào đã nỗ-lực hoạt-động, sản-xuất để gây cho cá-nhân họ một cuộc sống thanh bình và thịnh-vượng.

Này nay, du-khách đến viếng Thủ-Đô Vientiane tất nhận thấy Việt-kiều tuy sống xa quê-hương nhưng vẫn giữ được phong tục và tập-

quán cò-truyền, lúc nào cũng vọng về Tổ Quốc thăm ước ngày « áo gấm hồi-hương ».

Làng An-Nam ngày xưa đã trải qua bao lần biến-cổ nay gần như bị bôi xóa trên bản-đồ Vientiane, tuy-nhiên làng An-Nam lại được tái thiết lại thành những khu-xóm rải-rác trong Đô-thành với sắc-thái mới và được tổ-chức hoàn-bị hơn :



Bản đồ
Đô thành
Vientiane
(thủ đô
Ai-lao)
có những
khu vực
Việt kiều
cư ngụ.

1. —Xóm SI-MƯƠNG, ở gần khu chùa SI-MƯƠNG, tại trung-tâm châu-thành, lại có tên là «Xóm Đạo», qui-tụ hơn 400 gia-đình công-giáo, phần lớn thuộc nhóm Việt-kiều cũ, cư-ngụ đã nhiều đời và sau ngày biến-cổ tháng 3 năm 1945 họ không tản-cư qua Thái-Lan nhờ sự bảo-vệ của các vị linh-mục Pháp. Dân số xóm đạo được tăng-cường thêm thành-phần giáo-dân Bùi-chu Phát diệm lánh-nạn cộng-sản qua Ai-Lao tị-nạn.

2.— Xóm KHUA ĐÌNH ở ngay sau lưng Chợ Sáng, qui-tụ lối 600 gia-đình gồm nhiều thành-phần như : Công-tư chức, giáo-viên, công-nhân và thợ-huynh. Một phần theo đạo Thiên-chúa và phần lớn theo Phật giáo. Đa-số kiều-bào khu này thuộc thành phần công-nhân nghèo nàn nên họ xây-cất nhà trên đồng sinh-lầy nước đọng, chỗ ở thiếu vệ-

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

sinh, đường xá chật hẹp, nếu có xảy ra tai-biến, hoả-hoạn thì khó bề cứu-chữa.

3.— Xóm CHỢ MỚI (hay Chợ Sáng) qui-tụ lối 300 nóc-gia tụ-hợp chung quanh Chợ Mới, hầu-hết là các gia-đình tiều-thương sống hằng ngày với việc mua bán hàng rong tại Chợ.

4.— Xóm TÂN-ẤP có cái tên thuần-túy Việt-Nam, ở ngay phía bắc Đô-thành, cạnh sở Vô-tuyến-điện nên còn gọi là khu SÁI-LÔM có lối 200 gia-đình công-nhân thợ-thuyền ở.

5. — Xóm XIÊNG-KHOÁNG ở ngay trung tâm Đô-thành, đối diện với xóm Tân-ấp. Xóm này thành lập vào năm 1957 để thu nhận hơn 100 gia-đình Việt-kiều từ tỉnh Xiêng-Khoáng lánh nạn cộng-sản khi quân Lào-cộng Pathet-Lao dấy-loạn chiếm-đóng cánh Đồng Chum (Plain des Jarres) ở tỉnh Trấn-Ninh. Dân chúng toàn là tiều thương-gia và tư-chức.

6.— Xóm CHỢ CHIỀU ở về phía tây-bắc Đô-thành gần chợ nhỏ thường họp vào buổi chiều (tiếng bản-xứ là Talat Leng), Xóm này qui-tụ lối 500 nóc-gia ở rải-rác, chung đụng với người bản-xứ nên việc liên-lạc và kiểm soát rất phức-tạp. Phần đông dân chúng toàn là tiều thương có sạp bán hàng tại chợ chiều.

7.—Xóm ĐÔNG-PALANE là một làng tân-tạo thiết lập sau ngày chính-biến do Đại-úy Kong-Le nổi lên cướp chính-quyền năm 1962. Trong các trận đụng độ giữa loạn-quân và quân-đội Hoàng-gia dưới quyền chỉ-huy của Thiếu-Tướng Siho Lanphouthacoul, có lối 120 gia-đình Việt-kiều bị vạ lây, lâm vào cảnh màn trời chiếu đất người mất nhà tan.

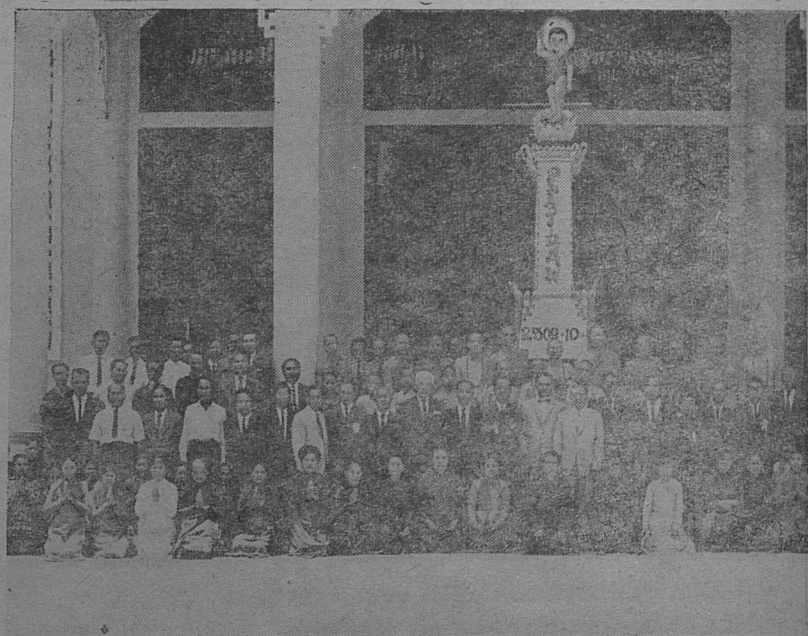
Đề có liên-lạc mật-thiết và theo dõi thường-xuyên sanh-hoạt của kiều-bào tại các xóm, có những vị đại diện lấy tên là « Trưởng-Xóm », chọn lựa trong những người tuổi-tác và có uy-tín tại các xóm để luôn-luôn tiếp xúc với Sứ-quán tỏ tường nguyện-vọng của kiều-bào.

Trên phương-diện tôn-giáo, kiều-bào được hoàn-toàn tự-do tín ngưỡng không có một ràng buộc nào. Phần đông dân chúng theo các tôn giáo chính như : Phật giáo, Công-giáo và Tin-lành.

Phật-giáo đã thu-hút hơn 5.000 tín đồ và do sự đóng góp của kiều-bào mà dựng những cảnh chùa nguy-nga đồ-sộ. Một cảnh chùa được dựng lên tại Vientiane, gần chợ chiều lấy tên là Chùa « BÀNG-LONG » (1)

(1) Chùa Bàng Long được Phật-tử dựng trên một hòn đảo nhỏ trên sông Bassac và lấy tên Bàng-Long để nhớ tới dòng-dõi con cháu Hồng-Bàng di-cư qua bờ sông Cửu-Long vậy.

Tại các tỉnh khác như Luang Prabang Paksé và Savannakhet kiều-bào cũng dựng lên nhiều cảnh chùa không kém phần tôn-nghiêm.



Việt kiều và phái đoàn Phật giáo Tích-lan viếng chùa Bàng Long — ngôi chùa lớn nhất của Việt kiều tại Vientiane.

Thiên-chúa giáo qui-tụ lối 4.000 con chiên chưa kể tại các tỉnh khác. Mỗi nơi đều có xây cất nhà thờ và đặt dưới quyền một vị linh-mục, phần đông là người Việt vì giáo dân ở Ai-Lao người Việt chiếm đa số, người bản xứ ít theo Công-giáo có lẽ họ đã công-nhận Phậ-giáo là quốc-đạo.

Nhà thờ Tin-lành cũng qui-tụ một số tín-đồ khá quan-trọng và cũng do một vị mục-sư người Việt lãnh-đạo.

Tại phía đông-nam châu-thành có một ngôi đền dựng lên lối một thế-kỷ nay để thờ một vị Lãnh-Binh của triều-đình Việt Nam cử lên giúp Hoàng-gia Ai-Lao. Dân chúng thường gọi là « Đền Quan-Lãnh ». Trước đây, hằng năm chính-quyền địa-phương thường cấp cho một trâu và một « mưn » nếp để cúng tế vào dịp rằm tháng bảy.

Gần khu chợ-chiều, kiều-bào còn dựng lên đền « Đức-Thánh Trần-

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

hưng-Đạo » và hàng năm đến ngày giỗ dân chúng đều tổ chức cúng-tế linh-đình để tưởng niệm công-đức của vị anh-hùng dân tộc.

Đề siết-chặt tinh huỳnh-đệ và thực-hiện tinh-thần đoàn-kết, kêu-bào còn tự-động thành-lập những hiệp-hội có tánh cách tương tế xã-hội :

Hội ÁI-HỮU VIỆT-KIỀU qui-tụ hầu hết kiều-bào để tương-trợ nhau trong các dịp quan-hôn tang-tế ngoài ra còn hoạt động về văn-hóa và thể-thao để trao-đổi trí dục cho con em.

Hội PHẬT-GIAO VIỆT-NAM được thành lập để chăm nom về công việc hành-hánh và trùng-tu chùa chiền trong khi các Hòa-thượng và Đại-Đức chuyên-về công-quả kinh-kệ.

Hội ÁI-HỮU CÔNG-GIAO cũng với mục-đích quản-trị khối công-giáo trong khi vị Linh-mục lãnh-đạo tinh-thần giáo-dân.

Hội PHỤ-NỮ VIỆT-KIỀU do các bà nội-trợ lập lên để tham gia công-tác cứu-tế xã-hội địa-phương.

Không quên việc nuôi dưỡng tình thân-hữu giữa hai dân-tộc bạn, kiều bào cũng tự-động thành lập hội « THÂN HỮU LÀO-VIỆT » và bầu một nhân vật tại mắt người bản-xứ làm Chánh-hội-trưởng (1).

Bên cạnh các Hội Ái-Hữu, kiều-bào còn lập những nghĩa-trang dành cho thân-nhân hội viên đã quá-cổ.

Về mặt Văn-hóa và giáo dục, nhờ tinh-thần đoàn-kết, kêu-bào còn tự-động mở tại các xóm các trường tư-thực mẫu-giáo và tiểu-học dành cho con em trong xóm. Phái-Bộ Công-giáo còn mở một trường tiểu-học lấy tên là Trường HY VỌNG thâu nhận lối 3.000 trẻ em cấp tiểu-học và luyện thi vào trường trung-học do chính-phủ Pháp viện trợ cho Ai-Lao.

Qua năm 1962, Chính-Phủ Hoàng-Gia Ai-Lao chấp-nhận một chính-thê Trung-Lập dưới sự cam-kết của mười bốn quốc-gia ký tại Genève (tháng 07 năm 1962). Chính-Phủ Liên-hiệp đầu tiên của Ai-Lao được thành-lập với sự tham-gia của các đại-diện cả ba Phái :

— Hoàng-Thân SOUVANNA PHOUMA (Trung-Lập) giữ chức Thủ-Tướng.

— Hoàng-Thân SOUPHANOUVONG (lãnh-tự Pathet-Lao) — Phó Thủ-Tướng.

(1) Hội Thân-Hữu Lào-Việt được thành lập vào năm 1967 được phần đông nhóm trí-thức tham-gia. Hiện nay Hội bầu ông OUNSANANI KONE, một nhân-vật có uy-tin và thuộc một vọng-tộc ở Vientiane.

TÙNG VÂN

— Trung-Tướng PHOUMI NOSAVAN (Hữu Phái) — Phó Thủ-Tướng.

Các nước trong khối Xã-hội Chủ-Nghĩa không đề lờ cơ-hội liên-thiết-lập bang giao với Vương-Quốc AI-LAO. Theo chân Nga-Sô và Trung-Cộng, Chính-quyền Bắc-Việt liên cử Đại-Sứ Lê Văn-Hiến qua đại-diện cho Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa tại Vientiane. Sự hiện diện của Đại-sứ-quán Bắc-Việt bên cạnh Đại-sứ-quán Việt-Nam Cộng-Hòa đã mở một giai-đoạn mới rất gay cấn trong nền bang-giao giữa Ai-Lao và hai chính-thể của Việt-Nam. Tình trạng này đã làm đảo-lộn nếp sống bình-thường của người dân Việt ở tại quốc-gia này.

Trên phương-diện quốc-tế, Vương-quốc Ai-Lao là một quốc-gia không-liên-kết, đứng trung-lập, tuy nhiên các cấp lãnh-tụ thuộc hữu phái vẫn âm-thầm chống cộng. Từ ngày Bắc-Việt thành lập Sứ-quán tại Vientiane, chính-quyền địa-phương tích-cực áp-dụng mọi biện-pháp chặn đứng làn sóng xâm-nhập của cán-bộ và lính chính-quy Bắc-Việt đang ò-ạt vượt biên-giới, lấy cớ qua giúp Pathet-Lào.

Hai năm sau, vào ngày 20 tháng 07 năm 1964 nhận được tin có nhiều nhóm Việt-kiều ở các vùng Đông-bắc Thái-Lan sẽ lén-lút băng sông cửu-long đến Vientiane dự liên-hoan tại Đại-sứ-quán Bắc-Việt nên Cảnh-sát quốc-gia Ai-Lao mở một cuộc lùng-xét truy-nã phần-ử bất-hảo đã nhập-cảnh và cư-ngụ bất hợp-pháp. Kết quả Tổng Nha Cảnh-Sát Công-An hoàng-gia Ai-Lao đã bắt giữ hơn 900 Việt-kiều từ địa-phận Thái-Lan vừa xâm-nhập để giao trả cho chính-quyền Thái tại Nongkhay. Khi lục sồ di-trú, xét ra nhóm người này thuộc thành-phần Việt-kiều đã ghi danh vào Ủy-Ban Hồng-Thập-Tự hỗn-hợp Thái-Lan — Bắc-Việt để hồi hương (1). Chính-quyền Thái-Lan đã điều-động họ ra Bangkok để đưa họ xuống tàu trở về Bắc-Việt đúng theo nguyên-tắc của hai thỏa ước mà Hồng-Thập-Tự Thái đã ký kết với Hồng-thập-tự Bắc-Việt (1) vào những năm 1959 và 1962.

Sau vụ bắt bớ ấy Sứ-quán Bắc-Việt gửi kháng-thư lên chính phủ Liên-Hiệp nên chính-quyền Ai-Lao đã cho ra bản-thông cáo dưới đây:

(1) Để thực-hiện chính-sách hồi-hương kiều-bào ở Thái-Lan do lời yêu-cầu của Chính-quyền Thái, Chính-quyền Hà-nội đã cử một phái-đoàn Hồng-thập-tự qua ký với Hồng-thập-tự Thái-Lan hai hiệp ước ấn-định thể-thức hồi-hương kiều-bào ở Thái :

— 1. Thỏa-ước RANGOON ký tại Thủ-Đô Miến-Điện ngày 14-08-1959 ấn định việc chuyên-chở bằng tàu bè Việt-kiều từ Thái-Lan về Hải-Phòng trong nhiều đợt trong một thời hạn là 30 tháng kể từ ngày 01-01-1960

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

Thông-cáo của Bộ Ngoại-Giao

« Chính-phủ Hoàng-gia phân-nân việc Tòa Đại-Sứ V.N.D.C.C.H đã lợi dụng khai-thác công-cuộc kiểm-tra dân-số tại các đại lộ trong Đô-thành vào sáng ngày 20 tháng 7 năm 1964.

Quả-thế, Chính-phủ Hoàng-Gia hết sức ngạc-nhiên đã nhận thấy Tòa Đại-Sứ V.N.D.C.C.H. cố-tình làm thiên-lệch sự-thật và có dụng-ý thời-phòng việc này với mục-đích tuyên-truyền về vụ kiểm-soát xét giấy-tờ thông-thường.

Chính-Phủ Hoàng-Gia quả quyết một cách-tuyệt-đối rằng những viện-chứng đưa ra cho rằng : « Chính-phủ đã mở những cuộc lùng-xét trong những ngày 20, 21, 22 và 23 tháng 7 năm 1964 với tâm-ý dùng áp-lực buộc Việt-khieu phải đóng thuế cư-trú và nộp phạt liên-tiếp từ nhiều năm về trước và hơn nữa đặt họ dưới quyền kiểm-soát của Tòa Đại-sứ Việt Nam Cộng-Hòa cùng phải tuân-theo chế-độ trái với ý-nguyên của họ là những điều dựng đứng vô căn-cứ.

Trong những ngày 20, 21, 22, và 23 tháng 7 năm 1964 tuyệt nhiên không có những cuộc lùng-bắt người Việt mà thật ra chỉ có cuộc kiểm-soát không dành riêng gì cho người Việt mà tất cả các ngoại kiều đều bị xét-hỏi với mục-đích truy-nã những kẻ nhập-cảnh bất hợp-pháp để loại-trừ những thành phần bất-hảo.

Vientiane, ngày mồng 1 tháng 10 năm 1964 »

(Trích trong tờ LAO-PRESSE ngày 02-10-1964 của Sở Thông-Tin)

Cũng trong ý-chí chặn đứng đà xâm-nhập càng ngày càng gia tăng từ nhiều mặt như từ Bắc-Việt sang hay từ Thái-Lan qua. Chính-Phủ Hoàng-Gia đã áp-dụng nhiều biện-pháp cứng-rắn hạn chế việc ngoại-kiều nhập-cảnh Ai-Lao mang hậu quả bất lợi cho kiều-bào lương-thiện cư-ngụ trên đất này.

Bằng-cớ điển-hình nhất là xuất thuế cư-trú mà mỗi ngoại kiều trên 18 tuổi phải đóng hàng năm cho Nha di-trú trước đây trong những năm 1962 trở lại chỉ đóng có 2.000 kip đến năm 1963 xuất thuế

(2) Thỏa-ước BAN PING ký ngày 17-12-1962 ấn-định thề-thức hồi-hương số Việt-Khieu còn lại trong kỳ trước và công cuộc này được Chính-quyền Bắc-Việt ra lệnh ngưng sau khi xảy ra vụ Hải-quân Bắc-Việt pháo-kích tuần-dương-hạm MADDOCK tại Vịnh Bắc-Việt trong tháng 08 năm 1964 lấy cớ đề bảo-vệ an-ninh cho kiều-bào trong khi Bắc-Việt bị không-lực Hoa-kỳ oanh-tạc.

TÙNG VÂN

gia-tăng lên 5.000 kíp và sau năm 1965 lại-tăng lên 15.000kíp (1). Dù sao, trên phương diện tinh-thần ảnh-hưởng của người Việt tại Ai-Lao vẫn ăn sâu vào cội-rễ của phong-tục và tập-quán quốc-gia này.

Một khi du-khách đáp máy bay từ nước nhà đến phi-tường Wat tay (Vientiane), tại đó vẫn gặp những người lao-công khuôn-vác hành-lý hoặc những nhân-viên phi-cảng phần đông là người đồng-hương. Lúc ra bến xe đón taxi về Đô-thành du-khách vẫn dùng tiếng mẹ đẻ để nói chuyện. Trên đại-lộ đưa du khách vào châu-thành du khách nhìn hai bên lộ thấy các cửa tiệm phần lớn mang những bảng hiệu tên thuần túy Việt. Khi ra ngoài chợ, bên cạnh quán cơm địa phương chưng bày những ống cơm nếp, những đĩa thịt khô hoặc những con gà nướng và g óng lại có quán bên cạnh bán toàn mền ăn Việt như : chả-giò, bì cuốn, bì bún sát cánh với gánh phở, nồi nước xúp đang tỏa khói nghi-ngút để đón mời những người khách bản-xứ đang quay-quần thưởng thức món ăn Việt. Tại quán bán thực-phẩm, nước mắm, mắm nêm, mắm tôm và ruốc rất được khách-hàng địa-phương mến chuộng. Thậm-chí bên Thái-Lan thấy nước mắm là một nguồn lợi đáng khai thác nên đã có nhiều hãng sản-xuất nước mắm đóng vào chai nhập cảng vào Ai-lao bán rất chạy.

Nếu đem so-sánh dân số Việt-kiều ở Ai-lao ngày nay với dân số cách đây lối 30 năm về trước thì Việt-kiều không đông đảo hơn trước (2) Lúc bấy-giờ mức sinh-hoạt của kiều-bào đạt được một mức tối-đa rất quan-trọng, nắm hết nguồn lợi của Ai-lao.

Đến ngày nay, Việt-kiều còn nhận thấy những di-tích của các vị tiền-bối và con cháu đang thừa hưởng những di-sản tinh-thần và vật-chất do các vị ấy còn lưu-lại để đánh dấu một thời oanh-liệt xưa.

Ai đã đến viếng-thăm Đô-thành Vientiane tất còn nhớ có những con đường nhỏ hẹp mang những tên như : đường Lê-Kỳ-Hương, đường Lê-Kỳ-Nam, ai đã từng giao thiệp với các nhân-vật địa-

(1) hiện nay một đồng bạc Việt-Nam ăn hai kíp rưỡi (1\$ VN : 2k50)

(2) Theo bản thống-kê chính-thức căn cứ vào sổ Việt-Kiều ký-danh thì hiện nay tại Ai-Lao có 30 926 kiều-bào trong số ấy kiều-bào tại Vientiane chiếm lối 15.000 người, tuy-nhiên số kiều-bào có thể cao hơn con số chính thức đã đăng-ký vì còn những phần-tử lừng-chừng không gả về bên nào và cũng không cần đến sự bảo-vệ của Sứ-Quán.

(Theo bản thuyết trình của L.S Hoàng Cơ Thụy, Đại sứ VNCH tại Vientiane trình bày tại Bộ Ngoại giao Saigon chiều ngày 09-10-1969.)

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

phương, các vọng-tộc tất còn nghe tự miệng các nhân-vật ấy thường nhắc nhủ đến công ơn giáo-huấn của các Cụ giáo Hình, Hạnh, Lệ. Ngày nay con cháu của các vị ấy cũng còn sống trên phần đất này và một số lớn vẫn nối-nghiệp tồ-phụ ra đảm nhận những địa-vị quan-trọng trong guồng máy chính-trị của quốc-gia này mà họ coi như quê-hương thứ hai của họ.

Những kỹ-nghệ gia khi đi-ngang qua những vùng Mahaxay, Hinb-oune ở Trung-Lào đều thấy những vật liệu xây cất, những dụng-cụ làm đường hỏa-xa từ Thakhek nối liền Vinh qua Tân Ấp đang bỏ dở từ ngày xảy ra cuộc chính biến 9-03-1945.

Hiện nay Việt-kiều tại Savannakhet còn nhắc-nhủ đến thời vàng-son xưa, lúc con đường thuộc địa số 9 nối-liền Savannakhet với Quảng-trị đi ngang qua Tchépone, Khê-Sanh và Đông-hàđang còn thông-thương thì hằng ngày có hàng chục chuyến xe đò thuộc các hãng chuyển-vận Việt-Nam khai-thác chở đầy hành-khách và hàng-hóa, tạo một cảnh náo-nhiệt và phồn-thịnh cho nền kinh-tế Ai-lao.

Ngày trước ngưỡng cửa Đô-thị Paksé — thủ-đô của Hạ-Lào, các bạn sẽ chạm trán ngay với một pho tượng đồng đen dựng ngay giữa công-viên trước cầu Sédone. Đó là di-tích của Cố Thủ-Tướng Chính-Phủ Hoàng-Gia Ai-lao — ông Katay Don Sasorith, một nhân vật lỗi-lạc và một học-giả xuất-sắc của Ai-lao. Chính tự miệng cố thủ-tướng đã thuật trong quyển truyện ngắn nhan-đề « Souvenir d'un écolier de Paksé » viết bằng Pháp ngữ có nói thân-sinh của ông là một thương-gia người Việt tên là Nguyễn-văn-Vinh, qua Ai-lao lập-nghiệp đã để lại cho con cháu một tài-sản đáng kể, đến nay con cháu của cố-Thủ-tướng vẫn noi gương ông cha tiếp nghiệp lớn phục-vụ đặc-lực cho quê-hương thứ hai này (1)

Ta có thể công-nhận lời nói của người địa-phương, và nhất là những người dân Hạ-Lào ví đất nước của họ tại đó như đất Nghệ tỉnh của ta đã đào-tạo bao-nhiều anh-tài cho xứ-sở. Đất Bassac (Tỉnh lỵ là Pakse) cũng đã đào tạo bao-nhiều anh-tài cho Ai-lao. Trong số

(1) Quyển Souvenir d'un écolier de Paksé do nhà xuất-bản Lao. Sédone, ấn-hành năm 1958

Trong lúc thiếu-thời Cố Thủ-Tướng KATAY được phụ-thân gởi về Saigon học tại trường TABERD và lúc bấy giờ mang tên Nguyễn-văn-Tài có biệt-hiệu Cẩ-Tài nên sau này ông đổi ra là KATAY và lấy họ DON SASORITH. Hiện nay ông còn người cháu gọi bằng chú làm Trung-Tướng trong quân-lực Hoàng-Gia.

TÙNG VÂN

đó ta không nên quên đến thăm một kiều-bào cổ-cựu, nay đã thủ-đắc quốc-tịch Ai-lao nhưng vẫn giữ một tâm hồn Việt — đó là ông Phan-K... Hiện nay vị này đã về hưu hưởng lộc của hai người con trai đã từng giữ chức Tổng Bộ Trưởng trong các nội-các trước.

Thiếu-Tướng Siho Lanphouthakoul trong lúc thiếu-thời đã từng học tại Saigon mang tên Nguyễn-sĩ-Hồ, gốc người ở Tây - Ninh. Ngày xưa, thân-sinh ông là một công-chức bưu-điện hồi-hưu hằng năm thường dẫn cậu học-trò Nguyễn-sĩ-Hồ về quê viếng nhà thờ họ. Chúng ta vẫn còn nhớ công-trạng của người hùng đã giải-phóng Đô-thành Vientiane trong khi loạn tướng Kongle nổi lên cướp chính quyền. (năm 1960).

ກຕ້າຍ ດ ສີສິນ

Hon cher Pham-ba-Cong,

Je me permets de recommander à votre bienveillance Mme Tranchier, une amie de Pakis. Elle vous expliquera elle-même ce qu'elle demande.

Bien amicalement

18/59

(Signature)

Thủ bút của Thủ-trưởng Katay gửi Phạm-Bá-Công

Nếu nhắc-nhở tới các thành-tích của các nhân-vật gốc Việt trung-kiên với chính phủ hoàng-gia mà không nói qua tới đời đấu-tranh của các nhân-vật trong hàng ngũ Lào-Cộng Pathet-Lao là một thiếu sót. Ít người có thể ngờ rằng vị Tổng-tư-lệnh của quân đội Pathet-Lao, Trung - Tướng Kaysone cũng là một người Việt sanh-trưởng tại Savannakhet !

(*) Vì lý-do chính-trị, tác giả thành-thật cáo lỗi với quý vị đọc-giả không thể hài rõ danh-tính của các nhân-vật Việt-nam hiện đang hoặc đã giữ những vai-trò quan-trọng trong chính thể Đệ-Nhị Cộng-Hòa; tuy-nhiên mai hậu, sử-sách sẽ ghi tên của các vị ấy để hậu-lai noi-theo gương sáng. Trên bước công-danh đã có nhiều-vị từng đạt được tuyệt-đích về văn-giai từng nắm giữ chức Tổng Bộ Trưởng, về võ nghiệp có-vị đã vinh-thắng lên hàng Tướng.

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

Còn phu-nhân của Hoàng-thân Souphannouvong lãnh-tự của Pathet Lào cũng là một phụ-nữ thuần-túy Việt-Nam con gái của một vị kỹ-sư công-chánh hồi-hưu.

Bên cạnh người Lào, các nhân vật Lào gốc Việt nay đã hoàng toàn chọn lựa quê-hương thứ hai để phục-vụ một cách đặc-lực. Và ca-dao ta có câu : « Lá rụng về cội », nên có rất nhiều Việt-Kiều sanh-trưởng tại Ai-lao nay đã trưởng thành trở về cố-hương, có nhiều người đã đảm-nhận những vai-trò quan-trọng nước nhà.

Qua các vị ấy kiều-bào ở Ai-lao rất hãnh-diện và họ tự coi như ước vọng thầm kín của họ được thực hiện trong câu « Áo-gấm hồi-hương » vậy.

Saigon, mùa Thu năm 1969

TÙNG - VÂN

CÔNG-TY THỦY - TINH VIỆT - NAM

Công-Ty nặc danh vốn 170.000.000 \$ VN



CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỌ ĐÚ LOẠI VỚI KỸ THUẬT
VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

— Trụ-Sở Chánh : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI

SAIGON — Đ. T. : 93.149

— Trụ-Sở Thương-Mãi : 16-18, Hai Bà Trưng (Lầu I) — SAIGON

Đ. T. : 25.198

— Nhà Máy : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI

SAIGON

Đ. T. : 93.149

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ZEN VÀ DƯỠNG SINH

(TÁI BẢN LẦN THỨ 3)

● THÁI KHẮC LỄ biên soạn

— SÁCH DÀY 300 TRANG

— GIÁ BÁN 195đ

*NÓI VỀ LÝ THUYẾT VÀ CÁCH THỰC HÀNH PHÉP ĂN CHAY
BÍ TRUYỀN CỦA CÁC VÕ SĨ NHU ĐẠO VÀ CÁC THIỀN SƯ NHẬT
BẢN, CÓ CÔNG NĂNG CẢI TẠO SINH LỰC, LÀM TRẺ ĐẸP NGƯỜI,
THÊM TUỔI THỌ, TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ, CHỮA LÀNH TẤT
CẢ CÁC BỆNH NAN Y, NHƯ : ĐAU TIM, BÓN, MẤT NGỦ, DI
TÍNH, BẠCH ĐÁI, ÁP HUYẾT CAO, UNG THƯ, HO LAO, PHONG
CỪ, SUYỄN, BẠI, ĐIỀN CUỒNG, BỊ PHÒNG XẠ NGUYÊN TỬ...*

THƯ TỪ XIN LIÊN LẠC VỀ ĐỊA CHỈ

Ông PHẠM CHÂU

Thư viện Đại học Huế
HUẾ

Ông TRẦN VĂN RÔ

33/15 Phan đình Phùng
SAIGON

HƯNG-VIỆT BẢO-HIỂM CÔNG-TY

CÔNG TY NẶC DANH VỐN 30.000.000 VNĐ

Trụ sở: Lầu 1, Ph. 212 & 212 bis, CRYSTALPALACE

95-101 Công-Lý và 4 Nguyễn-trung-Trực — SAIGON

Điện-Thoại: 92.115



DO NGƯỜI VIỆT-NAM SÁNG LẬP VÀ ĐIỀU KHIỂN

*** BẢO HIỂM XE CỘ * CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA BẰNG
ĐƯỜNG THỦY, ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG * HỎA
HOẠN * TAI NẠN CÁ NHÂN * SINH VIÊN HỌC SINH * TAI
NẠN LAO ĐỘNG * TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ...**

KATAY DON SASORITH

THỦ TƯỚNG LÀO GỐC VIỆT

▽ TÙNG VÂN

Ông Katay Don Sasorith, cố Thủ-tướng Chánh-phủ Hoàng gia Ai-lao sanh trưởng tại Pakse (hạ Lào) ngày 12 tháng 07 năm 1901 trong một gia-đình thương-gia. Ông thân-sinh là một Việt kiều, quê-quán ở Nghệ An qua lập-nghiep tại hạ Lào từ thời Chánh-phủ bảo-hộ Pháp mới đặt ách thống-trị Ai-lao vào cuối thế-kỷ thứ 19. (1)

Lúc thiếu-thời, ông đã tỏ ra rất thông-minh nhưng phải cái tội biếng học; cha mẹ cho đi học từ thuở lên năm nhưng thích tập-hợp với các bạn lêu-lồng trốn học đi chơi. Tuy nhiên khi đến tuổi trưởng thành, tòa-trị ông ta đã tỏ ra là một học-giả xuất-sắc. Sau khi học hết chương trình tiểu-học tại tỉnh nhà, gia-đình gửi về Sai - gon (Việt-Nam) tòng học tại trường giòng Taberd (Institution Taberd) (2). Đến khi đồ bằng thành-chung (Diplôme d'Études Primaires Supérieures Franco-Indochinoise — DEPSFI) năm 1918, ông được Chánh-



Di ảnh cố Thủ-tướng Lào gốc Việt Katay Don Sasorith.

(1) Thân-phụ của ô. Katay là một thương-gia giàu-có nhiều thế-lực tục gọi là ông Cả Vinh, tên thật là Nguyễn-văn-Vinh. Thân-mẫu là người bản-xứ tên là Mẹ-Pằng.

(2) Theo lời tự-thuật của ông Katay trong cuốn sách do ông viết bằng Pháp-ngữ tựa đề « *Souvenir d'un ancien écolier de Pakse* » ấn-hành do Lao-Sedone, in tại nhà in IDEO-Saigon năm 1958.

TÙNG VÂN

phủ bảo-hộ cấp học-bổng ra Hà-nội (Việt-Nam) tiếp-tục học-vấn tại trường Cao-đẳng Hành-chánh (Ecoles Supérieure de Droit et d'Administration).

Đến ngày thành-tài ở trường Cao-đẳng ra, cậu tân-khoa Katay có ý-dịnh cao đẹp « Vinh-quì bá-tổ » tại làng xưa, nhưng hình như định-mệnh đã dành cho cậu một đời sống nơi chân-trời khác ở quê hương thứ hai.

Song một khi « áo-gấm hồi-hương » tưởng sẽ được cảnh « vông-lọng nghênh-ngang » như các làng-mạc ta đã từng đón rước các vị tân-khoa dưới thời phong-kiến. Thực ra, các vị bò-lão làng cậu đã tỏ ra hững-hờ lạnh-nhạt với đứa con sanh trưởng ở tha-phương. Có lẽ các bò-lão sợ mất ghế tiên-chỉ cho một người ngoại-tộc, hoặc muốn bảo vệ mâm xôi thịt, cái nòng đầu heo cho con em của họ trong làng nên đã nhẫn-tâm phủ nhận người con trai sanh trưởng ở hải-ngoại có lòng nhớ-ởng đến cố-hương mong tìm về tổ-ấm !

Cách đối-xử tàn-tệ của các vị bò-lão đã dành cho cậu tân-khoa một mối cảm xúc quá mạnh, chạm đến lòng tự-ái của một chàng trai lòng tràn đầy hiếu-thăng. Có lẽ vì vậy mà cậu tân khoa chuyển hướng về quê hương của mẹ.

Cậu Katay Don Sasorith đã ngậm-ngùi, lủi-thủi xách hành-lý ra đi quyết chí không bao-giờ trở gót lại nơi quê cha đất-tổ để chứng kiến lần nữa cảnh-đối xử bạc-bẽo và vô-tình của những kẻ đồng-hương.

Trái lại, quê-hương thứ hai đã dành cho cậu Katay một cuộc đón tiếp nồng-nhiệt tung-bùng để đánh dấu một đoạn đường đầu trên bước công-danh của cậu tân-khoa.

Ngày hôm chiếc tàu Francis Garnier của hãng Messagerie Maritime đưa cậu tân - khoa từ Savannakhet về đến Paksé, gia-đình ông Cả Vinh đã nhón - nhíp chuẩn-bị một cuộc đón tiếp long-trọng từ sáng sớm. Cửa hàng bán rượu và giải-khát bậc nhất tại Paksé dành riêng cho các quan bảo-hộ nay được tạm treo biển « đóng cửa », bàn ghế đều được thu-gọn vào nhà kho. Trên nền gạch bông, gia-nhân đã trải những chiếc chiếu hoa cạp-diều mới phủ kín gian-phòng. Ngay giữa nhà đã trải một tấm thảm nhung màu cạp-rượu. Trên chiếc thảm đã đặt sẵn một cái chậu bằng bạc trong đựng cỏ hoa tươi kết thành chiếc tháp nhỏ chung quanh gần những cây đèn sáp ong và những giấy chỉ sợi trắng muốt quấn chằng-chịt xung-quai h. Quanh chậu hoa tươi bày la liệt nào ly-cốc, những chai rượu tây quý giá, những mâm xôi vừa

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

nấu chín khói tỏa nghi-ngút và những đĩa thịt gà, vịt, những mâm trái cây màu tươi rực-rỡ.

Khi cậu tân-khoa, tay xách hành-lý, miệng nở nụ-cười tươi tắn đầy hân-diện, bước vào nhà, bà con họ hàng đang chờ sẵn, chạy xô ra reo mừng đón tiếp người con trai xa cách nhà đã hơn ba năm tròn. Trong khi họ-hàng tíu-tít hỏi thăm sức khỏe thì Mẹ Păng thông thả bước ra giục con vào nhà thay áo quần dự lễ Baci để họ hàng cầu chúc hạnh-phúc và quyền-lộc tương lai cho kẻ ở xa mới về.

Chỗ danh dự, đối-diện với cô-hoa tươi trên chiếc thảm nhung dành cho cậu tân khoa và một vị bô-lão đầu râu tóc bạc xúng-xính trong cái "xà rong" (1) lụa màu xanh dương và cái phé-phe vải ca-rô trắng-đen vắt ngang vai đã quì trước cô hoa, lên đèn và đốt cén nhang trầm khói bay nghi-ngút miệng lâm-râm tụng kinh cầu-nguyện.

Trong căn-phòng ấm cúng dưới ánh đèn sáp ong khói nhang trầm tỏa ra tạo một cảnh-tượng huyền-bí, làm cho lòng cậu tân khoa trầm-lặng thu hết tâm-hồn đề hồi-tưởng lại những ngày tởm hơ-ấu xa-xăm. Những phút êm-đềm đã từng sống trong khung cảnh quen thuộc này, tưởng đến những sợi giây vô-hình ràng buộc đời chàng với tất cả những người thân-yêu đang quay-quần chung quanh cô-hoa, tay chấp trước ngực cũng kính nghe lời cầu nguyện của vị niên-trưởng. Xong bài kinh cầu an và hạnh-phúc, vị niên-trưởng bèn với lấy một bó hoa tươi trong chậu cùng một cây đèn sáp trao cho cậu tân-khoa đang quỳ trước mặt, rồi cụ già lấy sợi chỉ trắng buộc vào hai cổ tay của cậu, miệng chúc :

« Rồi đây cậu sẽ được : Sức khỏe dồi-dào,

Công danh rạng-rỡ.

Quyền-cao, tước trọng.

Nhà rộng cửa cao

Tiền rừng bạc bể

Vợ đẹp con khôn... »

Khi vị niên-trưởng lui ra, ông Cả cùng Mẹ Păng liền xích gần cậu tân-khoa, vui vẻ lấy chỉ buộc vào tay con ; rồi bà con họ hàng, ai-ai cũng tranh nhau đến buộc cho cậu tân-khoa sợi chỉ bông trắng tượng trưng cho giây thiêng-liêng ràng buộc tương lai của cậu với cảnh-vật chung quanh cậu. Lễ xong bà con xúm xít ngồi vào mâm tiệc, chuyện trò vui vẻ cho tới khuya mới giải-tán.

(1) Người đàn ông Lào mặt cái xà-rong làm bằng một miếng vải, rộng lối 1 thước dài 4 thước quấn quanh ngang hông hai mối chập lại trước bụng, cuộn tròn thành cái đuôi vắt chéo sau lưng quần.

TÙNG VÂN

Ngày vui chưa tàn thì một câu chuyện khác lại làm tổn-thương lòng tự-ái quá cao của cậu Katay, gây thêm cho cậu một vết thương trong tâm hồn trẻ trung đang xây toàn mộng đẹp. Nguyên trong cùng xóm, cạnh nhà cậu có gia-đình của cụ Bang Đặng—một kỹ-nghệ-gia người Việt cùng lên hạ-Lào (Paksé) lập nghiệp một lúc với ông Cả, nên hai nhà đi lại rất thân-thiết. Cụ Bang có ba người con mà cô Hai con gái lớn của Cụ, tuổi nay đôi tám nên ông Cả đã có ý dòm ngó từ lâu với ý-định hỏi làm vợ cho cậu tân-khoa, con trai đầu lòng của mình. (1). Tưởng chỉ cần cày mai mối là công-việc sẽ chu toàn, không ngờ lúc bấy giờ người Việt, tuy ăn đậu ở nhờ tại xứ người nhưng lúc nào cũng có tính kỳ thị. Dù rằng chỗ ông Cả là nơi thân quyến, nhưng dư-luận không cho phép cụ chấp thuận một cuộc hôn-nhân giữa cô gái Việt với một thanh niên Lào dù người ấy lai giống máu Việt.

Tiếp đến cậu Katay được giấy bổ làm Tham-tá Tòa sứ tại Ai-lao (2) lại phải khăn-gói lên đường nhận việc ở Vientiane mang theo một mối tủi-hận và từ đó ông Tham trẻ tuổi đâm ra thù-ghét người đồng-hương với thói đời khinh-bạc.

Bước đường đời đầu tiên ra tiếp-xúc với xã-hội, từ công-đường cho chí nơi tù lâu ông Tham-tá Katay đều gặp bao nghịch-cảnh làm cho lòng càng thêm phẫn-uất. Dưới sự kềm-chế chặt-chẽ của chế-độ bảo-hộ thực-dân, người công-dân không còn tự-do ăn-nói và hành-động theo ý pìong-khoảng của một kẻ thư-sinh vừa ở nhà trường ra đang thấm-nhuần triết-lý của các danh-nhân Âu-tây như : Voltaire, Rousseau, v.v...

Tại công-đường những cử-chỉ nịnh-bợ của cấp-dưới và sự ngăn-cách giữa anh em đồng-liêu làm cho ông Tham trẻ tuổi càng chán-ngán.

Ngoài xã-hội các bạn đồng-hương cũng như các người bản-xứ đều tỏ vẻ nghi-ky chưa hoàn-toàn tin-tưởng lòng chân thành của một người thanh-niên mang hai giống máu.

Ông Katay lại càng chán-ghét chế-độ phong-kiến, ghê tởm những kẻ « giá áo túi cơm » đang chạy theo chức-tước, nịnh bợ Hoàng-gia nên ông

(1) Dưới thời Pháp-thuộc, dân-số Việt-Kiều tại Ai-Lao rất đông-đảo. Để dễ bề kiểm-soát và thu-thuế thân, chính quyền bảo-hộ đặt tại mỗi tỉnh một chức-vụ Bang-tá để quản trị số ngoại-kiều ở trong tỉnh như Bang-tá Tàu.

(2) *Commiss des Résidences Supérieures au Laos* (trang 23 trong cuốn « *Tempête sur le Laos* » của *Sisouk Na Champassak* do nhà xuất bản La Table Ronde, Paris năm 1961.

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

ta ít giao thiệp, dành thì giờ nhàn rỗi trong việc đọc-sách luận-văn. Trong thời gian ấy ông ta đã sáng-tác nhiều văn-phẩm bằng Lào và Pháp ngữ nhưng ít phổ-biến ra ngoài vì những tác phẩm của ông có tánh-cách châm-biếm, phê-bíng chính quyền bảo hộ cũng như triều-đình Luang-Prabang. Mãi sau khi Ai-lao đã tranh-thủ được nền độc-lập những tác-phẩm này mới được ấn-hành và giới trí-thức Ai-lao rất ưa chuộng.

Và, cuộc đời công-chức của ông Katay Don Sasorith chỉ lặng-lẽ trôi qua như muôn ngàn người công-chức khác dưới thời Pháp thuộc, nếu, sau đệ-nhị thế-chiến không xảy ra những chính-biến trên đất Ai-lao!

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân-đội của Thiên - hoàng Nhật bôn lật đổ chính-quyền bảo-hộ Pháp dưới danh-nghĩa bảo-vệ những quốc-gia tiểu-nhược bị đế-quốc đàn-áp. Ông Katay liền đứng sát cánh với Hoàng-thân Tiao Phetsarath, lúc bấy giờ giữ chức Tiao Maha Oupahat tại Vientiane (1). Hoàng-Thân đứng lên tuyên bố thành-lập một Phong-trào giải-phóng quốc-gia lấy tên là Lao Issaaa rồi khai-sinh một Chánh-phủ lâm-thời trong đó ông Katay giữ chức Tổng-Trưởng Kinh-lể và Tài-Chánh ngày 14 tháng 9 năm 1945.

Do sự-quyết-định của Đồng-minh tại hội-nghị Postdam, quân đội của Hoàng-gia Anh quốc được chỉ-định đến giải-giới quân Nhật đầu hàng tại phần nam vĩ-tuyến 16 trên bán-đảo Đông-Dương. Nhân cơ-hội đó quân đội viễn-chinh Pháp theo qua với thâm ý trông lại ách nô-lệ trên phần đất này, gồm cả Ai-lao. Để chặn-đứng âm-mưu thâm-độc của thực-dân Pháp, và nhờ vào sự dung túng của quân-đội Tổng-Tổng Trưởng-giới-Thạch có phận sự giải giới quân đội Nhật trên vĩ-tuyến 16. Hoàng-thân Tiao Phetsarath liền công-bố bản Hiến pháp tạm truat-phế quốc-Vương Sisavang Vong mà ông quy cho tội liên-kết với thực-dân Pháp. Ngày 12 tháng 10 năm 1945 Hoàng Thân Phetsarath tự tôn lên làm quốc-trưởng của xứ Ai-Lao độc-lập dưới chánh-thề quân-chủ lập-hiến. (2)

Hoàng-thân Phetsarath đã táo bạo làm một việc mà chưa có người Ai-Lao nào dám làm là truat-phế vị Vua đang còn được nhân-dân mến-chuộng lại được quân-đội viễn-chinh Pháp phù-trợ ngấm-ngấm.

Sau khi mặt trận ở Thakhek tan vỡ, hàng-ngũ của chiến-sĩ Lao

(1) Trào đình Quốc-Vương Luang-Prabang có bốn chức tư-trụ : Tiao Maha Oupahat, Tiao Ratsavong, Tiao Ratsabout và Tiao Sisaleumsak.

(2) Trang 14 trong cuốn *Tempête sur le Laos* của Ông Sisouk Na Cham-passak

TÙNG VÂN

Issara bị quân-đội Pháp đánh-tan, các lãnh-tự Lao Issara trong ấy có cả ông Katay Don Sasorith đều chạy qua Thái-lan tị nạn. Một nhóm đến Bangkok lập Chánh-Phủ lưu-vong để nuôi dưỡng tinh-thần chiến-đấu của Lao Issara dưới quyền lãnh-đạo của Thủ-tướng Phagna Khammao Vilay. Ông Katay vẫn giữ chức Tổng-trưởng Tài Chánh và Kinh-Tế nhờ tài tháo vác của ông trong công cuộc tạo cho phong-trào một nguồn tiền-tệ để chi-phí trong công tác tuyên-truyền bằng cách in trên giấy emballage tiền Lao Issara. Cho nên lúc bấy giờ người ta thường gọi là «tiền Katay».

Những cuộc thất bại liên-tiếp về quân-sự cũng như về chính-trị của Lao Issara đã làm nhụt nhuệ-khí tranh-đấu của các cán-bộ, ngay trong hàng ngũ cấp lãnh-đạo đã có nhiều triệu chứng nứt rạn đe dọa sự đoàn-kết và thống-nhất của đảng mà lúc này cần thiết hơn lúc nào hết. (1)

Ba nhân vật chính lãnh-đạo Lao Issara lại là ba anh em ruột nhưng mỗi người lại có một chí hướng khác-biệt :

1 — Hoàng-Thân Tiao Phetsarath vì tuổi đã già, sức yếu, chán nản nếm mùi thất-bại liên-tiếp trên Chánh trường, nay lại sống cuộc đời lưu-vong vất-vướng không có ngày mai, phần lại tiếc cơ-nghiệp gia sản để lại ở Ai-lao nên không màng đến việc lớn, giao-phó quyền hành-động cho Thủ-tướng Phagaa Khammao Vilay.

2 — Hoàng-thân Souphanouvong, ông Hoàng út, anh em cùng cha khác mẹ với Hoàng-Thân trưởng-tộc Tiao Phetsarath có bà vợ Việt nên đã móc-nối với chính-quyền Bắc-Việt để dựa vào thế lực đang lên của Trung-Cộng, nhờ Cộng-sản đánh chiếm tỉnh Haut Laos (thượng-Lào) (2). Vì lý do trên mà chánh đảng Lao Issara đã lên án phản-bội và khai trừ Hoàng-Thân ra khỏi hàng-ngũ.

3 — Hoàng-thân Souvanna Phouma, người em kế của Hoàng-thân Tiao Phetsarath lấy vợ lại Pháp nên chủ-trương một chính-sách ôn-hòa hơn và đang ngấm-ngấm vận-động để dọn đường cho đồng-chí Lao Issara hồi-chánh hầu trở lại chung sống hòa-bình trong thuyết huynh-đệ

(1) Khi mặt trận ở Thakek (trung-Lào) thất thủ, tiền đồn của Lao Issara đặt tại đó với mục-dịch chặn đứng cuộc tiến của quân đội viễn chinh Pháp đang ở at theo chân quân-đội Hoàng-gia Anh lấy cớ đến giải-giới quân-đội Nhật để đặt lại ách thống trị trên đất Ai-Lao.

(2) Vợ của Hoàng-Thân Souphanouvong là bà Lê-thị Kỳ-Nam, cựu nữ học-sinh trường Đồng-Khánh (Huế) con một công-chức hồi-hưu hiện chủ một khách-sạn lớn ở Nha-Trang.

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

cộng đồng, phục tùng Hoàng-gia Luang-Prabang. (1)

Giai đoạn quyết-liệt này đã thúc đẩy ông Katay Don Sasorith đứng lên đảm-nhận một vai-trò cốt-cán trong chánh đảng Lao Issara đề-tích-cực tranh-đấu cho các đồng-chí hồi hương trong vinh-dự. Là một chính-trị gia chân-chính đầy lòng trung-kiên và tha-thiết yêu nước, đã rút nhiều kinh nghiệm trên chính-trường nên ông đã giữ vững lập-trường của đảng. Chính ông đã cùng các nhà chính-trị gia Pháp-Lào soạn thảo « thỏa ước Lào Pháp » được đôi bên ký-kết ngày 19-7-1949 mở đường cho cuộc hồi chánh trong vinh-dự của hầu hết cán-bộ Lao Issara trở về nước tham-gia quyền-bính dưới quyền lãnh đạo tối cao của Quốc-Vương Sisavang Vong.

Trên phương-diện pháp-lý, sau ngày ký-kết thỏa-ước Lào-Pháp ngày 19 - 07 - 1949, chánh-đảng Lao Issara đương-nhiên tự giải-tán, tuy-nhiên các đảng-viên nhận thấy cần phải duy trì tinh-thần đấu-tranh cho tới ngày Ai-Lao hoàn-toàn độc-lập nên đã bầu ông Katay Don Sasorith làm thủ-lãnh chánh-đảng Cấp-tiến (Progressiste) hầu chiếm-đại-đa số ghế trong Quốc-Hội khóa 1957 (2). Chánh-đảng này chỉ là biến-thể của phong-trào Cải-tiến quốc-gia năm xưa (Mouvement de la Rénovation Nationale).

Từ đó thanh-danh của ông Katay Don Sasorith lừng lẫy, các chính-trị gia đều phục-tùng ông với ý-nguyện đưa xứ-sở đến con đường vinh-quang sát cánh với khối Tự-Do. Cũng từ ngày ấy ông KATAY đã trở thành một chánh-khách quan-trọng của Ai-Lao và các cường quốc đều thán-phục. Ông đã ra gánh-vác việc nước trong nhiều nội-các và chính Quốc-vương Ai-Lao cũng đã mời ông đứng ra thành-lập nội-các trong những ngày rất đen tối của Ai-lao để giải-quyết cuộc khủng-hoảng chính-trị do Pathet Lao gây ra. Ông Katay Don Sasorith đã từng giữ chức :

— Tổng-trưởng Kinh-tế và Tài-Chánh của Chính-phủ Lao Issara (1945-1948).

— Tổng-trưởng Kinh-tế và Kế-hoạch trong nội-các của Thủ-tướng Souvanna Phouma (23-11-1951).

(1) Vợ của Hoàng-Thân Souvanna Phouma là một phụ-nữ lai Pháp tên là Aline Allard.

(2) Trang 23 và 24 cuốn *Tempête sur le Laos*, các bạn đồng-chí của Ô. Katay là Phagna Khammao, Phagna Ounheuan, Kruong Pathoumxad, Tiao Somsanith là những lãnh-tụ của Cấp-Tiến.

TÙNG VÂN

— Thủ-tướng Chính-Phủ Hoàng-gia thay thế Hoàng-thân Souvanna Phouma từ chức (29-11-1954).

— Phó Thủ-tướng trong nội-các của Hoàng-thân Souvanna Phouma (21-03-1956).

— Tổng-trưởng Bộ Nội-Vụ trong nội-các Souvanna Phouma cải-tổ.

— Phó Thủ-tướng trong nội-các Phoui Sananikone, kiêm-nhiệm hai bộ Quốc-Phòng và Nội-vụ liên-tiếp hai kỳ (18-05-1957) và (26-01-1959).

Ông Katay Don Sasorith đã giữ chức-vụ này cho tới ngày ông là coi-trần (29-12-1959)

Trong đời tranh đấu trên chính-trường của ông, ông đã từng đi công-du qua các quốc-gia trong khối tự-do cũng như trong khối Cộng-sản để thương-thuyết dành quyền-lợi về cho Ai-lao.

Tháng 8 năm 1956, ông đã tháp tùng Thủ-tướng Souvanna Phouma đi công-du qua Bắc-kinh do lời mời của Chủ-tịch Mao Trạch Đông. Trên đường về, phái-đoàn đã ghé lại thủ-đô Hà-nội trong 48 tiếng đồng hồ để thảo-luận với chính-quyền Bắc-Việt chấm-dứt cuộc xâm-lăng Ai-Lao dưới hình-thức gửi lính chính-quy qua giúp đỡ Pathet Lào anh-em. Trong cuộc hội-nghị do Hồ-Chí-Minh chủ tọa có sự hiện-diện của các cấp-lãnh-đạo tối-cao của Hà-nội. Ông Katay Don Sasorith đã mạnh-dạn lên án Pathet-Lào đã phản-bội quyền-lợi của Ai-Lao và Bắc-Việt đã vô cớ xâm-lăng quốc-gia láng-diềng dưới danh-nghĩa giúp loạn-quân Pathet Lao chống với Chính-quyền của Hoàng-gia (1).

Tưởng rằng sau cuộc công-du qua Trung-Cộng và Bắc-Việt, hai nước đàn anh sẽ thuyết-phục ông Hoàng Đổ Souphanouvong trở về quy-huận nên Hoàng-thân Souvanna Phouma, lạc-quan tuyên-bố nói rộng Nội-các do ông lãnh-đạo để cho các lãnh-tự Pathet Lao trở về tham-chánh. Ngay khi trở về hàng-ngũ quốc-gia Pathet Lao đòi đòi ngay danh từ là : « Chánh-Phủ đoàn-kết Quốc-gia » (2) đồng thời công-bố một thông-cáo chung chính-thức công-nhận cho lực-lượng Pathet Lao được quyền hoạt-động trong toàn cõi Vương-quốc dưới danh nghĩa một chính-đảng lấy tên là « Neo Lao Haksat » (Mặt-trận Ái-quốc Lào) (3).

(1) Trang 54 và 61 cuốn *Tempête sur le Laos*.

(2) Trang 66,67 cuốn *Tempête sur le Laos*.

(3) « L'élargissement du Gouvernement Royal et sa transformation en Gouvernement d'Union Nationale auquel participeraient honorablement les Forces du Pathet Lao »

« Les Forces Pathet-Lao fonctionneront comme organisation politique dénommée » Neo-Lao Haksat.

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

Cảnh đoàn-kết giả tạo và cuộc biểu-dương tình huynh-đệ giữa hai ông Hoàng anh em trước công-chúng không che dấu được dân-chúng và các chính-trị gia lão-thành như ông Katay Don Sasorith. Trước quốc-hội đảng Cấp-tiến do ông Katay lãnh-đạo đã công-khai chỉ-trích sự đoàn-kết gượng gạo với Pathet Lao và tiên-đoán Chính trường Ai-lao sẽ bắt đầu trải qua nhiều giai-đoạn cực-kỳ nghiêm-trọng và sẽ mang lại nhiều-hậu-quả tàn-khốc cho đất-nước. Trên tờ báo « *Tiếng-nói của nhân-dân* », cơ-quan ngôn-luận của đảng, ông Katay đã mạnh-dạng tố-cáo âm-mưu của Pathet Lao :

« *Quân Pathet-Lao đòi mở rộng Nội-các cho họ tham-chánh là một hành vi phản-hiến và trái với nguyên-tắc của Hiệp-định Genève 1954. Trong bản thông-cáo chung giữa Hoàng-thân Souvanna Phouma và Hoàng-thân Soupha novong không gọi Cháth-phủ Hoàng-gia hay là Chính-phủ của Quốc-Vương mà gọi là Chính-phủ Liên-hiệp, hay Đoàn-Kết quốc-gia. Rồi đây, mai họ sẽ đổi là Hội-đồng Chấp-Chính (Directoire), ngày khác sẽ biến thành Đế-quốc hay là Chính-phủ Tam-đầu-chế (Triumvirat) rập đúng theo khuôn mẫu của Nga-Sô Việt. Như vậy ngai vàng của Quốc-Vương, địa-vị của dân tộc và thề-thống của Quốc-gia họ sẽ đặt vào chỗ nào ? Lúc ấy, đồng-bào thân-mến ơi ! các bạn có đứng lên phản-đối, la ó..... nhưng đã quá muộn rồi ! » (1)*

Đoạn khác ông ta viết :

« *Chúng ta nên thận trọng, không nên nhả mồi bắt bóng. Chúng ta đã cương-quyết tranh-đấu để bảo-vệ nền độc-lập của Tđ-quốc chúng ta không thể để cho những kẻ vong bản, tham tâng dựa thế Cộng-sản để đập đổ tương-lai của đất-nước, lôi cuốn chúng ta vào con đường phiêu-lưu, mạo-hiêm chỉ có lợi cho chúng mà rất nguy hại cho nền độc-lập của quốc-gia và sự thanh-bình của nhân-dân đang muốn sát cánh với khối Tự-Do » (2).*

Trái lại Hoàng-thân Souvanna Phouma lại tỏ ra lạc-quan và tin tưởng nơi sự xét đoán của mình :

« *Sự khôn-ngoa và lễ-phải buộc chúng ta phải chọn con đường duy nhất để đi đến sự thống-nhất đất-nước — con đường ấy là thương-ngộ với Cộng-sản. Vương-quốc Ai-Lao không thể trở thành nước chư-hầu của Cộng-sản cũng như Pathet-Lao không thể là tay sai của Cộng-sản. Một quốc-gia gồm hoàn-toàn nông-gia thuần-túy chỉ biết chăm-lo việc đồng áng và thờ phượng Phật Thích-ca sẽ không ngã về khối Mác-xít ».*

(1) La voix du Peuple là tờ báo bằng Pháp ngữ do ô. Katay chủ trương.

(2) Trang 67-68 quyển *Tempête sur le Laos*.

TÙNG VÂN

Trước sự cương-quyết của Hoàng-Thân Souvanna Phouma, các bài báo của ông Katay Don Sasorith lần lần hạ giọng và im bặt luôn đề Hoàng-Thân Souvanna Phouma ký-kết thỏa ước 1957 với Hoàng-Thân Souphanouvong lãnh-tự Pathet-Lao.

Dù sao dân-chúng vẫn còn sáng-suốt và đã cảm-thấy ngay lúc đầu những cam-bẫy sau những lời cam-kết của lãnh-tự Pathet-Lao trong buổi tuyên-thệ tại chùa Sisaket (1)

Rồi một thời gian trôi qua, cuộc thương-nghị giữa Chính-phủ Hoàng-gia và Pathet Lao vẫn dầm chân đứng yên một chỗ. Trong khi Chính-phủ Hoàng-gia chờ đợi ngày giao hoàn lại hai tỉnh Phongsa-ly và Samneua do Pathet Lao chiếm đóng từ nhiều năm nay. Nhưng Pathet Lao cứ khất quanh cố-ý dành lại làm nơi an-tồn để đóng quân làm hậu-cứ cho chúng. Trước sự ngoan-cố ấy, Hội-đồng Hoàng-gia, một cơ-quan xưa nay có tiếng là rất ôn-hòa đã ra bản thông cáo đã kích đường lối của Hoàng-thân Thủ-Tướng Souvanna Phouma. Bản thông-cáo quy-tội cho Hoàng-thân Phouma đã tự-ý rước Pathet Lao về mà chẳng giải-quyết được vấn-đề tranh-chấp thì khác-nào « đưa chó sói vào chuồng cừu » (2)

Chính-thê đã trải qua một thời-kỳ khủng-hoảng trầm trọng buộc Quốc-Vương phải chỉ-định Ô. Katay Don Sasorith đứng lên thành-lập nội-các thay thế Hoàng-Thân Souvanna Phouma từ-chức.

Thủ-tướng chỉ-định Katay Don Sasorith đã tỏ ra rất cứng rắn với Pathet Lao, quy cho họ tội phản quốc và tuyên-bố chỉ chấp-nhận thương-nghị với Lào-Cộng sau khi họ thỏa-mãn hai điều-kiện tiên-quyết :

- 1.— Giải-tán quân chính-quĩ Pathet Lao,
- 2.— Tái thiết ngay nền hành-chánh của Hoàng-gia trên hai tỉnh Phongsa-ly và Samneua.

(1) Hằng năm trong dịp hội chợ That-Luang vào tháng-11 đ.l. Chánh Phủ Hoàng-gia tổ chức cuộc tuyên-thệ mà các công-chức cao cấp phải tham-dự đề tuyên-thệ trung-thành với Quốc-Vương và không phản bội đất-nước. Người lỗi thề sẽ bị chịu một trong ba hình phạt nặng nề là : chết chém, bị bắn và uống thuốc độc. Đặc biệt trong dịp PATHET LAO về quy-thuận, Chính-phủ cũng tổ-chức lễ tuyên-thệ tại Chùa SISAKET như thường lệ và H.T.Souphanouvong đã cam-kết trước dân chúng.

(2) Trang 81 quyển *Tempête sur le Laos*

Hội đồng Hoàng gia (Conseil du Roi) gồm có 12 vị :

- 6 vị do Quốc vương chỉ định
- 6 vị do Quốc hội bầu

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

Thái-độ cương-quyết của ông Katay đã vấp phải phản ứng trước Quốc-hội đảng Dân-Chủ (Démocrate) của giáo-sư Bong Souvannavong đứng lên chống-đối. Đến khi tân Nội các Katay ra trình-diện đề tấn-phong thì bị thiếu-số (có 14 phiếu thuận và 15 phiếu chống), nên ông Katay buộc lòng từ-chức và giáo-sư Bong Souvannavong được ông Quốc-Vương mời ra đứng thành-lập Nội-các. Giáo-sư Bong Souvannavong tuy đã vật-ngã được địch-thủ nhưng cũng không may mắn hơn và cũng bị Quốc-hội từ-khước (1)

Rồi Hoàng-Thân Souvanna Phouma lại được tái chỉ-định đứng thành-lập Nội-các. Từ đó uy-tín của Hoàng-thân được nôi lên và được toàn-quốc coi như một chính-trị gia lỗi lạc cần-thiết trong giai đoạn thương-nghị với Pathet Lao (19-11-1957)

Từ năm 1957, các chính-đảng của khối Quốc-gia bị phân-tán, nội bộ chia rẽ trầm-trọng. Tình-thế này làm cho đối-phương Pathet Lao thắng phiếu trong cuộc tuyên-cử bầu-túc và đoạt được 9 ghế trong 21 ghế đưa ra tranh-thủ. (2)

Sự thắng-thế của Cộng-đảng tại Quốc-Hội làm thức-tỉnh các lãnh tụ những chính-đảng quốc-gia nên quyết xé bỏ hết tranh-chấp và quyền-lợi cá nhân để đoàn-kết lại thành một khối gọi là « tập-đoàn Nhân-Dân Lào » (Rassemblement du Peuple Lao) đặt dưới quyền lãnh-đạo của Hoàng-thân Souvanna Phouma với châm ngôn : « Đoàn-Kết lực-lượng quốc-gia để tích-cực chiến đấu chống Cộng ».

Trải qua bao cuộc chính-biến, nhóm trí-thức trẻ tuổi nhận thấy các lãnh-tụ chánh-đảng đàn anh đã liên tiếp gặt hái nhiều thất bại trên chính-trường trước sự tấn-công quy-mô của Pathet-Lao nên đứng lên triệu-tập : « Ủy-Ban bảo-vệ quyền-lợi Quốc-gia » (Comité de Défense des Intérêts Nationaux — viết tắt là C.D.I.N) với ý-chí tích-cực tranh-đấu :

- 1.— Chống tham-những bằng cách thanh-lọc hàng ngũ quốc-gia.
- 2.— Chống hềm họa Cộng-sản đang lan-tràn trong nội-bộ.

(1) Lúc bây giờ Quốc-Hội Ai-Lao gồm có 38 nghị-sỹ Nhóm Dân-chủ của giáo-sư Bong Souvannavong chiếm được 5 ghế.

Hôm bỏ phiếu chỉ có 29 Nghị sỹ hiện diện.

(2) Theo trang 8 trong cuốn *Tempête sur le Laos* của Sisouk Na Cham passak : « Les Neo Lao Haksat remportent 9 sièges sur les 21 à pourvoir »

Đảng Santiphap (Trung-lập thiên-tả) do ô. Quinim Pholsena lãnh đạo đứng về phe Lào-cộng.

TÙNG VÂN

Hầu hết các thanh-niên trí-thức du-học từ hải ngoại về đều sát cánh vùng dậy và được sự hậu-thuần của các sĩ-quan cao-cấp trong quân-đội Hoàng-gia như :

Phoumi Nosavan, Ouan Ratrikoun, Bounthieng Venevongsat, Boupone Sang và cảm tình của các nhân vật trẻ trung trong Chính-phủ như :

Khamphan Panya, Leuam Ratjasombat, Sisouk Nachampassak, Inpeng Suryathay, Chau Sopsaisana (1)

Ngày 27 tháng 12 năm 1959, Ủy-Ban C.D.I.N. đã gọi tới Thủ-tướng Phoui Sananikone tối hậu-thư buộc phải thanh-lọc ngay hàng-ngũ công-chức bằng cách loại-trừ những phần-tử tham-nhũng và hèn trong ba hôm phải hoàn-tất. Cùng ngày hôm ấy quân-đội Hoàng-gia dưới quyền chỉ-huy của Trung-tướng Phoumi Nosavan đã huy động lực-lượng thiết-giáp phong-tỏa các đại-lộ chính trong đô-thành Vientiane.

Trong tình thế nghiêm-trọng này, Phó Thủ-tướng Katay Don Sasorith lại tắt thở trên giường bệnh vì chứng áp-huyết vào ngày 29 tháng 12 năm 1959, hưởng thọ được 58 tuổi. Cái chết đột ngột của ông Katay Don Sasorith làm cho Thủ-Tướng Phoui Sananikone càng thêm bối rối nên ngày 30 tháng 12 năm 1959 Thủ-Tướng đã vào bái-yết Quốc-Vương đề dâng-sớ từ-chức.

Đề tường niệm một công-thần đã dày công kiến tạo đất nước, Quốc-Vương đã xuống chỉ thị làm lễ Quốc-táng cho cố Thủ-tướng Katay Don Sasorith.

Trong bài diên-văn đọc trước linh-sàng tại lễ hỏa-táng trước ngôi chùa That Luang, người ta ghi nhận được những lời thống thiết đề tiễn-đưa nhà cách-mạng như sau :

«Kính thưa cố Thủ-tướng, cái tin ông từ trần làm cho toàn-thể Tập-đoàn Nhân-Dân Lào kinh-hoàng tựa tiếng sét đánh ngang tai. Ngài là một nhà Cách-mạng lão thành đã hy-sinh cả một đời tận-tụy tranh-đấu cho nền Độc-Lập của tổ-quốc nên các chính-trị gia tôn Ngài lên bậc thầy. Hơn nữa trong hàng ngũ quân đội Hoàng-Gia từ cấp Tư-đống cho đến hàng binh, ai ai cũng cảm phục tinh thần chiến đấu vô-biên của Ngài và họ nguyện sẽ noi theo

(1) Trang 82-83 trong quyển *Tempête sur le Laos* có đoạn :

«Lutte contre la corruption par l'assainissement général de l'Administration. Lutte contre les menées subversives du communisme à l'intérieur du Royaume»

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

gương anh-dũng của Ngài đề tiếp nối chí-hướng cao-cả. Ngành cảnh-sát quốc-gia sẽ tôn Ngài lên bậc Tể-sư vì Ngài đã cải-tiến ngành này rất hoàn bị

Than ôi ! ngài dứt áo ra đi để lại cho Thủ-tướng Sananikone một gánh giang sơn quá nặng và riêng Thủ-lương mất một người bạn chí-thân và một điểm tựa chính-yếu. Ngài ra đi, Nội-các Sananikone sẽ sụp đổ mà không ai có tài cứu vãn ! Vì Ngài là người duy nhất điều-khiển được quân-lực Hoàng-gia ».

Ngày nay, các chiến-hữu của ông tại tỉnh Champassak đã tạc tượng đồng của ông dựng ngay giữa công-viên trước cầu Sedone để linh-hồn ông được chứng kiến cuộc thắng trận của tỉnh lỵ Paksí và là nơi chôn nhau cắt rốn của một người con lai có hai dòng máu Lào- Việt đã tận-tâm phục vụ cho quê-hương thứ hai vậy,

Viết tại Saigon, tháng 10 năm 1969

TÙNG VÂN PHẠM BÁ-CÔNG

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

▽ PHẠM TRỌNG NHÂN

1.— NHÂN-SỐ.

Không có con số nhất định, vì tại một vài địa-diểm, có nhiều Việt-khieu không khai báo, không nộp thuế, hoặc tình-trạng nửa Lào nửa Việt không rõ-rệt, vì lý-do gia-đình, bạn bè hay liên lạc. Tuy-nhiên hiện thời tổng-số Việt-khieu không rõ-rệt, vì lý-do gia-đình, bạn bè hay liên-lạc. Tuy-nhiên hiện thời tổng-số Việt-khieu tại Ai-Lao có thể ước chừng 35 000 người (1) ở rải-rác khắp nơi :

Vientiane	15.000
Paksé	6.500
Savannakhet	4.000
Luang Prabang ..	1.500
Thakhek	1.500
Seno	800
Xieng Vang	500
Paksong	400
Saravane	200
Khong Sedone	150
Attopeu	96
Paksane	50
Champassak	30

Tại các tỉnh, phần đông là những gia-đình đã cư-ngụ ở Ai-Lao từ trước 1945. Riêng tại Vientianne, vì năm 1945 đa-số Việt-khieu qua Thái-Lan tỵ-nạn, nên số Việt-khieu hiện sinh-sống ở đây phần lớn mới tới lập-nghiệp sau 1946 ; một số khác di-cư đến sau hiệp-định Genève 1954. Một số ít đã lập gia-đình với người bản xứ và nhập Lào-tịch : thương-gia, công-chức...

2.— SINH HOẠT KINH TẾ :

Trừ một thiểu số 50% gồm công-chức có nhiều người vẫn giữ Việt-

(1) Theo thống kê của Tòa đại sứ Việt Nam tại Vientiane (1966).

VIỆT KIỀU TẠI AI LAO

tịch tại các nha, sở địa-phương hiệu-trưởng và giáo-viên tư-thực, thầu khoán, chủ tiệm may, tiệm hớt tóc, tiệm ăn, quầy thịt, phòng trữ-dược, xưởng đóng đồ mộc, xưởng chữa máy, sửa xe hơi... ; đại đa-số Việt-kiều là thợ may, thợ giấy, thợ mộc, thợ hồ, thợ điện, thợ sửa xe hơi, xe đạp, hớt tóc, v.v....

Một số ít làm ruộng, trồng rau.

Về phía phụ-nữ, một số có sạp buôn bán tại chợ ; một số buôn chuyển bán rong, một số làm tại các mỹ-viện, tiệm may, dạy học tư...

Tại chợ Vientianne, có thể dùng tiếng Việt-Nam để mua hàng vì đa-số là người Việt. Tại Thakhek, Paksé quá nửa tổng-số các thớt thịt tại chợ là của người Việt, non nửa còn lại là của người Lào và Trung-Hoa.

Đời sống phần lớn không đến nỗi túng thiếu.

Gần đây chính-quyền Ai-Lao thi-hành sắc-lệnh số 238 ngày 23-7-59 cấm ngoại-kiều hành 12 nghề. Sứ-quán đã can-thiệp hữu-hiệu với chính-quyền địa-phương miễn áp-dụng đạo-luật nói trên đối với Việt-kiều. Như vậy Việt-kiều lại có thể yên chí tiếp-tục làm ăn như trước.

3.— TƯƠNG-TẾ XÃ-HỘI :

Đề gây tình tương-thân, tương trợ giữa các tầng lớp Việt-kiều, một số Việt-kiều tâm-huyết đã thành-lập Hội Ái-Hữu Việt-kiều.

Do Nghị-định số 209/AP ngày 7-5-1948 của Bộ Nội-Vụ Chánh-phủ Hoàng-Gia Ai-Lao cấp, Hội được phép chính-thức hoạt-động tại Vientiane. Năm 1962, Hội Thanh-niên thể-thao Việt-kiều sát nhập Hội Ái-Hữu để tăng-cường lực-lượng. Các tỉnh Savannakhet, Paksé, Thakhek đều có chi-nhánh. Hội Ái-Hữu đã thực-hiện được một việc đáng kể, là mua được một khu đất rộng hơn 70.000m² để làm nghĩa-trang cho Việt-kiều. Nay mai nghĩa-trang đô-thành g'ải-tòa, các phần mộ Việt-kiều còn lại là được cải táng tới nghĩa-trang Việt-kiều này.

Ngoài ra, cùng với dân-chúng địa-phương, Việt-kiều Vientiane đã đắp đường, làm hè phố, chỉnh-trang đô-thị. Trong những trận thiên-tai, đa-số đã tự-động tham gia phong trào cứu-trợ. Vụ lụt vừa qua, một số lớn kiều-bào đã ra bờ sông đắp đê ngăn nước.

4.— SINH-HOẠT VĂN-HÓA :

Tại Ai-Lao, hiện nay có một số trường tiểu-học tư-thực (không lớn lắm), đảm-đương việc dạy dỗ con trẻ.

PHẠM TRỌNG NHÂN

Vientiane	10 trường
Paksé	5 »
Seno	4 »
Savannakhet	2 »
Luang Prabang	1 »
Saravane	1 »
Thakhek \	1 »
Phong Tiou	1 »

Những trường này quan-trọng không đều nhau. Có trường đầy đủ tiện-nghỉ với những lớp học kang trang. Nhiều trường chỉ là một phòng nhỏ khiêm tốn, dạy chừng 30 em.

Tất cả những trường nói trên đều được Sứ-quán và Lãnh-sự-quán Việt-Nam nâng đỡ. Riêng trường Nguyễn-Du tại Vientiane gồm : 4 lớp, 5 giáo-viên, 200 học-sinh, được Sứ-quán Việt-Nam bảo-trợ. Lương hiệu-trưởng và giáo-viên do Sứ-quán Việt-Nam đài-thọ.

Vientiane, ngày 16 tháng 12 năm 1966

PHẠM TRỌNG-NHÂN

Nói đến sách nhớ ngay đến

địa chỉ đáng tin

Số 92, Lê Lợi — Saigon

Đ. T. : 20.267

*

TỰ LỰC

**SÁCH VỜ, GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
VÀ HỌC SINH**

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

▽ CHÂU LONG

VIỆT KIỀU TRÊN ĐẤT THÁI

Trong số Việt kiều hiện sống trên đất Thái, chúng ta cần phân biệt Việt-kiều cũ và Việt-kiều mới.

● VIỆT KIỀU CŨ

Việt kiều cũ là con cháu những người sang Thái-Lan dưới đời Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức.

Khoảng 1783, một số người Việt theo chúa Nguyễn Ánh qua tị nạn ở Xiêm (Siam) rồi ở lại quê người sinh sống. Những người này đã có công giúp chính quyền Thái đánh đuổi xâm lăng nên được vua Rama đệ nhất dành một khoảnh đất tại Sam-Sen (Vọng Các) để xây cất nhà. Con cháu những người này nay đã trở thành công dân Thái, có quốc tịch Thái và rất nhiều người hiện là công chức, giáo chức hay quân nhân Thái. Đa số theo Công giáo.

DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG, TỰ ĐỨC

Một số người Việt khác chạy qua Siam lẫn tránh khi có phong trào chống đạo Thiên Chúa tại Việt Nam. Con cháu những người này sống quần quật trong tỉnh Chantaburi, phần lớn hành nghề dệt chiếu, mài đá ngọc. Như lớp người Việt cũ, họ đã thành dân Thái và chỉ còn nhớ chút ít tiếng Việt. Nhiều người đang phục vụ trong quân đội và các cơ quan chính quyền Thái. Dĩ nhiên, hầu hết đều theo đạo Thiên-Chúa.

● VIỆT KIỀU MỚI

Việt kiều mới là những người Việt trước kia sanh sống ở Ai Lao và Cao Miên. Vì tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, nên ngày quân đội Pháp trở lại Lào và Cam-bốt năm 1946, họ bị khủng bố phải bỏ hết sản nghiệp chạy lánh nạn sang Thái Lan.

Việt kiều ở Ai Lao vượt sông Mé-Kong qua Thái bằng 3 ngã :

— Vientiane qua Nongkhai, Thabor.

CHÂU LONG

— Thakhet qua Nakorn Phanom.

— Savannakhet qua Mukdaharn.

Việt kiều ở Cao-Miền thì chạy qua Aran và Prachinburi.

Số người Việt mới khi qua Thái-Lan ước lượng độ 70.000 người.

THÁI ĐỘ CỦA CHÍNH PHỦ THÁI ĐỐI VỚI VIỆT KIỀU TẢN CƯ

● *CHÍNH PHỦ PRIDI PHANOMYONG*

Năm 1946 khi Việt kiều lánh nạn sang Thái-lan, Thủ-tướng Pridi Phanomyong cho phép Việt-kiều được cư ngụ trên toàn lãnh-thổ Thái. Hơn nữa chánh phủ Thái lúc ấy nâng đỡ phong trào kháng-chiến chống Pháp nên Mặt trận Việt minh hoạt động mạnh tại Thái Lan.

Ngay tại Bangkok, Việt Minh đặt bộ chỉ huy lãnh đạo có trụ sở làm việc gần như một Sứ quán. Chánh phủ Thái lúc ấy còn giúp cho Việt-kiều tản cư tổ chức kháng Pháp, lập các mật khu ngay trên đất Thái.

● *CÁC CHÍNH PHỦ THAWAL DHAMRONGNAWASA WAH (1947) VÀ KHUNG APANWONG (1948)*

Trong thời gian hai ông Thawal Phamrongnawasawah và Khung Apanwong làm Thủ tướng, Việt kiều tản cư vẫn được hưởng mọi sự dễ dàng trong đời sống như trong sinh hoạt chính trị tại đất Thái.

● *CHÍNH PHỦ PHIBUL SONGRAM*

Ngày 8-4-1948 Thống chế Phibul Songram lên cầm quyền và bắt đầu hạn chế hoạt động của số Việt kiều thân Việt Minh. Các cán bộ rút vào bí mật kể từ ngày ấy.

Chính quyền Thái lại ra lệnh tập trung tất cả các Việt kiều tản cư về ở tại 5 tỉnh biên giới miền Đông bắc Thái Lan và hậu quả rất là tai hại !

● *CHÍNH PHỦ POTE SARASIN (1956) VÀ CHÍNH PHỦ THANOM KITTIKACHORN (1957)*

Trong thời gian ông Pote Sarasin tạm thời rời ghế Thủ-tướng và khi Trung-ướng Kittikachorn cầm quyền, tình trạng các Việt kiều tản cư không thay đổi.

● *CHÍNH PHỦ SARIT THANARAT*

Ngày 16-2-1958 Thống chế Sarit Thanarat lên làm Thủ-tướng và điều khiển mặt chánh phủ có đường lối chống Cộng rõ rệt.

VIỆT KIỀU TẠI THÁI LAN

Đầu tiên, Chánh phủ cấp cho mỗi Việt kiều tàn cư một giấy tùy thân chứng nhận là Việt kiều lánh nạn chiến tranh Đông dương được cư ngụ trong 5 địa phương miền Đông bắc Thái Lan :

- Nong Khai
- Sakol Nakorn
- Nakoru Phanom
- Ubol
- Prachinburi

Tuy vậy Việt kiều vẫn tìm đủ mọi cách để sống lẫn lộn khắp các tỉnh trên đất Thái. Chính quyền Thái biết nhưng cũng làm ngơ, khi nào có rắc rối mới trục xuất.

Nhưng chánh phủ Thái lúc nào cũng lo ngại và vì lý do an ninh, nhà cầm quyền Thái muốn đưa 70.000 người này về Việt Nam.

Ban đầu Chính phủ Thái tiếp xúc với chánh quyền miền Nam (thời ông Ngô đình Diệm) nhưng không kết quả nên chánh phủ Thái mới quay sang nói chuyện hồi cư với miền Bắc. Kết quả là Hiệp định Rangoon được ký ngày 14-8-1959 giữa Hội Hồng Thập Tự Thái Lan và Hội Hồng Tập Tự Bắc Việt.

— CHỦ TRƯỞNG CỦA CHÁNH QUYỀN MIỀN BẮC TRONG VẤN ĐỀ HỒI HƯƠNG.

Bắc Việt ký kết thỏa ước Rangoon với Thái Lan để trước hết tạo uy thế trên phương diện ngoại giao cùng một lúc với việc vận động để đặt cơ sở ngoại giao ở Miên, Lào, Nam Dương, Miến Điện, Ấn Độ.

Tuy nhiên kế hoạch kín đáo của Bắc Việt vẫn là gây dựng, nuôi dưỡng và bảo tồn số cơ sở tại vùng Đông Bắc Thái, nên trong các đợt đầu chỉ cho hồi cư trước những phần tử lượng chừng cùng các thiếu nhi. Trên đất Thái còn lại đa số cán bộ cốt cán và như thế vẫn duy trì một đạo quân thứ năm trên đất Thái.

— THÁI ĐỘ CỦA VIỆT KIỀU TÀN CƯ ĐỐI VỚI VIỆC HỒI HƯƠNG.

Với thời gian, lòng hăng hái hồi cư lần lần giảm bớt vì thức tỉnh do bức thư của thân quyến về Bắc gọi qua ta lại những khổ cực, những hành động bóc lột, khủng bố ở đất Bắc.

Số Việt kiều còn ở lại, mặc dầu đã lỡ cho con em cha mẹ về rồi, đã

CHÂU LONG

tìm cách lần trốn. Có người bị ép, đến phút chót không chịu lên tàu, phản đối âm ý hay nhảy xuống nước tự tử.

Họ không muốn về Bắc nữa, họ chỉ thích tạm sống tại Thái Lan.

— HIỆN TÌNH VIỆT KIỀU TẢN CƯ TRÊN ĐẤT THÁI.

Như đã nói ở trên, khi bị nạn chạy sang Thái Lan hồi năm 1946, các Việt kiều đứng chung một khối. Những năm sau các cán bộ Cộng sản bắt đầu hoạt động. Nhưng vào khoảng 1949, nổi lên phong trào Việt kiều quốc gia Liên minh, bắt đầu ở Bangkok rồi lan dần đến các tỉnh miền Đông Bắc, chống sự kềm kẹp của Cộng sản. Phong trào gặp sự khủng bố của cán bộ Việt cộng nên tan rã, nhưng mầm mống quốc gia chống Cộng đã được gieo trên đất Thái giữa các kiều bào.

Đầu năm 1954, Hiệp định Genève chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và phân chia nước Việt thành 2 miền Nam, Bắc.

Một số Việt kiều ở Ubol công khai bước khỏi hàng ngũ Cộng sản để thành lập khối Việt kiều quốc gia công giáo.

Các Việt kiều có tinh thần quốc gia, tuy là thiểu số, mặc dù Cộng sản đã áp dụng mọi hình thức khủng bố, đã can đảm và cương quyết giữ vững lập trường qua bao cơn sóng gió.

CHÂU LONG

ĐÃ PHÁT HÀNH

NGƯỜI VIỆT GỐC MIỀN

• Lê Hương

* Tác phẩm đầu tiên biên khảo bằng Việt ngữ.

* Gồm nhiều tài liệu giá trị cùng 85 hình ảnh về đời sống thực của 600.000 đồng bào miền Tây.

Một quyển sách không thể thiếu trong tủ sách khảo cứu của Sinh viên

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI BÁN ĐẢO ĐÔNG DƯƠNG (*)

▽ HÂN NGUYỄN

1 SỐ NGƯỜI VIỆT SINH SỐNG TẠI CÁC LÃN BANG CỦA VIỆT NAM

Hiện nay, tổng số Việt kiều sinh sống tại hai nước Miên và Lào là 438.250 người gồm 400.000 người ở Miên và 38.250 người ở Lào (1).

Con số trên chỉ là ước tính vì các sứ quán đã không nắm vững. Chính sứ quán VNCH tại Ai Lao cũng đã xác nhận trong một tờ phúc trình gửi về nước (2) :

« Không có con số nhất định vì tại một vài địa điểm, có nhiều Việt kiều không rõ rệt, vì lý do gia đình, bạn bè hay liên lạc. »

Với con số thống kê chính thức ấy, người ta thấy số Việt kiều tại bán đảo Đông Dương đã chiếm tới 93,3% tổng số Việt kiều tại Á Châu (3) và 90,7% tổng số Việt kiều trên thế giới (1)

(*) Đông Dương: Trong phạm vi bài này chỉ nói đến Đông Pháp (Indochine française).

(1) Thống kê tính đến ngày 27-1-1969 của Bộ Ngoại giao VNCH trong tờ trình của Nha Văn Hóa Pháp Lý số 5467/BNG/VHPL/VK ngày 11-7-1969.

(2) Phúc trình từ Vientiane ngày 16-12-1966.

(3) Theo thống kê của Bộ Ngoại giao đã dẫn, số Việt kiều hiện có như sau :

Mã Lai :	18
Tân Gia Ba :	9
Phi Luật Tân :	61
Ấn Độ :	63
Tích Lan :	1
Thái Lan :	31.757 (a)
Hồi Quốc :	6
Hương Cảng :	172
Nhật :	212
Trung Hoa dân quốc :	525

(Xem tiếp trang 142)

HẦN NGUYỄN

Con số thực tế có thể nhiều hơn vì lẽ nhiều Việt kiều đã nhập tịch bản xứ hay nhiều người đã không khai báo cho sứ quán.

Với số Việt kiều trên, dù chỉ là con số có thể ít hơn con số thực tế, người ta cũng thấy Việt kiều đã chiếm một tỷ lệ từ 2 đến 7% dân số của hai nước Ai Lao và Cao Miên.

Tại Ai Lao, Việt kiều sống ở hầu hết tại các thị trấn dọc theo sông Cửu Long : Paksé, Savannakhet, Thakhet, Vientiane và Luang Prabang.

Ngày từ khi các thị trấn trên mới thành lập, số Việt kiều đã chiếm một tỷ lệ quan trọng tại các thị trấn ấy (1). Tới năm 1934 các thị trấn Savannakhet, Thakhet đều có người Việt nhiều hơn người Lào (2).

Hiện nay Việt kiều sinh sống đông nhất ở Vientiane (3). Số Việt Kiều tại Vientiane này phần đông gồm những người mới tới sau 1950 vì hồi 1945, Việt kiều bị ép buộc phải tản cư sang Thái Lan, rồi sau chỉ có một số ít trở lại được. Trong những năm khoảng 1957 đến 1959, nước Lào tương đối đã trải qua một thời kỳ phồn thịnh. Việc buôn bán rất phát đạt, nhiều nhà máy, xưởng kỹ nghệ, tiểu công nghệ, ngân hàng đua nhau được thiết lập. Các người ngoại quốc cũng đua nhau tới làm ăn, trong đó có người Việt Nam lên rất đông, vì lúc đó, thể lệ nhập cảnh Ai-Lao⁴ chưa khó khăn, chế độ lưu thông giữa ba quốc gia Việt, Miên, Lào vẫn còn là chế độ « giấy chu lưu » và hơn nữa, chính phủ Ai

(Tiếp trang 141)

(a) Trước khi áp dụng hiệp định Rangoon ký ngày 14-8-1959 giữa Hội Hồng Thập Tự Thái Lan và Hội Hồng Thập Tự Bắc Việt đề qui định sự hồi hương Việt kiều Bắc Việt, số Việt kiều tại Thái Lan gồm 70.000 người.

(1) Tại Âu Châu, số Việt kiều kể cả sinh viên vào khoảng 12.079 người (Pháp : 9900, Thụy sĩ : 951, Bỉ : 389, Tây Đức : 570, Anh : 171, Ý : 86, Đan Mạch : 2, Hòa Lan : 2, Thụy Điển : 4, Na Uy : 4).

Tại Phi Châu và Úc Châu mỗi nơi khoảng trên dưới 300 Việt kiều (Maroc : 161, Sénégal : 37, Côte d'Ivoire : 85, Tunisie : 30, Úc : 186, Tân Tây Lan : 88)

(2) CH. Robequain, Deux Villes du Mékong : Luang Prabang et Vieng Chane, Cahiers de la Société de Géographie de Hanoi No 11, 1925 : « Ils (annamites) composent la moitié de la population de la ville (Vieng Chane) 4000 sur 8000, ils n'étaient que 220 Il y a 20 ans ».

(3) France Indochine No 3388, 13 Février 1931.

(4) Theo thống kê của bộ Ngoại giao VNCH tháng 4 năm 1969 : Vientiane : 20.000 người, Paksé : 6.000 người, Savannakhet : 45000, Seno : 4500, Thakhet : 3000, Luang Prabang : 2.500.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

Lao lúc đó chưa buộc ngoại kiều phải có «giấy thông hành» (Permis de séjour) và đóng thuế cư trú (1),

Tại Cao Miên, Việt kiều sinh sống nhiều nhất tại Phnom Pênh và các tỉnh gần biên giới Việt Miên như Svay Riêng, Prey Veng, Kandal, Takeo.

Tại các tỉnh biên giới, Việt kiều sinh sống quây quần thành từng xã, các xã trưởng đều là người Việt như xã Kim Tấn tỉnh Svay Riêng, xã Vĩnh Lợi Trường tỉnh Prey Veng và xã Mỹ Quý tỉnh Kandal.

Từ năm 1957, chính phủ Cao Miên không nhận người Việt sang lập nghiệp và từ khi chính phủ Cao Miên và VNCH tuyệt giao, số Việt kiều sinh sống có giảm bớt vì Việt kiều bị trục xuất hồi hương (2).

2 THIÊN CHÚC BÀNH TRƯỚNG CỦA NGƯỜI VIỆT

Trước đây, sau chuyến du hành sang Ai Lao thăm các Việt kiều, Phạm Quỳnh đã phát biểu trên tạp chí Nam Phong :

« Thiên chức của giống người Việt Nam ta là phải thực dân cả cõi Đông Dương này, đem hiệu cờ China mà chiến đấu với Thế giới Ấn Độ, khiến cho đất Ấn Độ China này thành một đất China đồng. Thiên chức ấy, ta mới, làm được nửa phần, vì còn cả đất Lục Chân, lạp (Cao Miên ngày nay) miền trung lưu sông Cửu Long (Ai Lao ngày nay) và suốt triền sông Mé Nam nước Xiêm, vẫn còn ở ngoài phạm vi của ta vậy. Ngày nay cơ hội đã khác, Thiên chức ấy cũng khó lòng mà thi hành được nữa. Nước Xiêm kia nghiêm nhiên thành một nước cường quốc độc-lập, mình đối với họ một vực một trời, còn nói những chuyện hống hách làm chi cho người ta cười.

« ...Song cái sức bành trướng của một dân tộc cũng là một sức tự nhiên, không dễ mà ngăn cấm lại được. Tuy tình thế ngày nay không được tiện lợi như xưa, mà ở Cao Miên, ở Ai Lao cho đến Xiêm La nữa, vẫn có người mình di dân sang đấy, ở thành làng xóm, có vẻ đông đúc, mà cũng chiếm được một địa vị xứng đáng ở đất nước ngoài (3).

(1) Tờ trình của sứ quán VNCH tại Ai Lao ngày 6-8-1965.

(2) Chính phủ VNCH đã quyết định tuyệt giao ngày 27-8-1963 với Cao Miên.

(3) Phạm Quỳnh, Du lịch xứ Lào, Nam Phong số 158, tháng 1-1931, trang 6.

HẦN NGUYỄN

Vào thời mất nước mà người Việt vẫn còn cho rằng sự di dân lập nghiệp của mình là sự tiếp tục thiên chức bành trướng !

Người Pháp cũng cho sự di dân của người Việt Nam sang Ai Lao là một sự bành trướng mạnh mẽ. Nên người Pháp lúc bấy giờ (năm 1931) như Roland Meyer, làm đốc lý Vientiane đã e ngại :

« Việc di dân An Nam vào Ai Lao, là cái vấn đề lớn cho xứ Lào ngày nay. Dân Lào sẽ vì đó mà li tán, vì người An Nam tràn vào miền Trung Lào, từ khoảng Savannakhet đến Vientiane, thời người Lào tất phải lùi dần sang bên kia sông Cửu Long là địa phận nước Xiêm, thế là đoàn thể dân Lào bị cắt đứt ra làm đôi, hai phần không liên tiếp với nhau : phía bắc theo về Louang Prabang, phía nam theo về Bassac và Oubone (1). »

Thấy người Pháp nghĩ thế, người Lào cũng lên tiếng gây ra phong trào bài xích người Việt như hoàng thân Phetsarath, thanh tra chính trị ở Vientiane đã gây lấy một chủ nghĩa quốc gia cho người Lào, khi qua Hà nội đề sang Pháp đã phát biểu trên tờ France Indochine phản đối việc di dân người Việt Nam qua Lào (2).

Theo hoàng thân, người Việt Nam đã tràn lấn một cách lặng lẽ xứ Lào với sự hỗ trợ hay nhờ vào sự nhắm mắt làm ngơ của người Pháp để cho họ sống bất chấp các phong tục, pháp luật, bất chấp cả chính quyền làm như thể là những kẻ xâm lược. Người Lào không cần đến sự di dân của người Việt Nam vì nó chỉ gây gánh nặng và sự đau buồn cho người Lào.

Sau đó mấy hôm, ông Phạm Quỳnh đã lên tiếng cũng trên nhật báo France Indochine với bài « L'Immigration annamite au Laos » (3) để biện minh cho sự hiện diện của người Việt Nam ; họ không hề sống trên pháp luật, cũng không phải là gánh nặng gây đau buồn cho người Lào mà là có lợi cho sự phát triển kinh tế Lào (3).

Sự bành trướng của người Việt thật rất đặc biệt, không nhờ yếu tố văn hóa, rất ít nhờ tới quân sự mà sự bành trướng ấy chỉ nhờ sức sống mãnh liệt của giới bình dân lao động. Chính Roland Meyer đã có nhận xét trong cuốn Komlah :

(1) Nam Phong số 159, tháng 2-1931, trang 108.

(2) France Indochine N° 3416, 21 Mars 1931 — La question Laotienne, les Opinions du Prince Phetsarath.

(3) France Indochine N° 3421, 27 Mars 1931.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

«Chú Việt Nam ta lại càng lấn lép, không còn sợ hãi gì cả, đi đến đâu, thì ồn ào rộn rịp, cãi nhau, chửi nhau, người Lào hiếu tính không chịu được, bấy giờ họ thừa cơ đánh lừa người Lào khờ dại, bán ruộng, bán đất, bán nhà...đành chịu nhục nhằn thiệt hại để cho yên thân» (1).

Qua các cuộc mở mang bờ cõi về phương nam trong lịch sử Việt Nam, chính các nông dân VN là những phần tử tiên phong lập ấp những miền đất mới và lan tràn dần theo vết dấu loang không ngừng.

Ngày nay, thiên chức ấy của giới nông Việt Nam có thể được san sẻ phần nào cho giới công thương Việt Nam hay giới khác nữa. Điều quan trọng là hiện nay phải có một chính sách quốc gia để phát huy thiên chức ấy.

3 VAI TRÒ CHÍNH TRỊ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI CÁC LẤN BANG MIỀN LÀO

Trong quá khứ, người Việt Nam từng can thiệp vào nội bộ cai trị hoặc can thiệp bằng quân sự để giúp Miên Lào đẩy lui các cuộc xâm lăng của Xiêm.

Tại Ai Lao, người Việt Nam bắt đầu can thiệp mạnh vào nội tình Ai Lao từ thời các chúa Nguyễn như năm 1696, Sai Ong Hué, cháu của Vua Souligna Vongsa, vị phò mã của Lê Thần Tông (2) đã cầu viện quân chúa Nguyễn để giúp chống với Tian Thala mưu tranh ngôi. Sai Ong Hué chiếm được Vientiane và lên ngôi (1700) nước Lan Xang. Sai Ong Hué đã thần phục nước Nam (Chúa Nguyễn). (3)

Tới 1827, Chao Anou vua xứ Vientiane và cả Champassak đã phải lưu vong tại Huế, cầu cứu vua Minh Mạng và dâng các đất Sầm Nưa, Trấn Ninh, Cam Môn, Savannakhet sáp nhập vào Việt Nam.

Còn tại Cao Miên, thế lực của Việt Nam cũng bắt đầu mạnh từ thời các chúa Nguyễn, hồi giữa thế kỷ thứ 17, khi chúa Hiền chiếm đất Mô Xoài và Đồng Nai (1658). Đến đời Võ Vương mất (1765), toàn thềm đất Nam Việt ngày nay đã được các chúa Nguyễn chiếm. Người Việt

(1) Nam Phong, số 159, trang 110.

(2) Georges Cœdès, Introduction à l'histoire du Laos, France-Asie N° 118-199, Mars-Avril, 1956, trang 714.

(3) Mathieu, Tableau Chronologique de l'histoire du Laos. France-Asie N° 118-119, Mars-Avril, 1956, trang 731.

HÃN NGUYỄN

Nam lại tiếp tục bành trướng thế lực trên phần đất còn lại Cao Miên ngày nay và đã bảo hộ Cao Miên, đặt thành Trấn Tây thành vào đời vua Minh Mạng (1).

Qua một vài sự kiện lịch sử trên, người ta thấy từ hơn ba thế kỷ nay có những quan hệ mật thiết về chính trị giữa Việt Nam và các lân bang : Miên, Lào. Nhưng đó chỉ là vai trò chính trị của các chính quyền Việt Nam tại các lân bang trên. Còn riêng các Việt kiều sinh sống tại Miên Lào đã giữ vai trò nào về chính trị ?

Người Việt Nam bắt đầu sang sinh sống nhiều tại Miên Lào từ thời Pháp thuộc nhất là từ khi Pháp thiết lập 5 xứ : Cao Miên, Ai Lao, Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ thành Liên-bang Đông Dương (2) vì sự di dân lúc đó rất dễ dàng.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, guồng máy hành chánh bảo hộ tại hai xứ Miên Lào, có rất nhiều người Việt Nam giữ những địa vị then chốt sau người Pháp, một phần vì họ là những công chức cần mẫn, được lòng người Pháp, một phần vì có rất ít người bản xứ học cao ; tại hai xứ ấy không có trường cao đẳng hay đại học, ngay các trường trung học rất ít (3).

Chính vì thế mà khi hai nước Miên, Lào được trao trả độc lập' việc thay thế những viên chức người Việt đã gặp nhiều khó khăn.

Khi người Pháp thất thế trước người Nhật dân bản đảo Đông

(1) Năm Minh Mạng thứ 16 (1835) Trương Minh Giảng xin lập người con gái của vua Chân Lạp Nặc Ông Chân lên làm quận chúa gọi là Ngọc-Vân quận chúa, rồi đổi Chân Lạp làm Trấn Tây Thành gồm 33 phủ và 2 huyện (Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, sơ tập, quyển 31, tờ 11a).

(2) Sắc lệnh ngày 17-10-1887 của Tổng Thống Pháp đặt phủ Toàn quyền cai trị cả Liên Bang Đông Dương, ban đầu chỉ gồm Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Cao Miên. Mãi tới 1900, Ai Lao mới thuộc vào phủ Toàn quyền (sắc lệnh 5-1-1900).

(3) Cho tới ngày 21-12-1917, Albert Sarraut ký nghị định ban hành bộ Học Chính Tổng qui (Règlement général de l'Instruction publique), Đông Dương mới có 7 trường trung học, trong đó 6 trường ở Việt Nam : Lycée d'Hanoi (chương trình Pháp), Trường Bảo Hộ Hà Nội (Chương trình bản xứ), Trường Nữ Trung Học Sài Gòn, Collège Chasseloup Laubat vừa có ban chương trình Pháp và ban bản xứ, Trường Quốc Học Huế, Trung học Mỹ Tho và chỉ duy trường Sisowath ở Nam Vang. Giáo dục cổ truyền của Miên Lào là hệ thống giáo dục tại các chùa.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

Dương đã nổi dậy giành độc lập với các phong trào Lao Issara, Khmer Issara. Người ta thấy phong trào Việt Minh đã ảnh hưởng lớn đối với các phong trào tại Lào và Miên. Sau chuyến du hành qua Hanoi tháng 7-1946, quan điểm chính trị của Souphannouvong, một lãnh tụ của Lao Issara đã chịu ảnh hưởng quan điểm của Việt Minh. Ông Sisouk Na Champassak đã nhận định :

« Từ đây, Cuộc chiến đấu của Việt Minh sẽ là cuộc chiến đấu của ông (Souphannouvong) và lý tưởng chính trị của Việt Minh sẽ là lý tưởng của ông (1)

Vai trò chính của người Việt còn mạnh hơn nữa xét ra rằng nhiều lãnh tụ chính trị tại Đông Dương nhất là tại Ai Lao có gốc Việt. Nhiều người Việt đã nhập tịch bản xứ đã giữ những vai trò quan trọng trên chính trường bản xứ. Chính lãnh tụ Pa'het Lao Souphannouvong đã chịu ảnh hưởng rất sâu xa của người vợ gốc Việt, có nhiều tham vọng và vốn sinh trưởng tại Nha Trang, từ chính sách đối với người Pháp đến chính sách thân Bắc Việt của Pathet Lào (2)

Phong trào Pathet Lao được thành lập từ năm 1950 sau khi Souphannouvong sang Bắc Việt và Trung Việt rồi gặp Hồ chí Minh nắm chính quyền Việt Minh lúc đó. Pathet Lào được phát triển mạnh khi quân Việt Minh mở mặt trận lan rộng sang Bắc Lào vào năm 1953.

Người ta cũng thấy, hiện nay có nhiều tướng lĩnh của Ai Lao là gốc Việt như Trung tướng tư lệnh quân đội Pathet Lào Kaysone (3), thiếu tướng Siho Langphouthakoul (tức Nguyễn Sĩ Hồ) gốc người Tây Ninh (4).

Vị lãnh tụ quốc gia danh tiếng của Lào là Katay D. Sasorith vốn cũng gốc Việt Nam (5). Ông Katay bắt đầu hoạt động chính trị từ thời Nhật đảo chính năm 1945, một số người Lào yêu nước đã gây ra phong trào Lao Issara (Issara : độc lập) do ông hoàng Pethsarath làm lãnh tụ với chủ

(1) Sisouk Na Champassak. *La Tempête sur le Laos*. La Table Ronde, Paris, 1961, trang 20.

(2) Sisouk Na Champassak, sđd, trang 32.

(3) Sisouk Na Champassak, sđd, trang 35.

(4) Tài liệu của ông Phạm bá Công.

(5) Theo ông Phạm Bá Công, cựu đại lý Đại sứ VNCH tại Ai Lao, hiện tổng sự tại bộ Ngoại Giao, giữa gia đình nhạc phụ ông là Nguyễn văn Đăng và gia đình thân sinh Thủ tướng Katay tức Nguyễn văn Vĩnh là chỗ thân thiết chính cố Thủ Tướng Katay có ý muốn cưới người con gái lớn của ông Đăng nhưng chuyện không thành.

HÃN NGUYỄN

trương chống Pháp và quốc vương Sisavang Vong bị tố cáo là thân Pháp, Ông Katay là người đã hợp tác với phong trào này. Khi Pethsarath thành lập chính phủ cách mạng ngày 14-9-1945, ông Katay được mời làm Tổng trưởng kinh tế và tài chánh (1). Nhưng Pháp đã can thiệp khiến chính phủ Lao Issara phải lưu vong sang Thái. Các lãnh tụ của phong trào là ba anh em : Pethsarath, Souvanna Phouma, Souphannouvong lại bắt đầu chính kiến. Chính lúc phong trào Lao Issara đang suy yếu như vậy, thì ông Katay Don Sasorith đã đứng ra gánh vác vai trò lãnh đạo, giải quyết tình trạng bế tắc. Nhờ sự khéo léo của ông, nhóm Lao Issara đã trở về hợp tác trong danh dự với quốc vương Sisavang Vong sau khi ký hiệp ước Pháp Lào ngày 19-7 1949. Sau ông Katay đã cùng các lãnh tụ như Phagna Khăm Mao, Oun Heuan Norasing, Kruong, Somsanith... thành lập đảng Cấp tiến, đảng này đã thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử 1957. Chính ông Katay đã trở thành Thủ tướng chính phủ hoàng gia Lào (1954-1956). Và sau đó ông liên tiếp hợp tác với chính phủ hoàng thân Souvanna Phouma hay Phoui Sananikone với những chức vụ quan trọng như phó thủ tướng.

Ông Katay là lãnh tụ tích cực chống cộng, đã từng chủ trương khai trừ hoàng thân Souphannouvong ra khỏi chính quyền Lào — Issara và đã phản đối sự liên hiệp với phe Pathet Lào năm 1957. Ông Katay mất ngày 29-12-1959 khi ông đương là giữ chức phó Thủ tướng kiêm tổng trưởng bộ nội vụ dưới thời chính phủ Phoui Sananikone. Ông Katay chết đi khiến chính phủ Sananikone sụp đổ theo vì không có Katay, không còn ai có thể chế ngự được quân đội khiến quân đội đã đảo chính ngày 31-12-1959.

Katay là một nhân vật chính trị nổi tiếng, đã tận tình phục vụ Lào quốc. Cuộc đời của Ông là gương tranh đấu quý giá. Chính ông đã nói rằng : « *Đời tôi là cuộc tranh đấu hầu như không ngừng* » (2).

Trường hợp ông Katay là một trường hợp điển hình chứng tỏ vai trò quan trọng của người Lào gốc Việt đối với chính trường tại Lào.

Trong tương lai, người Việt tại Ai Lao có thể giữ những vai trò

(1) Sisouk Na Champassak, sđd, trang 13-14.

(2) Katay D Sasorith, *Souvenirs d'un ancien écolier de Pakse* — Editions Lao Sédone, 1958, trang 11.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

quan trọng về chính trị hơn nữa. Người Lào tính tình thuần hậu, hiền hòa, thích nhàn nhã bình an, trong khi người Việt tháo vác siêng năng, đi đến đâu cũng có ý lấn lách, thích tranh đấu. Tương đối người Lào ít có xung đột với người Việt hơn đối với người Thái Lan. Mặc dù tục ngữ Lào có câu: « Ma kap meo, Keo Kap Lao » nghĩa là « chó với mèo, An Nam với Lao », nhưng thực tế người Lào nhất giới bình dân rất trọng người Việt, trong khi trái lại họ rất ghét người Thái. (1)

4 VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI MIỀN LAO

Vị trí của Việt Nam trong khung cảnh địa lý của Đông Dương đã khiến Việt Nam có vai trò thiết yếu đối với sinh hoạt kinh tế của Miền Lào.

Nước Ai Lao đóng kín, chỉ có cửa ngõ Việt Nam là thuận tiện nhất để giao tiếp với bên ngoài, có nơi chỉ cách bờ biển Việt 35 cây số. Nhất là Ai Lao hiện có sẵn hệ thống đường bộ liên lạc với Việt Nam với các thị trấn lớn của Lào rất tiện lợi như :

— Đường từ thác Kengkabao (Savannakhet) đến Quảng Trị qua đèo Lao Bảo dài 370 km.

— Đường từ Thakhet đến Vịnh qua đèo Mụ Gia dài 290 km.

— Đường hoàng hậu Astrid dài hơn 400 km nối liền Luang Pabang với Xieng Khouang, có thể đi sang Bắc Việt qua đèo Barthélemy (Nong Het) hoặc đi ngang qua Sầm Nưa (Sam Neua).

— Đường từ Paksé đến Attapeu (giáp ranh Trung Việt) dài 130 km (hiện từ Paksong đến Attapeu còn là đường đất).

— Đường quốc lộ số 13, xuyên qua Cao Miên (Stung-Treng — Kratié — Snoul) đến Saigon, và nối liền các đô thị chính của Lào (Paksé, Savannakhet, Thakhet. Vientiane, Louang Pabang).

Nước Cao Miên không có hải cảng thiết tốt, trong khi ấy tàu bè lớn có thể ra vào sông Cửu Long ngược dòng lên tận Phnom penh, vừa tiện và lợi.

(1) Qua lịch sử, người Thái hay gây sự xâm lược nước Lào. Cuộc xâm lược quan trọng đã khiến người Lào rất oán ghét xảy ra vào năm 1827, quân Thái đã tràn sang đất phá kinh thành Vieng-Chan khiến kinh đô phải dời về Luang Prabang. Khi người Pháp đô hộ Lào năm 1899, Vientiane mới được dùng làm thủ phủ hành chánh của xứ Lào.

HẦN NGUYỄN

Ngoài ra, tài nguyên ba nước có thể bổ túc nhau. Điều quan trọng nhất là Việt Nam đương thừa thãi nhân công ở các đồng bằng Bắc Việt và Trung Việt, trong khi xứ Lào Miên đất rộng người thưa (1), đang cần tới những bàn tay cần mẫn tháo vác, khai phá của người Việt.

Thời Pháp thuộc, người Pháp rất mong các nhân công Việt sang giúp họ khai thác các lân quốc. Viên đốc lý Vientiane Meyer đã viết trong cuốn Komlah (2) :

...« Người An Nam sang làm ăn bên Lào, lớn thì buôn bán, nhỏ thì phu phen, bao giờ cũng được phần hơn người Lào. Người Lào thì cầu thả tự nhiên, mà người Nam thì siêng năng hoạt bát, đi đến đâu cũng có ý lấn láp. Đâu có người An Nam thì người Lào tránh né đi. Các nơi thành phố lớn phần nhiều là người An Nam ở, người Lào thì về ở những làng xa xa (3) ».

Ngày nay, tình thế có thay đổi, nhưng nhờ một phần ở tính chất hiếu hòa, hiếu khách của người bản xứ nhất là mối thiện cảm tự nhiên đối với người Việt, sinh hoạt kinh tế của người Việt tương đối vẫn còn dễ chịu.

Đối với chính quyền A-Lao, các Việt kiều cũng được sự nâng đỡ. Vài tuần sau cuộc viếng thăm của ông Ngô Đình Nhu, cố vấn của Tổng Thống Ngô đình Diệm, hai quốc gia đã quyết định nâng các đại diện ngoại giao lên hàng đại sứ (4) và hai bên đã ký một thỏa ước tại Vạn Tượng ngày 11-6-1959. Theo đó, người Việt được hoạt động nghề dành riêng cho công dân Lào :

- 1 — Khai thác lâm sản
- 2 — Buôn bán gạo
- 3 — Buôn bán muối.
- 4 — Buôn bán than.
- 5 — Buôn bán thịt, cá.

(1) Theo thống kê 1967, Cao Miên : 6.420.000 người, mật độ 35,46 ; Lào : 2.770.000, mật độ : 11,70 ; Việt Nam : 37.073.000 người, mật độ : 14,5 (Images économiques du Monde, Beaujeu Garnier, A. Gamblim, A. Delo-bez, Paris 1968).

(2) Nam Phong, 159 Février, 1931, trang 110.

(3) Nam Phong, số 159, Février, 1931, trang 108.

(4) Sisouk Na Champassak, sđd, trang 88.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

- 6 — Chạy xe xám lọ (1)
- 7 — Chạy xe taxi
- 8 — Lái xe chuyên chở nặng
- 9 — Hớt tóc
- 10 — Thợ may.
- 11 — Thợ giặt
- 12 — Bán và sửa radio.

Nhờ sự nâng đỡ này, Việt kiều vẫn còn sinh sống bằng mọi nghề nghiệp. Một số người trở thành các nhà tư bản, như chủ nhân các hãng thầu kiến thiết, xưởng đóng đồ mộc, xưởng chữa máy... Các dân thợ như thợ máy, thợ điện, hớt tóc...; và dân buôn bán từ các cửa hàng tại phố xá đến các sạp bán tại chợ như : thịt heo, thịt bò ; người Việt đã chiếm đa số tại các thị trấn lớn tại Lào như : Vientiane, Savannakhet, Thakhet, Paksé ; mặc dù số người Việt hiện giờ so với người Lào có ít hơn. (Riêng tại Vientiane có 20.000 người Việt trên tổng số 300.000 dân).

Nếu người Việt sinh sống tại Ai Lao trong các ngành công, thương và hầu hết ở tại các thị trấn, trái lại tại Cao Miên, đa số Việt kiều sống bằng nghề nông hoặc chài lưới.

Gần phân nửa Việt kiều tại Cao Miên sống bằng nghề đánh cá tại biển Hồ (dân bản địa có tới hàng trăm ngàn người), nơi cung cấp một nguồn lợi to lớn cho Cao Miên.

Ngoài nghề đánh cá, Việt kiều tại Cao Miên còn làm các phu đồn điền (dân « contrat ») hay làm ruộng tại các tỉnh gần biên giới.

Cuộc sống của các Việt kiều tại Cao Miên hiện gặp nhiều khó khăn. Giữa năm 1957, chính phủ Cao Miên đã ban hành 1 sắc lệnh cấm ngoại kiều trong đó kể cả Việt kiều làm 18 nghề :

- 1 — Sản xuất nông phẩm
- 2 — Mua bán ngũ cốc
- 3 — Đánh cá biển hồ
- 4 — Chủ kim hoàn

(1) Xe xám lọ : một loại xe đạp 3 bánh, giống như xe lôi thường sử dụng ở các tỉnh miền Hậu Giang, nó là biến thể của chiếc xe đạp. Hai bánh phía trước giữ nguyên, bánh xe và tay lái phía sau, ghế làm chỗ khách ngồi đặt trên 2 bánh xe song song với nhau. Người đạp xe ngồi ngay trước mặt khách để đạp xe di chuyển. Loại xe này là phương tiện di chuyển bình dân, rất thông dụng trong các tỉnh lỵ và đô thị Lào.

HẦN NGUYỄN

- 5 — Vận tải thủy bộ
- 6 — Tài xế
- 7 — Tài công tàu thủy
- 8 — Thợ mộc.
- 9 — Thợ hồ
- 10 — Thợ hớt tóc
- 11 — Thợ kim hoàn
- 12 — Phu khuôn vác
- 13 — Làm công chức
- 14 — Dược sư
- 15 — Chủ nhà thuốc tây
- 16 — Chủ nhà in
- 17 — Nghề đóng thuế thương chánh
- 18 — Lính kìn tư.

Vài tháng sau , chính phủ Cao Miên lại cấm thêm 6 nghề :

- Thợ may
- Thợ giấy
- Trồng tía
- Chăn nuôi
- Cầm đồ bình dân
- Thuốc (mua, bán, cho thuê nhà phố).

Chính phủ Cao Miên lại bắt các xí nghiệp tư ngoại quốc phải hạn chế dùng nhân công ngoại quốc, ít ra phải thuê nhận 70% nhân công Cao Miên. Các công nhân Việt lại gặp thêm khó khăn.

Dù sao, người Việt vẫn còn giữ 1 vai trò quan trọng trong sinh hoạt kinh tế tại Cao Miên.

VAI TRÒ VĂN HÓA GIÁO DỤC CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI MIỀN LÀO

Việt Nam và hai nước Miên, Lào chịu ảnh hưởng hai nền văn hóa khác biệt : văn hóa Trung Hoa và văn hóa Ấn Độ. Vì thế, có sự khác biệt về nếp sống giữa người Việt và người Lào.

Nhưng hố sâu cách biệt ấy đã vơi dần khi người Pháp sang cai trị cả 3 xứ Đông Dương và truyền bá văn hóa Tây phương. Người Pháp đã lưu tâm khai thác xứ Việt Nam trước và Việt Nam đã phát triển sớm hơn về văn hóa Tây phương. Người Pháp đã dùng người Việt sang giúp họ tại Miên, Lào.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

Tại Lào, trước thời Nhật đảo chính, số giáo chức người Việt chiếm đa số tại các trường trung tiểu học. Đa số giới lãnh đạo Lào hiện thời tức giới thanh thiếu niên vào thời tiền chiến đều là học trò các ông thầy người Việt.

Theo lời cụ Trịnh văn Phú (1) vào năm 1914, tại Vientiane chỉ có 1 trường tiểu học gọi là « Ecole Franco-Laotienne » gồm 5 lớp, có hơn 100 học trò, lớp nhất (cours supérieur) chỉ có 15 học sinh, các lớp khác cũng chỉ khoảng hơn 20 học sinh, trong số đó có tới 40% học sinh người Việt Nam. Trường cả thầy có 5 giáo viên, chỉ có một người giáo viên người Lào tên là Khou Kham, còn tất cả là người Việt, gồm các ông : Lê văn Ngôn, Trịnh Thới Giao, Nguyễn Hữu Hạnh và Trịnh văn Phú, riêng Cụ Trịnh văn Phú dạy lớp nhất. Ông đốc (hiệu Trưởng), lúc bấy giờ là một người Pháp (ông Tafforin).

Khoảng mười năm sau (1924), trường « Franco-Laotienne » phân chia làm hai trường : « Ecole Franco-Annamite » và « Ecole Franco-Laotienne ».

Trường Franco-Annamite toàn học sinh Việt Nam gồm 5 lớp học, có tới 200 học sinh và 5 thầy giáo Việt mà Cụ Trịnh văn Phú là hiệu trưởng. Trường dạy bằng tiếng Pháp và chỉ có môn dịch (Traduction) là dịch bằng Việt ngữ, Trường Franco-Laotienne cũng có 5 lớp, học sinh là người Lào. Nhưng thầy giáo hai lớp cao (cours supérieur và cours moyen) vẫn còn là thầy người Việt.

Sau đó, các tỉnh lớn mới có các trường tiểu học và tại Vientiane mới có trường trung học tức « Collège Pavie », nhưng các giáo sư cũng hầu hết là người Việt, tốt nghiệp trường cao đẳng sư phạm (Ecole Supérieur de pédagogie) ở Hanoi.

Riêng Cụ Trịnh văn Phú dạy học trong khoảng 14 năm (1914-1928) và dạy những lớp cao nhất có tại Lào khi ấy (Cours supérieur) và đào tạo khoảng hơn 500 học trò, trong số này có nhiều người thành những nhân vật quan trọng cho Ai Lao như :

(1) Cụ Trịnh văn Phú sinh năm 1892 tại Lê Sơn tỉnh Quảng Bình, cựu học sinh trường Bưởi. Sau khi tốt nghiệp bằng thành chung năm 1914 đã sang ngay Lào dạy học ở trường « Ecole franco-Laotienne », hiện nay đang hưu trí tại Saigon. Tuy đã gần 80 tuổi, nhưng Cụ Trịnh văn Phú còn tráng kiện lắm tinh thần cụ còn sáng suốt, tâm hồn còn rất trẻ trung vui tính.

— Phoui Sananiko ne (1) cựu Thủ tướng Lào hiện thời là Chủ tịch quốc hội Lào.

— Oun Hueun, cựu Tổng trưởng bộ lễ (Ministère des Cultes) và hiện là đại sứ Lào tại Ấn Độ.

— Tiao Souk, cựu Tổng trưởng công chánh (Ministère des Travaux Publiques)

— Bong Souvannavong, cựu Tổng trưởng (2), hiện là dân biểu và hội viên Hội đồng Tư vấn Hoàng gia (conseil du Roi)...

Hội Nhật đảo-chính ở Đông Dương, chính phủ hoàng gia Lào đã mời Cụ Trịnh văn Phú làm Giám đốc Học Chánh (Directeur de l'Enseignement du Laos), thay ông Thao Nhouy từ ngày 11-6-1945. Chức Giám



Buổi lễ cầu an (ba ci) cho cụ Trịnh văn Phú (X) do các môn đệ Lào tổ chức.

(1) Phoui Sananikone sinh 6-9-1903 tại Vientiane, cựu học sinh «Collège Pavie» từng giữ chức Chủ tịch Quốc hội vào năm 1947 đến 1949 và hiện nay, từng giữ chức Thủ tướng vào những năm 1950-1951 và sau này vào năm 1959.

(2) Bong Souvannavong sinh ngày 8-6-1906 tại Vientiane, tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư Phạm Hà nội (1928) từng làm Tổng trưởng Kinh tế (1947-1949) Tổng trưởng Quốc gia Giáo dục, Y tế và bộ lễ (trong khoảng 1958 đến 1959) Tổng trưởng Bưu điện và Mỹ thuật (1959).

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

đốc Học chánh này lãnh đạo giáo dục tại Ai Lao vì lúc đó Lào chưa đặt chức Tổng trưởng. Đến ngày 18-9-1945, Cụ Trịnh văn Phú xin từ chức, nhưng không được vua Lào chấp thuận. Tới đầu năm 1946 Cụ Trịnh văn Phú mới được chấp thuận về hưu.

Người Lào rất kính trọng các thầy người Việt và tỏ ra rất có nghĩa đối với thầy. Cụ Trịnh văn Phú có nhận xét về người Lào : « *Người Lào hiền lành thẳng thắn và tử tế lắm ! Học trò Lào rất có nghĩa với Thầy* ». Cụ kể rằng cho tới nay, các học trò cũ của Cụ, hiện có nhiều người làm chức trọng quyền cao », vẫn còn nhớ tới Thầy, vẫn thường liên lạc với Thầy, điển hình là cựu Thủ tướng Phoui Sananikone.

Hồi biến cố Tết Mậu thân (1968), ông sợ thầy bị nạn nên rất lo lắng đã đánh điện tin sang hỏi thăm thầy :

« Kính xin thầy cho biết tin tức về thầy và bảo quyền và điện ngay cho biết những gì con có thể giúp được cho thầy. Con sẽ sung sướng được giúp thầy trong dịp đau đớn này.

Kính,

Phou Sananikone

Khoảng năm 1946, Cụ Trịnh văn Phú phải tản cư sang Xiêm. Đến 1953, cụ trở về Vientiane, thấy thầy túng bấn và muốn trở về cố hương mà không có tiền, học trò Phoui Sananikone đã giúp thầy một số tiền là 100 000 đồng kíp. Đến năm 1963, thầy giáo Phú vẫn chưa kiếm được tiền trả cho trò Sananikone, bèn tỏ lộ sự áy náy của mình. Ngày 18-12-1963 trò Sananikone liền viết lá thư cho thầy học với ý khuyên thầy đừng áy náy và xác nhận ông không bao giờ coi món tiền đưa thầy là món tiền nợ và không có ý định đòi trả lại với lời lẽ thiết tha :

« *Kính thưa Thầy.*

« *Tiếp theo buổi chuyện trò sáng nay giữa Thầy và con con xin phép xác nhận về món tiền 100.000 kips mà con đã đưa thầy trước đây.*

« *Thật vậy, con không bao giờ coi món tiền đó như là một món tiền nợ và cũng không có ý định đòi Thầy hoàn trả lại.*

« *Đề đánh tan mối lo âu của Thầy và đề làm yên lòng Thầy về vấn đề này, qua bức thư này, con xin thưa với Thầy là Thầy hoàn toàn hết sạch nợ đối với con, bởi vậy, trong tương lai con sẽ xin từ bỏ không khi nào đòi lại Thầy món tiền ấy.*

(1) Điện tin số 224 ngày 19-2-1968, hồi 16 giờ.

Nguyên văn Pháp ngữ : « Veuillez donner vos nouvelles et celles votre famille et cabler ce que pourrai faire pour vous stop. Serai heureux vous être utile à cette douloureuse occasion stop, Respects. Phoui Sananikone

HÃN NGUYỄN

«Kính thưa Thầy, nhân dịp này, con xin Thầy nhận nơi đây lòng thành kính sâu xa của con. (1)

Phoui Sananikone

ROYAUME DU LAOS

Assemblée Nationale

Phoui SANANIKONE

Depuis

Vientiane, le 18 février 1963

Cherissime Trích-văn-phú
de passage à, Vina-Tram

Cher từ chú An-tôn,

Je me permets de vous confier
notre entre-tien de ce matin, au sujet de la
somme de 100.000 Kips que j'ai
envoyé.

En effet, j'ai jamais aussi
cette somme comme une lettre de votre part
et il n'est pas non plus dans une intention de
vous en remercier le remboursement.

Afin de dissiper vos soucis et de
vous tranquilliser sur ce point, je vous
délivre, par la présente lettre, entièrement
qu'elle est définitivement déchargée envers
moi, et par suite, renvoie à votre
valeur sans réserve en la vue de votre
honneur.

Je suis cette occasion de vous
remercier pour les deux lettres
écrites de mon profond respect.

Phoui Sananikone

(1) Bức thư của Thủ tướng Sananikone gửi cho cụ Trịnh văn Phú
Nguyễn văn bằng Pháp ngữ (tài liệu của Cụ Trịnh văn Phú).

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM...

Cách đối xử của một học trò Lào, một cựu Thủ tướng Lào với một ông Thầy Việt bản hàn như trên khiến người ta có cảm tưởng như đọc truyện thời xưa, thời luân lý Khổng Mạnh thịnh hành, coi Thầy như Cha, có bốn phần giúp Thầy khi hoạn nạn.

Thật là một tấm gương sáng, cao đẹp cho tình nghĩa Thầy-trò nói riêng và của tình thân hữu Việt Lào nói chung.

Chính những cảm tình sâu đậm mà các Thầy người Việt trước đây đã gieo vào lòng người Lào là những chất keo sơn đó và sẽ gắn bó tình thân hữu của hai dân tộc anh em Lào-Việt.

Ông Phagna Oun Sananikone, bào đệ của Thủ tướng Phoui Sananikone trong buổi họp « thành lập hội Lào-Việt » (Association Lao-Vietnamienne) ngày 9-4-1968 đã lên tiếng về mối dây thân hữu ấy. Lao Presse số ngày 10-4-1968 (trong A4) đã tường thuật :

« Phagna Oun Sananikone đã không quên bày tỏ những lời cảm ơn nồng nhiệt đối với nhà giáo Lão Thành Trinh văn Phú, từ Saigon ghé qua Vientiane, một người cách đây 50 năm đã là biểu tượng sống động cho sợi dây liên lạc Lào Việt, qua sự dạy dỗ con em xứ này. Phagna Oun Sananikone đã sung sướng nhấn mạnh rằng nhờ sự hiện diện của ông Trinh văn Phú tại buổi họp, sợi dây liên lạc giữa hai dân tộc đã thắp đổ với mọi luật lệ thiên nhiên, đã tỏ ra vững chắc hơn bao giờ hết » (1)

Thời Pháp thuộc, người Việt đã góp công rất nhiều vào công cuộc giáo dục dân Lào.

Người Việt có thể tiếp tục vai trò ấy nếu chính quyền Việt Nam có chính sách thích ứng với hoàn cảnh.

Dù sao với thành quả của sự góp công giáo dục ấy, thật hết sức thuận lợi để kết chặt tình thân hữu giữa hai dân tộc anh em Lào Việt.

Tại Cao Miên, cũng có rất nhiều các thầy người Việt trong thời Pháp thuộc. Nhưng người Việt không giữ vai trò quan trọng như tại Ai Lao trong công việc giáo dục cho tại xứ này.

(1) Nguyên văn Pháp ngữ :

« Phagna Oun Sananikone n'apas oublié d'adresser à cette occasion ses vifs remerciements à un vétéran de l'Enseignement M. Trinh văn Phú, de passage à Vientiane, venant de Saigon, et qui, il y a 50 a été le symbole vivant d'un trait d'union entre le Laos et Việt Nam, par l'enseignement qu'il venait donner aux enfants du pays. Phagna Oun Sananikone est heureux de remarquer que, par la présente de M. Trinh văn Phú aujourd'hui à la réunion, ce trait d'union entre les deux peuples, a défilé toute loi physique de la nature, et s'est rérélé plus solide que jamais. »

HÃN NGUYỄN

Ảnh hưởng chính trị trực tiếp của chính quyền Việt Nam đối với các lân bang Miên Lào đã chấm dứt khi Việt Nam mất chủ quyền vào trong tay người Pháp. Nhưng nhờ sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam, dù bị trị, người Việt Nam vẫn tiếp tục gieo ảnh hưởng đến xã hội các lân bang Miên Lào qua sự bành trướng di dân lập nghiệp và sự tham dự vào mọi sinh hoạt trong cộng đồng bản xứ. Người Việt chứ không còn chính quyền Việt đã giữ vai trò quan trọng về mọi phương diện tại các lân bang Lào Miên.

Đến khi người Pháp ra đi khỏi Đông Dương, Việt Nam lại bị qua phân và chiến tranh !

Thời Trịnh Nguyễn, Việt Nam cũng bị qua phân, chiến tranh vô cùng thống khổ, nhưng lãnh thổ Việt Nam đã được mở rộng từ Phú Yên đến Cà Mau nhờ công của các Chúa Nguyễn.

Việt Nam bị phân chia và chiến tranh lần này không rõ rồi đây có tạo được gì cụ thể cho sự bành trướng của dân tộc Việt Nam hay không hay chỉ là tan nát đau thương ?

Đó là trách nhiệm của chính quyền Nam và Bắc Việt Nam.

Hoàn cảnh lịch sử có khác, nhưng bản chất sức sống của dân tộc Việt Nam không thay đổi. Thay đổi chẳng chỉ là thay đổi những hình thức thể hiện sức sống ấy mà thôi.

HÃN NGUYỄN

BẮC HÀNH TÙNG KÍ

北 行 叢 記

▽ HOÀNG XUÂN HÂN

(tiếp theo S. Đ. số 14-15)

Năm Giáp-dần (1794), tháng 5, có người đàn bà nước ta, quê ở Tân-môn, ả-muội (vợ Khách) họ Nguyễn, vì đi theo giặc bề Quảng-đông bị đem đây ở Hắc-long-giang, nên phải qua bộ Hình và bị thu giam ở sở này. Nhân nhíp, có thẻ hỏi tình hình trong nước. Nó bảo rằng : « Chúa Nguyễn bị quận-công Kiêu 喬 giết. Tin mới nghe qua-loa, chưa biết có thật không ».

Năm Bình-thìn, niên-hiệu Gia-khánh năm đầu (1796), tháng 2, quan thu-thầm thuộc bộ Hình lại hỏi ý. Quính viết tờ bàm, tóm tắt lời rằng :

« Trước đây, ngu-muội, tôi không biết tự lượng, đã muốn đem một sợi tóc để kéo nghìn tạ ! Và vì thờ vua không theo thói ở hai lòng nên bị nhốt, thế mà không hiểu rằng cái khờ-tiết không thể giữ được trình. Bèn đến đổi bởi lòng nghĩ có sai *tơ tóc*, nên tự hãm vào chuồng tối tăm. Bảy năm rào kín ; hai mái diềm sương.

« Nay được thấy ơn Trời tràn khắp, ngọn tóc được nhuần. Nếu may ra (Bề trên) xét lỗi biết lòng, tha giam, cho đem nắm xương về, khiến cho kiến được sống, cáo đã chết cũng thỏa lòng mong ; thì chúng tôi kéo tóc đếm ơn, tuy xương nghiền thân xé cũng không thể báo đáp một phần muôn.

« Còn như sự *cạo tóc*, thì sao khứng ! »

Phụ chú : [Từ cuối năm Tân-hợi (đầu năm 1792), cái án « bất tuân » xem chừng đã định phạt cho nhóm Quính. Gióng-giả trong hơn năm năm, hình như sống lẻ-loi buồn tẻ, cho nên trong khoảng ấy không còn thấy chép một sự-kiện gì ngoài sự được gặp bóng một đàn bà Việt, tuy là cũng chỉ là vợ một tên giặc biên Quảng-đông. Còn tin chúa Nguyễn bị giết, thì chỉ là tin hão.

HOÀNG XUÂN HÃN

Phải đợi đến khi vua Gia-khánh lên ngôi, mới được nhà chức trách quan-tâm đến các tù-nhân. Nhưng trong tờ trình của Quinh, giọng vẫn chua-chát mỉa-mai, và kết-cấu bằng ý cả-quyết xin tha cho về nước, chứ không chịu cạo tóc. Ý chừng các quan bộ Hình không hài lòng, nên không thấy trả lời và lại bỏ bằng đi trong ba năm nữa.

Nên đề ý đến sự trọng văn thơ của Quinh, thường cố dùng nhiều điển, nhiều thành-ngữ, phương-ngôn liên-quan đến tóc. Trên đây, có điển trở cái gì nhiều không thể lường được, vì như kéo từng sợi tóc mà đếm.]

Năm Đinh-tị, Gia-khánh năm thứ 2 (1797), tháng 11, thấy đàn bà người nước ta họ Phan, quê huyện Thiên-lộc (Can-lộc), xứ Nghệ-an (Hà-tĩnh). Vì là gia-quyến tên giặc bề, y bị phạm tội lây và bắt giam ở đây. Hỏi y, mới biết rằng :

“ Từ núi Hải-vân về đông (đông-bắc), thuộc con Nguyễn Quang-trung hiệu Cảnh-thịnh. Từ Quảng-nam vào nam, thuộc Nguyễn Nhạc hiệu Thái-đức. Đất Đồng-nai — tức là đất Gia-định Biên-hòa ngày nay — thuộc cháu chúa Nguyễn cũ, tức là Nguyễn Phúc-Chúng. (Thế) chia như ba chân vạc.

“ Năm trước Cảnh-thịnh với quân Đồng-nai hội chiến trên mặt bể, chưa chia rõ được thua. Còn đang đóng tàu đúc súng, bắt dân ra lính để lo toan đánh nhau trở lại — chỉ là cùng Đồng-nai đánh trở lại để đình cuộc — Vả lại gặp năm mất mùa, dân không biết nhờ đâu sống.”

Ấy thật là :

Non sông tan-tác bông rơi nước

Thân thế lênh-đênh gió giạt bèo !

Quả như vậy.

Phụ chú : [Chuyện gặp người đàn-bà nước ta họ Phan này đã đề một ấn-tượng sâu trong tâm-hồn Lê Quinh. Trước hết, hình như bà này bị giam lại lâu ở cùng sở cho nên gặp gỡ nhiều hơn cô ả-muội ba năm trước. Vả lại xem chừng bà này có trình-độ kiến thức cao hơn và có lẽ có địa-vị xã-hội cũng cao. Những điều kể lại trên này đều đúng sự thật. Một điều khác nữa là kẻ giặc bề chongo bà chưa hẳn đã là giặc thật. Theo Ngụy Nguyên trong sách *Thánh-vũ-kì* chép rằng « Đầu đời Gia-khánh (1796)...con Nguyễn Quang-Bình với tội vong mạng dục bề, cấp cho binh thuyền, nhử bằng quan-tước, sai cướp các thuyền buôn ở bể gần để biện lương-thực... Tướng-quân Phúc-châu là Khôi Luân, tổng-đốc Lương Quảng là Cát Khánh trước sau tàu rằng đã bắt được giặc bề tàu ô, bọn Trần Thiên-Bảo, có ấn sắc An-nam tổng-binh, và Báu-ngọc hầu...» (Xem

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

Sử-địa số 9-10, trang 260-261) Bà họ Phan bị giải đến Bắc-kinh và cuối năm sau, rất có thể là gia-quyển của một tổng-binh thuyền-trưởng của Quang-Toản. Duyên cớ cuối cùng, mà có lẽ then-chốt ảm-tàng, là bà họ Phan này chắc xinh đẹp. Những kẻ văn-nhân chính-trị xa đất nước, bị giam cầm đả-ngột bảy năm, bảy giờ được chạm mặt một kiều-nữ quê hương, được nghe chuyện đất nước chia tạn, thì sao khỏi cực kì cảm-xúc.

Trong tập thơ, Quinh còn đề lại hai bài Đường-luật với đề *Tặng bà họ Phan người Nghệ-an*, với lời dẫn đại-khái như đoạn văn trên đây. Bài đầu có thích đề *Cảm nước cũ chia xẻ* : « Sau rào gai vắng-vẻ, nhớ quê nhà. Nghe kể chuyện, thân mình run sợ. Non sông yên tĩnh không còn một chỗ nhỏ nào. Đất đai nam bắc bị chia xẻ làm ba. Yển làm tổ trong rừng, lạc lối không đường về. Rong quần nhau ngoài bể, sóng cuộn tận mây. Thấm-thoát thời đưa đã qua bảy năm. Ruộng dâu bể xanh tráo đổi thật là chóng! »

Bài thứ hai có thích đề *Thân hồng-nhan trôi giạt* : « Không đáng kể kể cô-thần cố phải chấp kinh. Mà quần-thoa sao đến đổi phải lênh-đênh. Một chồi liễu yếu-kiều đang với gió. Xa vạn dặm bèo chìm nổi theo sóng trôi. Sửa nét xuân-sơn (đường mây) liền nhờ đến non Tản (núi Tản-viên). Trông làn thu-thủy (con mắt) nhắc nghĩ đến dòng Lô (sông Nhị). Gió bắc thổi làm tỉnh giấc mộng Chiêu-quân. Bểng gảy ti-bà, mỗi tựa bực bình-phong. »

Bóng giai-nhân hình như chỉ thoáng qua. Bà Phan-thị có lẽ phải dời đi biệt tích. Tháng sau, các tù-nhân lại trở với những chuyện bực mình.]

Tháng chạp (năm Đinh-tị 1797), (Quính) viết tờ trình quan coi ngục thuộc ti Đề-lao. Lời tóm tắt rằng :

« Chúng tôi bọn Quính, cô-thần muôn dặm, giam-giữ tám năm. Được các ngài từng chiếu-ở đến nhiều, mọi việc xử rộng ; khiến cho sâu kiến trước đây được thỏa tình tình. Chúng tôi đã cảm-bội không xiết.

« Vì vậy trần-tĩnh, mong lòng trên xét :

« Quính là kẻ đại-phu của nước mất, vốn không thể lo tính sự sống còn. Còn như ba người kia, bọn Lí Bình-Đạo, đối với nước, đối với nhà, tình và phận có chỗ còn hiềm, cho nên đã đi theo Quính, vương chung một nạn. Lòng chúng còn có sự chưa yên. Từ rày về sau, nếu trong ăn nói cư-xử, hoặc có điều gì chưa đến nơi đến chốn, thì xin chỉ đưa một mình Quính ra hỏi tội. Lễ đề giàn xếp, phép đề cai-trị. Như thế là phải, ngoài ra đâu nên làm.

« Vả chẳng, bọn Quính tuy là người hóa-ngoại (: ngoài vùng văn-minh của Trung-quốc), nhưng cũng sợ đời sau trong thiên-hạ sẽ mắng rủa là người đã phạm lỗi với danh-giáo. Vốn không tham sống đề làm

HOÀNG XUÂN HÃN

phản nghĩa, cũng không chịu chết uổng để làm hồng lòng nhân. Chúng tôi từ rày, bề ngoài tươi thắm, bề trong trắng-trẻo. Chỉ cầu may làm sao không phải thẹn là đủ. Há phải đợi đến những sự-khến nhỏ-mọn ấy sao ! Bẹp tròn tùy sự dạy, trâu ngựa chịu lời kêu. Mà phép oai có luật, đã khắc vào bằng làm bằng làm ước. Chứ không phải đợi lên tiếng hay phát giận mà sau mới im tiếng nghe lời. »

Các vị coi ti đề-lao đều khen là khí-khải.

Phụ-chú : [Tuy không rõ trong ngục đã xảy ra việc gì, đọc tờ trình trên, ta cũng đoán được rằng các bạn Quính đã bị viên coi ngục mắng oan việc gì cho nên cãi lại, rồi bị chúng chủi dũa và có lẽ hành-hạ đập-đánh. Bị nhốt trong tám năm rồi, trong năm sáu năm không được liên-lạc với ai ngoài, thần-kinh của các tù-nhân xem chừng đã bị quấy, và lòng phẫn-uất không thể đè nén được nữa. Thế mà Quính vẫn giữ được thái-độ hồn-nhiên, kiên-nhẫn hơn các bạn, và vẫn lấy văn tự làm khuây.

Trong đêm cuối năm ấy (Đinh-tị, đầu năm 1798), sau lúc giao-thừa, Quính có làm bài thơ cảm-tác, đề *Đinh-tị trừ-tịch cảm tác*, và chú : bấy giờ tuổi lên 49. Ý thơ rằng : « Đọc sách chột giận đã không hiểu nghĩa sách Xuân-thu. Muốn vì cương-thường, dùng mưu lại lầm. Những đêm tắc lòng giữ cớ sử Hán (chuyện Tô Vũ). Mà lại làm sai một mây tóc nên phải nhốt ở ngục Yên (vừa ngụ chuyện Văn Thiên-Tường vừa trở ngục ở Yên-kinh tức là Bắc-kinh). Thân vương nghiệp-quả đầy chip năm. Co ngón tay đếm tuổi đã chẵn bốn mươi chín. Đông đi, xuân lại, vui mừng lại sang nguyên-đán. Khi dương về, rồng sẽ triệt hết bóng tối trong tù chẳng ? » Ý chừng Quính mong vua Gia-khánh nhân lễ ban ân ngày tết sẽ thả mình chẳng ?

Nhưng suốt năm Mậu-ngọ, 1798, bọn Quính vẫn ở tù trong ngục Bắc-sở tại bộ Hình. Cũng ở ngục này, cách bấy giờ gần ba trăm năm có một tù-nhân rất có danh-vọng vì khí-tiết. Ấy là Dương Kế-Thịnh, một nho-thần triều Minh đã tâu kể tội viên đại-thần, Nghiêm Tung cho nên bị đánh và giam ở Bắc-sở trong ba năm trước khi bị hành hình (1555). Lúc lâm-hình, Kế-Thịnh có làm bài thơ khi khái như *Chinh-khi ca* của Văn Thiên-Tường. Khi còn tại ngục, ý có giống trong vườn tù một cây du là loài cây gỗ tốt (Pháp-ngữ : orme). Hai trăm năm mươi năm sau, cây già khô rồi lại đâm chồi sống lại. Tháng ba năm Mậu-ngọ (1798) viên coi ngục quyền tiền dựng nhà thờ và lập bia kỷ-niệm kể cô-trung xưa. Quính có soạn hai bài thơ Đường-luật tán-tụng sự cây du sống lại hàm-ý kinh-Dương Kế-Thịnh.]

Năm Kỷ-mùi (1799), ngày Thượng-nguyên rằm tháng giêng. Phòng giam không lửa ; trăng giọi không đèn. Đối cảnh sinh tình, tả buồn kẻ nhớ. Viết thành ba trăm tám mươi bốn chữ, gọi là :

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

BẮC SỞ TỰ-TÌNH

- 1 Sự-thể phù-vân. chán thấy lòng muôn đời về — Can tràng lửa đốt, oan cho lòng muỗi thành tro.
- 2 Xót rằng Lê đã hờ cơ — Đến đổi Tây thừa dấy nạn.
- 3 Sức mãng Ô-châu trống gióng, nhảy chồm đuổi hồ... lũ dên đàn — Thoắt nghe Long-đổ chuông rơi, vất-vường qua sông, xe ngựa lẻ.
- 4 Muối muốn dấy thế-cơ đội núi — Cáo định mang lốt hồ làm oai.
- 5 «Tồn cô» xưa học Tấn Trình Anh — Lại đổi Bao-Tư xin Tần giúp.
- 6 Sang Hán mong làm Trương-tử — Hóa ra Tín-quốc tù Yên.
- 7 Lầm cơ, nên biển khôn lường — Làm việc, thì tình sao tỉnh ?
- 8 Vạn dặm từng qua đông tuyết gọi, đầu không cạo mà tự sồn. Mười năm đành chịu gió bắc pha, mũ chưa hư mà tự rách.
- 9 Lòng phảng-phất như giun nhà đất — Thân coi chừng bướm xông đèn.
- 10 Chấn nhóp như ồ chó chuồng gà, an-nhàn ấy đất — Cảnh tù tối, tay trùn gan chuột, sống thác nhờ trời.
- 11 Trong tắc lòng, còn ghín chữ tòng — Về chức phận, khỏi đâu không hối.
- 12 Bắc-hải chưa mọc sừng đầu ngựa, ruột chín vòng vắn-vít non Mai — Đinh-hồ chẳng kịp níu râu rồng, lệ hai chuỗi chan hòa trời giá.
- 13 Công nghĩa đã không dám ngóng — Tự-tình ôi biết nói sao ?
- 14 Cây tràm mây trắng trở quê-hương, luống đợi thư tin ngóng nhận — Núi ngậm gương hồng trông bố mẹ, thẹn không nuôi móm như ô.
- 15 Làm cho đường trung hiếu cả hai khuấy — Vả lẽ đạo bồ-thần không biết chết.
- 16 Ôi ! từ xưa ai mà không chết ; muốn kết phận, sợ tồn lòng nhân — Vả làm người ai chẳng vui sinh ; muốn tòng quyền, e càng hại nghĩa.
- 17 Minh bạch những theo thiên lí — Chê bai sao cấm miệng người.
- 18 Trâu ngựa chịu tên kêu, không hồ lòng. thì không thẹn mặt — Rắn rồng an chỗ gặp, không sợ trời, cũng chẳng oán người.
- 19 Ô hô ! Thú chết châu gò là hồ — Chim đậu cành nam là trĩ.
- 20 Tống Trân, Bùi Bá-Kì đời trước, tù Bắc tổ niềm trung — Duy-Liêu, Lê Quang-Bí người đâu, về Nam tròn khí tiết.
- 21 Mà nay, sống thừa còn chưa chết — Đầu bạc lúc nào về ?
- 22 Lồng-lộng trời kia ! Sao mà cực thế ?

Viết xong, dán lên vách. Cuối tháng, quan lang-trung bộ Hình là Kim Quang-Địa. 金光地 thấy đọc mà than thở.

HOÀNG XUÂN HÂN

北所叙情

世事浮雲。飽見狗衣變態。肝腸熱火空教蛟惻惻成灰。但知鬻氏弛網致獲。渠構難。乍聽烏外鼓動。踴躍驅逐虎之群羊。條開龍肚鐘移。閑閑跟渡河之匹馬。蚊欲奮負山之勢。狐擬揚托虎之威。存孤初與子晉程嬰。韓作包胥復秦佐。漢後希韓孺子。翻成信國囚燕。誤機之變。靡常。行客之情。何暇。萬里曾經冬雪沐。頭未剃而自髡。十年無奈朔風吹。冠弗毀而自裂。心紡綿吐泥之蚓。身依稀投燭之蛾。沮洳場狗鳩鷄栖。安閑有地。幽囚境鼠肝蟲臂。賦予隨天。方寸中惟慎于從。職內不能無憾。北海未生。子馬角。孫紫桂嶺九迴腸。鼎湖莫遠龍髯。珠滴水天雙串淚。公義已非敢望。私情夫復何言。白雲鎖樹指粉榆。空囑繫書之雁。紅日含山瞻岵岵。偏慚反哺之鳥。致令忠孝道之兩虧。爲欠逋播臣之一死。嗟自古誰能無死。欲了分恐或傷仁。且爲人玩不樂生。欲從權恐尤害義。明白但循天理。堆黃誰管人言。牛馬任其呼。魚豎心卽魚愧色。龍蛇安所遇。不恐天亦不尤人。嗚呼。獸有首卽之狐。禽有南枝之鳥。宋珍裴伯耆在昔。拱北見丹哀。惟僚黎光賁何人。指南還素節。而今餘生猶未泯。白首究何歸。悠悠彼天。曷其有極。

北行鼓記 黎七臣黎佃著

己酉年季夏

黃春瀚手抄



Bài «Bắc Sở Tự Tình» do Hoàng Xuân Hân sao lại.

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

Phụ-chú : [Bài *tự-tinh* này thuộc loại văn *biền-ngẫu*, mỗi câu hai vế cân đối. Mỗi vế chia ra từng tiết ngắn thường bốn hay sáu chữ, nhưng cũng có biến đổi chút ít.

Văn lối ấy gọi là *tứ-lục*. Tuy không vần, nhưng phải hợp *niêm* nghĩa là các vế phải đối nhau về *phương-diện* bằng trắc đã dành, mà tiết đầu của một câu phải dừng với tiếng đồng thanh (trắc bằng) với chữ cuối câu trước. Tôi đã gắng dịch ra văn nôm cũng theo lối *tứ-lục* y như *nguyên-văn*. Còn *nội-dung* thì dùng *điền-cổ* và *sáo-ngữ* nhiều. Tôi hãy chú giải *đơn-sơ* những *điểm* khó hiểu. Đề-mục là *bày-tình* trong khi ở ngục *Bắc-sở*.

1) Sự *thế* biến đổi chóng như mây nổi hình con chó, màu sắc theo ánh mặt trời thay đổi (*Bức tranh vằn-cầu vẽ-vời tang thương* — *Cung-oán*) — Muối trở kẻ hèn mọn.

3) *Dé đàn* trở bọn tướng *Trịnh*, *Phạm Ngô-Cầu* và *Hoàng Đình Thê* chống với *Nguyễn Huệ* ở *Thuận-hóa* (Ở châu) — *Long đồ* trở *Thăng-long*. *Chuông* với *vạc* là *khí-cụ tượng-trung* một *triều-đại*; đây nói *Chiêu-thống* mất ngôi, cô *đơn* vượt sông *Nhị* chạy trốn.

4) Ý muốn nói *Quinh* sức hèn mà mong chống với *Tây-sơn*, mượn tiếng vua *Lê* để khởi nghĩa.

5) *Đời Tấn* (*Xuân-thu*) họ *Triệu* bị *địch* diệt và tìm giết hết con cái. Một môn-nhân tên *Trình Anh* cùng trốn với một con bé họ *Triệu*, rồi bảo một người họ *Triệu* tên *Công-tôn Chữ-Cậu* trốn vào núi với một bé khác. *Trình Anh* báo cho *địch* biết rằng con họ *Triệu* còn trốn ở núi, khiến *địch* lùng bắt giết. Nhờ vậy nòi *Triệu* còn và sau nhờ *Trình Anh* mà *phục thù* được. Xong việc *Trình Anh* cũng tự tử. *Lên cô* nghĩa là giữ đưa con cô được sống sót.

6) Các tích *Bao-Tur* (họ *Thần*), *Trướng-tử* (*Từ-Phòng* tức là *Trương Lương*) và *Tin-quốc-công* (*Văn Thiên-Tường*) đều đã gặp trong những đoạn trên bài kí.

) Ngụ ý việc *Quinh* không chịu cạo tóc và chuyện *Tô Vũ* bị *Hung-nô* giữ lại trong mười chín năm, lúc về mũ và cờ mao-tiết đều rách tươm.

9) *Thành-ngữ* trở lòng sạch (*gian nhả đất*) và *mạo hiểm* (*bướm xông đèn*).

10) *Tay trùng* là cánh tay con bọ ngựa (chống xe), ta thường nói *châu-chấu* chống xe. *Gan chuội* trở nhứt-nhất.

12) Cũng là tích *Tô Vũ* bị *Hung-nô* ở *sa-mạc* (*Bắc-hải*), chúa *Hung-nô* hẹn rằng khi nào ngựa mọc sừng thì sẽ tha về. *Non Mai* tức là *Mai-lĩnh* ở phía bắc *Quảng-tây*, giới hạn của vùng *Việt* xưa. — *Đỉnh-hồ* : ngụ ý khi vua *Chiêu-thống* mất không được tiền. Tích *Hoàng-đế* sau khi đức *đỉnh* ở *Kinh-sơn* (Sau gọi tên đất là *Đỉnh-hồ*) thì có rỗng hạ xuống đón lên tiên cùng cận-thần cung-quyển. Còn các *tiểu-thần* thì nín lấy râu rồng, nhưng râu đứt, rồng bay mất

14) Ý nhớ quê hương, thương bố mẹ. *Mây trắng* ngụ chuyện

HOÀNG XUÂN HÃN

Địch Nhân-Kiệt đời Đường trong khi hành quân trèo lên núi Thái-hàng quay nhìn đám mây trắng bay lẻ-loi, bảo với người chung quanh rằng « mẹ ta ở dưới đám mây ấy ». Bỗng-hồi nhìn theo mây đến lúc xa mới đi. Đó là chim quạ mà người xưa tin rằng khi mẹ già, nó tha mồi về mớm cho mẹ (Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn và Lòng còn gửi đám mây Hàng, Kiêu.)

15 *Bỏ-thần* : bầy tôi chạy theo vua lánh nạn.

16) Muốn tự-tử nhưng sợ làm tổn hại lòng trời sinh ra người. Muốn theo lời bảo cáo tóc để sống sung-sướng nhưng sợ hại đến nghĩa yêu nước.

19) Cầm thú cũng biết nhớ quê tổ, như cáo chết nằm quay đầu về gò có hang gốc, chim trĩ bị đem sang đất bắc chọn cảnh nam làm tổ.

20) Bốn tích người nước ta bị giữ lại ở Trung-quốc từ đời Trần đến cuối Mạc. *Tổng Trần* là một nhân-vật chưa hẳn có thật. Theo truyền tụng thì Trần người huyện Phù-hoa (nay là Phù-cừ, tỉnh Hưng-yên) tám tuổi đậu trạng-nguyên không biết đời nào. Đi sứ « Tần-quốc », bị giữ lại mười năm mới được về. Chuyện ấy được truyền lại bằng chuyện văn nôm lục-bát chắc đặt ra đời Lê. Nay còn có đền thờ làm phúc-thần ở làng quê. Theo ý tôi, chuyện này dân-gian đã tưởng ra vào khoảng đời Trần là đời có những sĩ-tử thần-đồng như Nguyễn Hiền đậu Trạng-nguyên lúc mười ba tuổi (hình như không có sự-nghiệp gì lớn) và Nguyễn Trung-Ngạn mười hai tuổi đậu thái-học-sinh, mười sáu tuổi đậu hoàng-giáp, có đi sứ Nguyên.

Bà Bá-Kì người huyện Thanh-miên (Hải-dương) đậu thái-học-sinh. Thấy Hồ Quý-Li cướp ngôi vua, Bá-Kì đi xin quân Minh sang đánh Hồ và phục-hưng Trần. Minh chiếm nước ta, cho Bá-Kì chức tham-nghị. Ý âm-mưu chống chế-độ quận huyện nên bị Minh bắt đem về giam đến chết ở Bắc-kinh.

Duy-Liêu họ Trịnh được Nguyễn Kim từ Thanh-hóa sai vượt bể sang Minh (1534) tố cáo Mạc Đăng-Dung tiếm loạn. Bị con bão, thuyền bật đến Chiêm-thành. Cuối năm 1536 mới tới Bắc-kinh. Bèn bị giữ lại ở vệ Cầm-y để tra xét. Sau khi Mạc hàng tướng Minh, Mao Bá-Ôn, Duy-Liêu bị giao cho Quảng-đông an-thập (1541). Có lẽ sau được thả về Thanh-hoa.

Lê Quang-Bí người huyện Đường-an (Đường-hào, Hải-dương) đậu tiến-sĩ Năm 1549, Mạc Phúc-Nguyên sai đi sứ Minh tể cống, bị kẻ gian tráo đổi đồ cống. Đến Nam-ninh sự bại-lộ, bị quan Minh giam-giữ quản-thúc trong mười chín năm mới được về. Quang-Bí là một văn-sĩ nổi tiếng đời Mạc. Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư và được phong tước Tô-xuyên hầu để nhắc chuyện Tô Vũ đời Hán.

So với bốn vị trên, Quỳnh có ý tự hào, nhưng bảy giờ tuổi vừa năm chục, tù đã mười năm. Lòng chán-nản thấy rõ trong bài

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

tự-tình viết ngày rằm tháng giêng, trong lễ treo đèn tết, và bài thơ khai bút đề *Bắt đầu lên năm mươi tuổi cảm tác* nay còn : bài bát cú trường-thiên gồm 24 câu, trong đó đã thò-lộ ra những lời nhắn nhủ : « Lòng trung, lòng hiếu không đồng, đều là cùm kẹp. Chết già chết non tuy khác, cũng kiếp phù-du. Sao nên quyến-luyến mãi nước cha mẹ. Cũng chẳng cảm tức kẻ thù xã-tắc. »

Lòng chán-nản cũng không lâu, nhờ sự Quính là một nhà văn *say chữ*. Buồn mà vẫn gò chữ nắn cầu. Trong tập thơ, liền sau bài khai bút nói trên, có một bài Đường-luật đề *T ông ngục ngẫu làm* coi chừng làm vào cuối tháng giêng ấy. Đặc-biệt là thơ làm theo « cách thuận-ngịch », nghĩa là đọc xuôi hoặc đọc ngược đều thành thơ đúng mẹo luật : đọc xuôi văn Nam, đọc ngược văn Tâm. Tuy vậy, trong thơ ấy vẫn viết : « Phòng tối, tịch-mịch, ít ngậm vịnh. Nhà tối, sầu người biếng nói cười. »]

THƯ THÁCH CƯỚI CÙNG

Tháng 2 (năm ấy, Đinh-mùi 1799), các quan thu-thầm bộ Hình. là hai vị ông già họ A 阿 và họ KIM 金 vắng lời đường-quan sai tới thăm vấn. Nhân vậy, Quính có bài bẩm đệ trình :

« Bẩm vì sự kính mong (Ngài) soi xét cho.

« Năm Càn-long thứ 54, theo mệnh ông Phúc Khang-An, chúng tôi bạt-thiếp sang đây. Vốn mong kính núp uy trời, may nhờ ơn nước. Nào nghĩ rằng : dấy hay dưng đều có mệnh, nung và đúc cũng bởi Trời. Dốc hết lòng mà chẳng làm sao được.

« Lúc bấy giờ, may nhờ đức lớn Thiên-triều ban ơn tột mức, bảo chúng tôi cắt tóc và biên tên vào hiệu quân-kì. Đối với lòng nhân-đức cứu sống ấy, chúng tôi cảm-kích không bờ bến. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng kẻ ngu dân mọi rợ không quen phép luật, chỉ ở nề ăn không, thì nghĩa chưa được ôn. Vả chẳng mẹ già không kẻ nương tựa, mồ mả tổ tiên không người trông coi. Chúng tôi nghĩ rằng nếu ở lâu ngoài quan sơn vạn dặm, thì rất đau xót tưởng đến cái ơn vô-cực. Vì vậy đã nhiều lần xót kêu ca, chỉ xin được trọn vẹn đạo hiếu.

« Chúng tôi, thân hèn giam cầm, ý định tuy quên ; từ hăm mươi năm, xét lòng biết lỗi. Nay được ĐẠI HOÀNG ĐẾ, ban chính-sách sáng như mặt trời vừa mọc, chiếu khắp chốn tối-tăm ; theo lòng nhân của trời vốn tra cho sống, ban đến đất đề-hèn. Chúng tôi muốn vãn nhờ các quý-vị Đại-nhân, thề theo lòng lành lớn, cúi xét dủ tấm thương ; xét tình thật mà xá lỗi. Tha ra cho đem thân xá : về, để cho bọn Quính chúng tôi khỏi bị nổi năm luân đều hồng. Chẳng những lũ sâu kiến sống thừa sẽ được đội ơn sâu, mà tất cả nhà già trẻ, kẻ còn người khuất,

HOÀNG XUÂN HÂN

cũng đều được thấm nhuần...vân vân.... »

Ngày 14 tháng ấy, vâng lời đường-quan đề-thăm, lại làm một bài bầm (khắc). Lời lược rằng :

« Nguyễn Huệ được phong đã qua một kỉ (: mười năm). Mệnh trời đã định, lòng người đã yên. Thế đổi, thời thay ; đó là lẽ chừng thật không thể làm gì được nữa. Chỉ còn lòng nhớ mẹ thiết-tha, cho nên đã đem tình quê mà kêu ca đau xót. Nếu như ĐẠI HOÀNG-ĐẾ đem đức lớn, nhân dày, xét tình tha lỗi, mở một con đường sống, thả cho đem thân xác trở về để thoát cái vòng mù-tối, thì đối với đức thành-toàn lớn-lao ấy, tuy có nghiền xương xé thịt, cũng không báo được một phần muôn.

« Bọn Quính chúng tôi sẽ xin cắt tóc để tạ ơn trời.

« Vả (hoặc) nghĩ rằng chúa cũ là tôi con Thiên-triều, Quính là dân của chúa cũ, thì không những nghĩa và lí đáng phải tránh làm dân Nguyễn Huệ, mà (như vậy) tắc lòng tôi cũng không thẹn. Cúi xin trời che, đất chở, khí xuân nuôi, lòng bề chứa, bằng lòng cho bọn Quính về làm tên dân ở biên-giới Lương Quảng, được qua lại (đường ranh) buôn bán gần chỗ an-trí. May chỉ được thăm viếng mẹ già và nuôi-nấng, thì không còn điều gì oán tiếc. Nếu sức có thể đem gia-quyển tới ở nội-địa, thì cũng xin được tùy-tiện mà làm... »

Quan tả-thị-lang họ HÙNG 熊 tên MAI 枚 không bằng lòng bốn chữ *qua lại buôn bán*. Rồi lại bảo rằng :

« Phải xin cắt tóc và xin cho ở cạnh doanh An-nam. Nếu không như thế, thì sẽ bị đưa an-trí ở Nhiệt-hà. Chúng anh xin điều nào ? »

Bọn Quính lại trả lời như trước rằng :

« Xin thả ra để đem thân xác về. Được thế thì tình-nguyện cắt tóc để tạ ơn trời. Nếu không được thế, thì xin giữ tóc để hợp lễ Trời ! »

Bấy giờ, bốn người đều lấy ý mình viết tờ bầm riêng dựa theo lời Quính đã giãi-lược trên. Rồi trông ngóng tin, nhưng không kết-quả. Nhân vậy, cảm-kích, làm thành hai bài thơ — bài thất-ngôn có « *Thân khốn mười năm ôm tiết trắng, Mệnh tùy sợi tóc tỏ lòng son* » ; bài ngũ ngôn có « *Nghĩa lớn nặng nghìn vàng, Thân hèn nhẹ như lá* » — Đem thơ trình hai vị ông già (họ A và họ Kim) xem rồi chuyển trình quan lớn (tả thị-lang Hùng Mai).

Phụ-chú : [Ba năm trước (Bính thìn 1796), khi vua Càn-long nhường ngôi cho con là vua Gia-khánh, ta đã thấy rằng Thanh-triều đã muốn gia-ân thả bọn Quính. Nhưng vì bọn Quính vẫn không chịu cắt tóc, nên việc bị bằng đi. Đến bấy giờ (Kỉ mùi

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

1799) vua Càn-long mới mất và vua Gia-Khánh mới cầm quyền thật-sự, liền ra tay trị bọn Hòa Thân, cận-thần bênh Quang-trung từ trước. Vì vậy mới có việc tái-thăm vởi ý muốn tha ra. Tuy tinh-thần đã bị dao-động nao-núng nhiều, nhưng Quính và đồ-đệ vẫn kiên-quyết không chịu khuất.

Hai bài thơ nói trên nay còn chép trong tập thơ của Quính, vởi đề *Ở ngục ngồi rồi cảm làm*, và có chú thích : hai bài trình quan đề-thăm, chuyển trình ông già tả thị-lang họ Hùng.

Bài thất-ngôn ý là : « Nồi chim cánh bèo gặp thời cùng. Lại đội mũ nam ngao-nghe vởi góc bắc. Thân khốn muren năm ôm tiết trắng ; Mệnh tùy sợi tóc tổ lòng son. Chẳng chi hay hợp nghĩa lòng không then ; Chỉ vì tìm điều nhân mà mình chịu coi như oán-thù. Sống đã năm chục tuổi mà thành một giấc mộng. Trải bao nhiêu cay đắng mà chung qui vẫn tay không. » Cuối có chú thêm : Bấy giờ nó không cho qua lại, phải ở chỗ nhốt. Vậy cảm-kích mà làm nên thơ. Còn bài ngũ-ngôn, ý cũng tương-tự như trên. Nhưng có một vài chữ không được chắc.

Có lẽ hai bài thơ này có kết-quả hay, như sau sẽ rõ.]

Ngày 15 tháng 6, bất ngờ thấy ông già họ PHÂN 樊 tên CẢNH HIỂN 景賢 thuộc Hậu-quân hiệu cờ Nương-hoàng, đem con Quính, là Doãn-Thuyền tới trong ngục đề thăm. Lập tức Quính làm tờ bằmm cảm ơn. Lời lược rằng :

« Mười năm bị nhốt trong tối, âm-tín không thông. Không biết lữ con lưu-lạc nơi nao. Bây giờ thoát thấy con, hoảng-hốt tưởng là chiêm bao. Thế mới biết rằng ơn trời mệnh-mông ; không chấp tội cha ngu-muội, vẫn cho phép con theo chúa sai bảo.

« Tôi cảm-kích không xiết kể. »

Từ đó được thông tin-tức. Về sau, ba người, là Doãn-Thuyền 允詮, Nguyễn Nghiêm 阮嚴 và Đỗ Suất 杜率 tới thăm. Nhân tiện, Quính gửi nhờ mang một bức thư về cho các vị ở hai doanh An-nam đông và tây. Thư rằng :

« Hiên sâu vắng-vẻ, kẻ đã mười năm ; nhận lẽ đăm-đăm, tin không một chữ. Nay nhân thuận tiện ; trời tốt vui mừng.

« Kính thưa các vị Quý-đài.

« Duyên may gặp-gỡ ; nghĩa được truy-tù. Hoặc vịn giá theo vua-gian-quan đất khách ; hoặc treo non vượt bề, bạt-thiếp gian truân. Chính-khí xông bay ; lòng trung sáng rệt. Tuy so trước đã đẹp bằng Trình Anh, Viên Thuật. Nhưng cũng chưa nổi tiếng như Phạm Lại, Yền Suy. Đó là bởi Trời.

« Còn như tôi : chịu mệnh trong khoảng mặt-vạn lưu-li ; không

HOÀNG XUÂN HÂN

làm thì không trọng mệnh. Cho nên, sức hết kiệt hơn muối đội núi ; nghĩa tối mờ hơn kiến theo đàn. Không quản bảy ngày khóc ra máu mà không tới được sân Tàn ; ba tấc lưỡi bảy mưu mà không động nổi màn Hán. Rồi khi vua ra chạy thẳng-thốt, không dự truy-tù ; khi vua đất khá hễ lẽ-loi, không hầu gần-gũi. Đã được yên sống hơn vua ta trước ; (tội tôi) kéo tóc mà đếm cũng không xuề.

« Đến như chuyện bắc-đắc-dĩ đem một sợi tóc để tỏ tấc lòng, chứ có ích cho nước được một mảy lông nào ! Tuy có chín lần chết cũng không dòi, (tính mệnh) bất quá nhẹ như lông hồng mà thôi. Vả chẳng, cánh nhạn không thông, nhưng xây thành sâu trên vườn đất ; râu rồng chẳng náu, chỉ rơi mưa lệ giữa trời đông. Trên không sánh kịp lòng trung Lí Nhượng-Thủy ; dưới lại hồ người trước mặt các liệt vị Quý-đài. Thẹn đã phụ trời đất ; hổ với người xưa nay. Không những không đủ sánh với bạn bè ; mà chó ngựa của Từ-cung cũng phải nhỏ và không thềm nhìn.

« Nay, nhiều lần được Quý-đài rủ tình đoái hỏi : giạt mình khi nghe ném ngọc, tóc rối thêm tươi ; kinh hãi được đoái mắt xanh, mũ nam thêm rạng. Tấm thân bị buộc lâu ngày, rất đổi cảm kích, kẻ không xiết.

« Chỉ mong rằng (liệt vị Quý-đài) trân-trọng giữ-gìn ; ngọc thành gắng đợi. Yên bề tùy ngộ, vận thái không xa. Sẽ gặp ơn trời dầm thấm, mưa móc tràn dào. Tôi tuy trong phòng giam ngục tối, cũng được gọi chút sống thừa. »

Phụ-chú : [Thế là bốn tháng sau khi thăm-vấn, qui-chế giam giữ bọn Quính được nới rộng : cho thông tin và nhận người đến thăm. Bấy giờ phần lớn những người tông-vong Chiêu-thống đã bị an-trí xa, Chiêu-thống và con cũng đã mất sáu năm rồi. Chỉ còn mẹ vua Chiêu-thống (đức Từ-cung) ở An-nam tây doanh cùng một vài tông-thuộc. Có lẽ Doãn-Thuyên, con Quính ở hầu hạ bà tại đó. Còn các trọng-thần thì chỉ còn Đinh Nhã-Hành ở Đông-doanh với một số người ti-thuộc.

Chắc rằng, các vị ấy đã gửi thư sang thăm Quính, cho nên Quính mới trả lời bằng thư trên. Tuy lời khiêm-tốn, nhưng ý vẫn tự-hào, vẫn gọt nắn câu văn, kén chọn điển từ nhắc-nhở luôn về sự mình không chịu cắt tóc. Chính cái phong thái ấy của Quính đã làm người khó chịu nên xem chừng ít kể ra. Mà thôi « say chữ » của Quính khiến văn văn nặng-nề tuy chỉ trong một bức thư. Thật ra, lối viết thư ngày xưa thường mang tính-cách của một văn biên-ngẫu ; tuy khuôn-sáo không chặt như văn tứ-lục, nhưng cũng đối lời đối ý, dùng điển-tích, dùng thành-ngữ nhiều. Trên đây, tôi đã gắng dịch để giữ nguyên-tinh văn xưa. Sau đây,

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

tôi giải-thích một vài điểm ý ngầm. Đoạn nói đến các vị thì ngụ ý rằng kẻ thì chạy cùng với vua, kẻ thì sau trốn ra theo (trở Đinh Nhã-Hành), rồi so sánh các vị với người xưa : Trình Anh (đã chủ dẫn), Viên Thuật (người đời Đông Hán, chiếm vùng Dương-châu, tự xưng hoàng-đế, rồi bị Tào Tháo diệt trừ). Tôi không rõ vì lẽ gì Quính lại lấy Viên Thuật mà so ví với các vong thần. Hoặc bản sao làm chằng ? Hoặc Quính đã nghĩ đến Lê Duy-Chi là chú Chiêu-thống đã chạy theo Chiêu-thống và bây-giờ được nối chức-vị Chiêu-thống ở An-nam-doanh ? Dầu sao những điển-cổ Quính dùng không được gần, nhất là trong bức thư này. Hai tích sau là Yên Suy, Phạm Lại : *Hồ Yến* và *Triệu Suy* là bầy tôi Trọng Nhĩ con vua Tấn đời Xuân-thu, theo chủ trốn ra ngoài trong 19 năm. Sau khi trở về, Trọng Nhĩ thành vua Văn-công rất có tiếng. *Phạm Lại* đời Xuân-thu giúp Việt Câu-Tiền khôi-phục nước. *Điền sản Tần* và *điền mãn Hán* trở Thân Bao-Tư và Trương Lương đều đã gặp nhiều lần. *Điền râu rồng chẳng niu* trở vua chết không đi đưa cũng đã thấy với thành-ngữ *Đỉnh-hồ*. *Lí Nhực-Thủy* thị-lang đời Tống, theo vua Khâm-tông khi Nguyên bắt vua về Yên-kinh, mắng giặc rồi bị giết. *Từ cung* : nguyên-văn từ-chúa có lẽ trở mẹ vua Chiêu-thống bây giờ còn sống ở An-nam tây-doanh. *Ném ngọc* : rút thành-ngữ ném gạch được ngọc : đây trở lời quý báu của các vị. *Mắt xanh* : tích Nguyễn Tịch đời Tấn trọng ai thì nhìn với con mắt xanh, nghĩa là nhìn thẳng ; khinh ai thì nhìn với con mắt trắng nghĩa là nhìn nghiêng.]

Ngày 13 tháng 8 (năm Kỉ-mùi 1799), thượng-thư bộ Hình, giữ chức đô thống hiệu cờ *Nhượng hoàng* thuộc Hậu-quân, là quan lớn họ THANH 成, tên ĐỨC 德, sai ông già Phàn đem (con Quính) Doãn-Thuyền đến dỗ, thuyết-lí rằng (nếu nghe lời) thì cha con sẽ đoàn-tụ. Quính lại làm bầm-vấn, theo ý trước :

« Kính tạ ơn sâu ; tỏ bày lòng thật. Bọn Quính, bèo trôi muôn dặm, gai nhốt mười năm. Chỉ vì khôn đôi lòng ngậy, đến đôi đảng cay với tiết trinh khó giữ. Vua tôi, cha con đều trở cách ; ấy thật nhân-tình khó chịu nổi. Nay nhờ xét tình rộng lượng, trong khoảng vài tháng, cha con lại được gặp nhau. Lòng lành rộng lớn khiến nên cảm-kích vô cùng. Tuy nghiêng xương xé thịt cũng không đến được một phần muôn.

« Nghĩ rằng Thiên-triều giáo hóa miền Nam đã một trăm năm mươi năm, thế là đã sâu và lâu vậy. Bọn Quính chỉ từng theo đòi đức-giáo, cho nên không dám lấy tình riêng mà khuây trọng nghĩa chung. Đến bây giờ đã trải mười năm. Đòi thay, việc đòi. Nếu có được phép phục thù, thì chưa hẳn còn kẻ thù mà phục. Nếu có được theo chủ cũ, thì lại không còn chủ cũ mà theo. Đối với nghĩa công, đã không thể đạt được nguyên-do của sự minh thờ, lại không dám vì tình riêng cha con trong nhà mà trái với giáo-hóa của Thiên-triều khuyên người trung nghĩa. Cho

HOÀNG XUÂN HÂN

nên đã tranh-thủ lưu sợi tóc để tỏ lòng trung. Vốn không dám giầu-giếm mục-đích gì khác.

« Nay con đại tội thuật lại ân ý của Quan lớn, cao sâu như núi bễ, bảo tôi nếu muốn cha con đoàn-tụ và dốc ý khần-cầu, thì cũng có một con đường cứu sống.

« Bọn Quính nghĩ rằng ơn-huệ không thể đòi, thời-cơ khó được lại. Cho nên nhân nhờ cơ-hội, cầu làm chim sồ lông, làm trâu liếm nghé. Nhưng vẫn muốn sống thừa cùng đầu bạc ; há chịu trước khi chết đòi lòng son. Nếu được (Quan lớn) soi xét, thì ơn đặc-biệt, để cho cáo chết, kiến sống được vẹn lòng nguyện. Ấy thật nhờ cái đức thành-toàn của Quan lớn vậy. »

Phụ chú : [Nhung-hoàng tinh là hiệu quân mà vua Chiêu-thống và các vị vong-thần đều lệ-thuộc. Ý Thành Đức là để nếu chịu cao tốc thì sẽ được tha và sẽ bổ chức tại doanh An-nam như những vong-thần khác. Tuy lời đáp của Quính bớt phần ngạo-nghe, nhưng ý vẫn vững. Những lễ đem ra có vẻ thành-thật và gần nhân-tình : xin làm chim sồ lông, làm trâu liếm nghé. *Trâu liếm nghé* là thành ngữ trỏ cha già thương con trẻ. Tờ bầm hầy có lẽ làm chuyển lòng thượng thư Thành Đức, nếu ở câu cuối, Quính không gì tặc say chữ đem tên húy của quan lớn này ra mà nói khích, bằng câu « Thật lại Đại-nhân thành-toàn chỉ đức hỉ 實賴大人成全之德矣 ». Nhưng Đại-nhân cũng không giận, cho nên hai tháng sau lại cho người dỡ một lần nữa.]

Ngày 23 tháng 10 (năm Kỷ-mùi 1799), ông già PHÀN đem DOÃN THUYỀN tới, lại đem lời Quan-lớn dỡ như trước. Gia-nhân là NGUYỄN NGHIÊM, ĐỖ SUẤT cũng theo tới PHÀN lại nói :

« Trong ngục là nơi cấm, không dám đem nhiều người tới. Còn có NGÔ VŨ, PHẠM VIẾT-CANH, TRỊNH ĐỨC-BỒI, ba người nữa đứng ngoài. Hôm khác sẽ đem tới. »

Vẫn như trước, Quính có lời bầm, nhờ chuyển đạt :

« Ngưng cầu Thánh xét. Trộm nghĩ bọn Quính, cô-thần đất khách, giam cầm mười năm. Nay mong Quan lớn đoái thương, đã nói giam cầm, để được bày tình trâu liếm nghé ; lại hứa mở cho đường sống, được thoát ngục tù. Chiều nơi kín, soi chỗ ần. (Khác nào) mặt trời mùa đông, gió ầm ngày xuân. Bọn Quính cúi đầu nhận ơn, lòng cảm-đối kẻ không xiết. Vì vậy, dám mạo-muội bày tỏ lòng què.

« Năm Càn-long thứ 54, bọn Quính vào Thượng-quốc, vốn muốn nhờ cây oai Trời, để mưu khôi phục. Gặp phải lúc ông lớn PHỨC biện-lí việc phong Nguyễn Huệ, nên đến đổi bắt giữ bọn Quính rồi giải

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

tổng (đến đây). Bấy giờ may được ĐẠI HÀNH Thái-thượng Hoàng-đế xét thấu tình mọn, tha không bắt tội. Lại nhiều lần các quan bảo cải trang thì được hưởng ơn to bỏ dụng. Bọn Quính đã nghĩ rằng cứ giữ quốc-phục cho tiện là lời thề mãi chẳng quên. (Cho nên) đã thẹn phụ ơn Vua, tự mang lấy họa, hãm mình vào ngục từ đó đến nay.

« Tháng 2 năm nay, lại được quan lớn Bộ-đường điện-dụ rằng : nếu cắt tóc thì được ở doanh An-nam, để tóc thì bị an-trị ở Nhiệt-hà ; chúng bay muốn đường nào ? Bọn Quính trộm nghĩ rằng : đã là bầy tôi trên đất khách may được tha tội, thì khắp trên thiên-hạ đâu cũng có thể ở. Nếu không ở doanh An-nam thì nay đang ở Bắc-sở ; ở Nhiệt-hà còn hơn ở Lạnh-sơn. Nhưng đã là nhờ bầy tôi mắc tội mà còn được ngồi nề ăn không ; ấy là nhờ đức lượng rộng của Thiên-triều, chứ đừng đưa danh-nghĩa ra mà nói lí. Song le nhà con mẹ già, không ai mà nương tựa. Lòng thì có hướng, nghĩa cũng chưa yên. Nếu đã được hưởng lòng nhân tha lỗi, mà lại được thỏa nguyện nhớ nhà, thì mưa móc có thừa. Lá rể đều tốt ; bề sông nhuần thấm, xa gần đều tươi. Nếu chỉ vì thân mà tìm kế ở lại đây, thì trung đã không toàn, mà hiếu cũng hỏng. Không những sẽ ô nhục suốt đời, mà còn làm trái lòng vua lấy hiếu trị dân. Bọn Quính khẳng khẳng xin về đất nhà, chỉ bởi có ấy, chứ không có lẽ khác.

« Nhưng hoặc cho rằng nếu thả ra, thì bọn Quính hoặc sẽ làm xằng gây loạn, hoặc sẽ bị Nguyễn Huệ làm hại. Nghĩ như thế là vô lí. Hãy thử nghĩ. Nguyễn Huệ đã truyền ngôi một đời ; mệnh Trời đã định, lòng người đã yên ; cảnh vật biến dời, non sông đổi trạng. Huống chi : Bình-vương đã chết, vậy hết kẻ thù ; tuy còn thân xác có thể đánh, nhưng cũng phải lấy tài Ngũ Tử-Tư mới có thể mưu đồ rửa giận cho Ngô. Hàn Thành đã mất, thì hết chỗ trông. tức là không người mà giúp ; tuy có trí Trương Lưu-hầu, cũng chỉ phò nhà Hán dấy lên. Bằng nay, lường thế xét thời, nếu có trí-tuệ, cơ-sở, thì cũng chẳng làm sao cử động được. Huống chi kẻ ngu này, tay không lại dám làm trò còn bướm đớp lửa sao ? Không những bọn Quính không dám làm xằng, mà cũng chẳng thể làm được.

« Và chẳng, từ khi Nguyễn Huệ lấy được nước đến nay, phạm những bầy tôi và dân nhà Lê, trừ những người tử trận, thì những kẻ đã bị giết chỉ là đồ ngoan-ngạnh phản-bội mà thôi. Tức như những người mà Trung-quốc thả cho về thì chưa hề bị hại. Và chẳng Quính, thân đơn tuổi già, chịu yên phận-mệnh. Không những nó không nhẫn-tâm giết, mà nó cũng không thêm giết. Phương chi lòng nó sợ mệnh Thiên-triều mà không dám tự-tiện giết. Dù may mà Nguyễn Huệ không

HOÀNG XUÂN HÂN

giết, thì sống làm dân sót của nhà Lê, Quính cũng có thể thỏa lòng chim (nhớ tổ) mà không giận. Dù không may mà bị Nguyễn Huệ hại, thì chết ở đất cũ nhà Lê, Quính cũng được toại nguyện cáo (chầu gò) mà không thẹn. Nguyễn Huệ làm hại hoặc không làm hại, là bởi bọn Quính may với không may ; ý chừng không liên quan đến cách trị dân của Thiên-triều nặng hay nhẹ.

« Vả lại, lấy rợ trị rợ là phép sẵn của các vua đời trước ; rộng lượng vô cùng là điều thánh đế dụng-tâm. Hoặc có kẻ lánh nạn đã vào đầu-ngụ, thì thương mà đặt ở yên ; ấy là rất nhân. Hoặc có kẻ khản-khoản đã xin về, thì xót mà tha đi ; ấy cũng là rất đức. Hóa-công nung đúc, tùy theo vật mà tạo hình. Há lại có hững-hờ về sự ấy sao ! Rất mong (quan lớn) tìm lí trong tình, ban ơn quá phép, thì bọn Quính, từ nay đến trước đều đội ơn Đại Hoàng-đế đã cho sống lại.

« Cúi nhờ Quan lớn thương đến tấm lòng thành-khẩn của kẻ cô-thần, cần nhắc điều cô-thần đã mang tội nhưng đã được xá, mà tâu xin cho về dưỡng lão. (Được thế thì) bụng khoan-hồng cũng-cổ ngũ-luân, phong-hóa bốn phương càng đẩy động ; mà cả nhà Quính, kẻ còn người mất, đều hưởng cái lượng từ-bi rộng lớn vô cùng. Kẻ bày tội ngu muội này sợ hãi không kể xiết. »

Phụ-chú : [Lần này, lời lẽ Quính khiêm-tốn, không nhắc chuyện giữ tóc nữa, nhưng lí-luận vẫn cứng-cáp đường-hoàng. Sau đây, một vài chú-thích về diên-cổ : *Tình trâu liếm nghé* : tình cha già nuôi-nấng con trẻ *Đại-hành hoàng-đế* : tôn-hiệu trở vị vua mới mất chưa táng ; đây trở vua Càn-long mất vào tháng giêng năm Kỷ-mùi ấy. *Lạnh sơn* : núi ở vùng bắc Mãn-châu. *Bình vương* : là tước Nguyễn Huệ tự tôn trước khi xưng đế (trong thư viết cho Nguyễn Thiếp năm 1787 đã thấy. Xem La Sơn Phu-Tử trang 105). *Ngũ Tử-Tư* : người nước Sở đời Xuân thu, cha và anh bị vua Sở Bình-vương (Quính cổ ý dùng sự trùng tước hiệu này) giết, cho nên chạy sang nước Ngô giúp đánh Sở chiếm kinh-đô. Lúc ấy Bình-vương đã mất. Tử-Tư sai quật mồ rồi sai đánh thây ba trăm roi. Hàn Thành, dòng vua nước Hàn đời Chiến-quốc. Nước Hàn bị Tần diệt, Trương Lương (tức Lưu-hầu) rình ám-sát vua Tần, nhưng đánh lầm xe, nên chạy theo Lưu Bang (Hán) làm quân-sư để đánh Tần. Rồi tìm được Hàn Thành lập làm Hàn-vương. Hàn diệt Tần, nhưng Sở Hạng-Vũ lại giết Hàn Thành.]

Tháng 11 (năm ấy Kỷ-mùi 1799), bọn Quính nghe tin Quốc-mẫu mất, đã đến ngày táng. Quính bèn gửi thư cho Tá-linh-công — *Lê Duy-Chi, chú họ vua* — và cho các vị ở hai doanh Đông và Tây.

Thư rằng :

« Chúng tôi Lê Quính, Lê Trị, Trịnh Hiến, Lí Bình-Đạo, kính nhờ mảnh giấy, bộc-bạch tấc lòng :

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

« Lúc xưa không quản nông sâu, những muốn mưu nhờ sức hổ —
Sau lại không nề nặng nhẹ, hóa không giúp được hai rồng

« Hằng lo thần-tiết khuyết nhiều — khôn liệu hóa-cơ khó đoán.

« Thuở nọ non Tây chìm vừng nhật, tắc bóng khôn trông.

— Ngày nào mây tối rụng ngôi sao, nửa tin chẳng thấu.

« Ôi ! ngóng lại, xa đường nghìn dặm đất — Ngắm rào vầy, đen quá chín từng mây.

« Một mai, may được đội ơn to, giam cầm mới nói — Mấy độ, những mong chờ bóng nhận, âm tín vừa nghe.

« Kinh-hải tan man-mác tâm hồn—Buồn-bã chảy chứa-chan dòng lệ.

« Ngày trước, Đỉnh-hồ mây lấp, đã từng không níu lại râu rồng —
Thình lình Bảo-vụ sương che, lại không thể tiến đưa giá hạc.

« Tin dữ, nghiêng tai nghe xót — Lòng đau muốn viếng không đường.

« Xe mây cao ngắt ở nơi nao, quay tới khom mình xa lạy — Rào ngục phục phải đầu là tang-điểm, thôi đành xoa tóc theo lề.

« Đã hay lẽ chế nhiều sai — Ý cũng hiểu trung đều lỗi.

« Ô hô !

« Cô-thần lâu nhốt, chỉ thiếu một chết mà thôi — Đại-nghĩa thẹn nhiều, đã dứt năm luân hết thấy.

« Người mà đến thế—Trời nỡ làm sao !

« Nay nhân hạ huyết đến ngày, xa theo đạo tồ — Cần biện sấp hương vật mọn, đề tỏ lòng tôi.

« Cúi mong dủ soi tình-khúc, vì chúng tôi mà tiến giùm. »

Bọn Quỳnh ở trong ngục khóc. Người ta nghe đều cảm động.

Phụ chú : [Bức thư này cũng là một bài văn tế, dùng lối văn biền-ngẫu, có niêm-luật. Tôi cũng đã dịch nghĩa theo phép văn ấy. Sau đây là một vài điểm chú-thích :

Lê Duy-Chi 祇 : có lẽ cũng là Lê Duy-Trị 治 hay là Phò 傅 người mà Quỳnh đã đoán chừng là chú họ vua Chiêu-thống (xem trên, vào khoảng năm Quý-sửu 1793). Nguyên là vua Thanh ban cho Chiêu-thống chức ta-lĩnh với điều-kiện là chức ấy sẽ được truyền đời đời. Sau khi Chiêu-thống mất, kẻ nối vị Chiêu-thống thì chỉ còn người chú này mà thôi, cho nên người ấy cũng được nối chức ta-lĩnh.

Hai rồng : trở vua Chiêu-thống và bà Thái-hậu.

Chìm vừng nhật trở vua Chiêu-thống mất. *Rụng ngôi sao* trở Thái-hậu mất. Sao đây trở sao Nữ, cũng gọi là sao Chức-nữ, hay là sao Vụ-nữ, tiêu-biểu đàn bà qui.

HOÀNG XUÂN HÂN

Đỉnh-hồ... níu râu rồng : trở sự không tống tang vua được. *Bảo-vụ* hoặc *Báu-vụ* tức là sao Vụ-nữ đã dẫn trên. *Già hạc* : xe hoặc kiệu mà chim hạc kéo lên trời. Về này nói không đưa tang Thái-hậu được.

Xõa-tóc : tục-lễ con đưa tang cha mẹ thì xõa tóc. Đây Quính cổ ý nhắc sự bọn Quính còn giữ được tóc. *Tang-diêm* : nhà dựng tạm bên mộ để làm lễ trong đám tang.]

RA NGỤC RỜI VỀ NƯỚC

Ngày mồng 4 tháng 4 nhuận năm Canh-thân, Gia-khánh thứ 5 (1800), bọn Quính được thả ra khỏi ngục, dời đi ở cách phía tây Kinh-thành mười hai dặm, tại xưởng Lam-dinh an-trí ở doanh Hỏa-khi ngoài. Đầu tóc, ăn mặc được phép tự-do. Phần-mộ chúa cũ, được phép thăm viếng. Con cái được phép qua lại.

Quính liền làm một bài thơ, trình quan bộ Hình và quan coi ngục — thơ có câu rằng : *Kéo tóc khôn đến mưa móc mới ; Ngánh đầu sợ phụ núi sông xưa.*

Tháng 5, quan coi doanh Hỏa-khi là Định thân-vương — tên Ân — tới diện dụ rằng :

“ Nay vâng ân-diền của Hoàng-thượng, cho các anh ở đây ; giao các anh cho ta coi sóc để được tốt lành. Về phí-tồn ăn, tiền phụ-cấp thì có Hậu-quân Nhượng-hoàng-tinh phát. Các anh hãy ở yên, tuân lời, đừng làm việc trái. ”

Phụ-chú : [Thế là gần sáu tháng sau khi Quính đưa tờ bầm xin tha, bọn Quính mới được thả ra khỏi ngục, nhưng vẫn bị an trí gần Bắc-kinh, và cũng được hiệu cớ Nhượng-hoàng cấp-dưỡng như các người đồng bang ở An-nam doanh. Bài thơ nói đến trên còn chép trong tập thơ với đề : *Ra ngục cảm lam* và dẫn y như lời trong bài kí. Ý thơ là :

Đội mũ phương Nam có kẻ bị giam buộc hơn mười năm.
Nay được nuần thấm dồi dào ơn từ Trời rơi xuống.
Kéo tóc khôn đến mưa móc mới,
Ngánh đầu sợ phụ núi sông xưa.
Hồn trung ngày khắc sẽ bù đắp những ơn tiếp tục.
Tiết khắc-khổ giữ đến ngày nay cho nên chí cũ toàn.
Mặt trời đỏ vừa lên từ trên cao chiếu soi xuống,
Khiến nên ở xứ Kì-bắc (vùng Bắc-kinh) có chim cuốc kêu.]

Tháng chạp, Quính lại qua vườn *Bắc tân*, quét gợn lãng tằm trong vườn ấy (mộ Chiêu-thống, mẹ và con vua). Chỉ thấy vài ngôi mộ, nắp dưới bóng mấy cây trong rừng du. Khóc nức nở thút-thít rơi hạ chén rượu nếp. Mắt khôn cầm giọt lệ như mưa trên núi Giá. Lòng mệnh-

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

mang gửi đến đám mây sâu trên sông Nhị.

Quính bèn bàn với *Tá-lĩnh công* nên lo mang xương Chúa về nước mà táng. *Tá-lĩnh công* nói : « Đó là lời hối của Chúa ta ; tôi còn nghe dinh-ninh dặn lại ở bên tai, làm xót-xa trong lòng. Nguyễn chúng ta cũng y như vậy. Chúng ta hãy tính-toan kĩ-lượng. »

Phụ-chú ; [Đây là lần thứ hai, Quính đi viếng mộ vua Chiêu-thống. Trong tập thơ, Quính còn đề lại một bài *Cảm-tác* làm trong khi đi viếng lần đầu vào ngày mồng 8 tháng tư nhuận, nghĩa là chừng tám tháng trước... Bài thơ ấy đề là *Viếng mộ chúa cũ về cảm làm*. Lại có tiểu-dẫn rằng : « Vườn mộ chúa cũ là Vua Lê ở phía đông Kinh-thành. Mộ ở phía bắc trại Bắc-tân 北潭. Bốn ngày sau khi ông (trở Quính) ra khỏi ngục, thì qua viếng tất cả các mộ. Doanh Hòa-khi phái binh mã theo đưa. » Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* nói mộ ở chỗ khác. Lời sách ấy rằng : « Vua Thanh sai lấy lễ tước công đem táng ở Quảng-lăng ở ngoài cửa Tây-trực. Đất rộng ba mẫu, ngoài bọc rào cao. Các bầy tôi tông-vong đều ăn mặc theo lễ chế... » Quảng-lăng có lẽ là tên cái lăng, vì các lăng vua đều có đặt tên riêng, như Vĩnh-lăng là mộ Lê Thái-tổ, Hữu-lăng là mộ vua Lê Thái-tông. Đây Quảng-lăng có lẽ là tên lăng mà các bầy tôi vua Lê đặt ra. Sự ấy không trái với tên đất *vườn Bắc-tân* mà Quính chép. Nhưng về phương-hướng thì cửa Tây-trực là một cửa ở phía Tây-bắc Kinh-thành, còn Bắc-tân thì Quính nói ở phía Đông.

Về *Tá-lĩnh công*, thì như đoạn trên đã chú-thích, ấy là Lê Duy-Chi chú họ vua Chiêu-thống đã được nối chức của Chiêu-thống, và là chúa của người Việt trung thành với Lê *Hoàng Lê Nhất thống chí* có chép rằng Chiêu-thống nhận con Lê Như-Tùng là Lê Huy-Vượng làm con nuôi sau khi con mình mất và đổi tên ra Lê Duy-Khang ; rồi sau khi Chiêu-thống mất, Lê Duy-Khang được nối chức *Tá-lĩnh công* (1793). Đọc qua thì hình như có sự sai lệch giữa hai sách về tên *Tá-lĩnh-công*. Nhưng có lẽ hai sách đều chép đúng. Có lẽ Lê Duy-Khang cũng mất sớm, vì sau này không thấy đâu nói đến y cả. Tám năm sau (1800), Lê Duy-Chi lại được nối chức ấy.

Về lời trời của Chiêu-thống, *Hoàng Lê Nhất thống chí* có chép rõ rằng : « Bấy giờ vua bệnh càng nặng ; bèn triệu các thị-thần để trao lời dặn trời lại. Rằng : « Ta gặp việc nhà không thành, đã không hay giữ xã-tắc, phải chạy ra đất người để lo hưng-phục. Rồi lại bị tội gian-quyền bán rẻ. Uất-uất đến thế này, mang giận mà mất. Ấy thật bởi Trời. Ngày sau nếu các khanh được về nước thì nên mang xương tàn tôi về phụ táng ở sơn-lăng các Thánh, để làm rõ chí ta. Các khanh nên ghi lấy rồi truyền cho mọi người biết. »]

Đầu xuân (1801), hết tang Quốc-mẫu. Ấy cũng là một cơ-hội

HOÀNG XUÂN HÂN

(nhóm họp). Quính bấy giờ nói chuyện ấy cùng các người nước ta. Họ đều đồng ý. Rồi Quính soạn bài bằ, lược rằng :

« Nhà Lê tan mất, tôi phầ hèn mọn, được nhờ ơn cấp dưỡng mà ở rồi. Không có cách gì báo đáp, xấu hổ không xiết. Huống chi mẹ già tôi còn sống, không kẻ tựa nương. Nếu trộm sống ở đây, tội bất hiếu đã lớn, mà nghĩa chúa tôi càng có chỗ chưa yên.

« Hiện nay, (nhà) chúa cũ ở đất khách là mấy năm mồ cô quạnh. Sống đã không thể quay xe nhuộm bụi trở về, mất thì hồn lại không thể yên nơi lữ-huống. Tôi những xót-xa nghe kể rằng chúa cũ lúc sắp mất đã dặn mang hài-cốt về phương Nam. Huống chi Từ-cung lúc lâm chung đã thiết-tha với ý quây đầu về bắc. Tôi than xót vì khó báo đáp cho kẻ ở Suối-vàng. Nếu bọn Quính không cáng-đáng lấy việc ấy, thì xấu hổ rất lớn.

« Trước đây, chúng tôi đã đem lời xót-xa xin được đem xương mình về nước. Nhưng vì nước An-nam đã thuộc về Nguyễn Huệ quản, thì chưa tiện thả cho về. Vì sự ấy, tôi xin kể rõ tình hình (trong nước), ngừng mong nhờ soi xét.

« Nguyên là nước tôi đất đai gồm mười sáu đạo. Từ thừa nhà Lê trung-hưng đến nay, dòng dõi kẻ bầy tôi cũ đã có công-lao lớn, là Chiêu huân công Nguyễn Kim, đời đời giữ đạo Quảng-nam được hơn hai trăm năm. Từ khi Nguyễn Huệ chiếm-cứ Kinh-đô nhà Lê, thì anh nó là Nguyễn Nhạc chiếm giữ thành Bàn-xà — *tức nay Bình-định* — thuộc đạo Quảng-nam, và chống trở với nó. Dòng-dối người công-thần xưa kia còn giữ được các đất thuộc đạo Quảng-nam : xứ Đồng-nai và núi Phú-quốc, ý là muốn trông ngóng vào Thiên-triều từ lâu. Nhưng vì đất xa phận nhỏ, cho nên chưa đạt thấu lòng thành tu cố. Nhưng từ bờ bẻ Lưỡng Quảng về nam, không ai không rõ việc ấy.

« Nếu được Đại đức dũ lòng thương, thì cho xin phép bọn Quính đem hài-cốt chúa cũ về trước hết (để tạm) ở Quảng-đông. Rồi giao cho quan coi địa-phương biện-lí. Hoặc sai người hộ-tổng hài-cốt ấy giao cho kẻ cầm đầu họ Nguyễn ở xứ Đồng-nai, hoặc cho phép hai ba người trong bọn Quính chuyển báo cho địa-phương Đồng-nai Phú-quốc. Đất ấy thì nhân-dân còn là dân sót lại của nhà Lê xưa ; phía bắc có Nguyễn Nhạc ngăn cách, đối với Nguyễn Quảng-Toản — *con Huệ* — hoàn-toàn không dính-líu. Đưa về đó mà làm việc chôn cất xương khô, thì sự mong-uớc cô-đơn của Chúa cũ sẽ hoàn-toàn đạt. Về đó, giữ mồ (vua) vừa nuôi mẹ, thì lòng ước-ao nhỏ mọn của bọn Quính sẽ toại. Chẳng những chỉ bọn Quính đội đức tái-tạo của Đại Hoàng-Đế, mà tất cả

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

người nhà Lê, chúa và tôi, kẻ còn và người khuất đều được nhuần ơn vô cùng. »

Năm Tân-dậu, Gia-khánh thứ 6 (1801), tháng 2, bọn Quính đem tờ bẩm ấy đệ lên Định thân-vương. Thời giờ qua ; mà không thấy trả lời. Bọn Quính lại đem số tiền lương được ban đề ăn uống mà (trả lại) chứ không chịu nhận.

Tháng 9, thấy quan lớn sai bốn ông già lớn là các tham-linh họ Cao, họ Vương, họ Chu và họ Hà đến chỗ trú bảo rằng : « Tiền lương ấy, không được từ. »

Từ đó, bọn Nguyễn Nghiêm, Đỗ Suất, Trịnh Đức-Bồi và Phạm Viêt-Canh mới được qua lại ; và cũng bỏ sự cấm phòng.

Phụ-chú : [Đầu năm Tân-dậu (1801), Nguyễn Ánh đang tấn công quân Tây-sơn ở cửa Thị-nại (Bình-định) và các tướng Võ Tánh và Ngô Tùng-Chu đang bị vây trong thành Qui-phơn. Còn Nguyễn Nhạc thì đã mất rồi (1793), và quân Nhạc cũng tan. Bọn Quính không biết rõ chuyện nên trong tờ bẩm trên (1801) còn nói đến phần đất của Nguyễn Nhạc.

Còn tình-trạng bọn Quính ở doanh Hỏa-khi thì tuy được cấp dưỡng-phí, nhưng vẫn bị an-trì. Trong bài thơ *Cảm-tác* sau khi đi viếng mộ Chiêu-thống, Quính nói : « Chỗ nhốt mấy tù-ngu-âm cũng như chốn Chín suối. Tuy được ra ngoài ở phụ-cận Kinh-thành nhưng cũng là tù Yên-kinh ».

Bấy giờ triều-đình Thanh còn tưởng thế Tây-sơn vẫn mạnh, nên đã không trả lời tờ bẩm của bọn Quính. Bọn Quính vẫn khảng-khại đến cùng, bèn nộp lại tiền dưỡng-phí. Theo Bùi Dương-Lịch (sách *Nghệ-an chí*), thì mỗi tháng Quính được cấp ba lạng bạc một thách gạo. Có lẽ bấy giờ đang còn chút ít tiền túi. Nhưng chẳng bao lâu tiền hết lương cạn. Muốn xin đi về Kinh, có lẽ đề cầu-cứu các vị ở doanh An-nam, thì lại không được phép. Tình-cảnh xem ra bi-đát lắm.

Tập thơ Quính còn chép một bài đề : *Tháng sáu mưa dầm lương hết tại nghe bảo không cho đi Kinh, ngẫu-tác*. Đại ý nói : « Lối cầu Lam bị đứt, buổi sáng mưa dầm. Trong đám bùn lầy, thời gian qua... Tiền mà không có rượu thì lấy gì nhuận miệng. Phạt không có bánh không để bụng không. Chốn Ngọc-kinh có phải là nơi gồ-gề đâu. Những mong có kim chỉ-nam đem xe về ». Tình-cảnh ấy kéo dài đến tháng chín, khi Định thân-vương cửu mà không làm mất thể-diện bằng cách ép phải nhận tiền phụ-cấp và cho đi lại tự-do hơn trước

Sau đó đời sống được dễ chịu hơn và các bạn-hữu trao đổi thư từ, trao thơ xướng họa. Trong tập thơ Quính, ta còn thấy những bài thơ Quính họa trả lời Đình Nhã-Hành, và hai người Thanh. Dưới đề *Họa nguyên vận của ông Đình Nhã-Hành*, có lời

HOÀNG XUÂN HÂN

dẫn và bốn bài Đường-luật họa một bài thơ của họ Đinh. Lời dẫn nói : « Mười năm bị khổ, mong thấy trời xanh. Xảy lúc nhuần ơn, tưởng tròn ý nguyện. Nhưng Hóa-cơ khó đoán. Đen nhuộm khó tươi. Vừa ra khỏi lưới thị-phi, lại nhốt phía ngoài Lam-dĩnh. Lòng son chưa tỏ, sống thác hề chi. Chiếc bóng nhờ đâu, cương-thường mất sạch. Ta đã phụ lòng mong đợi của ông anh, hồ thẹn không còn mặt mũi. Lại đội ơn đã ban cho một bài thơ hay và mấy đồ văn-phòng. Tôi càng thấy lòng xót nhau yêu nhau. Nhân vậy, xin theo nguyên-vận họa thành bốn bài đề dâng lại làm trò cười ». Trong mười một bài thơ họa này ý cũng không ngoài sự than thân thể bị đầy đọa nơi tù ngục, lòng nhớ nước tiếc vua.

Cuối cùng có một bài thơ đề *Tháng chạp mặt trăng lên sau khi tuyết rơi ngẫu tác* tỏ rằng trước cảnh thiên-nhiên đẹp đẽ, Quính cũng có lúc quên sầu muộn. Ý thơ là : « Nhìn qua cửa sổ, ánh sáng lạnh lẽo khiến người rét khó chịu. Tuyết và bóng trăng đổi mới cảnh. Vầng quế mới lên, tường treo màu biếc. Hoa mai rụng khắp, viện tràn nước bạc. Ánh nổi trên mái nhà như vàng tương dàn-dũa. Bóng chiếu xuống màn cây như lụa treo um tùm. Tiếng thanh-la dứt rồi, người thấy quạnh-hiu yên-lặng ; tỉnh ra thấy chiếu vào lòng trần thủ vui trên tiên. »

Không rõ bấy giờ là cuối năm Tân-dậu (1801) hay Nhâm-tuất (1802). Đây là triệu chứng bọn Quính sắp được rất vui lòng.]

Năm Quý-hợi, Gia-khánh thứ 6 (1803), tháng giêng, nghe tin rằng vua An-nam Nguyễn Quang-Toàn từ năm ngoái đã bị quốc-trưởng nước Nông-nại — tức là đất Đồng-nai — là chúa Nguyễn giết rồi. Được nhà vua ban dụ cho trong ngoài đều biết.

Đến tháng hai mới được tin thật. Quính bèn làm tờ bằ, khăn-khoản xin về quê quán, gõ cửa xin Định thân-vương chuyển tâu. Lời bằ lược rằng :

« Trộm nghĩ rằng ngày trước bọn Quính tới đây là vì sau khi họ Lê bị sập đổ, muốn lo khôi phục. Nhưng hưng vong có mệnh ; không thể kéo trở lại được. May nhờ Đại Hoàng-đế thương đến kẻ sĩ trung, cho giữ trang-phục cũ, ở rồi ăn lương. Khi mùa xuân ấm tràn vào, bọn Quính cảm-kích không bờ bến. Sầu kiển được sống thừa, đã quá điều mong ước.

« Nhưng nghĩ rằng đã phụ ơn Trời, một mảy không báo đáp. Luống ngồi rồi ăn không, hồ thẹn kẻ không xiết. Vả chẳng tình thâm chưa dứt, nghĩa lớn khó quên. Thật vậy, từ khi bốn người bọn Quính mang tội đến nay, chúa cũ đã mất, hi-vọng cáo về gò đã dứt, mà con gái chúa (?) để lại, phó thác không ai. Vả chẳng mẹ già bọn Quính còn sống, không có ai đề mà nương-tựa ; hoặc đều không anh em, hoặc chưa có con cái. Nếu trộm sống ở lại đây, thì nghĩa chúa tôi chưa yên, mà tội bất hiếu càng lớn.

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

« Nay trộm nghe ngoài đường sá đồn rằng Nguyễn Quang-Toản đã không hay giữ nước, chúa Nguyễn cầm đầu nước Nông-nại đã vì tiên-tổ phục thù và đã sai sứ mang biểu tiến cống, (và rằng việc ấy) đã được tâu lên Thiên-triều. Bọn Quính nghĩ rằng Nông-nại tức là Đồng nai thuộc Quảng-nam. Người cầm đầu là dòng-dôi quan phụ-chánh nhà Lê, là Chiêu-huân công Nguyễn Kim. Người ấy cùng chúa cũ tôi chung một kẻ thù, chứ không có hiềm gì với nhau sớt. Vậy bọn Quính có cơ trở về, có đất ở yên.

« Nếu được Thiên-triều sắc cho về nguyên-tịch, thì tức là bắt người rợ nước ngoài đi an-trí ở đất ngoài. Đã khởi làm dây bần nước y quan văn-vật, mà bọn Quính cũng sẽ nhờ vậy được nuôi kẻ sống, tiễn kẻ chết, may còn giữ trọn mối nhân-đạo và càng được thấy ý sâu của Trời ban ơn vô-về thương-xót.

« Rất mong đức Vương làm ơn, cặn-kế tâu lên để nhà Vua biết. May gì được Đại-đức dủ lòng thương, bằng lòng nhận lời xin, đưa hình phách bọn Quính, kẻ sống và người chết, giao cho quốc-trưởng nước Nông-nại chiếu-linh. Được thế thì nguyện chúa cũ mong muốn theo cáo châu gò sẽ đạt, mà lòng bọn Quính ước-ao theo quạ nuôi mẹ cũng cam.

« Trong mười lăm năm, bọn Quính được nhờ lượng bao-dong. Đã (có tội) không lấy lại nước trong tay địch được, mà từ rày lại làm được thương-vì ; khiến không đến đổi trung hiếu đều khuyết, lại càng tỏ rõ trung nghĩa gồm tròn. Trước sau thành toàn, đều nhờ lòng nhân Đại Hoàng-đế đùm bọc che chở, không thể tả ra được. »

Phụ-chú : [Trong hai năm, bọn Quính ở doanh Hỏa-khi, chiến-cuộc trong nước biển chuyển rất chóng. Trong năm Tân-dậu (1801), nhờ Võ Tánh cầm giữ lũy-đoàn tinh nhuệ Tây-sơn chung-quanh thành Bình-định, thủy-quân của Nguyễn Ánh sau khi phá hạm-đội Tây-sơn ở cửa Thị-nại (tháng giêng) vượt bể tiến ra lấy vùng Quảng-nam (tháng 3), lấy Phú-xuân (mồng 3 tháng 5), đuổi Quang-Toản chạy ra miền Bắc, bỏ lại những sắc ấn của vua Thanh đã ban cấp. Cuối năm, Quang-Toản đem quân vào phản-công ở vùng sông Gianh, bị thua to. Đầu năm Nhâm-ti (tháng giêng, 1802) Nguyễn Ánh rút quân về Phú-xuân để đợi dịp yên vùng Bình-định. Tháng 5, sai Trịnh Hoài-Đức Ngô Nhân-Tĩnh và Hoàng Ngọc-Uẩn đi đường biển sang Quảng-đông báo-cáo với vua Thanh sự Quang-Toản đã bỏ rơi sắc ấn, xin đem nộp những vật ấy và xin tiến cống. Vua Gia-khánh nhận đồ nộp, nhưng lưu sứ ở lại Quảng-đông ; ý chừng để đợi xem thời-cuộc nước ta kết thúc ra làm sao.

Một mặt khác, Quang Toản cũng sai Lê Đức-Thận, Nguyễn Đăng-

HOÀNG XUÂN HÂN

Sở và Vũ Duy-Nghi sang Thanh cầu viện. Thế mà triều-đình Thanh vẫn im-lìm không trả lời tờ bẩm của Quính viết vào mùa xuân năm Tân-dậu (1801). Tháng 5 năm Nhâm-tuất (1802), đại-quân Nguyễn Ánh kéo ra Bắc, quét sạch các quân tướng Tây-sơn dọc đường. Tháng 6 đến Thăng-long. Tất cả vua tôi Quang-Toản đều bị bắt. Tháng 7, sai người sang báo tổng-đốc Lưỡng-Quảng và bàn định việc cầu phong. Vua Gia-khánh bằng lòng cho sứ-bộ mới, gồm *Lê Quang-Định*, *Lê Chính-Lộ* và *Nguyễn Gia-Cát* họp với phái-bộ trước gồm bọn Trịnh Hoài-Đức cùng tiền Bắc-kinh. Lại đuổi phái bộ Tây-sơn về nước (*Đại-nam Thập-lục Chính-biên* đệ nhị kỷ, quyển 18). Tháng 11 năm ấy, bọn Lê Quang-Định khởi hành. Đầu năm sau (Quý-hợi 1803), bọn Quính mới nghe đồn những tin ấy. Cho nên mới có tờ bẩm mới này. Bấy giờ coi chừng lòng Quính rất cảm-động xao-xuyến. Lời bẩm thống-thiết giản-dị hơn trước. ít biện-luận trang sức tuy còn sợ vua Thanh nghi-kị sự xung-đột với chủ mới. Quả vậy, vua Thanh cũng không trả lời tờ bẩm liền, ý là đợi sứ đến đề dò ý-kiến chẳng. Trong lúc ấy thì bọn Quính rất nóng lòng chờ đợi tin-tức.

Trong tờ bẩm có nói đến con gái Chiêu-thống ở lại trong nước. Đúng sự thật chăng? Theo một tiêu tiết sau này, có thể là đúng.]

Ngày 25 tháng 7 (năm Quý-mão, 1803), nghe ngoài đường sá đồn rằng An-nam nay đổi ra Việt-nam và cống-sứ nay mai chắc tới nơi. Quính và Bình-Đạo xin phép vắng mặt lên đường cái đi đón sứ để thăm tin nhà. Đi thẳng đến trạm *Trường-tân*. Nghe cống-sứ đã đến Nam-quan thuộc Trạc-châu. Quính lại nghe có con mình, là *Nguyễn Doãn-Trác* 阮允俾, được chọn làm hành-nhân trong bộ cống-sứ, đi đề tìm cha. Quính thuận theo đường cái chạy tuốt đến Trạc-châu 涿州.

Ngày 26, quả thật thấy Doãn-Trác ở Nam-quan thuộc Trạc-châu (cửa Nam-thành?). Cha con mừng-rỡ, làm náo động người Trạc-châu. Quính cảm được lòng trời giúp rập, cho cha con được gặp nhau, ngẫu tác một bài thơ — có câu: « đầu nghe những bảo người dối ta; đến khi gặp kinh-ngạc hỏi; mấy đó hay là ai? »

Ngày 27, viên tri-châu nghe chuyện, bèn sai bắt Quính giam lại rồi giải tống về (doanh Hỏa-khí).

Ngày mồng 2 tháng 8, tới bộ (Hình) đề chịu thẩm xét. Nửa tháng sau, được vua dụ rằng :

« Quính là một bầy-tôi bị giam, gốc ở nước ngoài. đã được thả ra ngoài và an trí ở doanh Hỏa-khí. Nay nó đi tìm đón gặp con. Ấy cũng là việc thường trong nhân-tình. Há lại nên bị tội. Huống chi nó đã xin nghỉ vắng mặt. Vậy không phải nó tự tiện làm. Ai ai cũng đều biết, thật không có gì là không hợp phép. Vậy lại bắt an-trí ở doanh Hỏa-khí ngoài.

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

« Còn người coi doanh là *Bảo-Thiện*, thì là viên chức tổng-quản mà đã nhẹ dạ cho phép nó cáo nghỉ. Qua nhiều lần tra hỏi, đều nhất thiết không nhận lỗi. Đến khi đưa đến Bộ xét thấy đích-thực. Vì không thể chối được nữa, mới chịu hết lỗi. Thế là giáo-trá. Vậy bắt đi hiệu-lực ở *Ô-lỗ-mộc-trai* để chuộc tội. »

Bọn Quính hiểu rằng từ rày sẽ được mang ơn Trời rất nặng ; nổi mừng nổi sợ đồn-dập tới.

Phụ-chú : [Về đoạn Quính được về nước, thám-hoạ Phan Thúc-Trực (1808-1852) trong *Quốc-sử Di-biên* chép khá tường-tận, và hình như đã được đọc gia-phả của họ Quính. Một điều lạ là trong bản in do ông Chen Ching Ho cho xuất-bản ở Hong-kong năm 1956, tên Quính đều viết là Hữu 佑 và tên con đầu viết Trắc 側. Có thể một người có nhiều tên, nhưng tôi không thấy lẽ gì đích-đáng khiến họ Phan không chép tên Quính mà ai cũng biết. Sau này, khi dẫn lời *Quốc-sử Di-biên* (viết tắt là QSDB), tôi sẽ dùng những tên chính-thức : Quính và Trắc.

QSDB chép rằng : « Năm Nhâm-tuất, nghe Ngụy Tây đã mất nước, bọn Quính mấy lần khẩn cầu xin đem xương chúa về táng. Không được trả lời. Đến khi sứ ta tới cầu phong, con Quính là Trắc xin làm hành-nhân để thăm tìm vua và cha. Vua Thế-tổ (: Gia long) vốn nghe tiếng Quính, bèn cho là phải. Khi Trắc đến Trạc-châu, thì gặp Quính ra đón đợi sứ. Cha con thấy nhau rất mừng... » Phan Thúc-Trực cũng dẫn câu thơ của Quính đã chép trên. Trong tập thơ Quính còn giữ được trọn bài với đề là : *Mừng tìm thấy con ngẫu thành*. Lại có dẫn, đại đề cũng như chính-văn trong bài kí. Ý thơ là : « Mười lăm năm tin nhận vắng. Không ngờ tới Trạc lại gặp con đại. Mới nghe những bảo người dối ta. Đến khi gặp kinh-ngạc hỏi mầy đó hay là ai ? Trong quán khách suốt đêm trò chuyện như trong mộng. Kề rõ gia-tình, nghe rồi như ngày. Đến sáng, chia tay nhau xăm-xăm đi. Cha con tình thâm không thể nín. »

QSDB chép nối, rằng : « Cha con cùng nhau về đến Yên-kinh. Theo sứ vào bái yết vua Thanh. Vua Thanh khen, bảo : *cha là trung-hân, con là hiếu-tử*. Ban cho rất hậu. » Đoạn này chắc chép không đúng sự thật, vì các việc xảy ra thì Quính đã chép rõ ràng : cha con chia tay. Rồi Quính bị bắt, giải về Kinh, bị thăm vấn ở bộ Hình. Vua Thanh bênh-vực tha tội. Còn như được ra mắt vua cùng con và được khen thưởng thì chắc người sau khuếch đại mà thôi, cũng như đối với nhiều việc khác, xảy ra ở phương xa hoặc đã từ lâu. Nếu có những việc li-thú ấy thì chắc Quính không quên chép. Lời phê của vua Gia-khánh kể ra cũng khá li-thú. Chỉ tội nghiệp cho viên quan doanh vô tình mà bị tôi !]

Ngày mồng một tháng chín, ông già coi Hậu-quân thuộc hiệu cờ *Nhường-hoàng* tới hỏi rằng :

HOÀNG XUÂN HÃN

« Bây giờ có xin về nước nữa không ? »

Cuối ngày, quan tổng-quản doanh Hỏa-khí là Định thân-Vương tới doanh, lại bảo rằng :

« Trước đây, chúng anh có bầm xin đem hài-cốt chúa cũ về nước. Nay Quân-cơ xét xử, đã truyền rằng : « Hiện nay vương nước Việt-nam đã được sắc phong rồi. Chúng anh có xin về không. ». Cứ thật tình mà lên tiếng trả lời, chớ chầy ! »

Bọn Quính làm tờ bầm rằng ;

« Vì việc tình nguyện về nước. »

« Trộm nghĩ rằng bọn Quính là bầy tôi có tội, người nước ngoài, đã đội ơn to, không bị khiển-trách nặng. Cỏ hèn chốn xa đều được gọi mưa xuân ; bèo giạt nước lạnh càng biết nắng chiếu ấm. Vốn đã chịu cảnh ngộ mà an phận. Còn mong mỗi ý được như nguyện. »

« Nay, được chỉ truyền hỏi có xin về nước hay chẳng ; mới thấy ơn cao dày như trời đất của Đại Hoàng-đế ; chúng tôi cảm-kích không bờ bến. »

« Bốn người bọn Quính chỉ tình-nguyện được đem hài-cốt chúa cũ về địa-phận nước chúng tôi an-táng để cho yên hồn bơ-vơ đất khách. Như thế may chi làm rớt chế-độ của Thiên-triều che võ, đối với trong và ngoài đều thi hành ân và uy. Mà bọn Quính được về vui về, thì chết hoặc sống đều cũng mang ơn không thể quên. »

Tháng 10, gặp ngày kị chúa cũ, Quính qua cúng vái ở mộ tại vườn, có cảm tác một bài thơ.

Phụ-chú : [*Hoàng Lê Nhất thống chí*, trong hồi cuối có chép rằng : « Mùa xuân năm ấy (1799), Thái-thượng-hoàng mất, (vua Gia khánh lập-tức sai bắt Hòa-Thần, cho tự tử và tịch thu gia sản. Sau khi đã giết Hoa Thần, vua cùng thị-thần nói chuyện đến việc vương cũ An-nam và lấy làm thương xót. Bèn triệu các bầy tôi nhà Lê cũ hiện ở xưởng Lam-đỉnh (nguyên chép Lam-thuần, với chữ *thuần* là môi), gia ân cho hậu, cho phép tự tiện giữ đầu tóc, y-phục. Năm Qui-hợi (1803) là năm Gia-khánh thứ 8, tức Hoàng-triều Gia-long thứ 2, giặc Tây đã bình ; quốc-triều sai sứ đi Thanh dâng biều bày tỏ tình-thế và cầu phong. Các bầy tôi cũ nhà Lê nghe tin, tức-thì làm tờ biều bầm các thần xin đem quan tài vua cũ, và Thái-hậu về táng. Các-thần đề-đạt cho. »

Quốc sử Di biên chép một tiểu-tiết đáng chú-ý. Rằng : « Đến khi sứ bộ trở về, Quính dẫn Trác làm biều tâu vua Thế-tổ (Gia-long) xin cho bọn Quính về nước và cho đem vua Lê về táng ở nơi yên-ôn. Thế-tổ bằng lòng, Trác bèn gửi thư mách Quính. Quính dâng biều xin vua Thanh ; vua Thanh cũng bằng lòng cho. »

Điều chép này không đúng, vì từ ngày Quính gặp con (27 tháng 7

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

đến ngày đưa tờ bẩm cuối cùng cho Định thân-vương (mùng 1 tháng 9), chỉ cách chừng một tháng ; vậy không thể có chuyện con Quính về tâu xin cho cha được phép về và đem quan tài vua Lê về, rồi trả lời cho cha đề xin phép vua Thanh. Sự có lẽ xảy ra như sau. Từ trước đến bấy giờ Quính đã nhiều lần xin vua Thanh về và đưa hài-cốt vua Lê về, chứ không đợi xin phép vua Gia-long. Nhưng khi gặp con ở Trạc-châu, có lẽ rằng Quính đã bảo nhờ sứ-thần gửi công-văn về xin phép vua nhà. Theo *Đại-nam Thập-lục*, ta biết rằng sứ-bộ ra đi vào cuối năm (tháng 11), cuối tháng 7 năm sau tới Yên-kinh. Có lẽ trong tháng 8 ra về. Tháng chạp năm ấy (1803) về đến nơi. Tháng giêng năm sau (Giáp-ti 1804), án-sát Quảng-tây sang làm lễ tuyên phong.]

Năm Giáp-ti (1804), Gia-long thứ 3, bọn Quính được giữ toàn tóc mà về. Được đưa hài-cốt vua Lê cũ, Thái-hậu và Nguyên-tử về táng ở Thanh-hoa.

(Hết Bắc-hành Tùng-Kỷ)

Phụ-chú : [Ta phải lấy làm lạ rằng về đoạn can-trọng và vui mừng trong đời Quính như đoạn này mà ki-tải chỉ bằng vắn vụn một câu đề chấm dứt tập « *Bắc hành Tùng-kỷ* ». Hoặc là tuy được về và được làm trọn nguyện vua Lê, nhưng thấy Gia-long không phục-hưng nhà Lê, Quính bất-đắc-chi, cho nên không tiện và không muốn chép chi-tiết hoặc cảm-tưởng trong cuộc hồi hương. May nhờ các sách khác, ta còn biết những sự-kiện xảy ra trong giai-đoạn ấy một phần nào.

Số-phận bốn người ở doanh Hỏa-khí ngoài, ta đã rõ. Còn những vong-thần bị an-trị mọi nơi, thì sách *HLNTC* chép rằng : (Năm đầu Gia-khánh, Bình-thìn (1796), hết tang vua Lê, Thái-hậu nghĩ rằng các cô-thần ở đất khách khổ sở mà không biết ngày nào về nước được, dâng biểu xin cho các người tòng-vong được phép cưới vợ . Vua Thanh bằng lòng, lại ban cho mỗi người tám lạng bạc, ba mươi lăm quan đại-tiền (: gồm 100 đồng) để cung vào lễ cưới. Ban sắc bảo ai nấy ở yên chỗ mình và giữ chức-nghịệp mình làm.)

Theo sách *Nghệ-an chí*, tác-giả là Bùi Dương-Lịch (đậu hoàng giáp khoa 1787) thì những người ở Kinh được cấp sổ tiền bạc kia. Sách ấy lại chép rằng : «Lê Hân, Lê Văn Trương (an-trị ở Phụng-thiên) đều được người Thanh thương-xót. Y-phục, ăn uống đều được cấp đầy đủ, không bị trôi buộc. Hằng ngày nhàn rỗi chỉ đọc sách tiêu-khiển. Lê Hân biết nghề thuốc, trị bệnh nhiều hiệu-nghịệp. Người Bắc bị bệnh đều tới xin chữa. Lâu ngày được nhiều tiền. Ở Phụng-thiên có ông nhà giàu mến tài Hân, đem con gái gả cho (theo lời khai của quan tỉnh Nghệ-an đời Tự-đức thì người kia là thái-thú, nghĩa là tri-phủ, họ Lưu). Khi Hân được vâng chỉ vua Thanh cho về, nhà ấy cho con gái cùng đi, vợ của hồi-môn kẻ hàng vạ. Lúc Hân về đến Thăng-long thì bị bệnh mất. Người

HOÀNG XUÂN HÂN

con gái ấy về huyện Nam-đường (ở Nghệ-an, quê của Hân) để chôn. Vài năm sau thì bà cũng mất »

Sách NAC lại cho biết rõ rằng : « Ngày 13 tháng 2 (năm Giáp-tí 1804), vua Thanh hạ chỉ cho các người tòng-vong về và cho đưa quan-tài vua cũ về táng . . ». Bấy-giờ lời xin của bọn Quỳnh mới được chấp nhận. Sách *Đại-Thanh hội-diễn*, quyển 509, còn giữ được lời dụ ấy :

« Trước đây, theo lời Nguyễn Phúc-Anh đã viết biểu đến gõ cửa quan đề xin phong, ta đã gia ân, phong cho làm *Việt-nam quốc vương* ; vờ về ban xứ Giao-nam để giữ chức phiên-thần. Nhân đó, ta nghĩ đến những người An-nam đã theo Lê Duy-Kì vào đầu và đã được biên đặt vào sổ *tá-lĩnh*. Tuy đã từng cấp cho tư-lương, để đoàn-tụ ở yên nhưng chúng đã lìa xa làng nước lâu năm, tình thật khá thương !

« Hãy gia-ân bằng lòng cho chúng về nước, để thỏa chí mong ước, và cho phép đem hài-cốt Lê Duy-Kì về táng ở đất thành cũ để dựng lăng chính đáng. Hãy bảo các đô-thống hiệu cò xét, chiếu theo sổ sách khai các hộ An-nam, vâng chỉ cấp thưởng :

— một viên tá-lĩnh cấp 10 lạng bạc,

— một viên kiêu-kị cấp 5 lạng bạc,

— từ chức lĩnh-thôi sắp xuống, cả đàn ông, đàn bà, kẻ lớn thì cấp 5 lạng, kẻ bé thì cấp 3 lạng. Đều lấy bạc ở kho *Quảng-trữ-ti* mà cấp phát. Bảo chia thành nhóm mà ra đi. Dọc đường, sẽ tư-cấp, đưa đến Quảng-tây, giao cho tuần-phủ *Bách-lĩnh*, khiến đưa ra khỏi cửa Quan, rồi báo cho quốc-vương nước ấy thu-lĩnh.

« Trừ những người an-tháp ở Giang-ninh (thuộc-Giang-tô, có lẽ những người này đã tình-nguyện ở lại chăng?) mà đã có dụ bảo *Trần Đại-Văn* tuântheo mà biện-lí, còn đối với những người ở Nhiệt-hà, Trương-gia-khẩu, hãy bảo các đô-thống tra chiếu, đưa về Kinh, giao cho hiệu cò (Nương-hoàng) để đưa đi về nước.

« Đến như những người An-nam trước đã từng phát vãng ở Phụng-thiên, Hắc-long-giang, Y-lê, cũng đều bảo các tướng-quân tra rõ, rồi tha về. Rồi đều thưởng cấp cho tiền bạc và đưa về Quảng-tây, bảo ra cửa Quan. Làm vậy để tỏ ý ta thương xót ngoài lệ thường »

HLNTC chép nhiều tiền-tiết về vua Thanh ban cấp tiền bạc, có thêm rằng : « Tháng giêng (năm Giáp-tí 1804), mở quan-tài vua cũ, thấy thịt da đã tiêu tan, mà *cuống tim* không nát, sắc máu vẫn ửng-ửng đỏ tươi. Kể từ khi quân táng đến bấy giờ đã 12 năm. Những người trông thấy không ai không kinh-dị và than-thở. Lại mở quan-tài Quốc-mẫu, Nguyên-tử cùng Viêt-Triệu, Văn-Quyên, lấy dị-hải đem theo. »

Các bản dịch *HLNTC* từ trước đều chép *quả tim* Chiêu thống không nát. Vả bản in sách NAC chép đoạn này cũng gần y như

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

HLNTC và đã chép *Tâm quả* nghĩa là quả tim. Còn viết tay cũ HLNTC tôi dùng thì viết *Tâm miếu* ở hai chỗ. Lại vì lí-do chữ Miếu có thể đổi ra chữ Quả vì kẻ đọc không hiểu mà đổi và vì tự-dạng một phần, còn sự đổi Quả ra Miếu thì không thể xảy ra. Tôi đã đoán Tâm-miếu trở một huyết-quản tháp vào tim như cái mồm (có lẽ là *artère aorte*). Vì vậy tôi dịch ra *cuống tim*. Mà thoại ấy có lẽ gần sự thật hơn, nhưng mất một phần quái-dị ! Mong ai biết chắc nghĩa thành ngữ *Tâm miếu* cải chính cho.

NAC chép việc mở quan-tài Chiêu-thống vào ngày 25 tháng 2, khác với trên đây, và khác với sách *Quốc-sử di biên*. Sách này có cho biết một vài chi-tiết khác ; « Năm này, ngày 24 tháng 3, Quinh lấy áo mảo, quan-tài, cải-thổ (bốc mộ) cho vua Lê, Quốc-mẫu, Nguyên-tử, cùng các người tông-vong như Nhã-Hành, lớn nhỏ 18 cổ. Quinh có thơ khóc vua Lê, trong đó có câu « Mây che râu rồng không biết đầu mà tìm. Tuyết phủ bờm ngựa sắp đến lúc lên đường » Vua Thanh sai đánh dấu các quan-tài để ghi. Chia ra làm ba đợt để lên đường. Sai các châu huyện dọc đường hộ tống : đợt đầu gồm những người hầu và vợ con, đợt giữa là các di-hài, đợt cuối gồm các vong-thần còn sống ». Theo NAC, « ngày 26 tháng 2, các bầy tôi đem các quan tài ra về... » Nếu thời-diêm này đúng thì ngày mở quan-tài Chiêu-thống không thể ngày 25 tháng ấy (NAC) hoặc ngày 24 tháng sau (QSDB) ; thoại *tháng giêng* của HLNTC có lẽ đúng.

HLNTC cho biết thêm rằng quan-tài vua Lê về đến Nam-quan ngày 13 tháng 8 năm ấy (1804). NAC cũng chép vào tháng 8. Còn QSDB ghi nhiều chi-tiết, chép rằng :

« Tháng 7, về đến Nam-quan ; vào trấn Lạng-son, bày bàn thờ quan-tài ở ngoài thành. Quan Hiệp-trấn Lê Duy-Đản, tiến-sĩ người xã Hương-la (bản in lầm ra Nguyễn Duy-Thần. Đây là Duy-Đản người đã từng cùng đi với Quinh theo Tôn Sĩ-Nghị đem quân vào Nam-quan năm 1789) và các cựu-thần cùng tù-trưởng đều đến khóc.

« Ngày 26, Quinh về Thăng-long trước, yết quận Thành (: quận-công Nguyễn Văn-Thành làm tổng-trấn Bắc-thành), quì lâu không lay, và nói rằng : « chưa được lạy Vương-thượng cho nên không dám lạy Tôn-công ». Rồi cắt mũ xin chịu tội. Thành xua tay, trở Quinh nói : « Mời ngồi ! ». Cho uống trà. Quinh cảm ơn, nói :

« Nước mất, không hay mưa giữ được, tôi là tội-nhân đối với Tôn-ông, khiến tôi mồ-hôi chảy đầm áo. Chỉ vì di-hài của vua chưa được một tấc đất để giấu cho yên. Xin Tôn-công tán thánh cho ».

« Thành nói :

« Sao lại lo ! Vương-thượng trốn ngóng ông về như khát-khao. Từng nói hễ ông về đến nơi, thì nên sớm tới gặp ; ở lại châu ba bảy ngày. Sự đáng làm về vua cũ, thì tôi cam đoan sẽ làm thành cho ông ».

« Quinh lưu lại ba ngày. Các quan văn vũ mới và cũ lần-lượt tới

HOÀNG XUÂN HÂN

tìm gặp. Rồi Quính từ giả Thành, ra yết tán-li Thường (: Đặng Trần Thường). Từ xa trông thấy, Thường gọi Quính là Không-minh. Quính từ tạ. Thường lại chữa, gọi là Tử-phong. (: tức Trương Lương) Quính nói :

« Tướng-công gặp gỡ minh-quân, làm được chí mình ; mới đáng với cái tên Tử-phong Quính không thể bằng vậy »

« Rồi Quính từ giả. Ngày mồng 6 tháng 8, Quính từ Thăng-long tiến đường về quê-quán (: làng Đại-mão. huyện Siêu-loại, trấn Kinh-bắc), cùng với thân-cố uống rượu mừng vui, kể tình-trạng được ban ơn. Ngày mồng 7, yết nhà thờ họ, rồi làm lễ thành phục thím, tức là vợ Doãn-Thân (tiền-sĩ, cha Doãn-Trị cùng bị tù với Quính ở Yên-kinh và cùng mới về).

« Ngày 17, Quính trở lại Thăng-Long, bầm với quân Thành vin về Kinh dâng tấu lên vua Thế-tổ. Vua bằng lòng cho đem vua Lê về táng tại làng Bồ-vệ (thuộc huyện Đông-sơn trấn Thanh-hoa).»

Trên đây. tôi dịch nguyên-văn của Phan Thúc-Trực trong QSDB. Sự Quính có vào kinh Phú-xuân để tâu xin vua Gia-long đưa di-hải Chiêu-thống về táng ở Thanh-hoa, thì trừ QSDB, không thấy đâu chép (có lẽ theo gia-phả họ Lê Quính), kể cả Đại-nam Thập-lục. Nhưng có lẽ Quính đi Kinh vào tháng 8, cho nên trong sách cuối này, có chép vào tháng 8 chuyện « quan-tài vua Lê. là Lê Duy Kỳ, được đưa từ nước Thanh về » (Bản dịch của Tổ phiên-dịch viện Sử-học ở Hà-nội, tập III, trang 209 và sau). ĐNTH chép :

« Quan Bắc-thành đem việc tâu lên. Vua hạ lệnh cho Lê Duy Hoán (con em ruột Chiêu-thống, Duy-Chi, đã được Gia-long rất hậu-dãi vào tháng 9 năm Nhâm-tuất 1802, và phong cho tước Diên-tự công, nghĩa là đề nối đời thờ cùng các vua Lê ; nhưng sau bị Gia-long giết) đợi ở Nam-quan. Lại sai bày tiệc bàn việc ấy...Vua cho (lời bản) là phải, sai thành-thần trị quan-tài, cho 700 quan tiền, 500 phượng gạo, dùng binh thuyền hộ-tống về táng ở Thanh-hoa. Hải cốt bọn bày tiệc tòng-vong nhà Lê đều cho tiền gạo đưa về, cấp-tuất tiền vải cho gia-dinh họ...»

Tuy triều mới không cản trở sự đưa di-hải vua Lê về, nhưng hình như những kẻ thừa-hành cũng không sốt-sắng lắm, hoặc còn dè-dặt vì li-do chính-trị đang thời đang khá gay-gắt. Quan-tài phải đợi ở Lạng-sơn hơn một tháng mới được đưa về Thăng-long. QSDB chép rằng : « Ngày 24 tháng 9, quân Thành sai binh Bắc-thành đi cùng đình phu các huyện tới trấn Lạng-Sơn, rước tang vua Lê về Thăng-long. Đặt quan-tài tế ở nhà Diên-tự công. Các di-thần và trăm quan văn vũ đều mặc áo trắng tới lễ. Còn tang những người từ Đình Nhữ-Hành trở xuống, thì cho thân-quyển tới nhận dấu ghi ở quan tài mà lĩnh về táng »

Về thời-diềm, HLNTC chép hơi khác ; rằng « Ngày 23 tháng 9 quan tài tới Thăng long. Dựng cung tế ở nhà Diên-tự công. Hoàng-phi mỗi ngày chỉ ăn vài lòng mía mà thôi »

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

Hoàng-phi nói đây là Nguyễn Thị-Kim, vợ Chiêu-thống và mẹ Nguyên-tử. Khi Chiêu-thống bỏ cung điện chạy lên Kinh-bắc, theo *HLNLC*, thì em thứ ba vua, là Lan quân-công Lê Duy-Chi đem bà chạy. Khi đến bờ sông Nhị-hà, cầu đã bị gãy. Liền theo bờ sông chạy lên phía tây, đi Tuyên-quang trú ẩn. Sau khi Duy-Chi bị bắt và bị giết, bà trở về Kinh-bắc trốn ở nhà dân. Tây-sơn tìm bắt nhưng không được Nguyễn Huy-Túc, cận-thần vua Chiêu-thống, trong *Bài hành về Ti-bà phu nhân tuần tiết* nói rõ rằng bà trốn ở làng Võng-la thuộc Sơn-tây. Theo lời quan tỉnh Bắc-ninh khai đời Tự-đức thì bà trốn ở quê ngoại. Có lẽ làng Võng-la chính là quê ngoại bà. Về sau có lẽ trốn ở chùa. Lời khai này lại nói rằng khi nghe quan tài vua Lê về đến Nam-quan, bà lên đó đón, đúng như lời chép trong *HLNLC*. Lời ấy rằng : « Ngày 13 tháng 8 mùa thu, quan-tài về đến cửa quan. Hoàng-phi nghe tin, liền từ Kinh-bắc lên cửa quan đón. Từ đó không ăn hạt cơm nào, chỉ mỗi ngày uống một chén nước cháo, nằm sấp bên quan-tài chầu-chực kêu khóc ». Trong *Bài Hành* của Nguyễn Huy-Túc có « Nghe tin lật dật đi thân nghinh. Từng nhin đôi, sức suy mặt gầy. Giã giã thuyền chèo qua sông Lô. Kiệu, tán, kèn, chuông rước vào nhà thờ. Sự dân buồn rầu nhìn nghi-trượng dần bày. Quan liêu gạt lệ dâng rượu viếng. Tình cảnh trong phòng khuê không tả hết. Sơ-sài đem lễ phục dâng nước và hương. Mở quan tài nhìn một lượt mũ áo. Nuốt lệ, ngưng mắt, lay bàn thờ. Quay mình vào trường lay Nữ-chùa (: Quan-tài Thái-hậu ? *QSDB* có dẫn đoạn này và chủ-thích rằng đó là bà chủ quán (?). Đây cũng có thể có chữ sai. Hoặc đó là Công chúa 公主 chứ không phải 女主, và Công chúa có lẽ là con gái riêng Chiêu-thống, mà Quỳnh đã đề cập trong một tờ bầm quan Thanh. Cam lòng uống thuốc độc đầy gan ruột... »

HLNLC kể chuyện bà Hoàng-phi tự-tử một cách tỉ-mỉ rằng : « Ngày 12 tháng 10, các quan thay quan-tài vua Lê, thấy cuống tìm vẫn như cũ. Làm lễ điện (: lễ cúng trước quan-tài) xong, bà Hoàng-phi tời trước hương-án khóc rất thống thiết, rồi bảo Diên-tự công rằng : « Ta nhần-nhục khổ-sở đến nay mười lăm, mười sáu năm, không phải không có ngày có thể chết được. Nhưng bấy giờ, Thái-hậu, vua ta, nguyên-tử không thông tin-tức, còn mất không hay. Ta còn đợi chút ít. Nay, Thái hậu và vua đều mất, mà Nguyên-tử cũng chết rồi ; linh-giá đã về nước rồi. Việc của ta như thế là xong. Ta nên chết theo để hầu-hạ son làng Như thế là phải. Rồi lập-tức uống thuốc tự-tận. Nghe chuyện, ai mà không thương xót. » *HLNLC* lại thêm rằng Bắc-sứ ở đó cũng than khen không dứt. Bắc sứ đây chắc là quan Thanh hộ-tổng quan-tài vua Lê.

QSDB cho ta biết rằng Quỳnh đã liên-quan ít nhiều về sự Nguyễn Thị-Kim tự-tử. Sách ấy chép : « Hoàng-hậu người Ti-bà từ chùa Lã tới, cùng Quỳnh khóc ; rồi hỏi nên tính việc mình ra sao. Quỳnh nói : « Xuống dưới đất để gặp vua trước đó là thượng kế. Về ở làng-tầm để giữ hương lửa, đó là kế thứ hai. » Hoàng-hậu bèn uống thuốc chết. Tuổi bốn chục, » Nguyễn Thị-Kim sinh năm 1765,

HOÀNG XUÂN HÃN

đúng như lời Nguyễn Huy Túc trong Bài hành.

Ngày 13, khâm liệm Hoàng-phi. Ngày 28 đưa các quan-tài xuống thuyền về Thanh-hoa. Ngày 24, táng cả bốn người, Chiêu-thống, mẹ, vợ và con cạnh lăng vua Hiền-tông ở Bàn-thạch. QSDB chép rằng táng ở Bô-vệ, chắc lầm, vì các sử đều chép lăng Hiền-tông ở Bàn-thạch, thuộc huyện Thụy-nguyên, phủ Thọ-xuân, cách Bô-vệ chừng 25 cây số.

Chắc Lê Quinh cũng vào Thanh-hoa dự lễ táng này. Sự lạ là nay tôi không thấy thơ hoặc văn điệu của Quinh vào đoạn này trong tập thi-văn của Quinh sao lại trong *Lê-triều tiết nghĩa lục*. May QSDB còn giữ được một vài bài : văn tế Chiêu-thống lúc an-táng ; thơ khóc Hoàng-phi. Sách ấy lại chép rằng :

« Quinh từ Thanh-hoa về, lạy tạ quan Thành. Rồi từ về, nhịn đói trong ba ngày, trở về quê làm thầy tòng tại chùa Đại đồng (cách Hà-nội ngày nay chừng 25 cây số gần đường Hải-phong). Quinh có câu thơ « Phật tổ cho làm đệ tử bước đầu. Nhà vua bằng lòng đề làm tên dân cũ ở rồi ». Bấy giờ Quinh 55 tuổi. Quinh thường nói với bạn cũ là Nguyễn Huy-Phác rằng : « Quinh như con gái Lạc-song, đã không có cái đẹp về nhan-sắc, lại không cái tài về kỹ-nghệ. Có kẻ trượng-phu hào-phóng cưới. Thế là mười phần may-mắn. Nay gặp trượng-phu mất Chỉ nên ở quá cho trọn danh tiết của một liệt-phụ Nếu không thì sẽ thành loài vật gì ». Phác coi Quinh là có tài vi-dụ »

Tháng 11, Quinh về làng, yết nhà thờ, nay còn bài Văn tế Từ đường chép phụ vào Bắc hành-tùng kí. Lời rằng :

« Một chút kiên tổ lòng ;— Mười phần muỗi đội núi. Súng nổ gươm phang rặt rặt, đối nước chẳng giúp gì—Gốc cây nguồn nước xa xa có nhà mà không đoái. Theo rồng mà chẳng vịn râu rồng—Tựa hồ hóa ra theo đuôi hồ. Ngoài Đồng-trụ, chịu đầu đất khách, nghìn muôn dặm tuyết sương—Trong ngục tù, khổ chịu trời chung bảy mươi ki mây khói. Đầu bù rối riêng đội quân. thân — Lòng hoang-mang then cùng kim, cồ. Ba mươi kỉ, Tống-triều sụp đổ, tiếng quyền kêu, giận chẳng bằng Văn (: Văn Thiên Tường) — Mười chín năm, cờ Hán pha sương, sữa dê hện, hãn còn thua Vũ (: Tô Vũ) Nhờ oai thần quét sạch Tây-sơn—Cây phúc tổ được về Nam-thổ. Một đồng tiền chẳng đáng, then mặt nào thấy lại cha anh — Ba lối cốc bỏ hoang, nghèo khó xác khôn bề cùng tổ Qua loa bày lễ bạc kính dâng — Phảng-phất ngó bàn thờ như thấy. »

Trong bốn người cùng bị giam cầm ở Yên-kinh thì hai anh em thúc-bá Lê Quinh và Lê Doãn-Trị lui về làng, còn Trịnh Hiến và Lí Bình-Đạo thì đến tháng hai năm sau (Ất-sửu 1805) được triệu vào Phú-xuân cùng hai người vong-thần khác : Lê Duy-An và Nguyễn Hữu-Cung. Vua Gia-long « Khen là triết-nghĩa, vờ vào yết-kiến, cho ngồi, yên-ủi hỏi-han giờ lâu, cấp cho quần áo tiền gạo. Sai doanh-thần Quảng-đức hậu đãi. Sau bỏ Hiến và Bình-Đạo làm thị-trung học-sĩ : Hữu-Cung làm cai-cơ » (*Đại-nam thất-lục*). Theo lời khai của các quan tỉnh đời Tự đức thì Hiến làm đến

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

chức tham-tri tào Binh ở Bắc-thành rồi mất, còn Binh-Đạo ra làm hiệp-trấn rồi mất.

Còn Quỳnh, thì theo *QSDB* và bia ở nhà thờ đều nói về ở chùa Đại-đồng. Trong tập thơ còn thấy có bốn bài có lẽ làm vào khoảng cuối năm Giáp-ti hoặc đầu năm sau : một bài đề *Họa thơ Vũ Kiêm-son* (chú thích tức là Vũ Thân) một bài đề *Gửi cho bạn trúng-thức họ Trần người Từ-ó* ; một bài *Ngẫu-cảm* và bài thứ tư đề *Hóng mắt ở chùa*, chùa nói đây tên là chùa *Vạn thọ*, chỗ Quỳnh đi chơi, chứ không thấy ý gì trong các thơ là Quỳnh đã qui-y thật.

Mà theo ý tôi, chưa chắc Quỳnh, đề theo đức Phật đã chịu cắt tóc mà đã cố giữ trong mười lăm năm. Và tính Quỳnh rất cứng rắn, ham tranh đấu như ta đã thấy và sẽ thấy thêm sau. Có lẽ Quỳnh chỉ ở chùa ít tháng rồi lại về nhà. Về cuối đời Quỳnh, *QSDB* còn cho ta biết những chi-tiết chính-xác và đáng được chú ý.

Trước hết về tính-tình, Phan Thúc-Trực nói : « Nhưng tính Quỳnh nhỏ-nhen. Ai có lỗi gì nhỏ, cũng xoi-mỏi ra, chứ không ngờ. Chúng bạn không phục. Và chẳng Quỳnh dụng tâm làm tiền. Năm xưa, khi ở đất Bắc, ruộng ao mình, các con đều đem bán. Quỳnh đòi lại hết thấy. Lại còn đòi nợ người ta, giá họa cho kẻ lương thiện. Vì thế cho nên bị mang oán. Người đời gọi Quỳnh là người « tam tiết », nghĩa là người có ba cái cắt đứt ». Lời chê Quỳnh nhỏ-nhặt tham-lam có lẽ là quá đáng. Ta có thể nghĩ rằng Quỳnh không có tính dễ-dãi xuềnh-xoàng. Trái lại tính cương-trực, bất-khuất trước những chuyện phi lí, phi nghĩa ; cho nên đòi hỏi rất nhiều đối với mọi người cũng như đối với mình. Có lẽ trong khi Quỳnh bốn ba, thì có người ở yên làm giàu đã lợi-dụng tình-thế quần bách của gia-đình Quỳnh mà mua rẻ ao vườn của y, cho nên khi về, Quỳnh mới đòi lại gặt-gao như vậy.

Cho đến cái chết bất ngờ của Quỳnh cũng chứng tỏ cái tính *hiếu-sự*, can-đảm của Quỳnh. Phan Thúc-Trực, trong *QSDB* chép rõ ràng chuyện ấy. Lời rằng :

« Tháng 9, ngày mồng 1 (năm Ất-sửu 1805), kẻ trộm giết Lê Doãn-Hữu và cả con là Thốt 倬.

Ta đã biết rằng Doãn-Hữu đây là một tên khác của Quỳnh, còn Thốt thì không biết có phải Thuyên chăng ? *QSDB* chép tiếp :

« Làng Bình-ngô 平吳 có tướng trộm tên Bi 悲, tự xưng là Bắc-sử-súy, thỉnh-thoảng thỉnh-linh ần hiện cướp bóc. Phải lúc Bi đốt phá làng Ngâm-diên 吟田, cướp nhiều súc-vật và của-cải. Quỳnh đem người nhà chặn đường đánh cướp lại Bi rất cảm ứơ. Đêm hôm ấy, đem nhiều quân đến đốt phá nhà Quỳnh, đâm Quỳnh vài mươi lát. Quan phủ là Nguễn Đình-Tôn lập án sống. Sau mười lăm ngày thì Quỳnh mất. Lại lập án chết.

« Con Quỳnh là Trạc (chép Trắc như trên đã nói) và Thốt vì cha mà báo thù ; đi về thường cầm binh-khi tùy thân. Bi lại đặt người nấp,

HOÀNG XUÂN HẸN

dám Thốt chết ngoài đồng.

« Quận Thành sai quan đếu tặg, và vắg mệnh ban tiền gạo để làm lễ tág. Nguyễn Đăng-Sở làm văn tế rằng :

«Chôn rắn, lắp hươu—Ngựa sừng, trâu bé. 蕉鹿鑿蛇童牛角馬. Nghìn vạn dặm sóng to được thoát, thoát về đến bến, gở thuyền không. — Mười sáu năm sương tuyết chẳng sờn, 1ét chữa đến kì, khó gổc bá.

Chỉ còn nghĩa liệt để nhân-gian — Xứng gắp vua cha nơi địa-hạ.

Hình về dưới mộ, thấy hương bay phắg-phắt tinh-thần—Thần trở lại nhà, nghe văn khấn thó-sơ cũng thóá.

QSDB còn chép thêm hai đôi câu đối phúng, có lẽ cũng của Nguyễn Đăng-Sở.

Đăng-Sở người làng Hương-triện, huyện Gia-định, xứ Kinh-bắc, sinh năm 1754, đậu Hoàng-giáp khoa cuối đời Lê (Chiêu-thống năm đầu 1787), và làm phó-sứ trọng sứ bộ cuối cùng đi Thanh của Tây-sơn (1802 *Đại nam thực lục*), cũng là tác-giả bài mộ-bi ghi lịch-sử của hai anh em thúc bá họ Nguyễn, Quính và Trị, cùng giữ khắ-tiết trong mười sáu năm ở Yên-kinh, trước khi cùng được về làng. Để chấm dứt chuyện Bắc h'nh hầy, tôi sẽ dịch nguyên-văn bài văn bia ấy mà nay còn thấy chép trong sách *Lê triều tiết nghĩa lục*, theo bản chép tay chắc còn mang một số sai sót. Văn rằng :

« CỐ LÊ TRIỀU TÙNG-THẦN MỘ BI »

« Hầu họ Lê, người huyện Siêu-loại, xã Đại-mão ; là con trưởng quan hình-bộ là thị-lang, tiến-sĩ khoa Cảnh-hưng Quí-hoi (1743, khi đậu 29 tuổi), tước Đại-nham hầu (lên là Lê Doãn-Giản). Tên hầu là Quính.

« Đường đệ hầu. Lê Trị là con trai thứ năm quan Lạng-sơn tổng-trấn, tiến-sĩ khoa Cảnh hưng Mậu thìn (1748, khi đậu cũng 29 tuổi), tước Tú-xuyến hầu (lên là Lê Doãn Thôn, em ruột Doãn-Giản).

« Vì giữ chức thị-vệ có công. Hầu được phong tước Trường phát hầu (hắn sao viết Trường hà, chữ Hà là sông viết tháo gần giống chữ Phái. Hoặc chẳng thóai Trường hà là phải ? Phải có bản dập bìn mới chắc). Lê Trị có công chạy theo vua (lần đầu), được ban tước Siêu loại hầu.

« Năm đầu Chiêu-thống (1787), ngày sóc tháng chạp, Tây-sơn đem quân xâm phạm thành Thăng-long. Vua ngự-giá lên bắc trổn ở Lạng-giang Hầu đem người nhà hộ-vệ, đi từ xứ Bắc đến xứ Đông.

« Năm thứ hai là năm Mậu-thân (1788), tháng hai, Hầu vắg mệnh đi theo tểm Thái-hậu và Nguyễn-lữ ở Cao-bằg. Bị quân Tây-sơn đuổi bức, bèn vắg lệnh đầu vào Nội-địa tại phủ Nam-ninh. Việc tầu lên Hoàng-đế nước Đại-Thanh sai Hầu đi đường Quảng-đông về thám-thính tình trong nước Khi Hầu trở lại, Hoàng đế bèn sai đồng-đốc Lưỡng Quảng, Tôn Sĩ Nghị cầm quân đi cứu viện.

BẮC HÀNH TÙNG KỲ

« Tháng mười một, đánh được lấy lại Kinh thành. Vua cưỡi xe về chính vị. Bấy giờ, cửa thiếu, binh ít. Hầu được giữ chức bình-chương sự, coi tất cả các việc binh và lương. Hầu Siêu-lĩnh thì đi sứ đón Thái-hậu và Nguyên tử từ Nam-ninh về.

« Năm thứ ba là năm Kỷ-dậu (1789, tháng giêng, quân Tây-sơn ngầm đến. Binh của tổng-đốc Tôn vũ tan, tổng-đốc lui chạy về Bắc. Vua cũng ngự-giá sang Bắc. Khi gần đến Yên-kinh thì có lệnh bắt tất cả phải cắt tóc và chịu phong chức, không có ý trở lại cứu viện lần thứ hai.

« Hầu ở trong nước, mộ lính trữ lương; dự-bị sắp đặt trước, hằng ngày ngóng viện binh trở lại. Hết hè qua đông, cuối cùng không nghe tăm-tích. Bèn cùng em là Lê Trị, với các bạn đồng-chí Trịnh Hến, Lí Bình-Đạo đi cửa quan mưu đồ khôi phục. Khi tới nơi thì đến cùng không cho gặp mặt vua, ép phải cắt tóc cải trang. Các người không chịu. Bị giam cầm tại ngục. Trong suốt mười ba năm, lấy oai hiếp, lấy lợi dỗ, cuối cùng không thắng nổi. Hầu thường co thơ rằng :

Thân khốn thập niên hoài tở tiết

Mệnh tùy nhất phát biểu dân tâm

(Thân khổ mười năm ôm tiết trắng

Mệnh tùy một tóc tỏ lòng son)

Khi-tiết hiện ra trên thi văn không phải chỉ một chỗ. Khi vua Lê cũ còn sống, đã sai ghi những lời ấy, để là Tư công thi tập (tập thơ của bốn ông). Bắc-triều khen là Lê gia tứ nghĩa sĩ (bốn nghĩa-sĩ nhà Lê).

« Đến năm đầu Gia-long, là năm Nhâm-tuất (1802), giặc Tây-sơn đã dẹp yên, con cháu Hầu, là Doãn-Trác vâng mệnh theo sứ bộ sang thăm tin tức. Năm thứ ba là năm Giáp-tí (1804), Bắc-triều tư giao trả về nước. Bèn được giữ nguyên tóc mà về. Lại xin phép rước quan-tài vua Lê cũ và hài-cốt Thái-hậu Nguyên-tử trở về táng ở Thanh-hoa. Lễ xong, lập tức tới chùa xã Đại-dồng trong huyện nhà mà ở. Thơ Hầu có câu :

Phật tở di lại huấn tử đệ (1)

Hoàng thiên hứa tác cụ nhân dân

(Phật tở dành lại dạy tử đệ

Hoàng thiên cho làm nhân-dân xưa)

« Tráng thay ! suốt khoảng mười bảy năm, thủy chung không đổi. Có bốn bảy tôi nhà Lê trung-ngĩa, mà anh em hầu chiếm hai ngôi. Thật là người xưa gọi là hiếm thấy vậy. Ôi ! đọc sách thánh hiền, hành đạo thánh hiền, như Hầu đáng gọi là người như vậy. Hoàng-đế triều ta khen là có chí tiết; nhiều năm ban ơn, nuôi cấp tuổi già, Hầu được toại nguyện.

(1) QSDB đối di 遺 và huấn 訓 ra dung 容 và sơ 初.

HOÀNG XUÂN HÂN

« Năm Ất-sửu (1805), ngày mười sáu tháng chín, hầu mất. Hầu Siêu-lĩnh theo lời di-chức, đi vào Kinh yết kiến Hoàng-đế, rồi lại xin về quê-quản an-dưỡng. Trong nhiều ngày, từng cùng người thân bạn cũ vui vẻ. Hầu Siêu-lĩnh thường dán bốn chữ Tạ Thiên thanh phúc 謝天清福 (cảm ơn trời cho cái phúc trong-trẻ) để tỏ chí mình. Năm Gia-long thứ mười là năm Tân-vị (1811), ngày mồng tám tháng ba, hầu mất tại nhà.

« Ôi! Hai hầu đồng-dôi nhà xưa, di-thần nước lớn. Trong tiền thoái, trung hiếu thì không quản. Tính kiêu-tri là như thế. Ý chừng, đã vô Trường-phái hầu làm anh, thì biết chí của Siêu-lĩnh hầu. Đã có Siêu-lĩnh hầu làm em, càng làm tỏ lòng trung của Trường-phái hầu. Hai anh em một cửa, tròng nghĩa gồm no, đã làm sáng sử xưa, rệt đời sau, rạng rạng rực rục. Trông các quân-tử trước thật không thẹn.

« Bền ghi chuyện để lại lâu đời trên đá.

« Năm Gia-long thứ mười hai, là năm Quý-dậu (1813) tháng sáu ngày lành.

« Chính tiến sĩ (Hoàng-giáp) khoa Lê Chiêu-thống Đinh-vị (1787) Nguyễn Kiên-phủ (Đặng-S) soạn »

Đối với những nhân thần trung nghĩa với nhà Lê, Gia-long trong khoảng đầu đời khá hậu, vì bấy giờ đang dùng chính-sách thu phục nhân-tâm miền Bắc. Nhưng nhân-dân vẫn nhớ nhà Lê, và cũng có kẻ muốn mưu-đổi chống họ Nguyễn mới, cho nên lợi dụng danh Lê Duy-Hoán, khiến Hoán và gia-đình bị giết vào tháng 11 năm Bình-thân (1816). Vì vậy dần dần những kẻ vong-thần triều Lê cũng không ai dám nhắc tới.

Phải đợi đến năm Tự-đức thứ 10 (1857), viện Đô sát mới tâu xin biểu-dương các bầy tôi tuân tiết triều Lê-mạt. Vua bằng lòng nhưng dặn phải tra cứu cho cẩn-thận và chỉ biểu-dương tên những người có hành-động đặc-biệt mà thôi (lời dụ ngày 27 tháng 4) Vua lại bảo đình-thần bàn cách biểu-dương ấy. Đồng thời, vua được đọc một vài câu thơ của Lê Quính và các trung-thần khác. Vua Tự-Đức vốn thích văn thơ lại hay vịnh sử, cho nên sai bộ Lễ sưu-tầm các thi văn của các nghĩa-sĩ.

Đình-thần xin ghi tên 5 người gồm những tông-vong đã không chịu khuất-phục vua Thanh và những người đã chống lại Tây-sơn bằng tinh-thần, như Trần Danh-An hoặc bằng vũ-lực như Nguyễn Đình-Viện. Trong đó lại có hai đàn bà: Lê Thị-Kim là hoàng-phí Chiêu-thống và Phan Thị-Thuần là vợ Ngô Cảnh-Hoàn đã tự trầm chết theo chồng khi chống quân Nguyễn Huệ ở bến đò Thúy-ái. Hai bà này đã có đền riêng và đã được phong thụy. Vậy vua sai lập đền ở Hà nội đề thờ 23 vị và đặt Lê Quính đứng đầu với tên thụy đặc-biệt là *Tru-g-nghị*. Lê Doãn-Trị cũng được thờ trong đền này, còn hai bạn đồng ngục kia, Lê Hiển và Lê Bình-Đạo thì đã nhận làm quan triều Nguyễn nên không được vinh-dự ấy.

BẮC HÀNH TÙNG KỶ

« Thời cùng tiết nãi hiện 時窮節乃現 (khí vận nước hết thì khí-tiết nhân dân bền tỏ rõ). Vận Thiên-Tường đã bộc-lộ một sự thật đời đời trong câu thơ bất hủ ấy. Ngày nay cũng như ngày xưa, dân ta đã tỏ cái khí-tiết bất-khuất đối với mọi lí-tưởng vì nước, vì dân, vì tinh-thần, vì tư-tưởng. Sự Lê Quinh không chịu cắt tóc, đành chịu ngục tù thật ra thì chỉ là việc mọn, nhưng nó tỏ tinh-thần dân ta đời đời không chịu khuất nhục, không chịu mất dân-tộc-tính. Vậy đó là một giai-thoại nên ghi và đáng được nhắc lại. Nếu độc-giả cũng cảm thấy như thế thì chúng ta không phụ công Quinh đã biên tập *BẮC HÀNH TÙNG-KỶ* và tôi cũng không luống công trình bày và dịch tác-phẩm ấy.

Paris hè năm 1969

HOÀNG XUÂN-HÃN

SẮP PHÁT HÀNH :

LỊCH SỬ XỨ ĐÀNG TRONG

(Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam)

● Phan Khoang

LỊCH SỬ ĐẤT THUẬN QUẢNG TỪ KHI CÒN LÀ CỦA NGƯỜI CHĂM, TRÁI QUA CUỘC MƯU ĐỘ TIẾN RA BẮC CỦA NGƯỜI CHĂM, CUỘC ĐÀN AP CỦA NGƯỜI TRUNG-QUỐC ĐÓ HỘ, RỒI NHỮNG TRANH GIÀNH GIỮA NGƯỜI CHIÊM VÀ NGƯỜI VIỆT DƯỚI CÁC TRIỀU TIỀN LÊ, LÝ, TRẦN, LÊ, ĐẾN ĐỜI CÁC CHÚA NGUYỄN, CUỘC LẤN HẾT ĐẤT CHIÊM THÀNH VÀ THỦY CHẤN-LẠP, CHO ĐẾN KHI NGƯỜI VIỆT LẬP CHÍNH QUYỀN Ở CÀ MAU.

* Tác phẩm lịch sử khảo cứu công phu.

* Gồm 700 trang tài liệu giá trị rất cần cho học giới.

KHAI TRÍ XUẤT BẢN

- *CUỘC TRANH GIÀNH ẢNH HƯỞNG Ở NƯỚC CHÁN-LẠP GIỮA TIÊM-LA VÀ CÁC CHÚA NGUYỄN.*
- *CUỘC XÂM CHIẾM ĐẤT NAM-VIỆT NGÀY NAY CỦA NGƯỜI VIỆT (*)*

▽ PHAN KHOANG
(tiếp theo S.Đ. số 14-15)

Ở Mỹ-tho, bọn Dương Ngạn Địch cũng lập Mỹ-tho đại-phố, tàu thuyền tới lui buôn bán đông đúc. Lại nhóm hợp người Tàu, người Miên, người Việt, vỡ đất làm ruộng, chưa lập trang trại, thôn ấp.

Từ năm 1675 đến năm 1691, Nặc Thu phải chống lại những âm mưu của Nặc Nộn nằm ở Sài-côn mong lật đổ mình. Năm 1679, Nặc Nộn đem quân về đánh Nặc Thu, Nặc Thu xin Tiêm cứu viện; nhờ quân Tiêm, Nặc Thu thắng, đuổi được Nặc Nộn chạy về Sài-côn.

Đội quân Long-môn mà Nặc Thu đã cho vào ở trên đất Miên, Nặc Nộn sẽ lợi dụng để làm hại Nặc Thu. Năm 1682, Nặc Nộn lấy trong đám Hoa-kiều này một số người làm nòng cốt để lập một đạo quân, trong có nhiều người Chăm, đem đánh Nặc Thu. Bị đánh thành lính, Nặc Thu đã phải bỏ hai tỉnh Kan Kau (là Bassac sau này) và Trapeang (là Trà-vinh sau này) mà lui về phía tây Oudong. Nhờ quân Tiêm cứu trợ năm 1684, Nặc Thu chuyển sang thế công và đuổi được quân Nặc Nộn chạy về Sài-côn (1). Nặc Nộn có xin vua Tiêm làm trọng-tài giúp mình, nhưng không được; Khi xin chúa Nguyễn thì Nặc Nộn may mắn hơn, mà rốt cuộc cũng chỉ may mắn cho chúa Nguyễn mà thôi.

Đời chúa Anh-tông Nguyễn-phước Trãi, năm mậu thân (1668), Phó-tướng Long-môn là Hoàng Tiến giết chủ-tướng Dương Ngạn Địch ở cửa biển Mỹ-tho, rồi tự xưng là Phấn đông hồ-oai tướng-quân, thống lãnh binh-sĩ Long-môn, dời đồn sang Rạch Than, đắp lũy, đúc đại bác, đóng chiến thuyền, cho quân đi cướp bóc dân Cao-miên. Nặc Thu cùng bề tôi là Ốc-nha Cống sa đắp lũy ở ba thành Gò-bích, Cầu-nam, Nam-

* *Tại liệu trích ở sách Lịch-Sử Xứ Đàng-Trong của Phan Khoang sắp phát hành.*

(1) Trận này sử ta không chép

CUỘC TRANH GIÀNH ẢNH HƯỞNG

vang, rồi giằng xích sắt ngăn cửa sông để cố thủ. Nặc Nộn báo với dinh Trấn-biên (bấy giờ là Phú-Yên) ý muốn chống đối ấy của Nặc Thu. Phó tướng Trấn-biên là Mai Vạn Long liền gửi bức thư của Nặc Nộn lên chúa.

Chúa bàn việc xuất binh đi đánh Nặc Thu. Chưởng dinh Tổng Đức Minh thưa : « Xin sai Cai-cơ Trấn-biên là Nguyễn Thăng Long (con Nguyễn Dương Lâm) là người có mưu lược, quen biết thủy thổ Cao-miên, làm Thống-binh ; còn Hoàng Tiến giết chủ nó, chưa biết lòng nó thế nào, xin sai làm tiên-phong để xem nó theo hay phản, nếu nó hoài tâm do dự thì ta tiến quân đánh ngay, Nặc Thu ngăn đàng trước, đại binh bức đàng sau, Tiến ắt bị bắt. » Chúa theo lời. Nhưng rồi Đề-trưởng Trương Thiên Lộc, chú Mai Vạn-Long, biết Cao-miên có nhiều của báu, muốn Vạn Long được làm tướng để mình đi theo, nên xin Chúa cho Vạn Long Chúa bèn lấy Mai Vạn Long làm Thống-binh, Nguyễn Thăng Long và Nguyễn Tân Lễ làm Tả, Hữu Vệ-trấn, Thủ-hợp Văn Vỹ làm Tham-mưu đem quân đánh Cao-miên, sai Hoàng Tiến làm tiên-phong, dưới quyền tiết chế của Mai Vạn Long.

Tháng giêng năm sau, kỷ-tỵ (1689), Mai Vạn Long kéo quân đến cửa biển Mỹ-tho, đóng ở Rạch Gầm, sai người đến triệu Hoàng Tiến đem quân sở bộ đến. Tiến không đến. Biết Tiến có ý phản, Vạn Long sai người dụ Tiến đến hội hợp ở giữa sông, rồi sai phục binh nổi dậy đánh, Tiến chạy, rồi chết. Vạn Long giao cho Trần Thượng Xuyên quản lãnh binh sĩ Long-môn của Dương Ngạn Địch để làm tiên phong, tiến đánh Nặc Thu, liền tiếp lấy được ba lũy Gò-bích, Cầu-nam, Nam-vang, Nặc Thu lui giữ thành Long-úc, sai Nặc Sa đưa lễ đến dinh Vạn Long đề xin hoãn binh, Vạn Long bắt giam lại. Nặc Thu bèn sai một người gái đẹp, có tài ăn nói là Chiêm-Dao-Luật đem vàng, lụa đến hiến. Bị thúc giục nạp lễ cống, Nặc Thu lại sai Dao Luật đem vàng, lụa đến đút lót và hứa hẹn. Vạn Long tin lời, để mấy tháng trôi qua, không chịu tiến quân. Chúa được tin, giận lắm, sai Cai-cơ Nguyễn hữu Hào (con Nguyễn-hữu-Dật, dòng dõi Nguyễn Trãi) thay Vạn Long làm Thống-binh. Mùa xuân năm sau, giáp-ngọ (1690), Hữu Hào tiến quân đóng ở Bích-đồi, chúa sai sứ đến bảo Hữu Hào rằng : « Nặc Thu nếu muốn chuộc tội thì phải hiến 50 thớt voi đực, 500 lượng vàng, 2.000 lượng bạc 50 tòa tề-giác, khi mới rút quân về, nếu không thì phải tiến đánh gấp. » Hữu Hào sai người đến bảo Nặc Thu. Nặc Thu sai đem 20 thớt voi nhỏ, 100 lượng vàng, 500 lượng bạc đến hiến. Các tướng cho rằng Nặc Thu không chân tình quy phục, xin tiến quân đánh. Nhưng Nặc Thu thường sai Chiêm Dao Luật đến van xin, Hữu Hào tin lời, cho rằng

PHAN KHOANG

mình không mất một mũi tên mà Cao-miên qui phụ, nên không chịu tiến quân. Từ đó, Hữu Hào và các tướng không hợp. Sau đó, Nặc Thu sai Dao Luật đem thêm 10 thớt voi nhỏ, 6 tòa tề-giác, 50 lượng vàng, 100 lượng bạc đến hiến. Mặc dầu các tướng xin tiến quân, Hữu Hào rút quân về đóng ở Bà-ri-a, rồi kéo quân về. Tháng 8, quân về tới, các thuộc-tướng kể lại việc Nguyễn Hữu Hào chần-chờ, Chúa Nguyễn giận lắm, sai tước bỏ quan chức Hữu Hào, truất làm thứ dân.

Tuy vậy, cuộc dùng binh này cũng thu được kết quả là khiến Nặc Thu chịu nộp cống, xưng thần. Người Việt đến ở đông lần trên đất mà sau đó gọi là Trấn-biên, Phiên-trấn, các tướng của chúa Nguyễn bèn đem đất ấy chia ra khu-vực, đặt người cai trị một cách bán chánh-thức. Còn Nặc Nộn thì được Nặc Thu đề về Chân-lạp, sống tự do ở Srei Santhor, mất năm 1691.

Năm nhâm-thân (1692), nhân Cai-cơ (Nguyễn-hữu Kính (con Nguyễn-hữu Dật) đem quân đánh vua. Chiêm-thành là Bà-Tranh, có 5.000 người Chiêm chạy sang Cao-miên xin cư-trú, vua Nặc Thu cho họ ở gần Lovêk, và cắt đất cho họ cày cấy làm ăn. Những người Chiêm-thành ấy, sử ta gọi là người Côn-man, hoặc Vô-tề-man ; như sẽ thấy, sau này chúa Nguyễn lấy có Cao-miên bạc đãi người Côn-man đề đem quân vào can thiệp ở Cao-miên.

4.— LẬP DINH TRẤN-BIÊN (BIÊN-HÒA) VÀ DINH PHIÊN-TRẤN (GIA-ĐỊNH) THUỘC PHỦ GIA-ĐỊNH (1698)

Có viên quan Chân-lạp tên là Êm nổi loạn, nhờ Chúa Nguyễn giúp quân lính, và đã hứa sẽ nhường các tỉnh Prey Kô (Sài-côn), Kâmpéap Srêkatrey (Biên-hòa), Bà-ri-a đề đền đáp (1). Năm 1699, Êm đem quân Việt theo sông Khung (Mékong) tiến lên đến Kompong Chhnang, nhưng bị đẩy lui, trở về ba tỉnh này ; Êm bị giết (1). Nhưng nhân đó, chúa Hiền-tông Nguyễn-phước Chu công khai chiếm đất ấy, chánh thức đặt quan cai trị.

Năm mậu-dần (1698), chúa sai Thống-suất Nguyễn-hữu Kính vào kinh lược, chia đất Đông-Phước, lấy xứ Đông-nai làm huyện Phước-long, lập dinh Trấn-biên (ức tỉnh Biên-hòa ngày nay) ; lấy xứ Sài-côn làm huyện Tân-bình, lập dinh Phiên-trấn (ức tỉnh Gia-định ngày nay), mỗi dinh đều đặt chức Lưu-thủ, Cai-bạ, Ký-lục và các cơ, đội, thuyền thủy, bộ tinh-binh và thuộc binh. Đặt phủ Gia-định đề thống thuộc hai dinh

(1) Việc này sử ta không chép.

CUỘC TRANH GIÀNH ẢNH HƯỞNG...

Trấn-biên và Phiên-trấn. Với phủ Gia-định, bấy giờ chúa Nguyễn đã có đất nghìn dặm, 4 vạn hộ dân, chúa sai chiêu mộ thêm lưu dân từ Bố-chính trở vào nam đến ở, thiết lập xã, thôn, phường, ấp, chia ranh giới, khai khẩn ruộng đất, đánh thuế tô (1), thuế dung (2), làm bộ điền, bộ đinh. Người Tàu cũng khá đông rồi, bèn lập làng xã cho họ, và bắt đầu chính sách đồng hóa : lập xã Thanh-hà cho những người Tàu ở Trấn-biên nhập tịch, xã Minh-hương (3) cho những người Tàu ở Phiên-trấn nhập tịch ; từ đó họ thành dân-hộ của ta.

Đất Mỹ-tho hình như bấy giờ chưa trực-tiếp thuộc quyền phủ Gia-định mà do các tướng Long-môn kiểm soát lỏng-lẻo. Theo sách Gia-định thông-chí, trên nguyên-tắc, ban đầu, tỉnh Định-tường (tức Mỹ-tho thuở ấy) là để thu nhận những dân quá đông ở Trấn-biên và Phiên-trấn đến ở. Họ được tự-do làm ăn, muốn ở đâu thì ở, muốn khai khẩn đất chỗ nào tùy ý. Có những người định cư ở phứt nơi xa xôi, như trên núi để khai thác lâm-sản, trên bờ biển để đánh cá ; các hạng người ấy thì không thuộc chính quyền nào cả. Rồi lần lần, người di dân mới lập thành thôn ấp, đặt người trưởng để phân xử kiện tụng. Còn thuế thì tùy theo nghề nghiệp mà người đánh cá nộp cá, người thợ rừng nộp gỗ, người làm nông nộp lúa v.v... Vì miền này xa Trấn-biên, Phiên-trấn, lại không muốn ép buộc nhân dân tuân theo thề lệ như các nơi khác, nên lập 9 kho riêng để dân ở gần kho nào thì đem thuế đến nộp kho ấy cho tiện (ở phủ Gia-định chỉ có một kho Tân-định cho hai dinh Trấn-biên và Phiên-trấn). Chín kho ấy (kho đặt ở xã nào thì lấy tên xã ấy mà gọi tên kho) là : Qui-an, Qui-hóa, Cảnh-dương, Thiên-mụ, Quan-thảo, Hoàng-lạp, Tam-lạch, Bả-canh, Tân-thịnh.

Thấy mất một phần đất đai, chán nản, năm 1699, Nặc Thu thoái vị nhường ngôi cho Ang En (1699-1701), sử ta gọi là Nặc Yêm. Nặc Yêm là con Nặc Nộn, Nặc Nộn chết, Nặc Thu đem con gái gả, rồi nhường ngôi cho, có lẽ muốn hòa giải 2 phe (4). Nặc Yêm bất tài, Nặc Thu phế đi mà lên làm vua. Nặc Thu liền phải đối phó với

(1) thuế ruộng đất.

(2) thuế thân.

(3) Xã Minh-hương, viết là 明香, có ý là gửi hương hỏa cho nhà Minh ; đến đời Minh-mạng, vua sợ méch lòng nhà Thanh, nên sai đổi chữ 香 làm 鄉 : 明鄉.

(4) Đó là theo các sách sử Cao-miên do người Pháp viết. Sử ta chép : « Nặc Nộn chết, Nặc Thu phong con là Nặc Yêm làm chức Tham-dịch sát-giao chủy », chứ không nói nhường ngôi.

PHAN KHOANG

một cuộc nổi loạn do tên Kim cầm đầu và người Việt xui xở. Ban đầu, Nặc Thu phải cùng gia quyến và triều-thần bỏ trốn, đến Pursat, nhưng rồi nhà vua lấy lại được thể chủ động và bắt được Kim. (1)

Năm kỷ-mão (1699) tháng 7, Nặc Thu đắp lũy ở Bích-đôi, Nam-vang và Cầu-nam, cướp bóc dân buôn người Việt. Tướng Long-môn là Trần Thượng Xuyên bấy giờ đóng giữ Doanh-châu (thuộc Vinh-long ngày nay) báo lên. Chúa Hiền-tổng sai Lê-thành-hầu Nguyễn-hữu Kính làm Thống-suất, Cai-bộ Phạm-Cảm Long làm tham-mur, Lư-thủ Trấn-biên là Nguyễn-hữu Khánh làm tiên-phong, lãnh quân hai dinh Bình-Khương và Trấn-biên, và thuộc binh 7 thuyền dinh Quảng-nam, hợp với tướng sĩ Long môn đi đánh. Năm sau, Canh thìn (1700) tháng 2, quan quân tiến đóng ở Rạch-Cá (Ngư-kê), dò xét tình hình quân địch. Tháng 3, Trần Thượng Xuyên giao chiến với quân Chân-lạp mấy trận, đều thắng, rồi quan quân tiến đến lũy Bích-đôi và Nam-vang. Nặc Thu lui trước, quân Chân-lạp tan vỡ, quan quân tiến đánh hạ đồn Bích-đôi, quân Chân-lạp ra hàng. Thống-suất Nguyễn-hữu Kính vào thành, vỗ an dân chúng. Tháng 4, Nặc Thu đến cửa quân xin hàng, Nguyễn-hữu Kính an ủi, khiến trở về Bích-đôi chiêu tập dân-chúng, rồi kéo quân về đóng ở cồn Cây-sao (tức nay gọi là cồn Ông Chưởng), báo tin thắng trận lên chúa. Tháng 5, Nguyễn-kữu Kính kéo quân về đến Sầm-giang thì bị bệnh mất, quan cứu đưa về dinh Trấn-biên quyền táng. Hung tin báo về, Chúa Hiền-tổng rất thương tiếc, truy tặng là Hiệp-tán công-thần, đặc tiến Chưởng-dinh. Người Chân-lạp lập đền thờ ông ở đầu cồn Nam-vang. Ở Trấn-biên, Phiên-trấn, nhân dân nhớ ơn khai thác, đều có lập đền thờ. (Các đền thờ này đều có chép trong Đại Nam nhất-thống chí và Gia-định thông-chí. Theo Đại Nam nhất thống chí thì ngoài các đền ấy, dân châu Đinh-binh (?) cũng lập đền thờ và đặt tên châu ấy là châu Lê-công).

Cuộc thất trận năm canh-thìn làm cho Nặc Thu thêm chán nản, nên năm 1702, ông lại thoái vị, nhường ngôi cho con là Thommo Reachea, sử ta gọi là Nặc Trâm, mới 12 tuổi, nhưng Nặc Thu vẫn cầm quyền cho đến năm 1706 thì giao ngôi hẳn cho Nặc Trâm.

Năm 1700 ở Lào có nội chiến, viên quan cai trị Nakhone là Nan Tharat tiến ngôi vua, hoàng-gia và rất nhiều người Lào chạy sang cư ngụ Chân-lạp. Năm 1705, có 5.000 người thuộc hoàng-gia Lào ở Viêng-chanh bị đuổi, chạy đến ở tỉnh Bati của Chân-lạp, gần một làng người

(1) Việc này không thấy chép trong sử ta.

CUỘC TRANH GIÀNH ẢNH HƯỞNG...

Lào bị cầm giữ ở đó. Năm 1708, hai hạng người Lào ấy nổi dậy chống chính quyền địa-phương. Bọn người này kêu cầu Nặc Yêm, vị vua bị truất ngôi, giúp đỡ. Nặc Yêm bèn cầm đầu chúng, lại hô hào những bộ-lạc ở các tỉnh phía bắc Angkor và Kompong Thom theo mình; mặt khác, cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa sai Chánh-thống Cai-cơ Nguyễn Cửu Vân đem quân giúp Nặc Yêm. Với bọn người Lào và các bộ-lạc Miền kia, Nặc Yêm chiếm Oudong, còn quân Việt-nam thì đến các tỉnh phía đông, Nặc Thâm bị bao vây. Sau 3 tháng chống cự, Nặc Thâm cùng em là Nặc Tân (Ang Tong) ban đêm trốn thoát, chạy sang Tiêm-la. Nặc Yêm trở về La-bích cầm quyền.

Nặc Yêm còn phải đối phó với ba cuộc mưu đồ khôi của Nặc Thâm do Tiêm-la ủng hộ nữa, và Nặc Yêm chỉ nhờ cậy quân chúa Nguyễn. Nhân đó, chúa Nguyễn bèn trưng uy lực mình trên vùng duyên hải vịnh Tiêm-la.

5. — NẶC CỬU ĐEM ĐẤT HÀ-TIÊN HIỂN CHÙA NGUYỄN

Từ khi Dương Ngạn Địch đến ở Mỹ-tho, Nguyễn-hữu Kính lập phủ Gia-dịnh, thì tỉnh Gia định, tỉnh Biên-hòa ngày nay đã chánh-thức thuộc vào bản đồ Việt-Nam, còn trên đất Mỹ-tho, chúa đã đặt được một thứ bán chính-quyền. Như vậy, uy-lực của chúa Nguyễn đã đến sông Tiền-giang, còn bên kia Tiền-giang thì vẫn là đất của Chân-lạp. Một người Trung-quốc khác sẽ đem dâng chúa một giải đất ở tận trên bờ biển vịnh Tiêm-la để chúa dùng làm bàn đạp, và từ đấy tiến trở lên phía bắc, nối liền với Tiền-giang.

Mạc Cửu, quê phủ Lôi-châu, tỉnh Quảng-dông, nguyên là một chủ thuyền buôn, rất hoạt động, thường sang buôn bán ở Phi-luật-tân, Batavia, có lẽ đã cộng-tác mật thiết với họ Trịnh ở Đài-loan trong việc khuếch trương mậu dịch Đài-loan ở hải ngoại. Sau khi thấy nhà Minh không thể phục hưng được, ông không chịu cạo tóc, gióc bím theo nhà Thanh, chạy sang cư ngụ ở đất Chân-lạp, làm quan với Chân-lạp. Thấy chính cuộc nước này rối-ren mà ở Màng-khảm, thuộc tỉnh Péam của Miên (người Tau gọi là Phrong-thành) có nhiều người buôn bán ngoại-quốc tụ họp, ông đến ở đấy, mở sòng gá bạc để lấy xâu, lại đào được một hầm bạc chôn, nên trở thành giàu. Mạc Cửu bèn xây một ngôi thành trên bờ biển, mở phố xá, rồi chiêu tập lưu dân đến ở các nơi Phú-quốc, Cần-bột (Kampot), Rạch-giá, Luống-cây, Hương-úc (tức Vũng-thơm, Kompong Sôm), Camau, lập thành 7 xã-thôn. Tương truyền đất Màng-khảm có người tiên thường hiện trên sông, nên đặt tên là Hà-tiên. Nhưng vào khoảng năm 1687 — 1688, quân Tiêm vào cướp phá Hà-

PHAN KHOANG

tiên, đưa Mạc Cửu về Tiêm, cho ở hải-cảng Vạn-tuế-sơn (Muang Galapuri). Sau một thời-gian, ông lên trở về Long-kỳ, rồi vào khoảng năm 1700 trở về Hà-tiên.

Từ năm 1698, chúa Nguyễn đã lập phủ Gia-dịnh, địa vị của người Việt trên đất Thủy Chân-lạp đã vững chãi, và thế-lực đương có cơ phát triển, còn ở Chân-lạp thì nội loạn tiếp tục, người Tiêm-la luôn luôn can thiệp và chờ cơ-hội để xâm lấn. Vì tình hình ấy và muốn duy trì địa-vị mình, nên Mạc Cửu theo lời khuyên của mưu sĩ họ Tô, năm mậu-tý (1708) cùng bộ thuộc là Trương Cầu, Lý Xá đem ngọc, lụa đến phủ chúa ở Thuận-hóa dâng biểu xưng thần, xin cho làm Hà-tiên-trưởng. (1) Chúa Hiền-tông thấy Cửu tướng mạo khôi kiệt, tiến thối cung kính, cần thận, nên bằng lòng cho làm thuộc-quốc, trao cho chức Tổng-binh và ấn-thụ để giữ Hà-tiên; khi Cửu về, chúa sai nội thần tiễn đưa đến ngoài cửa đô-thành. Như vậy Hà-tiên trở thành gần như đất chư-hầu của chúa Nguyễn. Mạc Cửu bèn xây dựng dinh ngũ, nhân dân đến ở càng ngày càng đông thêm.

(còn tiếp)

PHAN KHOANG

(1) Ấy là theo Liệt-truyện tiền biên; còn theo Thực-lục tiền biên thì Mạc Cửu sai Trương Cầu, Lý Xá đi Thuận-hóa dâng biểu và lễ vật, xin cho mình làm Hà-tiên trưởng, chứ Cửu không đi lần này.

CHÚC MỪNG

Nhân ngày lễ thành hôn, 27 tháng 12 năm 1969 của hai em Mai Ngọc Đường và Bùi Thị Xuân Minh, thành thật chúc hai em trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN NHÃ

ý kiến bạn đọc

- Ông Văn Chí Nhân (Nguyễn Văn Rảnh), một Việt kiều sinh trưởng tại Vientiane góp tài liệu về :

VIỆT KIỀU TẠI AI LẠO

Vào khoảng năm 1890, một toán lính khổ xanh độ gần 100 người, trong đó có cả gia-đình thầy-mẹ tôi, được đưa qua Lào dưới quyền điều-khiển của của một Giám-binh và một Phó-Giám-binh người Pháp (thời đó trai tráng trong các làng-mạc ngoài Bắc bị bắt-buộc đi tòng-quân sung vào đạo binh lính khổ-đỏ, hoặc lính khổ-xanh để giúp các « quan Đại-Pháp » đi « dẹp loạn » hoặc đi đóng đồn các nơi hoặc được mệnh-danh là sang « khai sáng » nước Lào.

Toán lính khổ-xanh nói trên phần đông đều có gia-đình. Họ được phép đem vợ con và cả người nhà (nếu ai muốn) theo nữa.

Ròng rã bốn năm tháng đi đường, lúc trời dềo, lội suối, lúc thì băng rừng, vượt núi mới tới Vientiane và được lệnh cất đồn đóng binh ở cuối thành phố. Nơi là « thành phố » thì hơi ngoa vì Vientiane lúc đó chỉ vốn-vẹn có dăm trăm nóc nhà làm toàn bằng gỗ, tre, và nứa, phần nhiều là nhà sàn cao cẳng ở rải rác trong một phạm-vi bề dài một cây số rưỡi, bề ngang một cây số, dọc theo bờ sông Cửu-Long. Trừ toán lính khổ-xanh và vợ con người nhà họ ra thì toàn thổ dân Lào. Ngoài trung tâm thành phố, người Lào ở rải rác từng làng, từng xóm xung quanh. Ở chính giữa thành phố, gần bờ sông có vài dinh-thự của các quan Lào khá nguy-nga, song cất cũng toàn bằng gỗ. Các chùa Phật thì trái lại, đều cất bằng gạch lợp ngói nguy-nga, như chùa « Vat Sisaket, Vat Prakeo, Vat Kang v.v... và cách xa tỉnh độ 2 cây số có tháp « That Luang » và rất đồ-sộ, xung quanh có vài cái chùa Phật cũng nguy-nga không kém.

Dần dần, từ năm 1890 đến 1910, người Pháp cho di-dân người V.N. qua Lào. Trong số đó có lính khổ-xanh, công chức các công-sở, các dân-phu, dân-thợ như : phu làm đường, phu-hồ, thợ-nề, thợ-mộc, thợ-sắt, thợ làm gạch ngói v.v... phần đông đều đem theo vợ con và người nhà.

Nhà gạch lợp ngói được thợ V.N. xây cất lên, hoặc trệt hoặc một tầng lầu cho các cơ quan cai-trị Pháp như : sở Thống-Sứ, sở Lục-lộ (công

chánh và giao thông) xa Tây, sở kho-bạc, sở Mật-thám, sở Sen-đầm (cảnh sát-công-an), sở giấy-thép, các nhà trường, nhà thương v.v...

Một dinh-thự lâu đồ-sộ cất gần bờ sông Cửu-long đề ông Thống-Sứ Pháp ở (nay sửa lại làm Hoàng cung vua Lào) và gần đó một dinh-thự khác nhỏ hơn cho Phó-vương Lào (Hoàng thân Phetsarath), Vua Lào thì ở Luang-Prabang, còn Vientian là kinh đô hành chánh. Dần dần, đường trong các thành phố được tu bổ trải đá ong, trải nhựa. Ở Vientiane có bốn con đường chính dọc theo bờ sông. Đường ngang cũng được đắp ra và trải đá ong. Vòng quanh tỉnh, một con đê cao được đắp lên do phu V. N. và một ít phu Lào để tránh lụt thường niên. Tuy nhiên lâu lâu cũng có lụt lớn, thành phố đều bị ngập nước, mùa màng hư hỏng và dân chúng bị đói kém.

Người V. N. di cư qua mỗi ngày một đông và con cái họ lớn lên từ số ngàn lên đến số vạn. Người do Pháp ép buộc sang Lào thì nhiều mà người trở về V. N. thì lại rất ít.

Không phải họ có ý định ở Lào lâu dài hay vĩnh-viễn, mà là vì đường xa xa xôi khó khăn, phần nhiều đi bộ băng qua rừng thiêng nước độc, qua đèo, qua núi, nếu không đi từng đoàn, từng tốp đông, thì không ai dám đi. Lòng yêu quê-hương tổ-quốc của người V. N. trong lúc ở nơi đất lạ xứ người này có thể nói là « vô bờ bến » lúc nào trong thâm-tâm họ và trong các câu chuyện thường ngày họ đều chỉ có mỗi một ước vọng là được về thăm làng thăm nước, thậm chí nếu trời bắt phải chết, thì họ chỉ muốn được chôn xác ở quê nhà.

Theo với đà tăng số người V. N. ở đây, nhà cửa dân chúng V. N. được cất thêm lên dọc theo các con đường chính trong tỉnh, hoặc đề ở hoặc đề buôn bán hay hành nghề. Từng xóm người V. N. được mọc lên như : xóm « trại con gái » (Gia-Bình) sau trại lính khổ-xanh, xóm « cột-tháp » (cái tháp hiện nay gọi là Thát-Đăm : Tháp đen) ở giữa tỉnh, ở đầu tỉnh; xóm « ăng-phin » (cạnh sở vô-tuyến) (1); xóm « lò-gạch » (toàn nấu gạch ngói), xóm Nông-bon (gần làng Lào tên là Nông boon) ở ngoại-ô... Người mình tập-hợp như vậy rồi tổ chức buôn bán, hoặc hành nghề để sinh sống.

[Trong thành phố mở tiệm buôn bán đồ tạp hóa, sách vở giấy bút, bánh kẹo... , tiệm ăn như : tiệm phở, tiệm mì, tiệm đóng giày, tiệm đan đồ len, đồ đồng, chữa đồng hồ, tiệm chụp hình, lò rèn, tiệm làm và bán bàn ghế bằng gỗ, tiệm thợ bạc, thợ vàng, tiệm may âu-phục, tiệm bán và sửa xe-đạp, v.v...

(1) Télégraphie sans fil.

Trong các xóm các làng thì xay lúa giả gạo đem ra chợ bán, đàn bà thì mỗi sáng đi đón trên các con đường ở các làng (bạn) người Lào vô chợ để mua sỉ lại các đồ sả, như : rau cải, các thứ trái cây, nấm, hoặc cá đồng, gà vịt, trứng, thịt rừng khô hay tươi v.v... đem vào các chợ bán lại lấy lời.

Ở các xóm xa tỉnh, như xóm « nông boon », dọc theo đường dài độ hơn một cây số ngàn, người V.N. trồng rau cải đủ các thứ ; rải rác các xóm khác như : xóm « lò gạch », xóm « bạn phai », xóm « khuahuong » đều có lò làm gạch ngói, gạch ca-rô. Trong một vài xóm ở bờ sông có xưởng của các loại gỗ để làm nhà cửa. Bánh cuốn, bánh trắng, bánh ngọt ; kẹo mút, bún được mấy bà mấy cô V.N làm ra để bán.

Về sau, một con đường bộ được làm ra, gọi là *đường thuộc địa* số 13 (Route coloniale n^o 13) nối liền Vientiane với Luang-Prabang, Pak-sane, Thakhek, Savannakhet và Paksé rồi xuyên qua Cambodge. Ở Thakhet và Savannakhet có đường xuyên qua Tchpone và Đông-hà đến Việt-Nam.

Đường thủy thì có tàu của hãng người Pháp như hãng : « Compagnie de transporfluviaux », hãng tàu Malpuech (Savannakhet). Tàu chuyên chở hành khách và hàng hóa từ Pháp xuyên qua Nam Phần và Cao-miên.

Thời đó về thương mại ở Ai-lao không có gì đáng kể : trong tỉnh Vientiane có hai hãng người Pháp : Denis frères và Pierre Morel, chuyên nhập các loại hàng hóa từ Pháp qua bán sỉ lại cho người V. N. và người Trung-hoa.

Tuy nhiên sự nhập cảng hàng hóa ở Pháp được tự-do, ai mua cũng được không phải xin phép tắc gì phiền phức cả.

Người Lào, tuyệt nhiên không làm nghề gì hoặc ở tiệm buôn bán gì cả. Nhiều khi tôi tự hỏi tại sao như vậy ? Điều đáng chú ý là hề người Việt-nam đến ở đâu là người Lào hoặc bán lại hoặc bỏ nhà dọn đi nơi khác.

Họ đi khai thác chỗ khác xa tỉnh cất nhà ở chung với người họ nhất là ở xung quanh một ngôi Chùa nào đó cho yên tĩnh hơn.

Du-khách ngoại quốc đã nhiều lần kêu lên rằng : « Tôi đến thăm xứ Lào mà trong các tỉnh chỉ thấy toàn người Việt-nam và người Tàu, rất ít người Lào ! »

Theo tôi, không phải người Lào ghét hoặc có ác-cảm với người V.N. mà có lẽ vì :

a) Họ rất sùng đạo Phật, mà cách hành đạo của người Việt nam lại không giống với họ.

b) Bẩm tánh họ cầu an « sư-sư » thế nào cũng được, chỉ muốn ở yên, không muốn ai quấy rầy, mà người Việt-nam thì lại hiếu động lắm

lời, nên họ không muốn đụng chạm nhiều.

c) Có một vài phần tử người mình làm trong các cơ-quan Pháp có uy-quyền sinh ra có tánh quan liêu, coi người họ rẻ-rúng, dựa hơi các quan Pháp hiếp đáp họ, nên họ ngán và có khi chán ghét.

Tuy nhiên trong thâm-tâm họ, thì họ rất phục tài năng, trí thông minh của người Việt-nam. Họ không bao giờ tỏ ý phản đối sự có mặt của người Việt-nam ở xứ họ cả. (Gần đây, họ đối-xử với người mình có phần nghi-ngờ và dè dặt, song may nhờ sự khôn khéo của Tòa Đại-sứ V.N.C.H. tinh thần thân-hữu giữa hai dân-tộc vẫn được bền chắc, những người Việt-nam quốc-gia chân-chính được bảo-vệ và được nâng-đỡ thực-sự).

Người Pháp thấy người Việt-nam mỗi ngày mỗi đông nên đặt ra chức bang-trưởng để giúp họ trong việc kiểm-soát và cai trị người Việt nam ở Lào. Ông bang-trưởng đầu tiên là ông *Lê-văn-Trung*, một người Việt-nam miền-nam qua đây từ buổi sơ khai, được Pháp giúp đỡ lập lò bánh mì và bán lẻ á-phiện công. Kế đó ông *Hàn* một cựu công chức rồi đến ông *Đinh-văn-Công*, một cựu lính khố-xanh về hưu, nhờ tự học biết Pháp văn được làm công chức sở cò đô-thành. Tới ông *Nguyễn-văn-Được* một người chủ hàng thịt, mù chữ song giàu và khéo giao thiệp nên được làm bang-trưởng. Sau chót là ông *Nguyễn-văn-Chương* một cựu công-chức tòa Sứ về hưu. Đến lúc Ai-Lao thu hồi độc-lập, tòa Đại-sứ V.N.C.H. được đặt ra thay thế để lo cho kiều bào đến ngày nay. Tinh-thần dân-tộc và ái-quốc của phần đông Việt-nam ở đây khá cao. Hầu hết đều có ý là chỉ ở tạm mà thôi, lúc nào họ cũng hướng về quê hương tổ-quốc một cách tha-thiết, không một biến chuyển gì xảy ra ở quốc-nội mà họ không đề ý tới. Tuy sanh sống ở đây chớ ít người thành lập cơ sở gì vững chắc và đồ sộ, có tính cách vĩnh viễn.

● Ông Võ Thu Tịnh, Vientiane :

TÀI LIỆU QUÍ TẠI AI LAO :

1— Tại Vientiane hiện có 1 sắc phong, 1 ấn, 1 kiếm, 1 bộ mũ áo bào do vua Minh Mệnh sắc phong cho vua Lào Xiêng Khoảng.

2— Tại một đền thờ Việt-Nam gọi là đền Ông Lãnh ở Vientiane có sắc vua Lê.

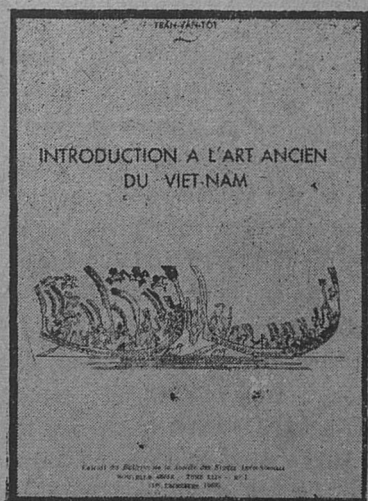
3— Tại cơ quan an ninh Lào (do Pháp chuyển giao lại) có hồ sơ rất đầy đủ về công cuộc điều tra sinh hoạt các tổ chức xã hội, chính trị của Việt Kiều ở Ai Lao từ xưa đến nay.

Đó là những tài liệu rất quý mà ở cương vị của tôi không thể nào khai thác được. Nếu quý báo có đủ điều kiện và hậu thuẫn hơn thì tôi tin rằng sẽ thu hoạch được nhiều kết quả tốt.

▼ **TRẦN VĂN TỐT — INTRODUCTION À L'ART ANCIEN DU VIET-NAM.** *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, t. 44, 1^{er} trim. 1969, tr. 5-104.

Dưới đề mục « Nhập-môn nghệ-thuật cổ Việt-Nam », Ô. Trần Văn Tốt cung hiến cho độc-giả một bài biên khảo quan-trọng, trong đó ông phác họa sự diễn biến của nghệ-thuật cổ Việt-Nam qua các thời-đại. Nhưng tác-giả đã loại khỏi phạm-vi nghiên-cứu của ông những hình thức nghệ-thuật được coi là hạ-đẳng, đề chỉ chú trọng tới thuật kiến-trúc và điêu-khắc.

Theo giòng thời-gian, tác-giả lần lượt trình bày, qua sự mô tả tỉ mỉ các di-tích khảo-cổ còn tồn tại, các đặc-điểm của các thời đại nghệ-thuật trong lịch-sử Việt-Nam. Bài biên-khảo được chia làm hai phần chính : thời-đại tiền và sơ sử (tr. 7-44), thời-đại lịch-sử (tr. 45-104).



Trong phần thứ nhất, tác-giả chỉ đề-cập qua tới văn-hóa thời trung thạch-khí, tượng-trung bởi hai nền văn - hóa Hòa - bình và Bắc-sơn, nhưng nhấn mạnh nhiều lên nền văn-minh của thời thanh-đồng, tức là văn-minh Đông-sơn, mà tác-giả trình bày chi tiết các nét đặc-biệt của đời sống vật-chất và tôn-giáo cũng như nghệ-thuật. Các đồ đồng (trống đồng, trống, lưỡi rìu, v.v...) và đồ gốm khai quật được cho thấy nghệ-thuật Đông sơn đã đạt được một trình độ rất cao. Nhưng văn-minh Đông-sơn đã bị phá hủy vào khoảng cuối thế-kỷ thứ I : sự xâm

nhập của người Hán đi đôi với cuộc chinh phạt của Mã Viện đã khiến người Đông-sơn phải di-trú. Một số tới ẩn náu hoặc trong miền núi, hoặc tại miền Nam bán-đảo Đông-dương, một số khác mạo hiểm hơn, đã liều lĩnh vượt biển để tìm tới những miền đảo xa xôi.

Trong phần thứ hai, sau khi phác qua các đặc-điểm của nghệ-thuật Hoa-Việt thời Bắc-thuộc (tr. 45-47), tác-giả đã dành những trang dài

cho nền nghệ-thuật thời độc lập, mà ông gọi là nghệ-thuật quốc-gia. Tác-giả chứng-minh rằng, dưới thời Hậu Lý, sự dung hợp giữa những thâu-mỹ quan khác nhau, giữa những ảnh-hưởng Trung-hoa, vài truyền thống Ấn-độ và sự góp phần của nghệ-thuật Chăm, đã cho phép nghệ-thuật của nước Đại-Việt trở nên phong phú và phức tạp. Nhưng triều nhà Trần (1225-1413) đã chỉ là một giai-đoạn chuyển tiếp về phương-diện nghệ-thuật, nên đã không để lại cho ta một tác-phẩm đặc biệt nào. Nhà Hậu Lê (1425-1527) đã đưa lại cho nước Đại Việt một tình trạng cường-thịnh, cho nên sinh-hoạt văn-chương cũng như nghệ-thuật đều rất mạnh mẽ ; đặc-điểm của thuật kiến-trúc thời này là đi tìm cái đẹp trong vẻ ưu mỹ của các đường cong mềm dẻo.

Thời Lê Trung-hưng, ảnh hưởng của lý-tưởng Phật-giáo hay Lão-giáo đã khiến các nhà kiến-trúc và điêu-khắc từ bỏ tinh-thần của các truyền thống Trung hoa cổ-truyền và kiểu thức giản-dị của các tác-phẩm cổ xưa, tuy đôi khi còn có sự trở về tạm thời với truyền-thống và với sự đơn giản (trụ quan của đình Cồ-loa, chùa Ninh-phúc ở Bút-tháp, Bắc-Ninh). Với thế-kỷ XVII, nghệ-thuật Việt-Nam đã qua khỏi giai-đoạn mô-phỏng và thí-nghiệm ; nhà mỹ-thuật Việt-Nam từ nay đi theo con đường riêng của mình và biết ghép vào các kiểu-mẫu vay mượn của nghệ-thuật Trung-hoa cá-tính của dân Việt.

Nghệ-thuật dưới nhà Nguyễn bắt nguồn từ nghệ-thuật nhà Lê Trung-hưng và luôn luôn duy-trì những đặc tính rất gần với nghệ-thuật này. Nhưng, phát-triển ở phía Nam dãy Hoành-sơn, nghệ-thuật dưới nhà Nguyễn đã có một sự diễn-biến đặc-biệt : phải thích ứng với môi-trường địa-lý mới ấy, với thời-gian nó đã có một cá tính riêng biệt (kiến-trúc ít đồ sộ hơn, vật điêu khắc có vẻ đẹp tinh-nhã hơn, riêng thuật đúc đồng đã biết được nhiều tiến bộ kỹ-thuật dưới nhà Nguyễn).

Bài « Nhập-môn nghệ-thuật cổ Việt-Nam », là một dụng-cụ làm việc rất hữu ích cho tất cả những ai muốn bước vào lãnh vực nghiên-cứu này : không những các dữ kiện quan-trọng đã được trình bày một cách khoa học và khúc chiết, tác-giả lại còn đính kèm theo rất nhiều hình ảnh của những tác-phẩm tiêu biểu cho mỗi thời đại lịch-sử, và một thư mục rất là phong phú. Nhưng cái nhìn tổng quát mà Ô. Trần Văn Tốt hiến cho chúng ta về lịch-sử nghệ-thuật cổ Việt-nam không phải chỉ là một sự tổng-hợp các kết-quả nghiên-cứu của các nhà khảo-cổ học; những nhận xét riêng của ông đã đặt một số vấn đề mà, quá thận trọng và khiêm-tốn, ông đã dành cho những nhà nghiên-cứu khác giải đáp.

nguyễn thế-anh

Đối với những người đã từng học hay nghiên cứu lịch sử Việt-Nam, tên Trần Trọng Kim là một cái tên hết sức quen thuộc. Quen thuộc không phải chỉ vì ông là vị Thủ Tướng đầu tiên của một nước Việt-Nam độc lập trong thế kỷ XX mà còn vì những tác phẩm có giá trị về sử học và văn học của Ông. Những tác phẩm mặc dầu đã xuất hiện từ hai chục năm có lẽ nhưng đến nay vẫn là những tác phẩm thông dụng nhất và được tin cậy nhất về Lịch Sử Việt-Nam và về Nho học mà không một gia đình có học hành nào trong xã hội ta hiện tại là không có. Tất cả là nhờ ở tính cách đứng đắn và nhờ ở lối văn cổ nhưng có hồn của tác giả. Có điều đó chỉ là những tác phẩm khảo cứu của Trần Trọng Kim học giả. Với *Một Cơn Gió Bụi* lần này, độc giả lại có dịp tiếp xúc với một Trần Trọng Kim chính trị gia. Trong vòng xấp xỉ hai trăm trang giấy khổ nhỏ, tác giả đã thuật lại hầu hết cuộc đời chánh trị của Ông và những biến chuyển xảy ra ở nước nhà từ năm 1940 khi quân đội Nhật đặt chân lên lãnh thổ Việt Nam cho đến năm 1949, năm người Pháp chính thức trao trả nền độc lập cho Việt Nam trong



Liên Hiệp Pháp và dưới sự lãnh đạo của Cựu Hoàng Bảo Đại. Nói cách khác, đó là giai đoạn mà một số không nhỏ những người Việt Nam hiện tại đã trải qua và có thể đã dự phần vào những biến cố trong đó. Đọc tập hồi ký này, độc giả có thể thấy lại được một phần nào tâm trạng của tầng lớp trí thức học giả ở thời Pháp thuộc, cuộc đời lặn lội của tác giả từ khi người Nhật nắm được thế chủ động ở Đông Dương cho tới khi xảy ra cuộc đảo chánh 9-3-1945 và tác giả được cựu hoàng Bảo Đại mời lập nội các đầu tiên của một nước Việt Nam độc lập, những khó khăn của nội các này cũng như những thành quả của 4 tháng hoạt động ngắn ngủi của nó, nhưng đồng thời còn được rõ thêm nhiều sự tiết lộ quan trọng liên quan đến thời cuộc Việt Nam thời đó và một số không nhỏ các chánh khách quen thuộc với chánh trường Việt Nam trong những năm sau này và cuối cùng là những nhận

định của tác giả về chính sách của người Pháp, của chánh phủ Hồ Chí Minh cũng như về con người Cộng sản. Tất cả đã được trình bày bằng một lối văn đặc biệt của những nhà văn, những nhà học giả của thế hệ cũ, thế hệ của những người sinh vào những năm cuối cùng của thế kỷ XIX hay những năm đầu của thế kỷ XX, nghĩa là những con người đã có dịp theo lối học của tây phương nhưng vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề của lối học cũ và tha thiết với cái học cũ. Lối văn có thể nói là viết bằng tâm nhiều hơn là bằng lý trí. Chính vì vậy nó đã lôi cuốn và hấp dẫn người đọc một cách mạnh mẽ, nhất là những người đọc đã từng sống trong những năm gió bụi 1946-1954 vừa qua.

Về giá trị sử học của tác phẩm thì đây là một tài liệu quý giá mà không ai nghiên cứu lịch sử hiện đại của Việt Nam sau này có thể bỏ qua không tra cứu. Tuy nhiên vì đó là một tài liệu hồi ký cho nên những sự đối chiếu với các tài liệu khác đặc biệt là những tài liệu cùng loại sẽ rất cần thiết. Tiếc rằng các chánh khách Việt Nam cho tới nay rất ít người chịu viết hồi ký hay có viết thì lại viết bằng ngoại ngữ và xuất bản ở ngoại quốc thành thử độc giả Việt Nam không có nhiều hy vọng được thưởng thức cũng như sử dụng. Thật là một điều đáng tiếc ! Một mặt khác vì thời kỳ từ 1946 đến nay là một thời kỳ còn quá gần với hiện tại, nên chỉ các nhà làm sử thực sự chưa ai chịu khai thác. Do đó nếu đặt Một Con Gió Bụi bên cạnh một số những tác phẩm được mệnh danh là lịch sử của các ký giả, các giáo sư chánh trị học, cuốn sách này có thể tạm thời được dùng để tìm hiểu đại lược giai đoạn liên quan đến lịch sử Việt nam hiện đại. Nó là một thứ sử « viết bằng tâm tính » dùng tạm trong khi chờ đợi những tác phẩm sử học thực sự mà còn rất lâu về sau này mới có. Riêng về ấn bản đầu tiên 1969 này, khi sử dụng, độc giả nên đề ý đến một chi tiết có thể là sai lầm mà người giới thiệu nghĩ rằng do lỗi của ấn loát. Đó là những chữ « Tàu » ở trang 37. Ở trang này sách in rằng :

« Người Xiêm cùng một nòi giống với người *Tàu*, tiếng nói cũng hơi giống nhau... »

Theo người giới thiệu phải sửa là người Lào mới đúng. Mong Nhà xuất bản đối chiếu lại với bản thảo của tác giả và cho đính chính giùm nếu quả như vậy.

phạm cao-dương

▼ SÀO NAM PHAN-BỘI-CHÂU—VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ. Bản dịch của Nguyễn Quang Tô. Sài gòn, Tao Đàn, 1969.

Nghiên cứu về lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc, không ai là không biết rằng ngoài các tài liệu hợp pháp tàng trữ trong các thư viện hay văn khố, còn có rất nhiều những tài liệu thuộc vào loại quốc cấm được lén lút truyền bá trong dân chúng thời đó. Những tài liệu này rất nhiều và thuộc nhiều loại khác nhau, từ những bài vè, bài thơ giản dị mộc mạc đến những tập hồi ký hay những thỉnh nguyện thư của các nhà ái quốc lưu vong ở hải ngoại hay hoạt động một cách công khai ở trong nước. Loại tài liệu này có một giá trị sử học rất quan trọng. Đó là điều không ai có thể phủ nhận được. Tiếc thay vì là quốc cấm nên không ai dám sưu tầm, tàng trữ đầy đủ và cẩn thận. Vì vậy đến nay chúng đã bị thất lạc gần hết và kẻ hậu sinh, khi tìm hiểu giai đoạn lịch sử rất gần gũi với mình đó, chỉ được nghe nói tới tên các tài liệu đó mà thôi chứ không được trông thấy chúng bao giờ. Thỉnh thoảng, ở một vài cuốn sách, các tác giả tuy cũng có sao chép lại một vài tài liệu nhưng không hiểu vì sơ ý hay vì không tin luôn ở mình, đã không chú thích rõ ràng về gốc tích của chúng và nhất là vì chính bản nếu có, thành thử người đọc muốn kiểm chứng lại giá trị sử học của chúng hay muốn tìm hiểu thêm đã phải mất nhiều công phu, mệt nhọc viết thư, đi kiếm tác giả, thường thì thất bại. Trong khi đó thì hiện tại trong số các cơ quan văn hóa nhà nước của ta đã thiếu hẳn một cơ quan chuyên lo tìm kiếm, tàng trữ, tái tạo và phổ biến các tài liệu lịch sử. Nhà văn khố tuy có phần nào trách nhiệm nhưng sự sưu tầm ở đây chỉ dựa trên sự nạp bản hợp pháp mà thôi. Thật là đáng tiếc và tủi hổ nếu ta biết rằng ở thời vua chúa phong kiến và lạc hậu xưa kia, nước ta đã có cả một cơ quan đề lo việc sưu tầm tom góp các tài liệu liên quan đến lịch sử nước nhà và các vua đã đặt lệ ban thưởng cho những ai đem những sách vở tài liệu đó nộp cho chánh quyền, còn gần đây, một số không nhỏ người ngoại quốc đã tới nước ta để sưu tập những tài liệu rất tầm thường về lịch sử của dân ta đem về nước họ; như những bích chương, những lá phiếu dùng trong cuộc vận động bầu Tổng Thống và Thượng Viện vừa qua chẳng hạn.

Trong tình trạng không mấy tốt đẹp kể trên, bản dịch của cuốn *Việt Nam Vong Quốc Sử*, một trong những cuốn sách bị cấm ở thời Pháp thuộc đã được tung ra và đón nhận với tất cả lòng nhiệt thành, phấn khởi của người dịch cũng như của người đọc.

Khác với nhiều bản dịch hay nhiều ấn bản của các tài liệu cùng loại, cuốn *Việt Nam Vong Quốc Sử* đã mang một tính chất khoa học hơn. Dịch giả trước khi trình bày công trình dịch thuật của mình đã dành một số

trang đề nói một cách khá kỹ càng về gốc tích của nguyên bản cũng như nội dung và sự sắp xếp, sự đặt tên cho những chương của ông đề độc giả dễ theo dõi và tra cứu. Những phần này rất cần thiết cho các sử gia khi sử dụng tài liệu này. Ngoài ra ở cuối bản dịch, dịch giả đã cho in thêm nguyên bản bằng chữ Hán đề độc giả có thể đối chiếu mỗi khi sử dụng. Về kỹ thuật phiên dịch của ông, người giới thiệu nghĩ rằng với hai bài tựa, một của thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải, một của thi sĩ còn rất nhiều liên hệ với Hán Học và một của giáo sư Bửu Cầm, một trong những người có thâm quyền về Hán Văn hiện tại, độc giả có thể tin tưởng rằng bản dịch không thuộc loại vớ vẩn để lấy tiền như một số không nhỏ những bản dịch cùng loại bán trên thị trường hiện tại.

Về nội dung của tác phẩm, ngoài «lời phát đoạn» trình bày một cách vắn tắt động cơ thúc đẩy tác giả viết *Việt Nam Vong Quốc Sử*, Phan Bội Châu chỉ chia cuốn sách của mình làm bốn phần đánh số Nhất, Nhị, Tam, Tứ. Bốn phần này trong bản dịch đã được Ông Nguyễn Quang Tô đổi thành chương và đặt cho mỗi phần một tên tóm tắt nội dung chứa đựng trong đó :

Chương thứ nhất : Nguyên nhân và sự thực về Việt Nam mất nước.

Chương thứ hai : Tiểu truyện một số anh hùng chí sĩ khi nước vừa mất vào tay giặc.

Chương thứ ba : Ác sách thống trị của thực dân Pháp tại Việt Nam.

Chương thứ tư : Nhìn về tương lai Việt Nam.

Tất cả đều do Phan Bội Châu viết. Bên cạnh những phần này dịch giả lại dịch thêm. Lời giới thiệu và Phạm-lệ của cuốn sách đặt ở phía trước và Lời nói đầu về *Việt Nam Vong Quốc Sử* của Âm Bằng Thất Chủ Nhân tức nhà cách mạng Trung Quốc Lương Khải Siêu ở phía sau. Những tài liệu này có thể cho ta thấy nhiều chi tiết quan trọng liên quan tới những ngày lưu vong của cụ Phan tại Trung Quốc và thái độ của họ Lương đối với các nhà chí sĩ của ta thời đó. Cuối cùng dịch giả đã dành 10 trang cho phần chú thích của ông.

Cuốn sách như tất cả mọi người đều biết, đã được Phan Bội Châu viết khi ông lưu vong trên đất Tàu nên mặc dầu mang tên là *Việt Nam Vong Quốc Sử*, nhưng thực sự có tính cách của một tập hồi ký nhiều hơn. Tác giả, trong khi viết, chắc chắn không có dịp tra cứu các tài liệu mà chỉ lược lại trí nhớ của mình hay của bè bạn cùng cảnh ngộ. Chính vì vậy ở nhiều đoạn, người ta thấy tác giả đã trình bày

những sự kiện không mấy đúng với sự thực. Ngoài ra vì viết trong "đau khổ", vì "lau nước mắt" mà viết nên những gì cụ Phan trình bày ở đây đã phản ánh tất cả cái tâm sự uất ức, buồn rầu của cụ. Tuy nhiên giá trị của tác phẩm cũng là ở chỗ đó và cái khó mà người sử dụng nó để tìm hiểu lịch sử hiện đại của Việt-Nam gặp phải cũng nằm ở chỗ đó.

phạm cao dương

▽ NGUYỄN-KHẮC-NGŨ và PHẠM-ĐÌNH-TIỂU, — *Địa Lý Việt Nam, Cơ sở Xuất Bản Sử Địa, Sài-gòn, 1969, 312 trang.*

Mấy năm gần đây, sách giáo khoa Sử Địa các lớp tú tài xuất hiện khá nhiều với các soạn giả : Tăng xuân An, Lê Kim Ngân, Bằng Phong, Trần hữu Quảng... và một số sách trắc nghiệm của Hà Mai Phương. Tuy nhiên các sách kể trên có tính cách tóm gọn, nhằm mục đích giúp trí nhớ hay hiển tài liệu thi cử hơn là một tập sách giáo khoa bề thế, đúng nghĩa.

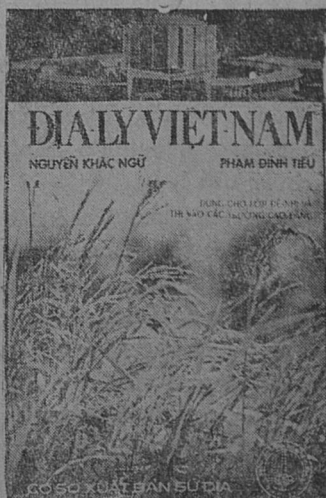
Trong khung cảnh ấy, vào đầu niên khóa 1969-1970, Cơ Sở Xuất Bản Sử Địa cho ra đời quyển *Địa Lý Việt Nam dùng cho các lớp đệ Nhị và thi vào các trường Cao Đẳng* của hai soạn giả Nguyễn khắc Ngũ và Phạm đình Tiểu.

Chúng tôi có cảm tình ngay với cách trình bày mẫu bìa đẹp cách trang trọng và khi xét đến nội dung, chúng tôi thấy cần bàn đến sâu rộng.

Sách dày 312 trang, gồm 3 phần : Địa Lý Hình Thề, Địa Lý Nhân Văn và Địa Lý Kinh Tế. Sự phân chia này không có gì đáng nói vì theo đúng chương trình sẵn có của Bộ Quốc Gia Giáo Dục nhưng các soạn giả đã làm nổi bật được những nét chính : phần Địa Lý Kinh Tế Việt Nam chẳng hạn, có 8 bài thì 4 bài là bàn về nền Nông Nghiệp.

Xét riêng từng bài, sự trình bày cô đọng, dàn bài rõ, gọn ; chúng tỏ hai soạn giả nắm vững vấn đề. Với thành tích một người từng đoạt giải UNESCO Việt nam năm 1967

qua tác phẩm biên khảo về *Mẫu hệ Chàm*, người thứ hai giảng viên về



môn Địa lý tại các Viện Đại học Sài-gòn, Đà-lạt, Cần-thơ. Nhưng có lẽ chúng ta (giáo sư) phải dừng lại, với thời gian quá ngắn, sao có thể dạy cho hết chương trình? — gồm 27 bài, con số quá nhiều! Mỗi bài lại là cả một sự cố đọng. Phần Lâm sản, Chăn nuôi, Ngư nghiệp ở Việt nam mà chỉ tóm trong một bài học, bài thứ 23. Lỗi không phải do hai soạn giả.

Một quyển sách giáo khoa về Địa lý Việt nam tối thiểu phải có bề dày như thế mới trình bày cho học sinh được những vấn đề cần phải biết. Lỗi ở Bộ Quốc Gia Giáo Dục đã xếp một số giờ quá ít cho một chương trình Địa Lý quá dài. Nhưng trong thực tế, khi những sách giáo khoa khác ngắn hơn nhiều (quyển *Địa Lý Đệ Nhị* của Ông Bà Tăng Xuân An dày 224 trang, chỉ bằng 2/3 quyển này) thì đây quy hoàn một nhược điểm của quyển sách chúng ta đang bàn.

Quyển sách phong phú những hình ảnh thích hợp, in rõ, liên hệ chặt chẽ đến đề tài, nhiều bản đồ, lược đồ, và nhất là thiết đồ lần đầu tiên xuất hiện trong một quyển sách giáo khoa và trong trường hợp cần thiết, dễ dàng in sao lại. Tiếc rằng trong một số bản đồ phần *Chú Thích* thực hiện cầu thả (các bản đồ trang 109, 162, 215, 256...) và một số ít khác không đóng khung (các bản đồ trang 129, 281).

Tuy quyển sách có bản đính chính, hai soạn giả còn bỏ sót (?) một lỗi quan trọng là vị *Quyển Giáo-Tông* đạo Cao đài là Ông Lê văn Trung, viết lầm Hộ pháp và lầm họ Nguyễn (trang 199). Một thiếu sót (?) nữa là khi sử dụng những con số, đôi lúc không nêu xuất xứ hay năm thống kê. Chẳng hạn như dân thiểu số Sédang ghi là 26.120 người (trang 132). Sách Ông Bà Tăng Xuân An ghi con số 100 000 (1) về Ông Nguyễn Kim Dững ghi chừng 65 000 người (2). Các con số cách biệt nhau quá xa, khiến người đọc phân vân, tự hỏi các soạn giả căn cứ theo tài liệu tiêu chuẩn nào!

Chuyện này không nhỏ đâu. Chúng tôi quan niệm kiến thức Sử Địa của người học sinh không chỉ do những lời giảng dạy trong lớp của ông thầy hay do một quyển sách giáo khoa mà đủ. Kiến thức Sử Địa bao gồm rất nhiều xuất xứ: là những lời giảng của giáo sư, là những sách giáo khoa, là những sách báo tạp chí chuyên môn và không chuyên môn. Có như thế người học sinh mới có dịp so sánh và kiểm chứng để rồi hấp thụ được cái kiến thức vững vàng chặt chẽ.

(1) Ông và Bà Tăng Xuân An, *Địa lý Việt nam* lớp Đệ Nhị ABCD. Sống Mới x.b, 1967, trang 123.

(2) Nguyễn Kim Dững, *Đồng bào Thượng tại Cao nguyên*, nhật báo Chính Luận số 412, ngày 18-8-1965, trang 5.

Phần Địa Lý Nhân Văn, hai soạn giả đi sát hiện tình. Điều đó đúng và hay. Tuy nhiên cần phân biệt hiện tình với những sự kiện thoáng qua hay giả tạo. Các soạn giả vấp phải lỗi này khi trình bày bài Sinh Hoạt Tôn Giáo ở Việt Nam. Thiết tưởng chúng ta ngừng lại ở chỗ Phật Giáo Việt nam thống nhất Nam tông Bắc tông từ 4-1-1964, cần chỉ đi quá sâu vào những chi tiết như Viện Tăng Thống, Viện Hóa Đạo gồm mấy người, tuổi tác bao nhiêu, phân nhiệm ông này ông kia ra sao... và nhất là sự chia rẽ này giả tạo, là hậu quả nơi hành vi thể tục của một số tăng sĩ. Sự chia phe không có căn bản vững chắc, không thể tồn tại lâu.

Chúng tôi e rằng khi trình bày những sự kiện như thế, quý vị có thể bị hiểu lầm là có hậu ý!

Vốn là những giáo sư chuyên khoa có sở học vững chắc, khả năng của các soạn giả bộc lộ rõ trong phần Địa Hình Thái Học (Geomorphologie) như khi khảo sát về Địa Thế Việt Nam trong 5 bài, hay như khi trình bày Nguồn Gốc Dân Việt và Đặc Điểm của Người Việt, sự Cư Dân ở Việt Nam. Chúng tôi tin rằng trong cả những năm tới đây, khó tìm một quyển sách giáo khoa nào có thể trình bày rõ ràng và thông suốt hơn về địa thế Việt Nam như quyển sách giáo khoa chúng ta đang bàn.

Khuynh hướng giải thích (Explication) lộ rõ trong phần Khí Hậu Việt Nam là thêm một ưu điểm của quyển sách. Tuy nhiên có lẽ quá chú trọng đến sự giải thích mà quyển sách cho thấy chỗ yếu của nó ở phần trình bày (Description). So với quyển sách giáo khoa Địa Lý Đệ Nhị của Ông Bà Tăng xuân An ta thấy trường hợp trái ngược (1). Khí hậu miền Bắc chẳng hạn, hai soạn giả Nguyễn Khắc Ngữ và Phạm đình Tiểu chỉ cho biết vùng đồng bằng Bắc phần mùa lạnh nhiệt độ xuống mau vì *ảnh hưởng của khối khí lạnh Tây Bắc Lợi Á*, vùng Thanh Hóa mùa hè rất nóng vì *gió Lào thổi qua*. Trong khi ấy Ông Bà Tăng Xuân An cho biết những chi tiết *hoa gạo nở trung tuần tháng 4* báo mùa hè tới, và cái nóng nực của mùa hè ở Bắc thì ngay từ *5 giờ sáng mặt trời đã mọc*. Chúng ta cần nói thêm rằng khi học hỏi về những hiện tượng địa lý của chính nước mình, xảy ra xung quanh mình thì một quyển sách dẫu cho thuộc loại khô khan như giáo khoa sẽ thành công khi tạo cho độc giả hay người sử

(1) Nói như thế không có nghĩa chúng tôi cho phần trình bày của Ông Bà Tăng xuân An là hoàn toàn Điều kiện của sự trình bày xét như một ưu điểm là các chi tiết trình bày được chọn lọc, giới hạn, có tính cách điển hình đề bài học Địa Lý không trở thành bài văn tả tình tả cảnh.

dụng nó cái cảm giác liên hệ, gần gũi, thân mật.

Dầu sao, những hạt sạn nhỏ trên đây, dễ-dàng chấm dứt ở những lần tái bản; và không thể làm chúng ta quên đi những ưu điểm của quyền sách này.

Sự phong phú của nội dung, của bản đồ, sự sáng sửa của dàn bài, giá trị ấn tượng của hình ảnh .. tất cả hợp với tinh thần khoa học đã giúp cho quyền sách vượt trên tính cách giáo khoa, được coi như quyền sách giá trị về kiến thức tổng quát. Giá trị khoa học của quyền sách càng nổi bật nếu chúng ta có dịp so sánh nó với vài quyền sách giáo khoa khác. Thật ra, một tài liệu giáo khoa soạn cho học sinh điều kiện tất yếu phải là khoa học; và đây là lần đầu tiên một quyền sách giáo khoa đạt tới được.

TAT

Tháng 11-1969

Tập san Sử Địa đã nhận được :

* NGƯỜI VIỆT GỐC MIỀN của Lê Hương do tác giả xuất bản, Sài Gòn 1969.

Đây là quyền sách đầu tiên khảo về người Việt gốc Miền.

Sách dày 280 trang. Tác giả trình bày về nguồn gốc đất Nam Việt vốn là vương quốc Phù Nam khi xưa, bị nước Chân Lạp xâm chiếm, về dân số, các sinh hoạt xã hội, tôn giáo, văn hóa giáo dục và kinh tế của người Việt gốc Miền. Cuối cùng tác giả đã trình bày các địa danh tên Miền, những di tích lịch sử và thắng cảnh tại các vùng người Việt gốc Miền sinh sống.

Với kinh nghiệm thực tế, tác giả cố gắng muốn khai phá vấn đề ít người lưu tâm tới « Người Việt gốc Miền ». Nếu phần bổ cục được chặt chẽ hơn, việc khai thác tài liệu có phương pháp hơn, tác giả sẽ hành công như điều Tác giả mong muốn.

* ĐỊA LÝ ĐẠI CƯƠNG, *Lớp đệ Thất của Lê Như Dực và Đặng Đức Kim, do Cơ Sở Xuất Bản Sử Địa, Sài Gòn 1969 xuất bản.*

Đây là cuốn sách giáo khoa thứ hai của Cơ Sở Xuất Bản Sử Địa—một cơ sở xuất bản mới, có tham vọng đi ngược lại lối soạn sách giáo khoa Sử Địa hiện tại mỗi ngày thêm rút gọn, nghèo nàn, trái với sách Sử Địa ngoại quốc, càng ngày càng được cải tiến nhứt là về nội dung, mỗi ngày thêm phong phú.

Sau cuốn Địa Lý Việt Nam của Phạm Đình Tiểu và Nguyễn Khắc

Ngữ với tài liệu mới, nội dung phong phú, phương pháp khoa học được ủng hộ nhiệt liệt (nghe đâu Cơ Sở Xuất Bản đang lo tái Bản) cuốn Đại Lý Địa Cương trên với lối trình bày mới mẻ, nội dung phong phú cũng sẽ được các giáo sư Sử Địa và học sinh ủng hộ; hy vọng Cơ Sở Xuất Bản Sử Địa sẽ thành công đạt được mục tiêu phụng sự văn hóa giáo dục mà Cơ Sở này đã trình bày nơi «lá thư nhà Xuất Bản» trong cuốn Địa Lý Việt Nam.

* NON NƯỚC XỨ QUẢNG TÂN BIÊN của *Phạm Trung Việt* do tác giả xuất bản, nhà sách Khai Trí phát hành—Quảng Ngãi, 1969. Giá 165 \$

Sau kỳ xuất bản lần 1 (1965), tác giả đã cố gắng sưu tập thêm tài liệu để viết lại cuốn «Non Nước xứ Quảng Tân biên».

Tác giả đã cố gắng làm nổi bật những nét đặc sắc của Quảng Ngãi, quê hương của dân nghèo, nhưng lại giàu lòng quả cảm đấu tranh với những danh nhân, thắng cảnh, sinh hoạt và các thổ sản của xứ Quảng Ngãi.

* PHI CHÂU DA ĐEN của *Phạm Cao Dương*, do *Trình Bầy* tái bản lần 1-Sài Gòn 1969. Sách dày hơn 200 trang.

Sau cuốn «Thực Trạng của giới Nông Dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc và Thượng Cờ Sử Tây Phương (Tập I : Tây Á và Ai Cập)». Tác giả đã thành công với cuốn Phi Châu Da Đen và đã cho tái bản để cung ứng cho tủ sách «Kiến Thức Phổ Thông» và đồng thời cũng là sách căn bản cho các sinh viên Văn khoa ban Sử Địa hiện tại.

* BỘI LAN HÀNH của *Đông Hồ* do *Quỳnh Lâm* xuất bản. Sách dày 112 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Gồm nhiều bài thơ ưng ý nhất của tác giả sáng tác trong khoảng thời gian từ năm 1945 - 1965, ngoài phần thơ còn kèm bài văn mạn đàm, thư gửi thân hữu... và kèm thêm bốn bút tích họa phần của tác giả. Những bài thơ Đông Hồ nhuộm hương sắc cổ thâm thúy, gieo vào lòng người đọc nỗi buồn ngùi xúc cảm trước vận nước, tình quê mệnh mang.

* DƯỚI MÁI TRẮNG NON của *Mộng Tuyết* thất tiếu muội do *Mặc Lâm* xuất bản. Sách dày 158 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Bìa sách trình bày đẹp trang nhã in hần nét bút lông uyển chuyển của nhà thơ quá cố Đông Hồ Đây là tập văn cảo, thu góp rải rác ở các tạp chí từ trước đến nay của nữ sĩ Mộng Tuyết. Người đọc tìm

thấy nhiều mẫu chuyện tình tiết nhuần thấm, nhuộm màu sắc dịu nhã thoang thoảng như mảnh trắng non bên ngọn thu sơn mà Thất tiều muội hằng ấp ủ trong lòng.

* *ÚC VIÊN THI THOẠI của Đông Hồ do Mặc Lâm xuất bản. Sách dày 254 trang bản đặc biệt không ghi giá.*

Bìa sách trình bày màu xám u-nhã, nét bút hoa của Đông Hồ trở sắc qua cảnh trúc lá ngọn dưới vần thơ thanh thoát. Tác giả khéo chọn những áng thơ cổ được liệt kê trong thi văn học sử nước nhà, đề mang ý kiến phân định, trau chuốt đặt lại đúng vị trí bối cảnh xuất xứ. Tập thi thoại này bổ khuyết rất nhiều đối với những áng thơ dùng trong chương trình học Việt văn đã có những sự biên chép nhận định lệch lạc.

Chân thành giới thiệu cùng quý bạn đọc



ĐÍNH CHÁNH *Sử Địa* số 14-15

Bài «Thử giải diễm thắc-mắc... về *Sử-Địa* nước-nhà» của Lê Thọ Xuân.

TRANG	DÒNG	SAI	SỬA LÀ
155	17	tô	tôi
158	24	(14)—vua	(14), vua
161	7	40 ngày qua	40 ngày từ
«	11	diên trường	diên mậu
169	34	chữ «Cư»	ra chữ «Cư»
172	23	đo bề dài từ	đo bề dài thì từ
175	11	1953-1936	1935-1936

***Sử Địa* số 16.**

Trang 21 bài chữ Hán «Khuyến học văn» bản dịch của ông Nguyễn Quang Tô (Cử nhân văn chương giáo khoa).

Nº 16

4^e TRIMESTRE 1969

4th QUARTER 1969

REVUE TRIMESTRIELLE

sûdia

QUARTERLY REVIEW

**● REVUE TRIMESTRIELLE DE RECHER-
CHE HISTORIQUE ET GÉOGRAPHIQUE**

**▼ QUARTERLY REVIEW OF HISTORICAL
AND GEOGRAPHICAL RESEARCH**

**● PUBLIÉE PAR L'UNION DES PROFESSEURS ET DES ÉTUDIANTS
DE LA FACULTÉ DE PÉDAGOGIE DE SAIGON.**

**▼ PUBLISHED BY A GROUP OF INSTRUCTORS AND STUDENTS OF
FACULTY OF PEDAGOGY, UNIVERSITY OF SAIGON.**

● TABLE DE MATIÈRES

▼ CONTENTS

1 ● ĐÔNG TÙNG : *Les Vietnamiens en Thaïlande* pp 3-22

Historique des émigrations et description du mode de vie des Vietnamiens en Thaïlande.

▼ ĐÔNG TÙNG : *The Vietnamiens en. Thailand* pp 3-22

Historical account of the Vietnamese emigration in Thailand and description of the emigrants' way of life.

**2 ● ĐÔNG TÙNG : *L' Apport des Vietnamiens en Thaïlande au mouve-
ment de libération national* pp 23-52.**

Sur l'organisation du mouvement révolutionnaire Vietnamien en Thaïlande et le rôle joué par un certain nombre d'émigrants Vietnamiens dans la lutte contre le Colonialisme français.

**▼ ĐÔNG TÙNG : *Contribution of the Vietnameses in Thailand to the
movement of national liberation* pp 23-52.**

On the organisation of the Vietnamese revolutionary movement in Thailand and the part played by some Vietnamese emigrants in The Struggle against French colonialism.

3 • ĐÔNG TÙNG : *Les poèmes révolutionnaires en vogue chez les Vietnamiens en Thaïlande.* pp 53-63

Edition de ces poèmes.

▼ **ĐÔNG TÙNG** *The revolutionary poems in vogue among the Vietnamese in Thailand* pp 53-63.

Edition of these poems.

4. • LÊ HƯƠNG : *La vie des Vietnamiens au Cambodge.* pp 65-92

Causes de l'émigration de Vietnamiens au Cambodge, leur intégration et modes de vie.

▼ **LÊ HƯƠNG :** *Life of the Vietnamese in Cambodia* pp 65-92

Causes of the Vietnamese emigration in Cambodia, their intergration and ways of life.

5 • LÊ HƯƠNG : *Activités des personnalités Caodaïstes Vietnamiens au Cambodge* pp 93-100

sur la diffusion du Caodisme au Cambodge.

▼ **LÊ HƯƠNG :** *Activities of Vietnamese Caodaïst personalities in Cambodia* pp 93-100

On the diffusion of caodaism in Cambodia.

6 • TÙNG VÂN : *Les Vietnamiens au Laos à travers les siècles* pp 101-119.

Historique de l'établissement des Vietnamiens au Laos, leur statut et état actuel.

▼ **TÙNG VÂN :** *The Vietnamese in Laos through the centuries.* pp 101-119

Historical account of the Vietnamese establishment in Laos, their actual state and statute.

7 • TÙNG VÂN : *Katay Don Sasorith, le premier Ministre Laotien d'origine Vietnamienne* pp 121-133 Sa biographie.

▼ **TÙNG VÂN :** *Katay Don Sasorith, the Laotian Prime Minister of Vietnamese Origin* pp 121-133. His biography.

8 • PHẠM TRỌNG NHÂN : *Les Vietnamiens du Laos* pp 134-136.
Aperçu sur le nombre et les activités des Vietnamiens au Laos.

▼ **PHẠM TRỌNG NHÂN :** *The Vietnamese in Laos* pp 134-136.
a glance on the number and activity of the Vietnamese in Laos.

9 • CHÂU LONG : *Les Vietnamiens en Thaïlande* pp 137-140.

Historique de l'émigration Vietnamienne en Thaïlande et de la politique du gouvernement Thaïlandais envers leur établissement.

▼ **CHÂU LONG :** *The Vietnamese in Thailand* pp 137-140.

Historical account of The Vietnamese emigration in Thailand and of The Thai government's attitude toward their establishment.

10 • HÃN NGUYỄN : *Les Vietnamiens dans la péninsule Indochinoise* pp 141-158

Sur les rôles politiques, économiques et culturels des Vietnamiens dans les pays de l'Indochine Française.

▼ **HÃN NGUYỄN :** *The Vietnamese in the peninsula of Indochina* pp142-158

On the political, economic and cultural part of the Vietnamese in the French Indochina Countries.

11 • HOÀNG XUÂN HÃN : *Le recueil du Voyage dans le Nord de Lê Quính* (1750-1805) (Suite) pp159-195.

Traduction annotée du Chapitre relatant le procès de Lê Quính par le tribunal Impérial des Ts'in.

▼ **HOÀNG XUÂN HÃN :** *The North trip Collection by Lê Quính* (Sequel) pp 159-195.

Annotated translation of the chapter relative to the trial of Lê Quính by the Ts'in's Imperial Tribunal.

12 • PHAN KHOANG : *Le conflit d'influence entre le Siam et les Seigneurs Nguyễn au Champa, la conquête du territoire du Sud Vietnam par les Vietnamiens.* (Suite) pp 196-202.

Etude sur les rers établissements Vietnamiens au Sud Viet Nam

▼ **PHAN KHOANG :** *The Conflict of influen upon champa between Siam and the Nguyễn princes ; theo Conquest of the territories of Sud Vietnam by the Vietnamese*(Sequel). pp 196-202.

Study of the first Vietnamese Settlement in South Vietnam.

THUỐC BÁC SỸ-TÍN VÌ SAO RA ĐỜI?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-diểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản, thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tông-sự tại các bệnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thấu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khi hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách háo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

- 1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...
- 2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.
- 3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG SỬ ĐỊA LÀ GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA DÂN TỘC

đã ấn hành số đặc khảo về:

- **TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH**
(Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)
- **PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM
VÀ CÁC LÂN BANG**
(Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)
- **PHAN THANH GIẢN**
(Sử Địa số 7 và 8, 1957, 268 trang)
- **QUANG TRUNG**
(Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
- **NGUYỄN TRUNG TRỰC**
(Sử Địa số 12, 1968, 176 trang)
- **KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU**
(Đổng Đa)
(Sử Địa 13, 1969, 232 trang)
- **VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG**
(Sử Địa số 16, 1969, 245 trang)

sẽ ấn hành số đặc khảo về:

- * **CUỘC NAM TIẾN**
- * **NGUYỄN TRƯỜNG TỘ**
- * **KỶ NIỆM 200 NĂM PHONG TRÀO TÂY SƠN.**

Tập San Sử Địa đã đóng thành bộ:

Tập I (Số 1, 2, 3, 4) năm 1966. Giá 150\$

Tập II (Số 5, 6, 7 và 8) năm 1967. Giá 250\$

CÓ BÁN ĐẦY ĐỦ TẠI NHÀ SÁCH KHAI TRÍ — SAIGON

NĂM THỨ IV • tam cá nguyệt san—số 16, tháng 10-11-12 — 1969

SUỐI

đặc khảo

Việt kiều tại các lân bang:miền.thái.lào

• Lá thư tòa-soạn		1
	TÙNG VÂN	
* Katay Don Sasorith, Thủ-Tướng Lào gốc Việt		121
* Việt kiều tại Ai-lao qua các thời đại		101
	HÃN NGUYỄN	
* Vai trò của người Việt-nam tại bán đảo Đông-dương		141
	ĐỒNG TÙNG	
* Việt kiều tại Thái-lan		3
* Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của Việt kiều tại Thái-lan		23
* Thơ văn cách-mạng phổ biến trong giới Việt kiều ở Thái-lan		53
	LÊ HƯƠNG	
* Đời sống Việt kiều tại Cao-miên		65
* Hoạt động của các chức sắc Cao-dài Việt-kiều tại Cao-miên		93
	CHÂU LONG	
* Việt kiều tại Thái-lan		137
	PHẠM TRỌNG NHÂN	
* Việt kiều tại Ai-lao		134
	MỤC THƯỜNG XUYỀN	
	HOÀNG XUÂN HÃN	
* Bắc Hành Tùng Kí		159
	PHAN KHOANG	
* Cuộc tranh giành ảnh hưởng ở nước Chân-lạp giữa Tiêm-la và các chúa Nguyễn		196
• Ý kiến bạn đọc		203
• Giới thiệu sách báo		207
• Mục lục phân tích bằng ngoại ngữ		219

HÌNH BÌA : Đoàn cộ Việt kiều đang diễn hành trên bến Sisowath (Nam Vang) nhân ngày lễ đăng-quang của Quốc vương Cao-miên Norodom Suramarit.